

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ NGOẠI GIAO

HỌC VIỆN NGOẠI GIAO

NGUYỄN KHÁNH NGUYÊN SƠN

**CHÍNH SÁCH CỦA TRUNG QUỐC ĐỐI VỚI MYANMAR
TỪ SAU CHIẾN TRANH LẠNH ĐẾN 2015**

Chuyên ngành: Quan hệ Quốc tế

Mã số: 62 31 02 06

LUẬN ÁN TIẾN SĨ NGÀNH QUAN HỆ QUỐC TẾ

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

1. TS. ĐÀO MINH HỒNG

2. GS.TS. NGUYỄN THÁI YÊN HƯƠNG

Hà Nội - 2016

LỜI CAM ĐOAN

Tôi cam kết luận án “Chính sách của Trung Quốc đối với Myanmar từ sau Chiến tranh lạnh đến 2015” là công trình nghiên cứu của tôi. Các nội dung nghiên cứu và kết quả được trình bày trong luận án là trung thực và chưa từng được công bố.

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2016

Tác giả luận án

Nguyễn Khánh Nguyên Sơn

LỜI CẢM ƠN

Trước tiên, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến tất cả các thầy cô giáo trong và ngoài Học viện Ngoại giao, khoa sau Đại học, gia đình, các anh chị nghiên cứu sinh các khóa .v.v, đã nhiệt tình chỉ dẫn và giúp đỡ tôi rất nhiều trong quá trình làm nghiên cứu và cuối cùng cho ra kết quả của luận án.

Đặc biệt trong đó, tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc và to lớn nhất tới hai cô: TS. Đào Minh Hồng (Trưởng khoa Quan hệ quốc tế, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân Văn, Thành phố Hồ Chí Minh, Giáo viên hướng dẫn 1) và GS.TS Nguyễn Thái Yên Hương (Phó Giám đốc Học viện Ngoại giao Việt Nam, Giáo viên hướng dẫn 2). Hai cô đã tận tình giúp đỡ, hướng dẫn nhiệt tình và tạo điều kiện tốt nhất cho luận án từ khi khởi thảo, các bước tiến độ, cho tới công đoạn hoàn thành.

Quá trình làm luận án, tôi cũng nhận được sự ủng hộ và giúp đỡ to lớn trên phương diện cá nhân từ Bác Vũ Khoan, GS. Nhà giáo Nhân dân Vũ Dương Ninh, Đại sứ Việt Nam tại Myanmar Chu Công Phùng, PGS.TS Nguyễn Duy Dũng, PGS.TSKH Trần Khánh, TSKH Trần Hiệp, PGS. TS Hoàng Khắc Nam và toàn thể các thầy cô khác trong hội đồng như: GS.TS Trần Thị Vinh, PGS.TS Hà Mỹ Hương, PGS.TS Nguyễn Thu Mỹ, TS. Đỗ Sơn Hải, PGS.TS Nguyễn Thị Thanh Thủy, PGS.TS Dương Văn Quảng, PGS.TS Nguyễn Kim Cương.v.v, tất cả các thầy cô đã nhiệt thành góp ý, chia sẻ và giúp tôi trưởng thành nhanh chóng trong công việc nghiên cứu khoa học này. Tôi cũng xin gửi lời tri ân về những đóng góp khoa học quan trọng của những giáo sư có ảnh hưởng lớn tới nguồn tài liệu và phương pháp khoa học trong luận án của tôi, đó là các GS. Poon Kim Shee, Maung Aung Myoe, Kudo.v.v (những chuyên gia hàng đầu về Myanmar-Trung Quốc).

Tôi cũng xin gửi lời tri ân và cảm tạ tới tập thể khoa sau Đại học Học viện Ngoại giao Việt Nam, bao gồm chị Bình, em Trang và các anh/chị/em khác. Tạ

chí Nghiên cứu Quốc tế, Thư viện Nghiên cứu: Đông Nam Á, Trung Quốc, Thông tấn xã Việt Nam và những người bạn, những anh chị em trong lớp đã cùng chia sẻ tài liệu, kinh nghiệm học tập với tôi.

Cuối cùng tôi xin gửi lời tri ân, cảm ơn chân thành nhất tới bố mẹ, các anh chị trong gia đình, những thành viên luôn an ủi, động viên và sát cánh bên tôi trong mọi hoàn cảnh, khi thuận lợi cũng như những lúc khó khăn, thử thách.

Luận án xin khép lại, là một đề tài thực sự học búa, gặp phải trở ngại to lớn trong khâu tiếp cận tài liệu, và sau đó là những khó khăn trong từng khâu, từng bước triển khai luận án do sự đa chiều quan điểm và hàm lượng tri thức rộng lớn, đòi hỏi trình độ và khả năng nhận thức, đánh giá. Do đó, chắc chắn còn rất nhiều thiếu sót, tôi xin phép nhận được sự cảm thông, chia sẻ, đóng góp của các thầy cô, các nhà khoa học, các tổ chức và cá nhân quan tâm tới luận án này./.

Tác giả luận án

Nguyễn Khánh Nguyên Sơn

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	i
LỜI CẢM ƠN.....	ii
DANH MỤC VIẾT TẮT	vii
MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ HOẠCH ĐỊNH CHÍNH SÁCH MYANMAR CỦA TRUNG QUỐC TỪ SAU CHIẾN TRANH LẠNH	17
1.1 Cơ sở lý luận định hình chính sách Myanmar của Trung Quốc.....	17
1.1.1 Quan điểm truyền thống của Trung Quốc đối với các nước nhỏ-láng giềng	17
1.1.2 Chính sách Ngoại giao láng giềng của Trung Quốc.....	18
<i>1.1.2.1 Cơ sở hoạch định chính sách Ngoại giao láng giềng của Trung Quốc.....</i>	<i>18</i>
<i>1.1.2.2 Nội dung chính sách Ngoại giao láng giềng của Trung Quốc....</i>	<i>26</i>
1.2 Cơ sở thực tiễn định hình chính sách Myanmar của Trung Quốc	33
1.2.1 Quan hệ hai nước Trung Quốc-Myanmar trong Chiến tranh lạnh.....	33
1.2.2 Myanmar trong tính toán lợi ích của Trung Quốc	40
<i>1.2.2.1 Vị trí địa chiến lược và nguồn tài nguyên của Myanmar.....</i>	<i>40</i>
<i>1.2.2.2 Vai trò của Myanmar trong Con đường thương mại phía Tây - chiến lược Đại khai phá miền Tây của Trung Quốc.</i>	<i>45</i>
<i>1.2.2.3 Vai trò của Myanmar trong chiến lược Chuỗi ngọc trai - kết nối hai đại dương lớn của Trung Quốc.</i>	<i>46</i>
Tiểu kết chương 1	47
CHƯƠNG 2: NỘI DUNG CHÍNH SÁCH VÀ QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI CHÍNH SÁCH MYANMAR CỦA TRUNG QUỐC TỪ SAU CHIẾN TRANH LẠNH.....	49
2.1 Nội dung chính sách Myanmar của Trung Quốc từ sau Chiến tranh lạnh	49

2.1.1 Mục tiêu và nguyên tắc trong chính sách Myanmar của Trung Quốc	49
2.1.2 Các giai đoạn trong chính sách Myanmar của Trung Quốc	53
2.2 Quá trình triển khai chính sách Myanmar của Trung Quốc	58
2.2.1 Về chính trị-ngoại giao	58
2.2.2 Về an ninh-quân sự	72
2.2.3 Về kinh tế-thương mại	76
2.2.4 Về tôn giáo-văn hóa-xã hội	88
Tiểu kết chương 2	92
CHƯƠNG 3: ĐÁNH GIÁ CHÍNH SÁCH MYANMAR CỦA TRUNG QUỐC VÀ KHẢ NĂNG ĐIỀU CHỈNH CHÍNH SÁCH ĐẾN 2020	95
3.1 Đánh giá chính sách Myanmar của Trung Quốc	95
3.1.1 Tác động chính sách Myanmar đối với Trung Quốc	95
3.1.2 Tác động của chính sách Trung Quốc đối với Myanmar	100
3.1.3 Tác động đến quan hệ hai nước	105
3.1.4 Một số điều chỉnh trong chính sách Myanmar của Trung Quốc	113
3.2 Tác động chính sách Myanmar của Trung Quốc tới tình hình khu vực	115
3.2.1 Cạnh tranh ảnh hưởng giữa Trung Quốc với các nước lớn	115
3.2.2 Tác động chính sách Myanmar của Trung Quốc tới ASEAN	126
3.3 Khả năng điều chỉnh chính sách Myanmar của Trung Quốc đến 2020	133
3.3.1 Dự báo về tình hình thế giới, khu vực Đông Á đến 2020	133
3.3.2 Tập Cận Bình với thuyết “bốn toàn diện”	135
3.3.3 Những chuyển biến của Myanmar đến 2020	136
3.3.4 Triển vọng chính sách của Trung Quốc đối với Myanmar đến 2020	143
KẾT LUẬN	149
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU ĐÃ CÔNG BỐ	151
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	152

PHỤ LỤC 1	168
PHỤ LỤC 2	173
PHỤ LỤC 3	175
PHỤ LỤC 4	176
PHỤ LỤC 5	177
PHỤ LỤC 6	180
PHỤ LỤC 7	182

DANH MỤC VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Tên tiếng Anh/ Tiếng Hán	Tên tiếng Việt
ADB	Asia Development Bank	Ngân hàng Phát triển châu Á
ADMM +	ASEAN Defense Ministerial Meeting Plus	Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng ASEAN mở rộng
AFPFL	Anti-Fascist People's Freedom League	Liên đoàn Tự do Nhân dân chống Phát xít
AMM	ASEAN Ministerial Meeting	Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN
APEC	Asian Pacific Economic Cooperation	Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á Thái Bình Dương
ARF	ASEAN Regional Forum	Diễn đàn Khu vực ASEAN
ASEAN	Association of Southeast Asian Nations	Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á
ASEAN + 1	ASEAN + China ASEAN + Japan ASEAN + South Korea	ASEAN + Trung Quốc ASEAN + Nhật Bản ASEAN + Hàn Quốc
ASEAN +3	ASEAN + China, Japan, South Korea	ASEAN + Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc
ASEM	Asia-Europe Meeting	Diễn đàn Hợp tác Á - Âu
BCHTW	The Central Executive Committee	Ban chấp hành Trung ương
BQP	Ministry of Defence	Bộ Quốc phòng
BSPP	Burmese Socialist Principle Party	Đảng Cương lĩnh Xã hội Chủ nghĩa Miến Điện
CA-TBD	Asia-Pacific Ocean	Châu Á-Thái Bình Dương

CAFTA	China ASEAN Free Trade Area	Khu vực Mậu dịch tự do Trung Quốc-ASEAN
CTL (CW)	The Cold War	Chiến tranh Lạnh
ĐCSMD (BCP)	Burma Communist Party	Đảng Cộng sản Miến Điện
ĐCSTQ (CPC)	Communist Party of China	Đảng Cộng sản Trung Quốc
ĐHĐ LHQ	United Nations Assembly	Đại Hội đồng Liên hợp quốc
ĐNA	Southeast Asia	Đông Nam Á
ĐKPMT	Xibu Dakaifa (西部大开发 Bính âm: Xībù Dàkāifā)	Đại khai phá Miền Tây
EAC	East Asia Community	Cộng đồng Đông Á
EAS	East Asia Summit	Hội nghị Thượng đỉnh Đông Á
EU	European Union	Liên minh châu Âu
FDI	Foreign Direct Investment	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
GDP	Gross Domestic Product	Tổng sản phẩm quốc nội
GMS	Great Mekong Subregion	Tiểu vùng sông Mekong mở rộng
HĐBA LHQ	United Nations Security Council	Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc
ILO	International Laborforce Organization	Tổ chức Lao động Quốc tế
IMF	International Monetary Fund	Quỹ Tiền tệ Quốc tế
KNU	Karen National Union	Liên minh Dân tộc Karen
LHQ / UN	United Nations	Liên Hợp quốc
MOFA	Ministry of Foreign Affairs	Bộ Ngoại giao

NGLG	Neighborhood Policy	Ngoại giao láng giềng (Chính sách Ngoại giao láng giềng của Trung Quốc)
NGO	Non- Governmental Organization	Tổ chức Phi chính phủ
NLD	National League for Democracy	Liên đoàn Quốc gia vì Dân chủ
ODA	Official Development Aid	Viện trợ Phát triển chính thức
PLA	People's Liberation Army	Quân giải phóng Nhân dân Trung Quốc (Quân đội Trung Quốc)
PLAN	People's Liberation Army Navy	Hải quân Quân giải phóng Nhân dân Trung Quốc (Hải quân Trung Quốc)
OSCE	Organization for Security and Cooperation in Europe	Tổ chức An ninh và Hợp tác châu Âu
QDD	Kuo Ming Tang (國民 黨 - Guómíndǎng)	Quốc Dân Đảng (Đảng Quốc dân)
SCO	Shanghai Cooperation Organization	Tổ chức Hợp tác Thượng Hải
SLORC	Sate Law and Order Restoration Council	Hội đồng Khôi phục Trật tự và Pháp luật Quốc gia
SPDC	State Peace and Development Council	Hội đồng Hòa bình và Phát triển Quốc gia
TAC	Treaty of Amity and Cooperation	Hiệp ước Thân thiện và Hợp tác (Đông Nam Á)
Tatmadaw	The Myanmar Armed Forces - Tatmadaw	Các lực lượng vũ trang Myanmar
TBD	Pacific Ocean	Thái Bình Dương

TAM	Tian An Men (天安门 bính âm: Tiān'ānmén)	Sự kiện Thiên An Môn (tên gọi khác: Sự kiện Mùa xuân Bắc Kinh/ Sự kiện Mồng 4 tháng 6, tùy theo cách ám chỉ nơi diễn ra sự kiện, hay theo thời gian sự kiện xảy ra)
TPP	Trans-Pacific Partnership	Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương
UNDP	United Nations Development Program	Chương trình Phát triển Liên Hiệp Quốc
UNICEF	The United Nations Children's Fund	Quỹ Nhi đồng Liên Hiệp Quốc
US\$	United States Dollar	Đô la Mỹ
USDP	Union Solidarity and Development Party	Đảng Liên đoàn Đoàn kết và Phát triển
WB	World Bank	Ngân hàng Thế giới
WTO	World Trade Organization	Tổ chức Thương mại Thế giới

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài, lĩnh vực nghiên cứu

Hai thập niên cuối thế kỷ XX, với xu thế chủ đạo là hòa bình, hợp tác và phát triển, các quốc gia dân tộc đã tiến hành điều chỉnh rõ rệt chính sách đối ngoại nói chung và đa dạng hóa các mối quan hệ quốc tế nói riêng nhằm tối đa hóa lợi ích trên mọi phương diện. Trong bối cảnh trên, Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa cũng không phải là ngoại lệ, mà sự điều chỉnh chính sách đối ngoại của nước này (bắt đầu từ cải cách của Đặng Tiểu Bình năm 1978) và chính sách Ngoại giao láng giềng với 14 quốc gia kề cận, trong đó có Myanmar¹ là một minh chứng cụ thể.

Từ ngàn xưa, người Trung Quốc đã có tâm thế nước lớn, cách hành xử nước lớn và tham vọng bành trướng lãnh thổ ra các khu vực xung quanh. Mặc dù trong thời hiện đại, Trung Quốc đã đưa ra chính sách láng giềng với 6 chữ “mục lân”, “an lân”, “phú lân” vô cùng hoàn hảo, nhưng trên thực tế đã và đang có những mâu thuẫn, xung đột, tranh chấp với hầu hết các nước láng giềng, gây ra bất an trên các mức độ khác nhau cho các nước này. Trên phương diện địa lý, Myanmar là quốc gia kề cận có ý nghĩa đặc biệt với Trung Quốc trong mục tiêu “phá khẩu”, kết nối bang giao, ổn định vành đai biên giới, phát triển kinh tế-xã hội, phục vụ cho chiến lược “đi ra ngoài” của Trung Quốc. Trong những mục tiêu sâu xa hơn, Myanmar có thể đóng vai trò là cầu nối trong tham vọng vươn tầm hai đại dương lớn của Trung Quốc.

Đối với Myanmar, tiến trình Cải cách mở cửa vài năm lại đây đang diễn ra mạnh mẽ và tạo được những biến chuyển to lớn, mang tính bước ngoặt trong việc đưa Myanmar thoát khỏi thời kỳ đen tối kéo dài suốt nhiều thập kỷ. Tuy nhiên, tiến trình cải cách trên thành công hay thất bại, không chỉ phụ thuộc vào quyết tâm và hành động chính trị của chính quyền Myanmar, mà nó còn phụ thuộc rất lớn

¹ Từ năm 1989 tên gọi Cộng hòa Liên bang Myanmar chính thức được chính quyền quân sự Myanmar sử dụng cho tới hiện nay. Trước đó, Nước này có tên gọi theo: tiếng Anh là Burma, Hán Việt là Miến Điện (những mốc sự kiện trước 1989, luận án sử dụng tên gọi Miến Điện nhằm đảm bảo độ xác thực của lịch sử).

vào các nhân tố khác. Một trong những nhân tố trên là chính sách và các động thái của các nước lớn, trong đó cụ thể nhất là những điều chỉnh chính sách của Trung Quốc với Myanmar như thế nào, sẽ là một trong những câu trả lời quan trọng, có tính thời sự và cấp thiết. Hơn nữa, nghiên cứu những tác động chính sách Myanmar của Trung Quốc đến các nước lớn khác, nhất là đến Hiệp hội ASEAN cũng có nhiều ý nghĩa. Chính vì vậy, luận án lựa chọn đề tài: “***Chính sách của Trung Quốc đối với Myanmar từ sau Chiến tranh lạnh đến 2015***”.

Đề tài nằm trong lĩnh vực nghiên cứu quan hệ quốc tế, có tính lý luận và thực tiễn cho việc tham chiếu chính sách của Việt Nam trong quan hệ với Trung Quốc.

2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

Luận án khảo cứu theo ba nhóm vấn đề từ sau CTL: *1. Nghiên cứu về chính sách đối ngoại của Trung Quốc, đặc biệt là chính sách NGLG. 2. Những nghiên cứu về chính sách của Trung Quốc với Myanmar. 3. Nghiên cứu về quan hệ Trung Quốc-Myanmar và những tác động đến khu vực.*

A. Nghiên cứu về chính sách đối ngoại của Trung Quốc

Những nghiên cứu tại Trung Quốc

* **Về lý luận-chiến lược tiêu biểu có một số ấn phẩm:** Chủ nghĩa xã hội mang màu sắc Trung Quốc của nguyên thủ Trung Quốc Giang Trạch Dân, Lý Bằng do Nxb Sự thật, Hà Nội, 1992 (tiếng Việt). *Đi theo con đường của chính mình*, của Du Tân Thiên, Tủ sách nghiên cứu lý luận và thực tiễn của Đặng Tiểu Bình, Nxb Chính trị Quốc gia Hà Nội, 1996 (tiếng Việt). Sách trắng của Trung Quốc về Khái niệm An ninh mới, do Bộ Ngoại giao Trung Quốc phát hành ngày 31/7/2002 (China’s Ministry of Foreign Affairs, “*China’s Position Paper on the New Security Concept*”, July/31-2002). Một vài tài liệu trên biểu thị quan điểm, tư duy lý luận và chiến lược của giới lãnh đạo của Trung Quốc, việc tìm kiếm và định hình bản sắc phát triển riêng của Trung Quốc trên con đường hội nhập và tiến vào thế kỷ XXI. Tuy nhiên, các ấn phẩm trên mới chỉ là một phần nhỏ trong lý luận chiến lược đối ngoại của Trung Quốc. Đáng chú ý thời gian gần đây nhất

là cuốn sách *Trung Quốc Mộng: Tư duy nước lớn và định vị chiến lược thời đại hậu Hoa Kỳ* của Đại tá Lưu Minh Phúc năm 2010 (Giảng viên Học viện Quốc phòng, nguyên là Giám đốc Viện nghiên cứu xây dựng quân đội Trung Quốc), sách được biên tập bởi Ban Lịch sử - Truyền thông Bộ Ngoại giao Việt Nam, 2010. Nội dung ấn phẩm, tác giả cổ xúy, kích động tinh thần đại Trung Hoa, chủ nghĩa dân tộc Đại Hán, phân tích cơ sở lý luận, công cụ, phương tiện v.v. trong việc hiện thực hóa “Giấc mộng Trung Hoa”, Trung Quốc cần cạnh tranh, vươn lên vượt qua Mỹ, giành quyền bá chủ thế giới. Cuốn sách tạo ra làn sóng dư luận lớn tại Trung Quốc và trên thế giới, bởi lần đầu tiên nội dung về tham vọng vươn lên trở thành siêu cường thế giới của Trung Quốc được một học giả, nhân vật có uy tín công bố. Hai năm trở lại đây khi chủ tịch Tập Cận Bình nhấn mạnh tới “Giấc mộng Trung Hoa” nhiều hơn, Trung Quốc Mộng của Đại tá Lưu Minh Phúc lại càng được biết đến, được khẳng định như là nguồn cổ xúy to lớn cho mục tiêu, tham vọng của giới lãnh đạo tinh hoa Trung Quốc. Dù bị phê phán và chỉ trích bởi nhiều học giả trên thế giới, nhưng tác giả Lưu Minh Phúc vẫn được coi là đại diện tiêu biểu trong nền lý luận chính trị Trung Quốc hiện đại.

* *Về ngoại giao*, tiêu biểu có sách: *Lịch sử Ngoại giao Trung Quốc đương đại (1949-2001)* (tiếng Trung) của Tạ Ích Hiển, do Nxb Thanh niên Trung Quốc, Bắc Kinh, 11/2006 (Hoàng Như Lý biên dịch ra tiếng Việt). Cuốn sách phân tích rõ bức tranh ngoại giao đa dạng của Trung Quốc từ cơ sở lý luận tới thực tiễn, trên các vấn đề song và đa phương. Tuy nhiên, nhiều đánh giá mang nặng tính áp đặt, định kiến với những vấn đề do lịch sử để lại hoặc những vấn đề thuộc tranh chấp lợi ích với các nước láng giềng (ví dụ, trong vấn đề Nhật Bản xâm lược Trung Quốc, chiến tranh biên giới Việt-Trung, tranh chấp biển Đông..). Kế thừa, phát triển đa dạng hơn, phân tích ngoại giao toàn diện và chiến lược lâu dài của Trung Quốc là ấn phẩm *Chiến lược và Chính sách Ngoại giao của Trung Quốc*, của đồng tác giả Sở Thụ Long - Kim Uy (chủ biên), do Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, phát hành 2010 (Hoàng Như Lý biên dịch). Sách gồm nhiều phần, từ

trang 166-217 đề cập tới nội dung “Phát triển hòa bình, chiến lược ngoại giao hiện nay và trong tương lai của Trung Quốc”. Với nội dung chi tiết, các tác giả đưa ra các phân tích mạch lạc, cụ thể về cơ sở, khả năng và thực tiễn để chiến lược trên được triển khai và đạt kết quả. Tuy nhiên, trong nhiều nhận định và đánh giá, các tác giả vẫn thể hiện quan điểm áp đặt, sử dụng những ngôn từ với lý lẽ bao biện, che đậy sự thật, hoặc nhằm xoa dịu làn sóng quan ngại của dư luận đối với những tác động từ quá trình Trung Quốc trỗi dậy tới an ninh khu vực xung quanh, đặc biệt đối với Đông Á.

Những nghiên cứu tại Việt Nam và thế giới

* **Về chính sách và lý luận:** Viện Nghiên cứu Trung Quốc, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, tiêu biểu có sách: *Quá Trình mở cửa đối ngoại của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa*, của Nguyễn Thế Tăng, do Nxb KHXH, Hà Nội, 1997. Cuốn sách phân tích sâu về tiến trình cải cách và thành tựu, những nguyên nhân và bài học trên nhiều khía cạnh. Tuy nhiên, tác giả không phân tích sâu về tính biện chứng lý luận của tiến trình cải cách tại Trung Quốc. Bàn sâu về sự biến đổi theo chiều hướng phá vỡ tính nguyên trạng bên trong Trung Quốc, nhà nghiên cứu Nguyễn Văn Lục có ấn phẩm *Trung Quốc thay đổi nguyên trạng*, Chuyên đề Khảo cứu các Vấn đề quan hệ quốc tế, Học viện Quan hệ Quốc tế, Hà Nội, 10/2004. Tác giả phân tích sâu các bước, các tiến trình trong cải cách làm biến đổi cơ cấu chính trị - xã hội của Trung Quốc theo hướng thay đổi nguyên trạng cũ sang một biến thể mới, đồng thời tác giả chỉ ra được những mặt trái của tăng trưởng trong cải cách (các vấn đề dân số, ô nhiễm, nghèo đói..) làm cản trở sự phát triển của Trung Quốc. Dù vậy, nguồn tài liệu tham khảo ít, các kịch bản dự báo chưa cụ thể. Nghiên cứu lý luận và chiến lược của Trung Quốc trên phạm vi quốc tế chiếm một dung lượng khá lớn trong các ấn phẩm và nghị trình khoa học. Tuy nhiên, nghiên cứu Đại chiến lược Trung Quốc, chưa từng có tiền lệ trong và ngoài Trung Quốc từ trước tới nay, ngoại trừ ấn phẩm của: Michael D. Swaine, Ashley J. Tellis, *Interpreting China's Grand Strategy: Past, Present,*

and Future, được tài trợ ngân sách bởi Dự án Strategy and Doctrine Program of US Project Air Force, năm 1999. Công trình nghiên cứu sâu về mục tiêu và tham vọng vươn tầm thế kỷ XXI của Trung Quốc, dựa trên việc phân tích nền tảng phát triển lý luận và thực tiễn năm ngàn năm lịch sử của Trung Quốc, những khả năng hiện có, những tiềm năng và cơ sở cho sự đột phá của Trung Quốc trong thời gian vài thập niên tới. Nghiên cứu nhằm đi tìm đối sách cho Mỹ, ứng phó với sự trỗi dậy của Trung Quốc (không còn là đối thủ tiềm năng mà là trực tiếp) tới vị trí siêu cường số một của Mỹ. Tuy nhiên, nhiều nội dung quá thiên về liệt kê, mô tả chiều dài lịch sử: cổ, trung, đại của Trung Quốc, lấy nhiều sự kiện khủng hoảng của hai nước làm minh họa, chưa phân tích đa dạng các nhân tố tác động khác, do đó các kịch bản dự báo vẫn thiếu tính khách quan, chặt chẽ và rất khó để đưa ra được một đối sách cụ thể giúp Mỹ kiểm chế Trung Quốc.

Những công trình nghiên cứu về chính sách NGLG của Trung Quốc

***Tác giả Trung Quốc**, tiêu biểu có, Lưu Thanh Tài (Liu Qingcai) với “Chính sách Ngoại giao láng giềng hữu hảo của Trung Quốc trong giai đoạn mới” trên *China 2005 Year, International Review* 5. Hồ Trịnh Nguyệt (Hu Zhengyue) (Vụ trưởng vụ châu Á Trung Quốc) với “Toàn diện nâng cấp Ngoại giao láng giềng Trung Quốc”, trên mạng Sina.com.cn (24/1/2008). Các bài viết tập trung phân tích những nét tích cực trong chính sách NGLG, chỉ ra một số khó khăn trong công tác triển khai và đưa ra một vài sáng kiến nhằm thúc đẩy NGLG của Trung Quốc trong kỷ nguyên mới, tuy nhiên đa phần những sáng kiến mang tính hô hào và khái quát chung, không kèm với các kế hoạch hành động mang tính hiện thực hóa.

* **Tác giả Việt Nam và quốc tế**, tiêu biểu: Nguyễn Công Minh với “Một số nét về chính sách Ngoại giao láng giềng mới của Trung Quốc”, *Tạp chí Nghiên cứu Quốc tế*, số 3(74)/9-2008. Ấn phẩm thành công khi đưa ra những phân tích, đánh giá và tổng kết cơ bản một số nét chính về NGLG của Trung Quốc được tiến hành từ cuối thập niên 1980 trên từng lĩnh vực, từng tầng nấc, qua đó tạo ra

một bức tranh khá toàn diện về NGLG của Trung Quốc. Tuy vậy, ấn phẩm thiếu tính dự báo về vai trò và các khả năng biến đổi của NGLG trong ưu tiên chính sách đối ngoại của Trung Quốc. Trong “Báo cáo chương trình đặc biệt châu Á” số 1/2005, mục bàn về chính sách NGLG của Trung Quốc với ĐNA với tiêu đề “China and Southeast Asia: Creating a ‘Win-Win’ Neighborhood”, từ trang 16-22, tác giả Michael R. Chambers (Giáo sư trợ giảng khoa chính trị học tại Đại học Indiana, Mỹ) đưa ra nhận định sắc bén về ba mục tiêu chủ yếu trong “Láng giềng hữu hảo” của Trung Quốc hướng tới khu vực này² đang đặt ra cả cơ hội lẫn thách thức không nhỏ cho ASEAN. Tác giả kết luận, trong 5-15 năm (khoảng tới 2020), Trung Quốc vẫn sẽ tiếp tục tận dụng môi trường chính trị ổn định và nền kinh tế phát triển, nhưng nếu xảy ra một cuộc khủng hoảng toàn diện về kinh tế-chính trị-xã hội trong lòng Trung Quốc, sẽ dẫn tới hậu quả là chính sách “Láng giềng hữu hảo” của Trung Quốc chấm hết, gia tăng mối đe dọa Trung Quốc tới khu vực ĐNA. Tương tự là cuộc chiến trong eo biển Đài Loan sẽ ảnh hưởng nhanh chóng tới mối quan hệ giữa ASEAN, Trung Quốc và Mỹ. Theo giả thiết này, cách tiếp cận của Trung Quốc với ASEAN không đơn thuần chỉ là một thách thức cần giải quyết thấu đáo, mà nó sẽ trở thành một mối đe dọa vô cùng nghiêm trọng tới những lợi ích của Mỹ. Báo cáo trên đưa ra được những luận chứng thuyết phục và một giả thiết với hai hướng dự đoán cơ bản. Tuy nhiên, kết luận về một mối đe dọa nghiêm trọng tới những lợi của Mỹ, ra sao và như thế nào, báo cáo chưa thể xác định và chưa có dẫn chứng cụ thể.

Những công trình trên, phần nhiều thiên về lý luận và đường lối đối ngoại của Trung Quốc kể từ năm 1949 là nguồn tài liệu tham khảo cho luận án về cơ sở hoạch định chính sách Myanmar của Trung Quốc.

² i) Xóa bỏ đi những quan ngại giữa các nước trong ASEAN về “mối đe dọa Trung Quốc”, ii) Duy trì môi trường khu vực hòa bình và ổn định trong đó Trung Quốc có thể theo đuổi mục tiêu phát triển kinh tế, iii) thúc đẩy sự lãnh đạo và tầm ảnh hưởng của Trung Quốc trong bối cảnh về một Cộng đồng Đông Á.

B. Những công trình nghiên cứu về chính sách Myanmar của Trung Quốc từ sau CTL (Chủ yếu các ấn phẩm luận bàn về sự xích lại gần nhau của hai nước kể từ khủng hoảng và đảo chính quân sự tại Myanmar 1988.)

* **Về đặc trưng-bản chất của chính sách Trung Quốc tiêu biểu có:** “The Political economy of China-Myanmar Relations: Strategic and Economic Dimensions”, của Giáo sư Poon Kim Shee (Giáo sư Khoa Quốc tế, Đại học Ritsumeikan), Tạp chí *Ritsumeikan Annual Review of International Studies* (Vol.1, 2002), pp.33-55. So với các học giả khác, GS. Poon Kim Shee thành công hơn cả vì ông đã khái quát hóa, tổng hợp cơ bản đặc trưng và bản chất quan hệ hai nước giai đoạn từ đảo chính quân sự tại Myanmar 1988 tới giai đoạn thập niên 2000³. Dù vậy, ấn phẩm mới dừng lại ở một nghiên cứu ngắn, chưa có tính liên tục, chưa đánh giá cụ thể trên các thời kỳ quan hệ hai nước. Tại Nhật Bản, Giáo sư Toshihiro Kudo chuyên gia nghiên cứu Myanmar-Trung Quốc có ấn phẩm: *Myanmar’s Economic Relations with China: China can support Myanmar’s economy?*, IDEs, (7/2006). Tác giả lập luận rằng viện trợ của Trung Quốc sẽ chỉ khiến Myanmar lệ thuộc lớn hơn vào đối tác. Trung Quốc không giúp vực dậy nền kinh tế yếu ớt của Myanmar. Giáo sư Kudo mới chỉ ra mặt tác động tiêu cực, chưa phân tích những lợi ích tích cực đối với Myanmar. Sáu năm sau, Giáo sư Kudo cho ra ấn phẩm khá toàn diện “China’s policy toward Myanmar. Challenges and Prospects”, *IDE-JETRO*, 10/2012, (15pp PDF). Ông chỉ ra 3 lợi ích chiến lược của Trung Quốc tại Myanmar⁴. Dù vậy, việc chứng minh của ông còn thiếu thuyết phục, chưa tính tới bài toán lợi ích từ phía Myanmar. Trong khi đó, Billy Tea với ấn phẩm “China and Myanmar: Strategic interests, Strategies and the Road ahead” trên tạp chí *IPCS*, New Delhi, India,

³ Luận điểm chính: lập luận rằng Myanmar không phải là “con bài” hay “nhà nước vệ tinh” của Trung Quốc, đặc tính: “Không đồng đều, bất đối xứng”. Tuy nhiên, “Đối ứng và cùng có lợi”, bản chất: “Cộng sinh cùng tồn tại”.

⁴ i) Mua sắm năng lượng và an ninh năng lượng; ii) Việc tiếp cận Ấn Độ Dương; iii) Thương mại biên mậu và an ninh biên giới.

2010. Tác giả chỉ ra tính thực dụng chính sách của cả hai bên, những lợi ích được, mất trong mối quan hệ gắn kết, phụ thuộc và triển vọng phía trước. Nhưng, bài viết còn nhiều đánh giá tiêu cực và chưa lột tả hết bức tranh toàn cảnh chính sách, đặc biệt từ góc nhìn của Trung Quốc. “*China’s Myanmar Dilemma*”, Crisis Group Asia Report No.177 (14/9/2009)(50PP PDF) là một Báo cáo khoa học, mang tính thực tiễn của Nhóm khủng hoảng Quốc tế (ICG) về vấn đề bế tắc, khó xử của Trung Quốc với Myanmar. Báo cáo chỉ ra đặc tính lưỡng nan đầy mâu thuẫn trong mục tiêu lợi ích và những thách thức của Trung Quốc tại Myanmar. Tuy nhiên, báo cáo này chưa phân tích được tính đa mặt, toàn diện, xuyên suốt trong chính sách Myanmar của Trung Quốc.

* **Về trường phái-quan điểm** tiêu biểu có các ấn phẩm: “Burma’s Relations with People’s Republic of China: From Delicate Friendship to Genuine Cooperation” của Chi-shad Liang, đăng trong Peter Carey (ed), *Burma: The Challenge of Change in a Divided Society*, (London. MacMillan Press, 1997), pp.71-93. Tác giả có cách nhìn lạc quan, tích cực về quan hệ và khả năng hợp tác tốt đẹp trong tương lai hai nước (ông được xếp nhóm học giả có thiện cảm “*tích cực*” về chính sách Trung Quốc với Myanmar). Thực tế, bản chất quan hệ phức hợp và không đơn thuần để có một đánh giá chính xác và đầy đủ. “Burma-China Relations: Playing with fire” của Giáo sư Donald M. Seekins (*Giáo sư nghiên cứu DNA, Đại học Meio, Okinawa*), *Asian Survey* (Vol.37, N0.6, June 1997), pp.525-539. Tác giả đánh giá mối quan hệ thực dụng giữa Yangon và Bắc kinh, đưa ra cảnh báo về tính nguy hiểm, khả năng rủi ro cao trong việc Myanmar quá xích gần Trung Quốc (do đó ông được giới học thuật xếp vào trường phái “*cảnh báo*”). Dù vậy, bài viết chưa đưa ra các biện pháp hóa giải, chỉ mới dừng lại ở mức thông điệp. “Myanmar and China: A Special relationship ?” của Tin Maung Maung Than, đăng trên *Southeast Asian Affairs*, 2003 (Singapore, ISEAS, pp.189-210). Tác giả đặt ra nghi ngại về bản chất tình hữu nghị giữa hai nước dựa trên một số đánh giá (ông được xếp nhóm trường phái “*quan ngại*”). Tuy

nhiên, một số nhận định thiếu tính thuyết phục, còn bàn ít về chiều sâu quan hệ hai nước.

* **Về chính sách** tiêu biểu có *Trends in China-Burma Relations in Verinder Grover* (ed), *Myanmar: Government and politics*, của Baladas Ghoshal, Nxb New Delhi, Deep & Deep publications Pvt. Ltd, 2000, pp.504-522. Ấn phẩm phân tích về nội dung quan hệ, đưa ra một số kịch bản dự báo, dựa trên phân tích những nhân tố tác động. Yếu tố cơ cấu kinh tế và an ninh-quân sự không được phân tích nhiều, do đó chưa thể hiện tính đa dạng và toàn diện. Ngoài ra có thể kể tới ấn phẩm “China’s Realpolitic Engagement with Myanmar”, của Rak K. Lee, Gerald Chan và Lai-Ha Chan, đăng trên *China Security*, Vol.5, No.1, Winter 2009, pp.101-123. Các tác giả phân tích sự can dự của Trung Quốc với Myanmar dựa theo những tính toán lợi ích thực dụng từ Trung Quốc, nhưng chưa phân tích mặt ngược lại từ phía Myanmar.

* **Về ngoại giao** tiêu biểu có: *China’s foreign relations*, của Giáo sư Denny Roy, Rowman & Littlefield published, INC, Newyork, copyright 1998. Trang 173-174, luận bàn cô đọng vài ba nét về mối quan hệ Trung Quốc với Myanmar. Tác giả chưa chỉ rõ bản chất, chưa phân tích sâu chính sách hai nước hướng tới nhau. Trong khi đó *Đặc điểm chính sách đối ngoại của Myanmar (Miền Điện)* của Nikolay A. Listopadov (tiếng Nga), Nxb Sách Khoa học, Mátxcova, 1998 dày 232. Trang 155-158, tác giả đã phân tích và lý giải sơ qua việc Myanmar thiết lập quan hệ đồng minh với Trung Quốc. Tuy nhiên, chưa phân tích mặt tác động chính sách, và quá ngắn để có thể rút ra đặc trưng hóa bản chất trong quan hệ hai nước.

* **Sách chuyên khảo**: Viện KHXH, viện NCTQ, Đại sứ Việt Nam tại Myanmar, Chu Công Phùng (chủ biên) 2012 cho ra cuốn *Myanma : Lịch sử và Hiện tại*, Nxb Chính trị Quốc gia-Sự thật, Hà nội, 2012, 421 trang. Trang 176-186, các tác giả bàn về quan hệ Myanmar và Trung Quốc với việc phân kỳ 4 giai

đoạn chính⁵, với đánh giá ngắn gọn rằng “*dù hợp tác tới đâu, Myanmar vẫn luôn cảnh giác, đối phó với Trung Quốc*”. Sách thành công trong việc phân kỳ các giai đoạn lịch sử của Myanmar, nhưng chỉ với 10 trang, nên việc mở xẻ chính sách chỉ dừng ở mức giới thiệu và đánh giá vài nét cơ bản về quan hệ và đặc trưng chính sách hai nước. Một ấn phẩm lưu hành nội bộ, có giá trị tham khảo rất tốt trong năm 2012, *Myanmar: Cuộc cải cách vẫn đang tiếp diễn*, do PGS.TS Nguyễn Duy Dũng (Viện trưởng viện nghiên cứu DNA chủ biên), Nxb Từ điển Bách khoa, 198 trang. Chương 1, 2 bàn về tiến trình cải cách, chương 3 luận bàn sâu về các mối quan hệ nước lớn (trong đó có Trung Quốc) của Myanmar. Chương này, các tác giả đưa ra những phân tích và đánh giá mang tính tổng hợp, sắc bén về thực trạng và triển vọng trong cạnh tranh chiến lược giữa Trung Quốc-Ấn Độ-Mỹ-Nhật Bản tại Myanmar. Tuy nhiên, một số hạn chế: chương này chưa giải quyết được bài toán chính sách Trung Quốc của Myanmar thành công hay thất bại và chưa phải là đề tài nghiên cứu xuyên suốt về chặng đường chính sách Myanmar của Trung Quốc tính từ sau CTL. Ấn phẩm cơ bản, nhưng toàn diện nhất trong số các tài liệu xuất hiện trong giai đoạn 1948-2010, có ảnh hưởng to lớn và mạnh mẽ nhất tới đề tài luận án của NCS, *In the Name of Pauk-Phaw: Myanmar's China policy since 1948*, của Giáo sư Maung Aung Myoe (Chuyên gia Quan hệ quốc tế, nghiên cứu sâu về Trung Quốc, Myanmar), xuất bản tại: Institute of Southeast Asian Studies, Singapore, 2011, (238 PP). Sách gồm 3 phần chính, dựng nên bức tranh sinh động, đầy đủ về quan hệ hai nước⁶. Ông đồng tình với quan điểm của GS. Poon Kim Shee về đặc tính, bản chất trong quan hệ hai nước (tính bất đối xứng, nhưng đối ứng, quan hệ phụ thuộc mang tính cộng sinh). Dù vậy, sách vẫn còn một số hạn chế (xin chỉ ra cụ thể ở mục kết luận)

⁵ i) 1950-1962: chung sống hòa bình; ii) 1962-1971: quan hệ xấu đi; iii) 1971-1988: cải thiện quan hệ; iv) 1988 đến nay: quan hệ thân thiện.

⁶ 1) GD 1: 1948-1962: Thời gian định hình quan hệ; 2) GD 2: 1962-1988: những năm tháng sống trong nguy hiểm ; 3) GD 3: 1988-2010: hướng tới hợp tác gần gũi.

Nhìn chung, số lượng các ấn phẩm tương đối lớn, chủ đề nghiên cứu đa dạng, các tác giả cố gắng tìm ra bản chất và đặc trưng quan hệ hai nước, song chưa có những phân tích chuyên sâu về chính sách Myanmar của Trung Quốc. Với việc phân nhóm, phân loại các nghiên cứu nhằm tìm ra những điểm mạnh yếu của các luận điểm, để sau đó tìm ra tính mới.

C. Những nghiên cứu về quan hệ Trung Quốc-Myanmar và những tác động đến an ninh khu vực, bao gồm một số các nghiên cứu tiêu biểu sau.

Tác giả J.Mohan Malik với ấn phẩm “*China - India Relations in the Post – Soviet Era: The Continuing Rivalry*”, đăng trên *China Quarterly*, No.2, August/1995. Tác giả đánh giá rằng Bắc Kinh đã thất bại trong nỗ lực dính líu và hậu thuẫn Đảng Cộng sản Miến Điện, bày tỏ quan ngại tới lợi ích an ninh Ấn Độ tại Ấn Độ Dương, đặt ra nghi ngại về vai trò khu vực của Myanmar và khả năng nước này từ bỏ chính sách trung lập truyền thống, trở thành con bài chiến lược, trục kinh tế của Trung Quốc. Malik bày tỏ nghi ngại nên xây dựng quan điểm quá mạnh trên trường phái này, mất đi tính khách quan khoa học. Trong một ấn phẩm khác, J.Mohan Malik với “*Myanmar’s Role in Regional Security: Pawn or Pivot ?*”, *Contemporary Southeast Asia* (Vol. 19, N0.1, June 1997), pp.52-73. Nội dung bài viết đặt ra nghi ngờ về vai trò thực tế của Myanmar trong an ninh khu vực ĐNA, với câu hỏi liệu nước này có phải là con bài hay sự cầm cố chiến lược của các nước lớn. Andrew Selth với *Burma’s China Connection and the Indian Ocean Region*, SDSC Working Paper No.377 (Canberra: Australian National University), 2003. Tác giả một mặt thừa nhận Myanmar từ bỏ chủ nghĩa trung lập truyền thống, mặt khác cho rằng Myanmar có khả năng cân bằng nước lớn và rút dần khỏi quỹ đạo của Trung Quốc. Selth thành công khi phân tích chiến lược của Trung Quốc, nhưng chỉ ra rất ít mặt được-mặt từ tính toán thực dụng của Myanmar với Trung Quốc và chưa xác định được những tác động an ninh tới khu vực Ấn Độ Dương. Ho Khai Leong và Samuel C.Y.Ku với *China and Southeast Asia Global changes and Regional challenges*, ISEAS,

Singapore, 2005 kết hợp CSAS, National Sun Yat-sen University Kaohsiung, Taiwan ROC. Trang 121-124, luận bàn cô đọng về quan hệ Myanmar-Trung Quốc nằm trong quan hệ Trung Quốc - ASEAN, nhưng chưa phân tích sâu về Myanmar, mới dừng lại những nét tương đối chung trong ASEAN. Năm 2008, Bộ Ngoại giao Việt Nam, Vụ ĐNA, Nam TBD (đề tài cấp cơ sở), *Triển vọng tình hình Myanmar và các vấn đề đặt ra đối với ASEAN và Việt Nam*. Công trình có trình bày bối cảnh, thực trạng bên trong Myanmar, các thách thức đặt ra cho sự thống nhất, phát triển ASEAN và trong quan hệ với Việt Nam. Tuy nhiên, cách tiếp cận chưa đầy đủ, thiếu nguồn trích dẫn khoa học, việc dự báo chung chung, chưa sâu sắc. Tại Trung Quốc, Giáo sư Lý Chấn Dương (Li Chenyang), với “China–Myanmar Comprehensive Strategic Cooperative Partnership: A Regional Threat?”, tạp chí *Journal of Current Southeast Asian Affairs*, Yunnan University, Kunming, China, 1/2012, PP.53-72. Nhằm giảm đi luồng dư luận quốc tế về bản chất chính sách Myanmar của Trung Quốc, GS. Lý Chấn Dương phân tích lý luận và các mối quan hệ Đối tác chiến lược của Trung Quốc để nhận định rằng quan hệ Đối tác chiến lược toàn diện Trung Quốc-Myanmar là hoàn toàn bình thường, không gây ra bất kỳ đe dọa nào tới an ninh khu vực. Nhận định trên mang tính xoa dịu và thuyết phục, chỉ tìm những nét có lợi và tích cực, chưa phân tích tới các mặt trái, đặc biệt chỉ dựa trên quan hệ Đối tác chiến lược, thì chưa đủ cơ sở khoa học để đưa ra tổng kết đặc trưng về bản chất chính sách. Sở Thủ Long – Kim Uy (cb), *Chiến lược và Chính sách Ngoại giao của Trung Quốc* (Sđd), Phần III, Chương 4 & 5 bàn về quan hệ Trung Quốc với các nước ĐNA, vai trò “địa-chiến lược” vô cùng quan trọng của ĐNA cho tương lai phát triển của Trung Quốc. Myanmar là một mắt xích không thể thiếu cho Trung Quốc. Nhưng, các tác giả không chỉ rõ vị trí của Myanmar trong chính sách hiện tại và trong mục tiêu chiến lược trong tương lai của Trung Quốc.

Myanmar nằm ở một vị trí ưu tiên nhất định trong tổng thể chính sách của Trung Quốc với ĐNA. Các ấn phẩm trên gần như chưa có những phân tích về

tác động từ chính sách Myanmar của Trung Quốc tới an ninh khu vực Đông Á, cụ thể là với ĐNA.

Tóm lại:

Với nguồn tư liệu phong phú, đa dạng, đa chiều, với những phân tích sâu sắc của Aung Maung Myo hay của Kim Poon Shee và những lập luận của Kudo cùng nhiều các tác giả khác đã giúp NCS: 1) Có một bức tranh hoàn chỉnh về quan hệ giữa Trung Quốc và Myanmar từ khi thiết lập quan hệ ngoại giao đến kết thúc năm 2015. 2) Cung cấp cho NCS những quan điểm lớn trong nghiên cứu về mối quan hệ song phương này. 3) Giúp cho NCS hiểu được bản chất của chính sách Trung Quốc với Myanmar trong so sánh với các quốc gia láng giềng khác. *Tuy nhiên, với nhiệm vụ nghiên cứu của mình, NCS thấy rằng:* Một là, các nghiên cứu trên chưa xác định rõ vị trí của Myanmar trong chính sách NGLG của Trung Quốc. Hai là, chưa làm nổi bật được vị trí của Myanmar trong quá trình “hướng Tây” của Trung Quốc. Ba là, chưa đề cập đến chính sách Myanmar của Trung Quốc tác động đến ASEAN ra sao. Bốn là, chưa cập nhật mối quan hệ Trung Quốc - Myanmar đến năm 2016 và dự báo triển vọng của mối quan hệ này sau những cải cách chính trị của Myanmar.

Do vậy, người viết sẽ đưa ra những đánh giá mang tính so sánh, tổng hợp giữa các giai đoạn trong triển khai chính sách, để từ đó đưa ra mặt kế thừa và tính mới trong chính sách Myanmar của Trung Quốc. Phân tích mặt tác động chính sách lên chủ thể và đối tượng chính sách, đặc biệt các đánh giá về mặt tác động an ninh tới ASEAN, và cạnh tranh ảnh hưởng giữa các nước lớn như Mỹ, Ấn Độ, Nhật Bản với Trung Quốc tại Myanmar (được triển khai với dung lượng lớn trong chương 3). Rút ra một vài đặc trưng cơ bản trong chính sách NGLG thông qua trường hợp nghiên cứu chính sách Myanmar của Trung Quốc là điểm khác biệt lớn nhất mà các công trình trước đó chưa có. Ngoài ra, tất cả các vấn đề nghiên cứu liên quan cần được hệ thống hóa và cập nhật.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu của luận án là làm rõ thực chất những vấn đề cốt lõi về tính kế thừa và sự điều chỉnh chính sách Myanmar của Trung Quốc từ sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc đến 2015, từ đó nêu ra những khả năng điều chỉnh ít nhất tới 2020. Để thực hiện mục đích nghiên cứu nêu trên, *nhiệm vụ nghiên cứu* bao gồm. (1) Làm rõ những cơ sở hoạch định chính sách Myanmar của Trung Quốc từ sau CTL đến 2015. (2) Phân tích quá trình thực hiện chính sách. (3) Đánh giá những tác động chính sách và dự báo những khả năng thay đổi/điều chỉnh trong chính sách.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là chính sách Myanmar của Trung Quốc từ sau CTL đến 2015. *Phạm vi nghiên cứu*: Khu vực không gian nghiên cứu địa lý thuộc hai nước Trung Quốc, Myanmar, trong đó có sự mở rộng ra các vùng không gian địa lý có ảnh hưởng xung quanh (chủ yếu là khu vực ĐNA, Ấn Độ Dương). *Giới hạn nghiên cứu thời gian*: Từ sau CTL khi chính sách NGLG của Trung Quốc được triển khai và mốc kết thúc nghiên cứu là năm 2015 khi Myanmar bước vào giai đoạn bầu cử Quốc hội mới. Phạm vi nội dung giới hạn ở việc phân tích và làm sáng tỏ chính sách Myanmar của Trung Quốc.

5. Phương pháp nghiên cứu.

Phương pháp luận: Là một luận án nghiên cứu về chính sách đối ngoại qua mối quan hệ song phương giữa hai nhà nước, NCS đã sử dụng:

- Phép duy vật lịch sử trong triết học Mác - Lênin để xem xét mối quan hệ giữa lợi ích kinh tế với những quyết định của chính sách, giữa sự thay đổi của kinh tế (hạ tầng cơ sở) với những tham vọng của chính sách (thượng tầng kiến trúc), xem xét thấu đáo các mối quan hệ giữa sự thay đổi của xã hội với sự thay đổi của nhận thức.

- Chủ nghĩa Hiện thực trong quan hệ quốc tế để phân tích lợi ích quốc gia, quyền lực quốc gia thông qua chính sách đối ngoại và hành xử của các quốc gia

trong mối quan hệ song phương. Với trường phái Tân hiện thực, người viết đã tìm thấy những giải đáp cho phân tích về cân bằng quyền lực, về khái niệm bá quyền trong “hiện thực tấn công” để giải thích trường hợp trỗi dậy của Trung Quốc.

Phương pháp nghiên cứu:

- Các cấp độ phân tích chính sách đối ngoại: cấp độ cá nhân (các lãnh đạo), cấp độ nhóm (Đảng cầm quyền), cấp độ xã hội (dân chúng), những tác động của chính sách và dự báo chính sách.

- Các cấp độ phân tích quan hệ quốc tế để có bức tranh tổng thể về quan hệ giữa hai quốc gia, hiểu rõ động lực của nền chính trị quốc tế ở khu vực.

- Phương pháp lịch sử để phục dựng lịch sử và mối quan hệ song phương giữa Trung Quốc và Myanmar, phân tích được những yếu tố chính sách trong quá trình hoạch định chính sách của Trung Quốc, vai trò của tính truyền thống trong những sự vận động mới.

- Phương pháp cấu trúc hệ thống trong quan hệ quốc tế nhằm hệ thống hóa các nhân tố đặc trưng có tác động và gây ảnh hưởng tới các quyết sách trong đối ngoại của Trung Quốc và trong chính sách của Trung Quốc hướng tới Myanmar.

Ngoài ra, luận án còn sử dụng một số phương pháp khác như thống kê, tổng hợp, so sánh, đối chiếu. Các phương pháp này được sử dụng tùy theo từng mục, từng chương hoặc được sử dụng kết hợp theo yêu cầu để giải quyết nhiệm vụ của mục tiêu nghiên cứu.

6. Nguồn tài liệu tham khảo

Luận án sử dụng các tài liệu cấp I bao gồm các văn kiện Đảng Cộng sản (ĐCS) Trung Quốc các khóa Đại hội XI (1978), XII (1982).. cho tới XVIII (2012). Các văn kiện của chính phủ và nhà nước Myanmar. Các hiệp định, nghị định, thông cáo, tuyên bố từ phía nhà nước và chính phủ Trung Quốc, Myanmar. Và các nguồn tài liệu chính thức của các nước, các tổ chức khu vực và quốc tế có liên quan đến nội dung nghiên cứu.

Các tài liệu cấp II bao gồm các sách chuyên khảo, sách chuyên ngành, các công trình khoa học, các báo cáo khoa học, các bài viết khoa học được công bố chính thức trong và ngoài nước. Ngoài ra, luận án còn tham khảo các nguồn tài liệu khoa học của Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng các nước Trung Quốc, Myanmar, Mỹ, Việt Nam..

Các tài liệu cấp III bao gồm những nguồn thông tin đa dạng nhưng uy tín và chuẩn mực trên các website chính phủ các nước liên quan, các website các cơ quan nghiên cứu, các bộ ngành hữu quan, thông tấn báo chí. Một số nhận định và đánh giá được tham khảo từ các chuyên gia, các nhà ngoại giao, các chính khách.

7. Đóng góp và ý nghĩa thực tiễn của luận án

- Một, là công trình đầu tiên nghiên cứu về chính sách của Trung Quốc đối với Myanmar.

- Hai, là một trong những công trình nghiên cứu về chính sách NGLG của Trung Quốc qua trường hợp Myanmar.

- Ba, cung cấp nguồn tư liệu cho những nghiên cứu chuyên sâu về quan hệ Trung Quốc-Myanmar.

- Bốn, là nguồn tư liệu cho giảng dạy về lịch sử Myanmar và chính sách đối ngoại của Trung Quốc hiện đại.

- Năm, cung cấp những dự báo về chính sách của Trung Quốc với Myanmar trên cơ sở các cấp độ phân tích quan hệ quốc tế.

8. Kết cấu của Luận án: Ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án được bố cục thành 3 chương với nội dung tóm tắt như sau:

CHƯƠNG 1. CƠ SỞ HOẠCH ĐỊNH CHÍNH SÁCH MYANMAR CỦA TRUNG QUỐC TỪ SAU CHIẾN TRANH LẠNH.

CHƯƠNG 2. NỘI DUNG CHÍNH SÁCH VÀ QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI CHÍNH SÁCH MYANMAR CỦA TRUNG QUỐC TỪ SAU CHIẾN TRANH LẠNH.

CHƯƠNG 3. ĐÁNH GIÁ CHÍNH SÁCH MYANMAR CỦA TRUNG QUỐC VÀ KHẢ NĂNG ĐIỀU CHỈNH CHÍNH SÁCH ĐẾN 2020.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ HOẠCH ĐỊNH CHÍNH SÁCH MYANMAR CỦA TRUNG QUỐC TỪ SAU CHIẾN TRANH LẠNH

1.1 Cơ sở lý luận định hình chính sách Myanmar của Trung Quốc

1.1.1 Quan điểm truyền thống của Trung Quốc đối với các nước nhỏ-láng giềng

Trong các mối quan hệ bang giao của Trung Quốc, ngoại trừ Nga và Ấn Độ thì hầu hết các nước láng giềng của Trung Quốc là các nước nhỏ. Vì thế trong suốt chiều dài lịch sử, quan điểm “trung tâm - ngoại vi” gắn với việc Trung Quốc áp đặt hệ thống “chư hầu – triều cống⁷” đã ăn sâu bám rễ trong cách hành xử của Trung Quốc với các nước láng giềng.

Trên phương diện địa lý, các nước trong ĐNA, bao gồm Myanmar luôn có mối quan hệ và tầm quan trọng nhất định trong chiến lược bang giao của Trung Quốc. Các quốc gia ĐNA cô, trung và cận đại luôn bị các Thiên tử Trung Hoa coi là Man di (các dân tộc hạ đẳng, thiếu văn minh và không lễ nghĩa), thuộc vành đai ảnh hưởng và chịu sự ràng buộc bởi các mối quan hệ triều cống với Trung Quốc [16; tr.66-68], [43; tr.10] [28; tr.59-64]. Tới giữa thập niên 1960, chủ nghĩa đại Hán, đại Trung Hoa vẫn còn in hằn trong tư tưởng giới lãnh đạo tối cao Bắc Kinh. Tại cuộc họp Bộ chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc tháng 8/1965, Chủ tịch Mao Trạch Đông từng tuyên bố: *“Chúng ta phải giành cho được ĐNA, bao gồm cả miền Nam Việt Nam, Thái Lan, Miến Điện, Malaysia và Singapore.. Một vùng ĐNA rất giàu, ở đây nhiều khoáng sản.. xứng đáng với sự tốn kém cần thiết để chiếm lấy”* [43; Tr.25]. [19; tr.14-16]. Những năm gần đây, một số học giả Trung Hoa cho rằng nền tảng vững chắc cho

⁷ Trung Quốc luôn tự coi mình là thiên triều, thượng quốc, có quyền ban phát lễ nghĩa và áp đặt các giá trị quan truyền thống lên các nước này. Theo Zhang Yongjin, việc phân cấp hệ thống thứ bậc trên (hierarchy) gồm ba tầng lớp. Trung Quốc ở vị trí trung tâm cao nhất, vành đai xung quanh là các nước láng giềng của Trung Quốc mà đa số chịu ảnh hưởng của nho giáo đóng vai trò là “các nước ngoại vi” trong hệ thống triều cống cho Trung Quốc, và ở vành đai ngoài cùng là phương Tây [114; tr.49-50].

sự phát triển của Trung Quốc vẫn là khu vực lân cận: “*Chỉ khi nào có chỗ đứng vững chắc tại DNA, thì Trung Quốc mới có thể mở rộng lợi ích chiến lược cũng như tăng cường ảnh hưởng của mình trên toàn cầu*” [150] [28; Tr.320].

Sau CTL, những sách lược đối ngoại của Trung Quốc có sự chuyển biến rõ nét từ Giấu mình chờ thời, Quyết không đi đầu, Tọa sơn quan hổ đấu (là những sách lược ngoại giao của Đặng Tiểu Bình) tới Trỗi dậy hòa bình, Xã hội hài hòa (trong thời kỳ lãnh đạo của Hồ Cẩm Đào-Ôn Gia Bảo), song quan điểm “trung tâm – ngoại vi” vẫn luôn có những tác động không nhỏ tới chính sách láng giềng của Trung Quốc. Các học thuyết trên, dù biến đổi linh hoạt về ngôn từ dưới bất kỳ hình thức nào thì vẫn luôn ẩn chứa những mục tiêu và tính toán chiến lược sâu xa của Trung Quốc. Mục tiêu tối cao của Trung Quốc là tìm kiếm lại vị thế huy hoàng trong lịch sử, vươn lên hoàn thành dẫn dắt thế giới trong thế kỷ XXI, trong đó, Myanmar là một mắt xích chiến lược mà Trung Quốc cần phải kết nối.

1.1.2 Chính sách Ngoại giao láng giềng của Trung Quốc

1.1.2.1 Cơ sở hoạch định chính sách Ngoại giao láng giềng của Trung Quốc

Những thay đổi của tình hình quốc tế, khu vực sau Chiến tranh lạnh

Bối cảnh thế giới: Đầu thập niên 1990 thế giới hai cực chấm dứt với sự sụp đổ của Liên Xô và phe xã hội chủ nghĩa tại các nước Đông Âu. Năm 1991, Liên bang Nga tuyên bố là quốc gia độc lập, kế thừa phần lớn di sản của Liên bang Xô Viết. Tuy nhiên, Liên bang Nga sau CTL với vị thế địa-chính trị ngày càng suy giảm, sức ảnh hưởng toàn cầu, khả năng tác động vào tiến trình vận động của các sự kiện diễn ra ở khu vực Âu - Á cũng bị hạn chế [25; tr.106]. Hoa Kỳ trở thành siêu cường duy nhất, với sức mạnh vượt trội trong thế giới tư bản, thực hiện bá quyền trên phạm vi toàn cầu. Bên cạnh là các thực thể như: EU, Nhật Bản trở thành những trung tâm kinh tế mạnh mẽ [21; tr.319].

Bước vào kỷ nguyên sau CTL, những nguy cơ tiềm ẩn về chiến tranh và xung đột cục bộ vẫn còn hiện hữu, song nguy cơ về một cuộc đại chiến thế giới lần III thì ít có khả năng xảy ra [41]. Với sự “tan băng” sau CTL, thế giới bước vào thời kỳ

chuyển tiếp, quá độ từ thực trạng đối đầu hai cực quyết liệt Đông - Tây sang mô hình quan hệ quốc tế hiện đại. Cục diện thế giới “nhất siêu, đa cường”, nhất siêu - Mỹ, đa cường - EU, Nhật Bản, Trung Quốc, Nga. Xu thế chủ đạo trong quan hệ quốc tế là hợp tác, cạnh tranh thay cho căng thẳng, đối đầu. Các hợp tác song và đa phương, các liên kết hợp tác tiểu vùng, khu vực, liên khu vực và toàn cầu hóa gắn với lợi ích thiết thực của mỗi quốc gia, vùng lãnh thổ trở thành mục tiêu và động lực đóng vai trò quan trọng trong việc quyết sách của mỗi nước.

Tuy nhiên những nguy cơ bất ổn về vấn đề an ninh truyền thống vẫn còn hiện hữu sau khi CTL⁸ kết thúc. Trong khi đó, các nguy cơ an ninh phi truyền thống ngày càng trở nên phức tạp, đòi hỏi sự phối kết hợp mang tính xuyên biên giới, thậm chí toàn cầu. Xét một cách toàn diện, đặc trưng nổi bật nhất giai đoạn đầu sau CTL là hòa bình, phát triển, các nước áp dụng phương châm thỏa hiệp, né tránh đối đầu, lấy trao đổi kinh tế-thương mại là động lực và đòn bẩy trong hợp tác, các nguy cơ an ninh lớn nhỏ dù vẫn tồn tại, song khả năng khó xảy ra một cuộc chiến mang tầm quốc tế. Trong bối cảnh sau CTL, Trung Quốc trở thành nước lớn đang lên, là một trong năm thành viên thường trực của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc (HĐBA LHQ) nên vai trò và trách nhiệm của Trung Quốc sau CTL cũng trở nên lớn hơn, đòi hỏi sự tham gia đóng góp và những ứng xử quốc tế phù hợp của nước này. Bối cảnh quốc tế mới, tạo ra nhiều cơ hội, lẫn thách thức cho chiến lược trỗi dậy của Trung Quốc hướng tới thế kỷ XXI.

Tình hình khu vực Đông Á: Giai đoạn cuối thập niên 1980 và đầu những năm 1990, tình hình khu vực Đông Á mang những đặc trưng của tình hình và bối cảnh quốc tế, tuy có những nét khác biệt tương đối. Xu thế hòa dịu Đông - Tây giữa Mỹ - Xô, quan hệ ấm lên giữa Xô - Trung, Xô - Mỹ giúp giảm bớt căng thẳng và chạy đua vũ trang. Trung Quốc không còn thúc ép Liên Xô ba điều kiện

⁸ Những cuộc chiến tranh xảy ra với quy mô và mức độ hủy diệt lớn cho thấy thời kỳ sau CTL bối cảnh thế giới còn nhiều vấn đề phức tạp, tác động không nhỏ tới xu thế hòa bình, ổn định và phát triển của nhân loại. Chẳng hạn cuộc chiến Vùng Vịnh nổ ra năm 1991 với những chiến dịch dữ dội của phương Tây như “Bão táp sa mạc” nhằm ngăn chặn sự xâm chiếm của Iraq đối với Cowait, chiến tranh Kosovo 1998, sau đó chiến tranh Iraq 2003, Afghanistan 2004, Libya 2010.

tiên quyết, ba điều kiện của Trung Quốc đối với Liên Xô là Liên Xô phải rút quân khỏi Afghanistan, giảm quân và vũ khí dọc biên giới Xô - Trung, ép Việt Nam rút quân khỏi Campuchia [34; tr.19]. Với mục đích để hai bên tiến tới bình thường hóa quan hệ nhanh hơn, tới năm 1991 khi Liên Xô tan rã, Trung - Nga nhanh chóng thiết lập quan hệ ngoại giao, bình thường hóa quan hệ hữu nghị (năm 1991). Trong thời gian 2-3 năm này, Trung Quốc thành công khi liên tiếp phá tan rào cản ngoại giao với hàng loạt các nước láng giềng, tạo ra thời cơ thuận lợi cho mục tiêu tăng tốc cải cách kinh tế, mở cửa hội nhập [23; tr.12].

Một điểm lợi cho Trung Quốc và khu vực đó là việc Mỹ, Nga cắt giảm quân lực và các căn cứ quân sự tại Đông Á. Năm 1991, Mỹ tuyên bố sẽ giảm quân Mỹ trong khu vực từ 140.000 còn 100.000 người vào năm 1992, đồng thời quyết định đóng cửa hai căn cứ không quân và hải quân lớn nhất của mình trong khu vực là Clark và Subic tại Philippines [34; tr.19]. Nga cũng tiến hành cắt giảm đáng kể số lượng tàu chiến và tàu ngầm của hạm đội Thái Bình Dương (TBD). Tới năm 2002, Nga rút hết lực lượng khỏi quân cảng Cam Ranh của Việt Nam. Việc làm trên giúp cho Nga có khả năng tập trung nguồn lực hạn hẹp để khôi phục nền kinh tế đang khủng hoảng thời kỳ sau CTL. Dấu hiệu trên cho thấy khả năng Mỹ, Nga quay trở lại đối đầu và gây ảnh hưởng như thời kỳ CTL tại Đông Á là khó và ít xảy ra [34; tr.20]. Với Nhật Bản, chính sách “Nhập Á” trong học thuyết Fukuda⁹ (1977) tạo ra tiền đề cho sự trở lại châu Á của nước này. Tới thập niên 1990, chính sách của Nhật thực thi tại Đông Á trở nên thuận lợi, gặt hái nhiều thành công lớn do các nước tiến hành cải cách, chuyển hướng kinh tế thị trường, cho phép tư bản nước ngoài đầu tư tiềm lực, tài chính, kinh nghiệm quản lý hiện đại. Các tập đoàn hàng đầu Nhật Bản như Honda, Sony, Panasonic.. trở thành điển hình cho sự hiện diện của các nhà đầu tư Nhật tại Việt Nam và nhiều nước trong khu vực.

⁹ Năm 1977, tại Manila, Thủ tướng Nhật Bản Fukuda cam kết Nhật Bản là quốc gia hòa bình, không sử dụng vũ lực, không tăng cường quân sự chống lại khu vực. Cam kết trên góp phần xây dựng niềm tin và quan hệ tin cậy lẫn nhau giữa hai bên.

Tại bán đảo Đông Dương, sự kiện Việt Nam rút hết quân khỏi Campuchia (26/9/1989), tới năm 1991 Hiệp định Paris về “vấn đề Campuchia” được ký kết. Trước đó 3 năm là mốc Việt Nam thực hiện Cải cách mở cửa, trong khi Lào, Campuchia trở nên bình ổn, theo chiều hướng trung lập hóa, ba nước Đông Dương đón nhận hòa bình, và cơ hội phát triển. Với tình hình trên, khả năng các nước lớn như Mỹ, Xô (sau là Nga) tạo dựng các liên minh với Đông Dương chống lại Trung Quốc gần như không có. Trung Quốc nhanh chóng bình thường hóa quan hệ hữu nghị trở lại với ĐNA trong thời gian từ cuối thập niên 1980 tới đầu những năm 1990. Vành đai an ninh phía Nam được đảm bảo, là điều kiện thuận lợi và lý tưởng giúp Trung Quốc tập trung phát triển trong nước, thúc đẩy tổng thể chính sách NGLG.

Quan hệ Mỹ-Trung sau CTL đứng trước nhiều cơ hội lẫn thách thức. Cơ hội lớn nhất là tiến trình hơn một thập kỷ hai nước bình thường hóa quan hệ (năm 1979), tạo ra nhiều cơ hội tiếp cận và thăm dò lẫn nhau giữa chính giới và doanh nghiệp hai nước. Tuy nhiên, sự kiện Thiên An Môn xảy ra bất ngờ (năm 1989) làm đảo lộn gần như tất cả, thể chế chính trị do Đảng Cộng sản Trung Quốc lãnh đạo đứng trước nguy cơ suy yếu và sụp đổ, Trung Quốc ở vị thế yếu hơn rất nhiều trong quan hệ với Mỹ. Để can dự vào khủng hoảng tại Trung Quốc, Mỹ tuyên bố Trung Quốc đi ngược lại xu thế dân chủ, đàn áp nhân quyền, dẫn tới các biện pháp cô lập, trừng phạt của Mỹ đối với Trung Quốc. Trong một tuyên bố cứng rắn tại thời điểm trên, phát ngôn của Tổng thống W.Bush nói: *“Hoa Kỳ sẽ tìm hệ thống tiền tệ quốc tế để hoãn tất cả các khoản cho vay mới đối với Trung Quốc”* [29; tr.389]. Phải đối mặt với thách thức tái ổn định trong nước và chống lại các áp lực từ bên ngoài, Trung Quốc không những không sụp đổ, mà còn mạnh mẽ vươn lên bằng nỗ lực dùng pháp trị, lấy lại sức hấp dẫn từ Cải cách mở cửa. GDP là minh chứng điển hình nhất cho sự thành công của Trung Quốc, trung bình mỗi năm đạt trên 10% giai đoạn 2002-2008 (trước đó trung bình 9,8%/ năm) [27; tr.42], là mức phát triển cao nhất trên thế giới. Tựu chung, châu

Á-Thái Bình Dương (CA-TBD), lấy thúc đẩy kinh tế, đầu tư, thương mại trở thành xu thế chủ đạo, Trung Quốc trở thành đầu tàu thúc đẩy nền kinh tế toàn cầu tăng trưởng, giải quyết khủng hoảng.

Bối cảnh thế giới và tình hình khu vực sau CTL trở nên đan xen các vấn đề phức hợp, các liên kết kinh tế mang tính phụ thuộc lẫn nhau tạo ra đặc tính vừa hợp tác, vừa cạnh tranh gay gắt. Trung Quốc tiến hành mạnh mẽ công cuộc Cải cách mở cửa, tận dụng tối đa các nguồn lực trong và ngoài nước dựa trên chính sách ưu đãi thuế, tài nguyên, nhân công giá rẻ, cũng như thu hút các dòng chảy về vốn, chất xám, khoa học công nghệ từ Hoa kiều và các tập đoàn tư bản nước ngoài. Với việc điều chỉnh chính sách tổng thể đối ngoại rộng mở, đa dạng, đa hình thức trên nhiều tầng nấc và lĩnh vực, ngoại giao là kênh quan trọng nhất giúp Trung Quốc kết nối tất cả các quan hệ chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội với khu vực và cộng đồng quốc tế. Thời cơ trên cũng góp phần tạo dựng những điều kiện căn bản cho chính sách Myanmar của Trung Quốc từ sau CTL đạt được những bước tiến thuận lợi.

Những đặc điểm địa-chiến lược châu Á của Trung Quốc

Trung Quốc có đường biên giới đất liền tiếp giáp 14 quốc gia lớn nhỏ¹⁰ với chiều dài hơn 22.800 km, đường bờ biển dài 18.000 km¹¹ tiếp giáp lãnh hải 6 nền kinh tế¹² [3; tr.1]. Nhưng, Trung Quốc ở thế bất lợi địa lý rất lớn khi so sánh với Mỹ¹³. Đại lục Trung Quốc, phần mặt Bắc bao phủ bởi 4195km biên giới với Liên bang Nga¹⁴. Ấn ngữ Đông Bắc Trung Quốc là bán đảo Triều Tiên chưa

¹⁰ LB Nga, Mông Cổ (Bắc Á), 3 trong 5 nước Trung Á (Kazakstan, Kyrgyzstan, Tajikistan), Nam Á (Pakistan, Ấn Độ, Nepal, Butan, Bangladesh), ĐNA (Myanmar, Lào, Việt Nam), Đông Á (Triều Tiên)

¹¹ Số liệu Trung Quốc đưa ra: 32.000 km² đường bờ biển trên đất liền và đảo. Số liệu khác nhau rất lớn, có thể do Trung Quốc tính gộp các vùng biển và hải đảo chiếm đóng của Việt Nam như Hoàng Sa, một số đảo đang có tranh chấp khác là quần đảo Trường Sa của Việt Nam, và với một số đảo của Philipines, thậm chí tính cả đường “Lưỡi bò” (Đường 9 đoạn) mà nước này tuyên bố vô căn cứ.

¹² Nga, Triều Tiên, Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan, Việt Nam.

¹³ Nước Mỹ là quốc gia 2 đại dương: ĐTD hướng về châu Âu, và TBD đối diện châu Á, mặt bắc tiếp giáp Canada, mặt nam là Mexico. Ngoài ra 2 bang không nằm trong đại lục là Hawaii trên TBD và Alaska tiếp giáp Bắc cực, Bắc Băng Dương và LB Nga. Do đó, Mỹ có vị thế chiến lược vô cùng thuận lợi.

¹⁴ Mông Cổ nằm giữa vùng biên giới giữa Trung Quốc và LB Nga (Trung Quốc coi là Ngoại Mông Cổ), là vùng đệm chiến lược giữa hai nước Nga, Trung. Cả hai nước đều có ảnh hưởng và lợi ích quan trọng tại đây.

thống nhất, vẫn còn trong tình trạng thời chiến, chệch xa một khoảng là Nhật Bản có sức mạnh kinh tế thứ 2, thứ 3 thế giới, cùng tham vọng chính trị nước lớn không suy giảm. Phía Nam là các quốc gia nhỏ và vừa trong ASEAN luôn có khuynh hướng đối lập và sự dè chừng trước tham vọng nước lớn của Trung Quốc. Nửa trên phía Tây bị che khuất bởi các quốc gia Trung Á¹⁵ tiếp giáp với khu vực hẻo lánh, bất ổn Tân Cương, Tây Tạng, chệch xuống phía Tây Nam là “chốt cửa” Myanmar mà ranh giới bên kia là Ấn Độ, cường quốc đang nổi lên tại châu Á, năm 1962 từng xảy ra chiến tranh biên giới Ấn - Trung, và hiện tại hai nước vẫn tồn tại tranh chấp chủ quyền liên quan một số bang phía bắc Ấn Độ. Sau CTL, nhằm mục tiêu vươn lên khẳng định vị thế và sức mạnh nước lớn, Trung Quốc tiến hành một chính sách NGLG mang tính tổng thể, làm giảm đi những căng thẳng và thù địch từ bên ngoài, thúc đẩy tối đa hóa lợi ích.

Nhân tố nội tại của Trung Quốc

Bước chuyển đổi trong tư duy và hành động của giới lãnh đạo Đảng Cộng sản Trung Quốc (ĐCSTQ):

Hội nghị lần thứ 3 Ban chấp hành Trung ương khóa XI Đảng Cộng sản Trung Quốc tháng 12/1978 với phiên trù bị kéo dài 40 ngày trước khi Hội nghị chính thức diễn ra (18-22/12/1978), đã đánh dấu mốc mở đầu sự nghiệp cải cách, mở cửa của Trung Quốc, mà một trong những giá trị lý luận mang tầm thế kỷ là thay đổi nhận thức về thế giới. Cụ thể là sau rất nhiều ngày tranh luận, đấu tranh gay gắt trong nội bộ lãnh đạo cấp cao giữa phái Bảo thủ đứng đầu là Hoa Quốc Phong và phái Cải cách đứng đầu là Đặng Tiểu Bình, cuối cùng phái Cải cách đã thắng thế, và Hội nghị đã đưa ra kết luận rằng: Thời đại ngày nay không phải là thời đại “cách mạng và chiến tranh”, mà là thời đại “hòa bình và phát triển” (trên thực tế, bắt đầu từ Hội nghị TW3 cho đến tận ĐH 18 ĐCSTQ (11/2012), chủ đề hòa bình và phát triển luôn được đưa vào các văn kiện đại hội Đảng). Chính vì

¹⁵ Trong CTL, Trung Á là một phần thuộc Liên bang Xô viết, hiện tại khu vực này đang trở thành địa bàn cạnh tranh chiến lược chủ yếu giữa ba nước: Mỹ, Nga, Trung.

nhận thức nội dung cơ bản của thời đại là hòa bình và phát triển mà tại Hội nghị này cũng như từ đó về sau, ĐCSTQ khẳng định không lấy đấu tranh giai cấp làm then chốt (hay cương lĩnh) nữa, mà lấy xây dựng và phát triển kinh tế làm trọng tâm, lấy “4 hiện đại hóa” (hiện đại hóa công nghiệp; nông nghiệp; khoa học-kỹ thuật và quân sự- quốc phòng) làm cơ sở. Chính vì những chuyển biến mang tính bước ngoặt nêu trên mà Hội nghị lần thứ 3 BCHTW khóa XI ĐCSTQ được đánh giá là “Cuộc giải phóng tư tưởng lần thứ nhất”. (ĐH XIV (1992) với quyết định chuyển sang xây dựng kinh tế thị trường Xã hội chủ nghĩa được coi là lần giải phóng tư tưởng thứ hai. ĐH XV (1997) với việc đề ra quan điểm mới về chế độ sở hữu trong nền kinh tế thị trường Xã hội chủ nghĩa thì được coi là lần giải phóng tư tưởng thứ ba). ĐCSTQ xác định rõ: **Một, đặt lợi ích dân tộc cao hơn mục tiêu ý thức hệ.** Đại hội XII ĐCSTQ (1982), lần đầu tiên công khai tuyên bố coi “lợi ích dân tộc” là điểm xuất phát cơ bản cho công tác ngoại giao [42]. Sau 14 lần sửa đổi, Điều lệ ĐCSTQ mới đã loại bỏ cách nói “Chủ nghĩa quốc tế vô sản”. Mặt khác Đại hội ĐCSTQ lần thứ XII cũng xác định chiến lược ngoại giao hòa bình, độc lập, tự chủ. **Hai, nhận định xu hướng phát triển thời đại và cục diện thế giới mới.** Năm 1988 khi tiếp đoàn Nhật Bản và Ấn Độ do Thủ tướng Raghup Gandhi, ông Đặng Tiểu Bình khẳng định. “Lĩnh vực chính trị quốc tế đã từ chỗ đối đầu chuyển sang đối thoại, từ căng thẳng chuyển sang hòa dịu” [42; tr.127]. “Quan hệ Mỹ, Xô đã được cải thiện, đàm phán Đông Tây cũng có kết quả và thực chất¹⁶” đồng thời coi xu hướng này là một trong những căn cứ về hòa bình là điều có hy vọng [40; tr.166].

Quá trình Cải cách mở cửa của Đặng Tiểu Bình: Sau những thăng trầm trên vũ đài chính trị, Đặng Tiểu Bình trở lại với chức vụ Phó Thủ tướng. Ông thực hiện bước chuyển đổi “Trung Hoa vĩ đại” xuất phát điểm từ Hội nghị Trung ương 3 khóa XI (12/1978), đó là lúc công cuộc Cải cách mở cửa của Trung Quốc

¹⁶ Trước đó, vào ngày 4/3/1985 Đặng Tiểu Bình từng đánh giá: “Hiện nay chiến lược mang tính toàn cầu gồm hai vấn đề: một là vấn đề hòa bình, hai là vấn đề kinh tế còn gọi là vấn đề phát triển. Vấn đề hòa bình là vấn đề Đông – Tây; vấn đề kinh tế là vấn đề Nam – Bắc; khái quát lại là 4 chữ Đông - Tây - Nam - Bắc. Nam - Bắc là vấn đề trung tâm [29; Tr.377].

chính thức bắt đầu. Trong Văn kiện Đại hội ĐCSTQ đã nhận định *“Tình hình hiện nay ở Trung Quốc thật sự nghiêm trọng và hết sức cấp bách, đòi hỏi Trung Quốc phải cải cách và mở cửa, nếu không dân tộc Trung Hoa sẽ càng lạc hậu hơn và không còn vị trí cần có trên trường quốc tế nữa”* [38; Tr.6].

Việc xác định rõ lợi ích dân tộc là cốt lõi, cùng tính dự báo chuẩn xác xu hướng vận động chủ đạo của thời đại là hòa bình, hợp tác và phát triển đã mở ra cách tiếp cận chính sách thực dụng và hiệu quả của Trung Quốc từ thập niên 1980 trở đi, đặc biệt là giai đoạn từ sau CTL. Cuối thập niên 1980, Trung Quốc, tiến hành điều chỉnh chính sách với các nước có chung đường biên giới xung quanh. Giữa Đại hội ĐCSTQ khóa XIII / 1988, nhà lãnh đạo Đặng Tiểu Bình và Bộ Chính Trị Trung Quốc ra chỉ thị về đường hướng đối ngoại thân thiện, hữu ái với các quốc gia láng giềng. Bước vào thập niên 1990, CTL kết thúc, tình hình thế giới và khu vực thay đổi nhanh chóng, tạo điều kiện cho NGLG phát triển.

Chính sách NGLG trở thành một trong những ưu tiên trụ cột trong chiến lược đối ngoại, đáp ứng phù hợp với tiến trình mở cửa hội nhập của Trung Quốc. NGLG ra đời tại thời điểm đó cho thấy nền đối ngoại của Trung Quốc đã có sự chuyển đổi không chỉ đơn thuần về phương châm lý luận với khẩu hiệu mang tính hô hào, sáo rỗng, mà bước sang giai đoạn đối ngoại kết hợp song hành giữa yếu tố lý luận biện chứng gắn với những chương trình, kế hoạch hành động cụ thể. Năm 1992, Ngoại giao Trung Quốc đưa ra nội hàm mới trong quan hệ với các nước láng giềng, đó là việc: Trung Quốc khẳng định sẽ tiếp tục đi theo con đường phát triển hòa bình, kiên trì mở cửa đối ngoại, sẵn sàng hợp tác cùng có lợi với các nước trên thế giới, trong đó Trung Quốc hết sức coi trọng phát triển quan hệ hợp tác hữu nghị với các nước láng giềng theo phương châm *“mục lân”, “an lân”, “phú lân”* (thân thiện, hữu nghị với láng giềng; an ninh, yên ổn với láng giềng và cùng làm giàu với láng giềng). Xuyên suốt trên hai thập niên qua, NGLG ngày càng đóng vai trò quan trọng, phát triển lên tầng-nấc mới với quy mô trên cả bề rộng lẫn chiều sâu [22; Tr.30]. Đồng thời kết hợp với *“Năm*

nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình” đóng vai trò trở thành nền tảng chính trị - ngoại giao châu Á của Trung Quốc. Tới năm 2003, một số học giả Trung Quốc đưa ra khái niệm “chu biên” (biên giới bao quát xung quanh), theo đó khái niệm láng giềng của Trung Quốc được mở rộng tới Tây Á, châu Úc, Nam TBD, thậm chí bao gồm cả Mỹ. Về khía cạnh phát ngôn chính thống, ngày 19/9/2003 Bộ trưởng Ngoại giao Trung Quốc, Đường Gia Triển đưa ra thêm khái niệm mới về chính sách NGLG với phương châm: “*Láng giềng thân thiện, láng giềng bình yên, láng giềng giàu có*” nhằm làm sâu sắc thêm nội hàm của chính sách này. Đến ngày 7/10/2003, tại Bali, Indonesia, ông Đường Gia Triển đưa ra nguyên tắc ngắn gọn và cô đọng: “*Thân thiện với láng giềng, làm bạn với láng giềng*”. NGLG từ thập niên 2000 trở lại đây được chia làm hai giai đoạn lớn: 1) Giai đoạn 2003-2009 NGLG đóng vai trò tăng cường và kết nối chính sách riêng rẽ cũng như tổng thể của Trung Quốc với các nước láng giềng xung quanh, tuy nhiên, NGLG vẫn chưa thể thoát ra khỏi nền ngoại giao coi trọng quan hệ song phương nước lớn của Trung Quốc. 2) Giai đoạn 2009-2015, NGLG ngày càng đóng vai trò quan trọng trong ưu tiên đối ngoại của Trung Quốc. Đặc biệt từ năm 2014 trở lại, NGLG có phần trở nên độc lập và được coi trọng không thua kém so với ngoại giao ưu tiên nước lớn của Trung Quốc.

1.1.2.2 Nội dung chính sách Ngoại giao láng giềng của Trung Quốc

Mục tiêu của Trung Quốc sau CTL là trụ chân vững chắc ở châu Á¹⁷, lấy châu Á, cùng các nước láng giềng làm vũ đài chính để vươn ra thế giới. Trong đó, Trung Quốc thực hiện chính sách phi tư tưởng hóa quan hệ, đề cao năm nguyên tắc chung sống hòa bình, không liên minh với bất cứ nước nào [60; Tr.43].

Các nhiệm vụ chính: Một là, khôi phục và cải thiện quan hệ chính trị với các nước láng giềng xung quanh, từng bước xây dựng khuôn khổ quan hệ ổn

¹⁷ Theo Lưu Minh Phúc, Trung Quốc chiến lược cần trải qua 3 giai đoạn: i) Giai đoạn sinh tồn (Trung Quốc trong Trung Quốc, giai đoạn 1 – hiện tại Trung Quốc đã làm được); ii) Giai đoạn Trung Quốc trong châu Á (giai đoạn 2 – từ sau CTL tới nay: Trụ chân vững chãi, khẳng định vị thế số 1); iii) Trung Quốc trên thế giới (giai đoạn 3 – vươn ra thế giới, cuối cùng vượt qua Mỹ để lãnh đạo thế giới) [19; tr.124-133].

định lâu dài, thúc đẩy quan hệ kinh tế, thương mại, mở rộng các lợi ích chung với các nước. *Hai là*, hướng tới giải quyết những vấn đề tồn tại về biên giới lãnh thổ, đặc biệt trên đất liền với các nước có chung biên giới, ổn định tình hình an ninh và trật tự tại các vùng biên giới, thực hiện chính sách mở cửa toàn phương vị (ra khắp các hướng, mạnh mẽ và triệt để trên các lĩnh vực). *Ba là*, xây dựng các hình thức tập hợp lực lượng dựa trên sức hấp dẫn kinh tế từ Cải cách mở cửa để bước đầu tranh giành ảnh hưởng cùng Mỹ tại Đông Á. *Bốn là*, tăng cường hợp tác khu vực, phát huy vai trò của Trung Quốc ở các tổ chức khu vực, các diễn đàn khu vực, Thúc đẩy việc hình thành các cơ chế đa phương với vai trò ngày càng chủ đạo của Trung Quốc, phục vụ cho lợi ích nước lớn của Trung Quốc.

Các bước thực hiện chính sách NGLG: a) Thúc đẩy việc xây dựng và hoàn thiện cơ chế hợp tác đa phương tại Đông Bắc Á, ĐNA, Trung Á.. (trong đó tham gia các tổ chức đa phương như diễn đàn ARF, ASEAN, SCO, APEC, ASEAN 10 + 1, ASEAN 10 + 3, Đối thoại an ninh Đông Bắc Á, Hội nghị cấp cao Đông Á..). b) Tăng cường việc trao đổi các phái đoàn cấp cao chính trị và văn hóa. c) Tăng cường phát triển toàn diện nội lực, kết hợp học hỏi và giao lưu kinh nghiệm với các nước láng giềng. d) Phát huy vai trò nước lớn trong khu vực “cỗ máy bình ổn¹⁸”, là động cơ thúc đẩy nền kinh tế của khu vực châu Á, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho hòa bình, phồn vinh của khu vực.

Một số bước triển khai chính sách NGLG

* *Chính trị - Ngoại giao*, lần lượt Trung Quốc bình thường hóa quan hệ với: Myanmar, Ấn Độ năm 1988, với Mông Cổ năm 1989, với Singapore, Indonesia, Campuchia, Lào năm 1990, với Nga, Việt Nam năm 1991, với Brunei, Hàn Quốc năm 1992. (Trước đó, giai đoạn 1, Trung Quốc năm 1960, đã ký Hiệp định biên giới trên bộ với 5 nước là: Myanmar, Nepal, Mông Cổ, Afghanistan, Pakistan). Đồng thời với “ngoại giao con thoi”, lãnh đạo Trung Quốc như Lý

¹⁸ Cuộc khủng hoảng kinh tế- tài chính châu Á 1997, Trung Quốc làm 2 việc lớn : i) không phá giá đồng Nhân dân tệ, giúp duy trì cán cân thương mại cho các nước gặp khủng hoảng ; ii) lập quỹ ủng hộ những nước khủng hoảng nhất mà không kèm điều kiện trong tuyên bố, ví dụ: cho Thái Lan vay 1 tỷ US\$) [28].

Bằng tiến hành hàng loạt các chuyến thăm cấp cao tới nhiều nước láng giềng nhằm mở ra thời kỳ bình thường hóa [23; Tr.12].

* *Vấn đề biên giới*: Giải quyết các tranh chấp biên giới với các nước láng giềng. Trung Quốc tiến hành đàm phán, ký kết Hiệp định Biên giới với Lào trong tháng 10/1991. Ký kết Nghị định thư xác định ngã ba biên giới ba nước: Trung Quốc - Lào - Việt Nam năm 2006, ký kết Hiệp định Biên giới với Việt Nam 1999, với Nga, Kazakhstan, Kyrgyzstan năm 2004. Năm 2005 Trung Quốc ký với Ấn Độ “Hiệp định Nguyên tắc Chỉ đạo Chính trị giải quyết vấn đề Biên giới lãnh thổ” với đường biên dài 2000km, diện tích tranh chấp 125.000km² [22; tr.42].

* *Ngoại giao đa phương*: Trung Quốc chủ xướng thành lập Diễn đàn Hợp tác Thượng Hải 1996, sau đó nâng thành Tổ chức Hợp tác Thượng Hải (SCO) năm 2001, lập diễn đàn châu Á Bắc Ngạo diễn ra hằng năm tại Hải Nam, tích cực tham gia diễn đàn Đối thoại châu Á (ACD), đặc biệt các cơ chế ASEAN-Trung Quốc 1991, ARF 1994, ASEAN +3 1997, Cấp cao Đông Á EAS 2005.

* *Kinh tế- thương mại*: Đẩy mạnh kim ngạch thương mại với tất cả các nước láng giềng theo 3 hướng: i) Duy trì tăng trưởng ổn định thương mại với các đối tác như. Nhật, Hàn. ii) Tăng nhanh thương mại với các nước còn nhiều triển vọng như: ASEAN, Nga, Ấn Độ (25-30%/ năm). iii) Thúc đẩy mạnh mẽ với các nước láng giềng nhiều tiềm năng như Myanmar, Lào, Campuchia, Việt Nam, Trung Á (trên 30%/năm) [22; tr.42].

Việc hoạch định lấy châu Á là trung tâm, Đông Á là điểm nhấn, bên cạnh trục Trung - Mỹ có vị trí ưu tiên số 1 trong bố cục tổng thể chính sách đối ngoại của Trung Quốc. Thứ tự ưu tiên: i) nước lớn là “nhân tố mấu chốt”. ii) láng giềng là “nhân tố quan trọng”. iii) các nước đang phát triển là “nền móng”. iv) đa phương là “vũ đài quan trọng” [28; tr.249]. Chính sách NGLG có vai trò trung tâm giúp Trung Quốc tái kết nối các quan hệ hữu nghị với các nước láng giềng, xóa bỏ vành đai biên giới thù địch vốn hiện hữu trong CTL. Đối tượng cụ thể bao gồm: Nhật, Nga, Ấn Độ, ASEAN và các nước còn lại tựa như các nan hoa

cùng chung một điểm kết nối vào đại lục, tạo thế vành đai và cũng là vùng đệm chiến lược của Trung Quốc.

Một số đặc điểm nổi bật trong chính sách Ngoại giao láng giềng của Trung Quốc với Myanmar và liên hệ với các nước láng giềng xung quanh: Một số nước như Lào, Campuchia, Việt Nam là láng giềng có nhiều điểm chung với Myanmar, đều nằm trong khu vực vành đai biên giới Tây Nam của Trung Quốc, bởi thế chính sách NGLG của Trung Quốc với các nước trên sẽ có nhiều nét tương đồng lẫn nhau.

- Chính sách của Trung Quốc đối với Myanmar đã giúp giới quân sự tại Myanmar duy trì quyền lực và biện minh cho tính chính đáng của họ trong suốt hơn hai thập niên qua. Tuy nhiên, chính sách trên gây ra rất nhiều những tác động xấu cho Myanmar và tình hình khu vực, có thể ví chính sách Myanmar của Trung Quốc như một bài học hiện thực, giúp cho một số nước ở ĐNA đang có xu hướng thân Trung Quốc nhận ra những được, mất khi quá gần gũi với Trung Quốc trong những tính toán chính sách của họ.

- Để can dự vào vấn đề nội bộ của một nước láng giềng, Trung Quốc thường xuyên viện tới “trò chơi hai mặt”. Bằng những thủ đoạn lúc công khai, lúc ngầm ngầm, Trung Quốc hỗ trợ tiền tài, vật lực, thậm chí cả sức ép chính trị để bảo trợ các nhóm nổi dậy dọc biên giới hai nước gây ra tình trạng cát cứ kéo dài tại Myanmar. Giai đoạn về sau này, Trung Quốc né tránh chính sách “hai mặt” với Myanmar, tuy nhiên, nếu những lợi ích của Trung Quốc không được đảm bảo, không loại trừ khả năng Trung Quốc tiếp tục viện tới chính sách trên nhằm đạt được những mục đích thực dụng, giống như trong và sau cuộc chiến tranh biên giới Trung-Việt 1979, vấn đề người Hoa và các dân tộc thiểu số gốc Hoa dọc 6 tỉnh biên giới Việt-Trung đã trở thành công cụ đắc lực trong truyền bá và gây sức ép của Trung Quốc lên Việt Nam.

- Trong những hoàn cảnh đặc biệt, Trung Quốc thường thực hiện chiêu thức liên minh chiến lược tạm thời¹⁹, không có sự hứa hẹn, ràng buộc hay cam kết lâu dài, nhằm tối đa hóa lợi ích trong từng hoàn cảnh cụ thể. Theo trường phái Hiện thực, đại diện tiêu biểu nhất là Palmerston, “Không có bạn thù vĩnh viễn, chỉ có lợi ích quốc gia là vĩnh cửu²⁰”. Liên minh Yangon-Bắc Kinh từ cuối thập niên 1980 là điển hình trong chính sách thực dụng của Trung Quốc.

- Trung Quốc triển khai chính sách trên những lĩnh vực trọng điểm và then chốt, không dàn trải và không đầu tư quá rộng. Với các nước láng giềng giàu tài nguyên thiên nhiên, Trung Quốc chọn lọc kỹ lưỡng lĩnh vực hợp tác, tập trung trọng điểm trong khai thác năng lượng, mỏ khoáng sản, đá quý, các dự án thủy điện, xây dựng thủy điện, các nhà máy như: xi măng, hóa chất, gang thép, nhựa, may mặc.. Những lĩnh vực kém hấp dẫn, phía Trung Quốc không mấy quan tâm như phát triển bền vững, bảo vệ môi trường, xóa đói giảm nghèo. Các dự án khai thác tài nguyên của các tập đoàn Trung Quốc tại Myanmar là những trường hợp điển hình. Trong khi đó, tại Việt Nam, Trung Quốc hướng tới các dự án khai thác quặng Apatite (Lào Cai, Yên Bái), Bô Xit Tây Nguyên. Tại Lào, các dự án hạ tầng công trình xã hội, các dự án thủy điện và khai thác than, sắt, đồng. Tại Campuchia, Trung Quốc tận thu khai thác lâm sản, thuê đất làm đồn điền chăn nuôi và phát triển cây công nghiệp (cao su, mía đường..). Đối với Lào, Campuchia, Trung Quốc mở các hành lang cao tốc nối Vân Nam với Bắc Lào, xây dựng những khu thương mại sầm uất tại Viên Chăn, Luangphrabang, Phnompenh, Siemriep, cũng như sự hiện diện ngày càng đông đảo của dân cư Trung Quốc làm ăn, buôn bán và định cư tại các nước trên.

¹⁹ (i) Từ khi nước Trung Hoa mới, đến đầu thập niên 1960, Trung Quốc thực hiện CL “Nhất biên đào”, ngã theo Liên Xô. (ii) Đầu thập niên 1960 “Phản đế, phản tu” (chống cả Xô lẫn Mỹ, Trung Quốc phát động cả thế giới làm cách mạng). (iii) Chiến lược “Một đường thẳng” thập niên 1970, Trung Quốc, Mỹ, Nhật Bản, Pakistan, Iran, Thổ Nhĩ Kỳ, châu Âu là những nước nằm trên cùng một vĩ độ đoàn kết với nhau và đoàn kết với một loạt các nước Á, Phi, Mỹ Latinh, cùng nhau đối phó với Liên Xô. (iv) Chiến lược giai đoạn hiện nay “Ngoại giao hòa bình, độc lập, tự chủ”, chính sách cùng chung sống hòa bình đối với các quốc gia có chế độ chính trị khác nhau [28; tr.147-163].

²⁰ Trong vai trò là Thủ tướng, Ngoại trưởng Anh quốc, Palmerston đã đọc bài diễn văn trước Nghị viện Anh với nội dung: “*Britain had no eternal allies and no perpetual enemies, only interest that were eternal and perpetual.*” Xem thêm trong [51; tr.82-83], [131].

- Kinh tế: với láng giềng xung quanh, Trung Quốc đàm phán mở các cửa khẩu, thành lập các khu kinh tế mở nhằm đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa, lưu thông thương mại (nổi bật như Muse-105 Mile, Laizar, Lweje và Chinshwehaw với Myanmar hay Hà Khẩu, Tân Thanh với Việt Nam²¹). Thành lập nhiều ủy ban hỗn hợp kinh tế (ủy ban hỗn hợp kinh tế Trung-Việt, Trung-Miến..), ký kết hàng loạt các hiệp định kinh tế-thương mại và đầu tư, đi kèm chính sách viện trợ. Ký kết FTA song phương với từng nước và đa phương với các nhóm nước (ví dụ, CAFTA-Khu vực Mậu dịch Tự do Trung Quốc-ASEAN). Tích cực tham gia các diễn đàn, các hội nghị nhằm nâng cao vị thế, vai trò và sự can dự vào các vấn đề khu vực. Trung Quốc luôn coi sức mạnh của tăng trưởng kinh tế gắn liền với dòng chảy đầu tư về vốn, khoa học công nghệ và quản lý, song hành với việc không ngừng nâng cao quy mô kim ngạch thương mại trên cơ sở (i) thể chế hóa việc thúc đẩy hợp tác trên cơ sở văn bản luật định, (ii) tiến hành xây dựng hạ tầng cơ sở và các công cụ phục vụ cho việc triển khai chính sách.

- Với các nước vừa và nhỏ Trung Quốc nhấn mạnh tới quan niệm mới về an ninh tổng hợp dựa trên cơ sở lợi ích chung, các vấn đề an ninh phi truyền thống, đồng thời đẩy mạnh viện trợ quân sự, bán vũ khí với giá ưu đãi và chuyển giao công nghệ sản xuất đạn dược cho Pakistan, Campuchia, Myanmar, Lào, Thái Lan.. để tăng cường cạnh tranh ảnh hưởng quân sự với Mỹ [22; tr.44].

- Tăng cường sức mạnh mềm: tiếp tục áp dụng cách “tiếp cận mềm” và sử dụng các công cụ của “quyền lực mềm” đối với khu vực²². Tăng cường chính trị song phương, gây ảnh hưởng tới nội bộ các nước nhằm tranh thủ sự ủng hộ và hưởng ứng từ những nhân vật và đảng phái quyền lực (trường hợp Myanmar, các học giả cho rằng Bắc Kinh ra mặt hậu thuẫn Thủ tướng Khin Nyunt vì cho rằng ông này có khả năng kế vị Thống tướng Than Shwe. Tại Lào, Campuchia, Trung

²¹ Trung Quốc đã mở 5 cửa khẩu cấp nhà nước để buôn bán với các nước ĐNA, trong đó ba cửa khẩu buôn bán với các Việt Nam (Hữu Nghị Quan, Đông Hưng- Móng Cái, Hà Khẩu- Lào Cai của Việt Nam) [10; tr.211-212].

²² Mạng Tân Hoa xã, “Tăng cường sức mạnh mềm là nhiệm vụ ‘cứng’ trong giai đoạn hiện nay”, Ngày 4/9/2006.

Quốc cũng không ngần ngại hỗ trợ đắc lực những nhân vật uy quyền chính trị bằng chính sách mời chào, tiếp đãi trọng thị đi kèm những khoản biếu tặng hậu hĩnh khi các dự án được thông duyệt cho Trung Quốc). Bên cạnh đó, Trung Quốc thường dùng quy mô thương mại và viện trợ, kết hợp đẩy mạnh truyền bá văn hóa, ngôn ngữ, nghệ thuật, y học cổ truyền, du học, võ thuật, phim ảnh làm công cụ tăng cường sức ảnh hưởng mềm tại ĐNA. (Trung Quốc mở hàng trăm học viện Khổng Tử ở nhiều nơi trên thế giới, đặc biệt là tại ĐNA).

Chính sách NGLG của Trung Quốc với mỗi nước khác nhau có những ưu tiên khác nhau, cách thức tiến hành chính sách cũng khác nhau. Nhưng, đặc trưng nổi bật của nó gồm những điểm chính sau: **Một**, *tính nhất quán, kiên định và xuyên suốt trong các tuyên bố chính sách.* **Hai**, *tùy theo diễn biến môi trường, hoàn cảnh, giai đoạn và điều kiện cụ thể, chính sách của Trung Quốc sẽ có sự điều chỉnh nhanh chóng, linh hoạt, tinh tế, thậm chí gây sức ép nhằm nhanh chóng thích ứng.* **Ba**, *sử dụng các lợi thế kinh tế, dung lượng thương mại, đầu tư, viện trợ, kết hợp cùng ngoại giao nước lớn, thậm chí phô diễn quân sự nhằm tạo ra sức ép chính sách toàn diện.* **Bốn**, *khi rơi vào những vấn đề nhạy cảm, nguyên thủ cấp cao thường im tiếng, tránh dư luận quốc tế.* **Năm**, *gây sức ép nhằm đạt mục tiêu song phương trong đàm phán liên quan tới các vấn đề tranh chấp thay vì đa phương, do lo sợ bị quốc tế hóa vấn đề, ở thế bất lợi.* **Sáu**, *ngôn từ và hành động thường bất nhất.* **Bảy**, *Hoa kiều luôn là một nhân tố then chốt giúp kết nối Trung Hoa đại lục với các nước nơi họ sinh sống và làm việc. Nhưng lực lượng đông đảo này có thể bị lợi dụng và trở thành “tiền đồn” bị Trung Quốc lợi dụng.* **Tám**, *khi cần tập hợp lực lượng, xoa dịu hoặc phân tán dư luận trong nước, nguyên thủ Trung Quốc thường tạo ra các sự kiện bất thường nhằm chữa mũi nhọn ra bên ngoài, giảm đi áp lực chính trị bên trong.* **Chín**, *ảnh hưởng chính trị của phái quân sự bị suy giảm, dẫn tới các động thái kích động hoặc gây sự chú ý chính sách trong Trung Quốc, sẽ tác động tới an ninh khu*

vực. **Mười**, các quốc gia láng giềng vừa là “phên dậu” cho Trung Quốc, vừa là “bàn đạp” trong Đại chiến lược vươn tầm thế kỷ XXI của Trung Quốc.

1.2 Cơ sở thực tiễn định hình chính sách Myanmar của Trung Quốc

1.2.1 Quan hệ hai nước Trung Quốc-Myanmar trong Chiến tranh lạnh

Trải qua 4 thập kỷ (mục chủ yếu sử dụng tên gọi Miến Điện nhằm đảm bảo tính xác thực của lịch sử), mối quan hệ hai bên trải qua 3 giai đoạn, với những diễn biến phức tạp như sau :

- **Giai đoạn 1949-1962: Khởi đầu tốt đẹp**, là khoảng thời gian hai nước mới giành độc lập, sự hỗ trợ lẫn nhau giữa hai bên tương đối cao. Các cấp độ từ phương diện giao lưu nhân dân tới chính phủ giữa hai nước diễn ra thuận lợi. Tuy nhiên, từ năm 1949, ĐCSTQ²³ bắt đầu tiến hành hỗ trợ cho Đảng Cộng sản Miến Điện (ĐCSMD²⁴), nhưng mặt khác hối thúc Miến Điện là quốc gia đầu tiên trên thế giới không nằm dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản thừa nhận sự hợp hiến của Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa²⁵ [103; tr.66]. Sau khi thiết lập quan hệ ngoại giao, Miến Điện tích cực ủng hộ Trung Quốc thay thế Đài Loan làm ủy viên thường trực HĐBA LHQ, nhưng phản đối Trung Quốc đưa quân vào Tây Tạng. Đây được cho là giai đoạn chung sống hòa bình, mối quan hệ hai bên tốt đẹp. Phía Miến Điện nằm dưới sự lãnh đạo của Liên đoàn Tự do Nhân dân chống Phát xít (AFPFL) và Đảng Liên đoàn (UP), nhưng không có sự đối kháng với ĐCSTQ. Quan hệ tốt đẹp hai nước dưới thời Thủ tướng U Nu trong thập niên 1950, được định danh “Pauk-Phaw” (tình hữu nghị anh em hai nước)[73; Tr.8]. Theo cách nói của Trung Quốc, “Bão bō” hay “xiōng dī” có nghĩa tình “huynh đệ” [169]. Tuy nhiên, năm 1956, từng xảy ra tranh chấp căng thẳng biên giới giữa hai nước. Đầu năm 1956, Quân giải phóng Nhân dân Trung Quốc

²³ ĐCSTQ được thành lập năm 1921. Hiện nay là Đảng hạt nhân cầm quyền, bên cạnh 8 đảng phái khác tồn tại tại TQ, số lượng đảng viên hiện nay khoảng 86,7 triệu người.

²⁴ ĐCSMD được thành lập từ năm 1939, với lực lượng rất mạnh trong giai đoạn khởi đầu và vào các thập niên sau đó.

²⁵ Ngày 17/12/1949, Miến Điện là nước ĐNA không Cộng sản đầu tiên công nhận Cộng Hòa Nhân dân Trung Hoa. Hai nước thiết lập quan hệ Ngoại giao năm 1950.

(PLA) được cho là chiếm đóng gần 1000 dặm vuông của Miến Điện dọc biên giới hai bên [73; Tr.29]. Sau đó, hai nước tích cực giải quyết bốn khu vực tranh chấp ở vùng biên giới giữa bang Kachin và khu tự trị Tây Tạng, giữa bang Shan và tỉnh Vân Nam [26; Tr.176-177].

Ngày 28/1/1960, Hiệp định giải quyết trên nguyên tắc những vấn đề biên giới và Hiệp định thúc đẩy hòa bình và hữu nghị giữa hai nước Miến Điện-Trung Quốc được Thủ tướng Ne Win và Chu Ân Lai ký kết, nhân chuyến thăm của ông Ne Win tới Trung Quốc. Tháng 1/1961, Thủ tướng Trung Quốc Chu Ân Lai thăm Miến Điện, hai bên cùng phê chuẩn các hiệp ước và hiệp định đã ký năm 1960. Trung Quốc thông báo cho Miến Điện vay tiền và viện trợ kỹ thuật. Các vấn đề tranh chấp biên giới lãnh thổ không tồn tại, nhưng quan hệ song phương tiềm ẩn khó khăn về vấn đề người Hoa tại Miến Điện và các hoạt động gây rối của ĐCSMĐ được Trung Quốc hậu thuẫn.

- **Giai đoạn 1962 – 1970: Quan hệ hai nước trở nên thăng trầm**, năm 1962 Ne Win làm cuộc đảo chính quân sự, thành lập Đảng Cương lĩnh Xã hội Chủ nghĩa (BSPP), chọn đường lối “trung lập” trong chính sách, không ngả theo siêu cường Xô, Mỹ, lẫn Trung Quốc. Trung Quốc liên tục gây sức ép nhằm tìm kiếm sự ủng hộ từ Miến Điện, nhưng không đạt kết quả. Năm 1962 xung đột Trung- Ấn về biên giới, lãnh đạo Miến Điện chỉ bày tỏ quan ngại, không đứng về bên nào. Năm 1969 xung đột biên giới Xô-Trung, Miến Điện cũng hành động tương tự.

Năm 1962 có 259 trường học người Hoa với 40 nghìn học sinh/sinh viên theo học, những trường này trên thực tế chống lại sự quản lý của Hội đồng giáo dục của chính phủ Miến Điện. Theo khảo sát 259 trường, chỉ duy nhất 2 trường tuyên bố quan điểm chính trị trung lập. 183 trường học (chiếm 70%), với 22 nghìn sinh viên đăng ký (56%) được tuyên bố rõ ràng là phái ủng hộ/thân Trung Quốc. Tất cả các trường học người Hoa nằm dưới sự chỉ đạo của Đại sứ quán Trung Quốc tại Yangon [73; Tr.166]. Những lực lượng này trở thành mối đe dọa

tiềm ẩn đối với an ninh và ổn định của Myanmar. Từ năm 1967, chủ nghĩa dân tộc dâng cao tại Yangon, các cuộc tuần hành, biểu tình diễn ra mạnh mẽ, sau đó biến thành các làn sóng bạo động mất kiểm soát chống lại các lợi ích của Trung Quốc tại Miến Điện. Lý do là Mao Trạch Đông tìm mọi cách xuất khẩu cách mạng sang các nước ĐNA. Các phần tử Mao-ít được cài cắm trong cộng đồng Hoa kiều, lực lượng Hồng vệ binh đóng vai trò nòng cốt, cổ xúy người Hoa đeo phù hiệu Mao Chủ tịch.. Đám đông người dân tại Yangon đã tấn công Đại sứ quán Trung Quốc, các cửa hàng thuộc sở hữu của người Trung Quốc và sát hại một quan chức nước này [73; tr.66]. Tất cả những diễn biến trên khiến quan hệ ngoại giao song phương bị đình trệ xuyên suốt thời kỳ Đại cách mạng Văn hóa tại Trung Quốc (1966-1976), quan hệ hai nước căng thẳng và đối đầu.

Dù hai nước tuyên bố coi nhau là anh - em, nhưng, phía Trung Quốc theo đuổi chính sách “hai mặt”. Mặt thứ nhất, thực hiện mối quan hệ hữu nghị cấp nhà nước với chính quyền Yangon; mặt khác lại theo đuổi chính sách trên nền tảng hệ tư tưởng khi cho rằng ĐCSMQ và ĐCSMD có thể tự do theo đuổi chính sách đối ngoại của riêng mình. Bởi thế, mối quan hệ giữa hai đảng này, bao gồm các hỗ trợ quân sự được xem như là hai đảng anh em kéo dài trong nhiều thập kỷ [49; tr.24]. ĐCSMD với sự trợ giúp mạnh mẽ về vật lực từ ĐCSMQ khiến cho mối quan hệ giữa chính phủ Myanmar và Trung Quốc trở nên rạn nứt. Trong bối cảnh ĐCSMD với những hoạt động đi ngược lại tôn chỉ và chính sách của chính quyền quân sự Miến Điện, đã dẫn tới việc đàn áp ĐCSMD của các chính quyền Miến Điện. Đây là mâu thuẫn then chốt giữa hai nước xoay quanh vấn đề ĐCSMD. Bên cạnh đó, trong suốt hai thập niên 1950-1960 và đầu thập niên 1970, các hoạt động từ tàn dư của Quốc Dân Đảng (QDD) trong lãnh thổ Miến Điện cũng gây nhiều khó khăn cho chính phủ và quân đội Miến Điện trong cuộc chiến thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, cũng như gây ra những quan ngại an ninh đối với chính quyền Trung Quốc.

- Giai đoạn 1970 – 1991: Tiến trình hòa dịu hóa và thiết lập liên minh, trở nên rõ nét, đặc biệt từ khi Đặng Tiểu Bình lên lãnh đạo, thực hiện nhiều chính sách phù hợp. Trung Quốc, tiến hành cắt giảm hỗ trợ cho ĐCSMĐ, nhờ đó quan hệ hai nước ấm lên tương đối. Trên thực địa, PLA phối hợp với lực lượng biên phòng Miến Điện ngăn chặn tàn quân QĐĐ chạy trốn sang Vân Nam. Năm 1972, Trung Quốc thay thế Đài Loan trở thành ủy viên thường trực HĐBA LHQ, Mỹ chấp nhận đề nghị của Trung Quốc, ngừng phối hợp với Đài Loan chi viện cho QĐĐ tại Miến Điện [26; Tr.179-180], [73; tr.84-89]. Hệ quả tất yếu là tàn quân QĐĐ suy yếu và tan rã. Tới thập niên 1970 xu hướng hòa dịu giữa hai nước, các mối quan hệ trở nên ổn định, hai bên chính thức nối lại bình thường hóa quan hệ²⁶. Năm 1978, thăm Yangon, Đặng Tiểu Bình tuyên bố không ủng hộ, không giúp sức cho ĐCSMĐ, hành động này phần nào khôi phục lòng tin từ chính quyền Miến Điện [17; Tr.180]. Dù vẫn tiếp tục hậu thuẫn cho ĐCSMĐ, nhưng Trung Quốc đã cắt giảm dần việc hỗ trợ và bắt đầu thực hiện gây áp lực đối với các lãnh đạo trong ĐCSMĐ, yêu cầu nhóm này rút khỏi chiến trường và sang định cư tại Trung Quốc. Điều đó góp phần dẫn tới hệ quả tất yếu khiến ĐCSMĐ sụp đổ vào năm 1989²⁷, mở ra cơ hội mới cho Trung Quốc tái củng cố quan hệ Trung Quốc-Miến Điện vốn bị rạn nứt và chia rẽ nghiêm trọng kéo dài suốt nhiều thập kỷ do chính sách hai mặt mà nước này theo đuổi [75, tr.11].

Ngoài nhân tố ĐCSMĐ tan rã, một nhân tố có vai trò vô cùng quan trọng khác, chính là cuộc khủng hoảng chính trị-xã hội trầm trọng xảy đến tại cả Myanmar, lẫn Trung Quốc, tạo ra thời cơ để hai nước tạo dựng liên minh chính trị gần gũi, cần kíp trong khoảng thời gian cuối thập niên 1980.

²⁶ Sau thời gian quan hệ xấu đi, trải qua những nỗ lực ngoại giao, ngày 24/7/1971, theo lời mời của Thủ tướng Chu Ân Lai, Đại tướng Ne Win thăm Trung Quốc, hai nước chính thức bình thường hóa quan hệ [73; tr.85]

²⁷ Cuối năm 1989, quân đội Myanmar mở chiến dịch Pan Saing truy quét, tiêu diệt căn cứ cuối cùng của lực lượng vũ trang của ĐCSMĐ tại khu vực Kokang, phía bắc bang Shan, chấm dứt 50 năm tồn tại của ĐCS Miến Điện [73].

Biến động và khủng hoảng chính trị-xã hội tại Trung Quốc năm 1989

Mười năm của Đại cách mạng Văn hóa (1966-1976) để lại những hậu quả trầm trọng, khiến Trung Quốc suy yếu và kiệt quệ. Từ khi Đặng Tiểu Bình trở lại chính trường, là hạt nhân chủ chốt thực hiện công cuộc Cải cách mở cửa, Trung Quốc chính thức bước sang thời kỳ thúc đẩy cải cách và từng bước hội nhập ra bên ngoài. Tới cuối thập niên 1980, tuy đạt được nhiều thành quả quan trọng, chủ yếu từ những nỗ lực tập trung thúc đẩy kinh tế. Nhưng, những mâu thuẫn xã hội cũng từ đó gia tăng, đặt ra những thách thức về vai trò của ĐCS TQ trong việc bình ổn hệ thống chính trị-xã hội, công bằng dân chủ trong nước, trong bối cảnh những tác động từ quá trình giao thoa với thế giới phương Tây vào Trung Quốc diễn ra ngày một mạnh mẽ.

Sự kiện “Thiên an môn²⁸” (4/6/1989) xảy ra làm chấn động Trung Quốc và gây ra những làn sóng chỉ trích dữ dội của cộng đồng quốc tế đối với Trung Quốc. Sự kiện trên cho thấy Trung Quốc không chỉ sục sôi bởi các cuộc đấu đá quyền lực chính trị, mà còn tiềm ẩn nhiều thách thức có khả năng đe dọa tới sự tồn vong của nước này. Ngay sau khi sự kiện trên xảy ra, Mỹ và phương Tây đã tiến hành phong tỏa, cô lập Trung Quốc về chính trị, trừng phạt kinh tế, cấm các quan hệ thương mại, trao đổi khoa học công nghệ, chuyển giao vũ khí khiến Trung Quốc trở nên đơn độc và suy giảm sức mạnh rõ rệt.

Biến động chính trị tại Myanmar (Miến Điện) cuối thập niên 1980

Từ khi độc lập từ thực dân Anh năm 1948, Miến Điện chỉ trải qua khoảng thời gian 14 năm tương đối bình yên và phát triển. Giai đoạn từ 1962 tới trước 1988 là thời kỳ đen tối trong lịch sử Miến Điện. Hệ lụy từ gần ba thập kỷ khủng

²⁸ Do đỉnh điểm phong trào nổi ra và bị dập tắt trước thềm Quảng trường Thiên An Môn. Xuất phát từ các cuộc tuần hành lớn diễn ra nhiều tháng trước đó của giới sinh viên, trí thức nhằm gây sức ép, đưa các yêu sách đòi lãnh đạo Trung Quốc ban hành dân chủ, mở rộng cải cách thể chế và hướng tới các quyền tự do cá nhân nhiều hơn v.v. Trải qua vài tháng trong bế tắc, khi giới chức cao cấp cố gắng giải quyết khủng hoảng bằng vận động và thỏa hiệp, nhưng không đạt kết quả. Tới ngày 4 tháng 6, cao trào khủng hoảng lên tới đỉnh, không có xu hướng suy giảm, khi đoàn biểu tình hàng vạn người tập hợp kín tại các đường chính, các ngã tư, quảng trường Thiên An Môn tại Bắc Kinh cũng như các thành phố lớn khác như Thiên Tân, Thượng Hải, gây ra sức ép chính trị to lớn, không có dấu hiệu nhân nhượng v.v. Sau những lần gặp mặt của các lãnh đạo cao cấp như Tổng Bí Thư Triệu Tử Dương, Thủ tướng Lý Bằng không đạt được kết quả với đại diện phe biểu tình. Chính quyền trung ương cuối cùng phải dùng tới xiết quân luật và các biện pháp mạnh. Phong trào biểu tình, tuần hành kéo dài suốt nhiều tháng cuối cùng bị sụp đổ, thất bại.

hoảng, khép kín dẫn tới liên tiếp những làn sóng đấu tranh, nổi dậy của các lực lượng quần chúng nhân dân. Năm 1988, các cuộc bạo động xuất phát từ sinh viên lan rộng. Cuối tháng 7/1988, hàng vạn người đổ ra đường biểu tình chống chính phủ của Đảng Cương lĩnh Xã hội Chủ nghĩa Miến Điện (BSPP), kêu gọi thay đổi chế độ chính trị. Đỉnh điểm của sự bất bình và giận dữ là cuộc nổi dậy ngày 8/8/1988²⁹ diễn ra quy mô lớn tại Yangon. Chính quyền quân sự ra tay đàn áp đẫm máu, khiến khoảng 3000 người chết [106; tr.445]. Các nhà sử học Miến Điện cho rằng “26 năm tồn tại của chính phủ quân sự do Thủ tướng Ne Win đứng đầu là thời kỳ kinh tế xã hội Miến Điện kém phát triển nhất kể từ sau khi giành độc lập” [30; Tr.3-4]. Đó có thể là lý do cốt lõi đẩy Miến Điện đến bên bờ vực của tan rã. Đỉnh điểm cao trào 8888 không lối thoát, dẫn tới cuộc đảo chính quân sự vài ngày sau đó. Ngày 19/8/1988, Tướng Saw Maung đảo chính lật đổ chính quyền của tân Thủ tướng có tư tưởng cải cách Maung Maung, thành lập Hội đồng Khôi phục Trật tự và Pháp luật Quốc gia (SLORC), áp đặt thiết quân luật, đồng thời hứa sẽ thực hiện cam kết tổ chức bầu cử nhằm tiến tới xây dựng hệ thống chính trị đa đảng như ông Maung Maung dự định trước đó [106; tr.445].

Sau sự kiện 8888, ngay lập tức Mỹ, EU, Nhật Bản và các tổ chức quốc tế lên án mạnh mẽ, rút ODA, tiến hành cô lập chính trị, phong tỏa kinh tế và cấm vận vũ khí. Đồng hành với đó là làn sóng chỉ trích gay gắt của phương Tây đối với chính quyền Miến Điện về việc đàn áp dân chủ, nhân quyền, ngược đãi và cưỡng bức lao động phụ nữ, trẻ em, các dân tộc thiểu số.. Bên trong bạo loạn, bên ngoài bị phong tỏa, chính quyền quân sự Miến Điện đã không còn lựa chọn nào khác ngoài việc tìm tới Trung Quốc cho sự sống còn của mình. Theo dòng lịch sử, từ năm 1962 tới 1990, Miến Điện (Myanmar) trải qua 2 lần đảo chính quân sự và 1 lần tiếm quyền dân sự. Chính trường Miến Điện với lực lượng hạt nhân vẫn là phái quân đội, có sức mạnh quyền lực truyền thống và cố hữu. Tuy nhiên, nếu đặt trong bối cảnh toàn diện, nó không hoàn toàn đại diện cho quyền

²⁹ Còn được mệnh danh là phong trào 8888 biểu thị cho sức mạnh của quần chúng nhân dân, nổi bật là các phong trào tuần hành của giới sinh viên, trí thức đấu tranh vì sự tiến bộ của đất nước, thúc đẩy các cải cách chính trị-kinh tế-xã hội, hướng tới nền dân chủ và các quyền sống cơ bản của người dân Miến Điện.

lợi chung của cả dân tộc, nhân dân, các đảng phái, các sắc tộc, và do đó cũng không thể dung hòa được các mâu thuẫn xã hội vốn đã bùng phát và còn ngấm ngấm âm ỉ. Trong bối cảnh khủng hoảng trầm trọng trong nước, chịu sức ép ngặt nghèo bên ngoài, chính quyền quân sự Myanmar đã chủ động ra những tín hiệu chuyển tới Trung Quốc. Tín hiệu trên có lẽ là tiền đề quan trọng tạo ra cuộc xích lại gần chưa từng có tiền lệ giữa hai bên. Theo Toshihiro Kudo: *“Khi các mối quan hệ về chính trị, ngoại giao, an ninh càng được thắt chặt hơn với Trung Quốc, thì những quan hệ kinh tế cũng ngày càng được tăng cường”* [64; tr.4]. Đây là dấu mốc then chốt, mở ra kỷ nguyên Myanmar trong chính sách của Trung Quốc. Sự xích lại của Bắc Kinh lẫn Yangon khiến giới quan sát quốc tế có chung câu hỏi: *“Liệu Myanmar là đồng minh thực tế, hay quốc gia vệ tinh của Trung Quốc”* [64; tr.70]. Tạp chí Rangoon’s Rubicon đánh giá rằng *“Ngày nay Trung Quốc kiểm soát Myanmar cả về kinh tế, quân sự và chính trị, đồng thời duy trì và phát huy những ảnh hưởng chiến lược của mình trong khu vực thông qua nó”* [58; tr.28]. Nhìn nhận tổng thể, giới quan sát quốc tế đa phần đánh giá và nhận định chính sách giữa hai chính quyền dưới lăng kính hoài nghi, tiêu cực.

Từ bối cảnh trên 40 năm thăng trầm, tới việc mở ra cơ hội hợp tác cuối thập niên 1980, chính sách của Trung Quốc hướng tới Myanmar, rút ra được bài học to lớn, đó là tính thực dụng và hiệu quả trong mỗi quan hệ chính thức cấp nhà nước trên cơ sở bỏ qua ý thức hệ và hình thái lựa chọn phát triển chính trị-kinh tế-xã hội ở mỗi nước, sẽ tốt hơn rất nhiều việc Trung Quốc cố gắng tìm kiếm, áp đặt quan điểm và giá trị lợi ích của mình lên Myanmar. Thực tế cũng cho thấy Trung Quốc theo đuổi chính sách “hai mặt” với chính quyền Myanmar, công khai hoặc ngấm ngầm hậu thuẫn các đảng phái, các nhóm nổi dậy dọc biên giới, nhằm tìm kiếm các lợi ích riêng rẽ, cục bộ, sẽ chỉ gây ra sự bất ổn trầm trọng không chỉ cho nội bộ Myanmar, mà nó còn tạo nên những tác động phức tạp, thậm chí phản tác dụng cho Trung Quốc. Hướng tới Myanmar từ sau khủng hoảng cuối thập niên 1980, đặt ra bài toán lợi ích thực dụng từ hai phía. Với Myanmar quan trọng nhất là sự sống còn của thể chế quân sự cầm quyền, tiếp

nhận quân trang chuyển giao bởi Trung Quốc, các nguồn tài chính quan trọng từ xuất khẩu tài nguyên cho Trung Quốc. Với Trung Quốc mục tiêu ban đầu là xoa dịu sức ép, phá vỡ sự cô lập quốc tế, sau đó là tăng cường hợp tác kinh tế, đầu tư, thúc đẩy thương mại biên mậu, thu mua tài nguyên.. cũng như những tính toán chiến lược dài lâu tại Myanmar.

1.2.2 Myanmar trong tính toán lợi ích của Trung Quốc

1.2.2.1 Vị trí địa chiến lược và nguồn tài nguyên của Myanmar

Vị trí “địa-chiến lược” của Myanmar

Những nhà lý luận và chiến lược hàng đầu của Trung Quốc như Sở Thụ Long và Kim Uy từng nhận định “*Quan hệ với ĐNA như thế nào sẽ quyết định đến toàn cục mối quan hệ giữa Trung Quốc với châu Á, giữa Trung Quốc với thế giới thứ ba*” [28, Tr.307]. Trong khi đó nhà nghiên cứu chính sách của Việt Nam, Nhuận Vũ có một sự đánh giá sắc bén rằng: “*Dựa trên tính địa-chiến lược hàng đầu, ĐNA có một vị trí địa lý đặc biệt, nổi bật lên như một chiếc cầu nối liền hai khu vực TBD và Ấn Độ Dương, như một trạm giữa đường giao tiếp của cả 5 châu: Á, Úc, Mỹ, Phi, Âu*” [43, Tr.22-24].

Myanmar nằm trong ĐNA, là ngã ba giao thương giữa Trung Quốc - Ấn Độ và với các quốc gia trong ASEAN. Myanmar có 2185km đường biên giới phía Đông tiếp giáp tỉnh Vân Nam, một phần lãnh thổ hẹp cực bắc tiếp giáp khu tự trị Tây Tạng của Trung Quốc. Phía Nam Myanmar là biển Andaman thông ra Ấn Độ Dương, tạo thế án ngữ, là chốt chặn quan trọng đối với sự xâm nhập từ phía Tây đại lục Trung Quốc ra biển. Từ bài toán trên, Trung Quốc muốn mở rộng sự phát triển Tây Nam hướng đại dương lớn, tất yếu phải thông qua lãnh thổ Myanmar. Bờ phía Tây 1463km của Myanmar tiếp giáp các bang: Arunachal Pradesh, Nagamand, Manipur, Mizoram của Ấn Độ và 193km với bang Bandarban của Bangladesh. Phía Nam 1800km tiếp giáp: Chiang Rai, Chiang Mai, Mae Hong Son, Tak, Uthaithani, Kanchanaburi, Ratchaburi, Phetchaburi, Prachuap Khirikhan, Chumphon, Ranong, Surat Thani, Phan Nga của Thái Lan. 235km tiếp giáp Louang Namtha, Bo Kéo của Lào. Toàn bộ phía Nam bao trùm

bờ vịnh Bengal mạn tiếp giáp Bangladesh và mạn Đông bờ vịnh Mataban, biển Andaman thông ra Ấn Độ Dương, chệch mũi Kawthuang cực Nam tại bán đảo Tanintharyi có thể thoát xuống eo biển then chốt Malacca trong lộ trình hàng hải số 1 kết nối tuyến liên vận Á - Phi.

Với vị trí đặc địa, Myanmar không chỉ được giới phân tích đánh giá cao trong vai trò kết nối với khu vực, mà giới chức cao cấp Myanmar cũng tự nhận định về tầm quan trọng “địa-chiến lược” của nước mình. Thủ tướng Khin Nyunt từng tuyên bố: *“Myanmar nằm trong vị trí chiến lược có thể kết nối Nam Á, ĐNA và việc thúc đẩy hợp tác giữa các nước này, sẽ rất hữu ích cho cả Myanmar lẫn các nước láng giềng và khu vực”* [82].

Trong thế cạnh tranh chiến lược với Ấn Độ, hải quân Trung Quốc (PLAN) cần phải nhắm tới việc triển khai quân sự tại biển Andaman và vịnh Bengal, quần đảo chiến lược Coco, việc tiếp cận hệ thống trên dưới 10 cảng quan trọng của Myanmar cùng cảng Chitagong, Cox’ Bazaar, đảo St Martin của Bangladesh. Mặt khác nếu không chế được Andaman, Trung Quốc sẽ vươn “Cánh tay thứ 2” ra Ấn Độ Dương (cánh tay kia là biển Đông – TBD) [65; tr.17-21]. Và như vậy Trung Quốc có thể sẽ không chế được lộ trình thương mại tấp nập qua eo biển Malacca, eo biển có ý nghĩa chiến lược vô cùng quan trọng với các nước Đông Á, đặc biệt với cả Trung Quốc và Nhật Bản, đồng thời rút ngắn nhất có thể lộ trình lưu thông và vận chuyển hàng hóa, năng lượng từ trong ra ngoài, từ ngoài vào trong Trung Quốc.

Với vị thế địa chiến lược, Myanmar có nhiều cơ hội mặc cả, tính toán với các nước lớn. Chẳng hạn, Ấn Độ - quốc gia đang lên, với tham vọng vươn Á, thể hiện trong thiết kế “Hướng Đông” (Look East) từ đầu thập niên 1990, sẽ tăng cường sự hiện diện và ảnh hưởng truyền thống của mình ngày càng lớn hơn tại vịnh Bengal, Ấn Độ Dương, và do đó sẽ tạo ra sự kiềm chế với tham vọng chiến lược Ấn Độ Dương của Trung Quốc. Ấn Độ do đó sẽ phải tính tới việc bắt tay hoặc điều chỉnh các chính sách phù hợp nhằm lôi kéo Myanmar vào trong vòng ảnh hưởng của mình. Với Trung Quốc, củng cố và xiết chặt mối quan hệ với

chính quyền quân sự Myanmar, mở ra khả năng cho phép sức mạnh PLA vươn xa, cạnh tranh và đe dọa trực tiếp tới an ninh và chiến lược phát triển kinh tế, quân sự của Ấn Độ và các nước trong khu vực. Lợi ích kinh tế, cùng những tính toán lâu dài trở thành cơ sở quan trọng cho phép chiến lược Đại khai phá miền Tây của Trung Quốc được phát triển đúng hướng, cũng như chiến lược Cường quốc biển có cơ sở thực hiện. Theo Nhóm khủng hoảng quốc tế (ICG) *“Hướng tới Myanmar trong giai đoạn từ sau CTL là thời cơ rất tốt để chiến lược trở dậy thành siêu cường của Trung Quốc có thể triển khai một cách thuận lợi”* [65; tr.17-21]. Đổi lại, chính quyền quân sự nhận được sự đảm bảo về tài chính, sức mạnh quân sự, hậu thuẫn chính trị to lớn từ Trung Quốc. Một thực thể quan trọng không thể thiếu tại sân chơi châu Á là Mỹ, lợi ích toàn cầu của Mỹ không cho phép Mỹ lơ là tuyến hàng lang trên biển quan trọng kết nối Đông và Bắc Phi qua Tây Á (eo biển Hormuz do Iran kiểm soát), Nam Á, ĐNA (quan trọng nhất là eo Malacca), vòng lên Đông Bắc Á. Hàng lang đường biển này có tính sống còn không chỉ với Nhật Bản, Trung Quốc mà còn là con đường tự do lưu thông hàng hóa, đi lại trên biển. Với sự hiện diện của Hạm đội TBD của Mỹ cùng vị thế to lớn của Mỹ trong các liên minh chính trị-quân sự trong khu vực tạo ra chỗ đứng và vai trò không thể thiếu của Mỹ. Nếu bị chi phối, kiểm soát bởi bất cứ quốc gia nào khác, sức mạnh siêu cường của Mỹ chắc chắn bị thách thức và đe dọa, trong đó Myanmar là một mắt xích quan trọng trong chiến lược xoay trục trở lại châu Á của Mỹ. Nhận thức rõ lợi ích và vai trò của Mỹ, Myanmar không thể bỏ qua những tính toán của Mỹ, trên phương diện nhất định Myanmar sẽ cần tới Mỹ trong các hợp tác an ninh, kinh tế, cân bằng chính sách nước lớn của mình (đặc biệt làm đối trọng với Trung Quốc).

Tài nguyên và tiềm năng phát triển của Myanmar. Myanmar sở hữu nguồn tài nguyên vô cùng đa dạng, phong phú với trữ lượng lớn, trong đó có nhiều nguồn tài nguyên quý hiếm, giá trị lợi ích cao. **Lâm sản:** Myanmar, được đánh giá nhóm bậc nhất thế giới về trữ lượng gỗ quý hiếm của thế giới. Diện tích rừng nước này đạt 34.419.000ha (năm 2000) chiếm tới 51% bề mặt che phủ,

trong khi vùng Trung Đông chỉ là 20%, mật độ trung bình trên thế giới là 29%. Myanmar đang là một trong bốn nước xuất khẩu gỗ tròn lớn nhất thế giới và lượng xuất khẩu gỗ, lâm sản chiếm hơn 10% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của cả nước. Điểm nhấn lâm sản của nước này là 75% lượng gỗ Tách xuất khẩu ra thế giới [15;Tr.133], [146]. Với đà khai thác như hiện nay, rừng của Myanmar còn khả năng khai thác 77 năm nữa³⁰. Hướng tới xuất khẩu gỗ tinh chế, các sản phẩm mỹ nghệ và tâm linh, hứa hẹn đem lại tiềm năng kinh tế lớn hơn cho Myanmar khi nước này hội nhập WTO. **Nông nghiệp:** Myanmar có 19,39 triệu ha đất màu mỡ, cho phép trồng 60 loại cây nông nghiệp từ nhiệt đới tới ôn đới. Hiện tại mới 13,15 triệu ha được khai thác, diện tích đất hoang còn 6,24 triệu ha. Giai đoạn 1959-1960, Myanmar dẫn đầu châu Á về xuất khẩu gạo với 3 triệu tấn. Hiện nay Myanmar sản xuất 30 triệu tấn lương thực, xuất 1 triệu tấn. Năm 2010, Myanmar đứng thứ 2 thế giới về sản lượng và xuất khẩu các loại đậu, vừng, đứng thứ 10 thế giới về xuất khẩu gạo [31]. **Dầu khí:** Myanmar có tiềm năng rất lớn về dầu khí. Theo đánh giá của Liên hợp quốc (LHQ), Myanmar đứng thứ 10 thế giới về trữ lượng dầu khí với 2460 tỷ m³ khí thiên nhiên và 3,2 tỷ thùng dầu. Hiện nay, mỗi ngày Myanmar sản xuất 33 triệu m³ khí đốt và 25000 thùng dầu. Khí đốt xuất sang Thái Lan, Trung Quốc mỗi năm đạt hơn 3 tỷ US\$. Theo Bộ Năng lượng Myanmar, Myanmar có 19 mỏ dầu lớn trên đất liền, 3 mỏ lớn ngoài khơi. Trong đó 14 mỏ đất liền và 3 mỏ ngoài khơi đang được khai thác [5; tr.60-61]. **Đá quý, khoáng sản:** Myanmar vốn được mệnh danh là thiên đường các loại đá quý (nhất là Hồng ngọc và Bích ngọc) xếp hạng bậc nhất thế giới, ngọc trai tự nhiên chất lượng cao. Năm 2010, xuất khẩu đá quý của Myanmar đạt 3,8 tỷ US\$, vươn lên vị trí hàng đầu trong các mặt hàng xuất khẩu truyền thống [15; Tr.132]. Các loại khoáng sản quan trọng như: đồng, vàng, chì, kẽm, bạc, thiếc, vonfram, antimony, crom và niken. Trong khi đó, kim cương, đá quý, vàng.. tập

³⁰ Theo FAO, đến 2009, Myanmar có diện tích rừng có thể khai thác được là 79,5 triệu mẫu Anh. Bình quân hàng năm trong những năm gần đây có tới 1,3% diện tích rừng bị khai thác. Trong 11 năm (1988-2009), Myanmar khai thác, xuất khẩu 11,31 triệu tấn gỗ tròn các loại, trong đó mỗi năm xuất 300.000 tấn gỗ Tách sang Trung Quốc, Ấn Độ, Malaysia, Nhật Bản, Singapore.

trung phần lớn ở miền Bắc và Đông Bắc. Các mỏ đồng lớn ở khu vực Mandalay, Monywa có trữ lượng 1,6 tỉ tấn, hiện đang khai thác khoảng 63.500 tấn/ năm. Mỏ thủy ngân ở bang Shan có trữ lượng 3 triệu tấn. Niken ở khu vực Mandalay và bang Chin có trữ lượng 70 triệu tấn. Các mỏ đá hoa cương (trắng, đen, màu) tập trung khu vực Mandalay, Rakhine phần lớn lộ thiên, dễ khai thác [5; tr.60].

Các nguồn lực khác: Với 2965km bờ biển nhiệt đới, cùng với 8,2 triệu ha diện tích mặt nước tự nhiên (sông, suối, hồ), 1,8 triệu ha diện tích mặt nước nhân tạo (hồ, đập thủy điện), 6 triệu ha diện tích đất thường xuyên ngập nước tạo ra cơ hội cho ngành nuôi trồng, đánh bắt hải thủy sản. Bên cạnh đó, Myanmar có tiềm năng thủy điện rất lớn³¹, phân bố đều khắp đất nước. Theo Bộ Điện lực I của Myanmar, trữ lượng thủy điện của Myanmar khảo sát trên sông suối lớn khoảng 45.000 MW (số liệu LHQ dự đoán 100.000 MW. Tuy vậy, hiện nay chỉ khoảng 15-20% dân số Myanmar có điện sử dụng). Với dung lượng thị trường tương đối lớn, còn chưa bão hòa (khoảng 60 triệu dân), trong đó 91% dân số Myanmar có trình độ văn hóa từ tiểu học trở lên. 34,8 triệu người ở độ tuổi lao động, trong đó 18,9 triệu lao động nông nghiệp. Đa số dân Myanmar theo đạo Phật, cần cù lao động, lương thiện, hiểu biết nhanh và có thể sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp và công việc, tạo ra những lợi thế không nhỏ khi Myanmar hội nhập khu vực và quốc tế ngày một sâu rộng [5; Tr.61].

Có thể thấy với vị trí “địa-chiến lược” ngày càng có vai trò quan trọng, kết hợp cùng nguồn tài nguyên thiên nhiên đa dạng, trù phú, Myanmar từ sau CTL cho tới gần đây luôn được ví như một “mảnh đất vàng” đầy màu mỡ nhưng cũng hết sức bí hiểm đối với thế giới bên ngoài. Chính nhờ những lợi thế đặc biệt trên, trong tính toán và những cân nhắc chính sách của Trung Quốc tất yếu phải đặt Myanmar ở một vị thế quan trọng trong tổng thể đối ngoại láng giềng, khu vực của nước này.

³¹ Với lưới sông ngòi chằng chịt, châu thổ sông Irrawaddy, Thanlwin (sông Irrawaddy dài 2150km và sông Thanlwin dài 1660km) chạy dọc bắc-nam, tạo cho Myanmar diện tích đất canh tác nông nghiệp khổng lồ, nguồn nước tưới tiêu và tiềm năng thủy điện to lớn.

1.2.2.2 Vai trò của Myanmar trong Con đường thương mại phía Tây - chiến lược Đại khai phá miền Tây³² của Trung Quốc.

Phạm vi của ĐKPMT bao gồm 12 tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc Trung ương của khu vực miền Tây Trung Quốc. Phạm vi không gian của chiến lược bao trùm 7 tỉnh: Cam Túc, Quý Châu, Thanh Hải, Thiểm Tây, Tứ Xuyên, Vân Nam, Quảng Tây và 4 khu tự trị: Nội Mông, Tây Tạng, Ninh Hạ, Tân Cương, và 1 thành phố trực thuộc trung ương là Trùng Khánh (thuộc Tứ Xuyên). Tháng 9/1999, Hội nghị Trung ương 4 khóa XV ĐCSTQ chính thức quyết định, cần bắt đầu thực hiện chiến lược ĐKPMT. Tháng 1/2000, Quốc vụ viện thành lập tiểu ban lãnh đạo, đứng đầu là Thủ tướng Chu Dung Cơ, phó Thủ tướng Ôn Gia Bảo và các quan chức hàm Bộ trưởng. Tháng 3 năm 2001, kế hoạch 5 năm phát triển kinh tế xã hội lần thứ 11 của Trung Quốc đã phê phán sự chênh lệch về thu nhập giữa các miền của Trung Quốc và tuyên bố chính phủ Trung Quốc sẽ lấy thời kỳ 5 năm (2001-2005) làm thời gian thật trọng tâm để đầu tư xây dựng công trình hạ tầng xã hội cho miền Tây, nhằm giúp khu vực này trong vòng từ 5-10 năm sẽ phát triển nhanh chóng. Là người chịu trách nhiệm hoàn toàn cho các vấn đề an sinh, xã hội của Trung Quốc, Chủ tịch Giang Trạch Dân nhấn mạnh: “*Sự thành bại của kế hoạch phát triển phía Tây quyết định con đường cải cách của Trung Quốc, trên thực tế cũng quyết định tương lai của bản thân Trung Quốc*” [17; tr.559-561]. Đây là bài toán nan giải nhưng bức bách, chiến lược trên nếu thành công sẽ mang lại sức mạnh tổng lực, xóa nhà đi những mâu thuẫn xã hội, khoảng cách chênh lệch giàu nghèo vốn dĩ gây ra nhiều vấn đề lớn, tác động xấu tới sự phát triển và cất cánh của Trung Quốc.

Vai trò của Myanmar: Trên phương diện địa-kinh tế, Myanmar đóng vai trò là cầu nối làm sống dậy “Con đường Tơ lụa” với các mũi tiến công chiến

³² 西部大开发, bính âm: Xībù Dàkāifā, phiên âm Hán-Việt: Tây bộ đại khai phá (Đại khai phá Miền Tây). Với diện tích 6,85 triệu km² (hơn 2/3 lãnh thổ đại lục), chiếm 71,4% diện tích toàn quốc; dân số 364 triệu người, chiếm 28,6% dân số toàn quốc; tổng giá trị sản phẩm quốc nội đạt khoảng 1800 tỷ Nhân dân tệ, chiếm 17 % của cả nước [20; tr.152]. Tuy là vậy, nhưng đời sống vật chất của cư dân nghèo nàn, phần lớn dân nông thôn nghèo khổ của Trung Quốc tập trung tại khu vực này. Trước bài toán nan giải thúc đẩy kinh tế, nâng cao đời sống và phúc lợi xã hội trên toàn quốc, Trung Quốc tiến hành chiến lược ĐKPMT. (Tham khảo phụ lục 7, lược đồ 1,2,3,4,5,6,7,8,10,11,12,13,14)

lược của Trung Quốc. Mặt khác tại tuyến đường bộ và đường sắt kết nối Côn Minh, Đại Lý xuống Myanmar có thể mở ra hai hướng: i) Mũi phía Tây qua biên giới Bangladesh, Ấn Độ, Tây Á, Địa Trung Hải. ii) Mũi Nam thâm nhập qua bán đảo Mã Lai tới Malaysia, vào Thái Lan, Lào, Singapore, Indonesia. Hơn thế, với hiện thực hóa Khu vực Mậu dịch Tự do ASEAN (AFTA) với dân số 500 triệu người, Trung Quốc có thể thúc đẩy thương mại hướng nam với việc tận dụng Myanmar là một cầu nối, liên kết các tỉnh nằm sâu trong đại lục Trung Quốc với phần còn lại của ĐNA. Với Myanmar, Lào và Thái Lan, Trung Quốc có thể định hình nhóm tiểu khu vực cho hợp tác kinh tế. Nếu tiến hành thuận lợi, Trung Quốc có thể xuất khẩu số lượng lớn hàng hóa giá rẻ tới những quốc gia này. Theo J. Mohan Malik: “Kết nối với Myanmar có thể giúp phát triển nền kinh tế nghèo nàn khu vực phía Tây Nam của Trung Quốc trong phát triển thương mại với khu vực kinh tế đang phát triển của ĐNA và Ấn Độ” [76; Tr.57]. Sự kết nối giữa các tỉnh Tây Nam của Trung Quốc với các nước ĐNA lục địa có thể giảm thiểu khoảng cách chênh lệch kinh tế giữa khu vực bờ đông phát triển sầm uất và các tỉnh nghèo nằm sâu trong nội địa phía Tây Nam của nước này [98; Tr.35-36].

1.2.2.3 Vai trò của Myanmar trong chiến lược Chuỗi ngọc trai³³ - kết nối hai đại dương lớn của Trung Quốc.

Cụm từ Chuỗi Ngọc trai (String of Pearls) được sử dụng trong một báo cáo của Bộ Quốc Phòng Hoa Kỳ với tiêu đề “Năng lượng tương lai ở châu Á” – chiến lược Chuỗi ngọc trai [97]. Thuật ngữ trên dùng để chỉ các tuyến giao thông hàng hải từ Trung Quốc kéo dài đến cảng Sudan, chạy qua các eo biển có tầm chiến lược, là các nút thắt mandao, Malacca, Hormuz và Lombok cũng như các kết nối quan trọng khác bao gồm: Campuchia, Myanmar, Sri Lanka, Bangladesh, Maldives, Pakistan, và Somalia. Báo cáo trên chỉ ra khả năng Trung Quốc vận dụng chiến lược này nhằm tăng cường sự tiếp cận vào các cảng và sân bay các nước, phát triển các mối quan hệ ngoại giao đặc biệt, hiện đại hoá lực lượng quân sự với sự mở rộng từ vùng biển phía Nam Trung Hoa thông qua eo biển

³³ Tham khảo thêm phụ lục 7, lược đồ 9 và 15.

Malacca, qua Ấn Độ Dương, và đến vịnh Ba Tư. Bên Ấn Độ Dương, quân cảng trên đảo Coco thuộc Myanmar có ý nghĩa quan trọng, tiếp theo là Chittagon, Bangladesh; Hambantota, Sri Lanka rồi đến cảng biển chiến lược Gwadar, Pakistan, trong lộ trình đường biển từ Trung Đông sang Trung Hoa. Ngoài ra, trong hải lộ trên, tất yếu các tàu hàng/quân sự Trung Quốc cần kết nối với các cảng Sittwe, Myanmar; Marao, Maldives; Lamu, Kenya, đều là những khâu quan trọng trong chuỗi quân cảng chiến lược của Trung Quốc.

Vai trò của Myanmar: Theo tính toán của các nhà lãnh đạo Trung Quốc thì Myanmar là mắt xích chiến lược trong trục hai đại dương lớn TBD và Ấn Độ Dương của Trung Quốc. Hải quân Trung Quốc (PLAN) có thể rút ngắn khoảng cách 3000 km giảm thiểu lộ trình khoảng 5-6 ngày, bởi không phải thông qua eo biển Malacca để tới vịnh Bengal. Năm 1994, Các nguồn tin của Nhật Bản báo cáo rằng Trung Quốc đã hoàn tất việc xây dựng radar và hệ thống giám sát điện tử trên các đảo Coco được Myanmar cho Trung Quốc thuê [45; Tr.98-100], [101]. Ngoài mục tiêu bảo vệ lợi ích hàng hải, việc tìm kiếm sự hiện diện PLAN trong vùng biển của Myanmar, nhằm khẳng định vị thế nước lớn, chiến lược nước lớn, vai trò nước lớn của Trung Quốc trong cạnh tranh chiến lược hàng hải với Mỹ. Nếu đồn trú thành công, PLAN sẽ gây ra những thách thức an ninh thực sự cho Mỹ, các nước lớn và đặc biệt cho lợi ích sống còn của Ấn Độ tại địa bàn chiến lược quan trọng, được coi như “ao nhà” của nước này.

Tiểu kết chương 1

Ngay từ khi Chiến tranh lạnh đang tiếp diễn, Trung Quốc đã định vị và phát triển một chính sách mới, mang đậm tính thực dụng khi lấy lợi ích quốc gia là cốt lõi, chính xác hơn là đặt lên vị trí số một, cao hơn ý thức hệ. Sau CTL, chính sách đối ngoại của Trung Quốc nói chung và chính sách hướng tới Myanmar nói riêng về cơ bản vẫn được xác lập trên nền tảng những nhân tố chủ yếu về những tham vọng truyền thống trong việc mở rộng ảnh hưởng và vị thế nước lớn không ngừng ra thế giới của Trung Quốc. Giới lãnh đạo Trung Quốc luôn kế thừa quan điểm truyền thống coi Trung Quốc là trung tâm thiên hạ, bởi thế quan điểm

“trung tâm-ngoại vi” luôn là một nhân tố mang tính then chốt trong việc tính toán và hoạch định những lợi ích đối ngoại của Trung Quốc với các nước bên ngoài. Cùng với đó là xu hướng hòa bình, ổn định trong khu vực và quốc tế sau khi thế giới hai cực chấm dứt, tạo ra bối cảnh khu vực và quốc tế thuận lợi, cho phép Trung Quốc tiến hành mạnh mẽ chính sách NGLG nhằm phá vỡ rào cản thù địch với các nước láng giềng vốn có nhiều căng thẳng và thù địch với Trung Quốc trong thời kỳ CTL. NGLG đồng thời cũng giúp Trung Quốc mở ra thời kỳ tăng cường hợp tác, thúc đẩy đầu tư-kinh tế-thương mại diễn ra với quy mô to lớn trên cả bề rộng lẫn chiều sâu với các nước láng giềng xung quanh.

Với riêng Myanmar, về cơ bản các nguyên nhân chính yếu dẫn tới sự xích gần Trung Quốc của nước này như sau. *Thứ nhất*, chính quyền tại Myanmar cần tới vai trò bảo trợ nước lớn của Trung Quốc cho sự sống còn của thể chế trước sức ép mạnh mẽ trong và ngoài nước kể từ cuộc khủng hoảng 1988. *Thứ hai*, Myanmar sở hữu nguồn tài nguyên trù phú bậc nhất thế giới và vị trí đặc địa ngày càng có vai trò quan trọng trong cuộc đua giành giật ảnh hưởng, lợi ích của các nước lớn, trong đó có Trung Quốc. *Thứ ba*, bài học lịch sử với những biên cố thăng trầm trong quá khứ giữa Myanmar và Trung Quốc luôn phản chiếu những lợi ích được mất cho chính quyền hai nước. Tất cả những yếu tố trên tạo ra sự cân nhắc và những tính toán lợi ích thực dụng, tối đa hiệu quả của Trung Quốc hướng tới Myanmar giai đoạn từ sau CTL và ngược lại. Và như vậy, những cơ sở lý luận và thực tiễn phân tích ở trên đã định hình nên chính sách Myanmar của Trung Quốc kể từ khi CTL kết thúc. Quá trình triển khai, kết quả cụ thể trong chính sách, sẽ được phân tích và làm rõ trong nội dung của chương hai của luận án.

CHƯƠNG 2

NỘI DUNG CHÍNH SÁCH VÀ QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI CHÍNH SÁCH MYANMAR CỦA TRUNG QUỐC TỪ SAU CHIẾN TRANH LẠNH

2.1 Nội dung chính sách Myanmar của Trung Quốc từ sau Chiến tranh lạnh

Mỗi quốc gia đều xác định mục tiêu đối ngoại dựa trên ba trụ cột là an ninh, phát triển và ảnh hưởng. Với Trung Quốc, mục tiêu nói chung trong các văn kiện đã công bố đều thể hiện Trung Quốc mong muốn tạo dựng vành đai biên giới bao gồm một chuỗi các nước láng giềng có chính sách hòa bình, hữu nghị, sẵn sàng hợp tác và cùng chia sẻ lợi ích. Trên thực tế, mục tiêu sâu xa trong tính toán chiến lược của Trung Quốc từ sau CTL là tạo dựng “không gian sinh tồn” của Trung Quốc, bao gồm các nước láng giềng có chính sách thân Trung Quốc, nằm trong quỹ đạo ảnh hưởng của Trung Quốc và phục vụ tối đa cho quá trình trỗi dậy trở thành siêu cường của Trung Quốc trong thế kỷ XXI.

2.1.1 Mục tiêu và nguyên tắc trong chính sách Myanmar của Trung Quốc

Mục tiêu trong chính sách Myanmar của Trung Quốc: Với những thăng trầm trong lịch sử quan hệ hai nước trong giai đoạn 1949-1989, cả Trung Quốc và Myanmar giai đoạn sau CTL, đều định vị lại đường lối và mục tiêu đối ngoại với việc từ bỏ những nguyên tắc đối ngoại giáo điều, thiếu thực tế, hướng tới những nguyên tắc thực dụng nhất nhằm tối đa hóa lợi ích. Với chính quyền quân sự Myanmar không gì quan trọng hơn là được Trung Quốc bảo trợ an ninh cho sự tồn tại trước nguy cơ sụp đổ. Với Trung Quốc, từ sau những thất bại trong mục tiêu áp đặt bất thành ý thức hệ và vai trò nước lớn lên Myanmar, việc không thể lôi kéo Myanmar trở thành đồng minh nhằm chống lại Mỹ-Xô trong thời kỳ CTL, Trung Quốc phải suy xét tới những tính toán chính sách mang đậm tính hiện thực từ sau CTL. Chính sách của Trung Quốc đối với Myanmar bao gồm các nội dung sau: i) *Mục tiêu chính trị:* Một là, Trung Quốc tìm kiếm liên minh chính trị với chính quyền quân sự Myanmar nhằm giảm đi các áp lực quốc tế cho

cả hai bên sau cuộc đảo chính quân sự 1988 tại Myanmar và sự kiện Thiên An Môn 1989 tại Trung Quốc. *Hai là*, Trung Quốc tăng cường viện trợ các nguồn lực tài chính, vật lực hậu cần và hậu thuẫn chính trị cho sự sống còn của chính quyền quân sự Myanmar, buộc chính quyền Myanmar phải phụ thuộc vào vai trò bảo trợ nước lớn của Trung Quốc. *Ba là*, trên kênh ngoại giao, Trung Quốc tuyên bố chính sách không can thiệp vào nội bộ Myanmar với việc chấm dứt hậu thuẫn các nhóm vũ trang nổi dậy dọc biên giới hai nước, song trên thực tế, chính sách không rõ ràng, mang tính hai mặt của Trung Quốc vẫn tồn tại, khiến sự phụ thuộc của nội bộ Myanmar đối với Trung Quốc là tất yếu. *ii) Mục tiêu an ninh:* Theo cách tiếp cận an ninh mới mang tính toàn diện hơn trước. *Thứ nhất*, Trung Quốc ngay từ đầu thập niên 1990, tăng cường các lực lượng kiểm soát dân phòng, lực lượng bán vũ trang và vũ trang chuyên nghiệp dọc các vùng biên và cửa khẩu biên giới với Myanmar nhằm kiểm soát chặt chẽ ma túy, vũ khí, cũng như sự xâm nhập của các thành phần tội phạm gây ra các tệ nạn nghiêm trọng cho Trung Quốc. (Thập niên 1980, theo ước tính $\frac{3}{4}$ khối lượng ma túy từ khu vực Tam Giác Vàng, chủ yếu từ các bang Shan, Kachin của Myanmar xâm nhập qua Vân Nam, vào sâu trong đại lục Trung Quốc). *Thứ hai*, Để đảm bảo an ninh con người, ở đây là việc đảm bảo an toàn cho các chuyên gia, kỹ sư, người lao động của Trung Quốc trong các dự án khai khoáng, cơ khí, thủy điện.. tại các vùng miền của Myanmar, Trung Quốc cắt cử các lực lượng quân sự tới các vùng miền đó với lý do bảo vệ công dân Trung Quốc trước nguy cơ bất ổn và xung đột. *Thứ ba*, để đảm bảo các hoạt động kinh tế - thương mại của Trung Quốc tại Myanmar trên đất liền, đường thủy, hàng hải, Trung Quốc luôn cắt cử các lực lượng giám sát và bảo vệ nhằm giảm tránh rủi ro và tăng cường uy lực trước đối tác. *iii) Lợi ích kinh tế:* Các tập đoàn quốc doanh và tư nhân Trung Quốc tìm cách xâm nhập và chiếm lĩnh những lĩnh vực then chốt, trọng điểm, tỷ suất lợi nhuận cao trong nền kinh tế Myanmar, chẳng hạn như lĩnh vực khai khoáng, thủy điện, đá quý, xây dựng hạ tầng công trình.. thay vì những dự án xóa đói

giảm nghèo kém hấp dẫn khác. Bên cạnh đó Myanmar còn đóng vai trò quan trọng trong cho mục tiêu mang tầm chiến lược trong thế kỷ XXI của Trung Quốc: *i) Myanmar trong chiến lược Đại khai phá miền tây của Trung Quốc* (thể hiện trong tổng thể chiến lược Ngoại giao láng giềng của Trung Quốc): Myanmar vừa là thị trường đầu vào tài nguyên, năng lượng và đầu ra cho hàng hóa của Trung Quốc, mặt khác Myanmar cũng là cầu nối cho con đường thương mại thoát xuống Tây Nam của Trung Quốc và các dự án năng lượng chiến lược qua lãnh thổ Myanmar (dự án vận chuyển khí ga, dầu lửa Kyauphyu-Côn Minh là minh chứng điển hình). *ii) Myanmar trong chiến lược Chuỗi ngọc trai kết nối hai đại dương lớn của Trung Quốc* (thể hiện trong chiến lược Cường quốc biển của Trung Quốc): Myanmar có vai trò là mắt xích trong chuỗi quân cảng chiến lược phục vụ sứ mệnh vươn tới Ấn Độ Dương của Hải quân Trung Quốc nhằm kiểm chế sự trỗi dậy của Ấn Độ và khả năng tăng cường ảnh hưởng của Ấn Độ đối với Myanmar, ĐNA, cũng như tăng cường sức cạnh tranh của hải quân Trung Quốc trước hải quân Mỹ tại eo biển chiến lược Malacca.

Nguyên tắc trong chính sách Myanmar của Trung Quốc: Chính sách của Trung Quốc hướng tới Myanmar về căn bản vẫn dựa theo tuyên bố về Năm Nguyên tắc Cùng tồn tại Hòa bình với nội dung: *i) Cùng tôn trọng đối với chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ; ii) không xâm phạm lẫn nhau; iii) không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau; iv) bình đẳng và cùng có lợi; v) cùng tồn tại hòa bình.* [66; tr.3] Sở dĩ Trung Quốc luôn đề cao Năm nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình bởi các nguyên tắc này được khởi sướng bởi Trung Quốc và mang lại lợi ích tuyên truyền tối đa cho Trung Quốc là nước yêu chuộng công lý, hòa bình, mang lại các quyền bình đẳng và tự chủ cho nhân loại trên thế giới. Với việc xác định các nguyên tắc trên là “xương sống” đối ngoại, Trung Quốc luôn cố gắng duy trì những hình ảnh tốt đẹp về đường lối đối ngoại hòa bình, tự chủ, né tránh những bất lợi nếu tham gia và bị lôi kéo vào luật chơi do các nước lớn khác áp đặt. Bên cạnh đó Trung Quốc cũng áp dụng các nguyên tắc như “*Không lấy ý*

thức hệ làm ranh giới, về đối tượng không lấy đảng cầm quyền làm giới hạn, về nội dung không hạn chế chính trị chính đảng” [18; Tr.12] và bốn phương châm: *“Bình đẳng cùng có lợi, mưu cầu hiệu quả, đa dạng hình thức, cùng phát triển”* [25; Tr.106]. Trong bối cảnh phức tạp, đa dạng của hệ thống chính trị thế giới, nếu chỉ lựa chọn những quốc gia đồng minh cùng ý thức hệ, cùng do đảng Cộng sản lãnh đạo, sẽ dẫn tới hệ quả Trung Quốc không có nhiều lựa chọn đối tác, và do đó sẽ đánh mất đi những cơ hội hợp tác và lợi ích. Chính vì xác định rõ lợi ích quốc gia mới là nhân tố cốt lõi, việc bỏ qua ý thức hệ, tăng cường hợp tác đa phương với các đảng phái cầm quyền lẫn đối lập, nhằm tìm kiếm tối đa hóa lợi ích, chính là bước chuyển đổi tư duy đối ngoại có tầm quan trọng chiến lược của Trung Quốc.

Nguyên tắc về lợi ích quốc gia: Trung Quốc lấy lợi ích quốc gia là mục tiêu cao nhất, là khái niệm cốt lõi trong chính sách của Trung Quốc giống như tất cả các nước khác nhau trên thế giới. Ngày 31/10/1989, khi gặp cựu Tổng thống Mỹ Nixon, lãnh đạo Đặng Tiểu Bình đã nói: *“Tôi biết Ngài phản đối chủ nghĩa Cộng sản, mà tôi lại là người của chủ nghĩa Cộng sản, nhưng chúng ta đều lấy lợi ích quốc gia làm nguyên tắc tiêu chuẩn cao nhất để đàm luận và giải quyết các vấn đề”* [6; tr.330]. Hướng tới Myanmar, lợi ích quốc gia của Trung Quốc không phải là ngoại lệ. Với những nguyên tắc tuyên bố như trên, thể hiện một đường lối chính sách rất nhất quán và cao đẹp. Song, trên thực tế chính sách của Trung Quốc thường đi ngược lại những tôn chỉ và mục tiêu đã đề ra.

Đặc trưng trong chính sách Myanmar của Trung Quốc: Chính sách Myanmar của Trung Quốc được định hình bởi những đặc trưng như sau: *Một là*, tính nước lớn truyền thống, Trung Quốc luôn tự coi mình là trung tâm thế giới, do đó thường hành xử theo quan điểm áp đặt ở vị thế nước lớn đối với nước nhỏ, Myanmar luôn chịu sức ép toàn diện và chấp nhận phần thua thiệt trong đàm phán và chia sẻ lợi ích với Trung Quốc. *Hai là*, những mục tiêu chiến lược của Trung Quốc mang tính xuyên suốt, không thay đổi dù dưới bất kỳ chính quyền

nào lãnh đạo. Trải qua hàng ngàn năm phong kiến, tới thời kỳ cách mạng tư sản do Tôn Trung Sơn lãnh đạo, cho tới sau cuộc nội chiến Quốc-Cộng, Trung Quốc dưới thời kỳ lãnh đạo của Mao Trạch Đông và sau này là các thế hệ tiếp nối như Đặng Tiểu Bình, Giang Trạch Dân.. hiện tại là Tập Cận Bình đều ít nhiều thể hiện quan điểm: “Trung Quốc là nước lớn, là nước có tiếng nói, vai trò và vị thế dẫn dắt thế giới”. Mục tiêu đưa Trung Quốc trở thành cường quốc lớn mạnh, thậm chí siêu cường đứng đầu thế giới bằng mọi giá, là mục tiêu bất biến của giới tinh hoa lãnh đạo Trung Quốc. *Ba là*, chính sách của Trung Quốc có sự điều chỉnh linh hoạt lúc cương, lúc nhu là do những thay đổi của tình hình thế giới, khu vực và những biến đổi mạnh mẽ tại Myanmar. Từ những thay đổi nhanh chóng trên chính trường Myanmar từ mốc 2010 trở lại đây, Trung Quốc đã không còn nắm giữ vị trí độc tôn nước lớn, mà phải ra sức điều chỉnh chính sách nhằm duy trì vị thế nước lớn và khả năng cạnh tranh ảnh hưởng với các cường quốc khác, đặc biệt là chính sách can dự trở lại châu Á của Mỹ.

2.1.2 Các giai đoạn trong chính sách Myanmar của Trung Quốc

Giai đoạn 1: Từ sau khi CTL kết thúc đến Đại hội Đảng cộng sản Trung Quốc khóa XVI (1991-2002). Giai đoạn này, nội dung chính sách của Trung Quốc với Myanmar tập trung trọng điểm vào: *i) Phá vỡ thế bế tắc trong quan hệ ngoại giao và tạo dựng liên minh chính trị khăng khít với chính quyền quân sự . ii) Tăng cường hợp tác quân sự và là nhà cung cấp khí giới số một cho đối tác.*

Dưới ê kip lãnh đạo của Chủ tịch Giang Trạch Dân, về đối nội, Trung Quốc tiếp tục tăng cường các biện pháp giữ ổn định trong nước, tăng tốc mở cửa các đặc khu duyên hải miền Đông. Về đối ngoại, Trung Quốc hoàn tất quá trình bình thường hóa với các nước láng giềng, chủ động tham gia Diễn đàn ASEAN (ARF). Trong chính sách hướng tới Myanmar, về cơ bản mục tiêu của hai bên là bình thường hóa hoàn toàn quan hệ và nâng cao các kênh hợp tác. Cả Trung Quốc và Myanmar đều mong muốn tìm kiếm đồng minh, tương trợ lẫn nhau, giảm bớt các áp lực trong nước và quốc tế sau những biến động chính trị-xã hội

vừa mới xảy đến. Kênh ngoại giao được phía Trung Quốc tiên phong vận dụng, nhằm phá vỡ thế bế tắc trong quan hệ đối thoại chính trị với Myanmar. Phía chính quyền quân sự Myanmar đáp lại bằng chuyến thăm của các phái đoàn tướng lĩnh quân sự cấp cao tới Bắc Kinh. Trong giai đoạn này, chỉ có Trung Quốc là đối tác duy nhất, chính quyền quân sự Myanmar có thể hướng tới nhằm hai mục đích chính là: tìm kiếm sự hậu thuẫn chính trị và mua sắm vũ khí từ Trung Quốc. Với Trung Quốc là nhanh chóng tạo bước tiến trong chính sách NGLG (Myanmar nằm ở đợt tấn công đầu tiên), và sau đó là việc Trung Quốc tìm kiếm các lợi ích kinh tế, chiến lược tại Myanmar.

NGLG vừa là ưu tiên đối ngoại, vừa trở thành công cụ có vai trò đặc biệt trong chính sách của Trung Quốc nhằm mục tiêu bình thường hóa quan hệ với các nước láng giềng và tối đa hóa các lợi ích hợp tác trên các phương diện và lĩnh vực đa dạng, trong đó có Myanmar. Về phía Myanmar, chính quyền quân sự tiến hành những chuyến thăm nguyên thủ (các chuyến thăm, làm việc của Thống tướng Saw Maung, Than Shwe), với mục tiêu nối lại hữu nghị song phương, tìm kiếm các lợi ích, trên phương diện chính trị là việc tìm kiếm sự bảo trợ của Trung Quốc chống lại các trừng phạt quốc tế.

Giai đoạn 2: Từ 2003 tới cuộc bầu cử Quốc hội Myanmar 2010. Nội dung chính sách của Trung Quốc với Myanmar tập trung vào những điểm chính sau: *i) Thực thi sứ mệnh “ô bảo trợ” an ninh-chính trị cho sự sống còn của thể chế quân sự Myanmar trước khủng hoảng trong nước và áp lực quốc tế. ii) Tăng cường sự hiện diện kinh tế tại Myanmar và nâng cao dòng chảy thương mại song phương với nước này.*

Trước Đại hội ĐCS TQ lần thứ XVI 2002, tình hình thế giới có nhiều xáo trộn phức tạp, điển hình là vụ tấn công khủng bố nhằm vào nước Mỹ (11/9/2001). Chính quyền của Tổng thống George Bush tiến hành mặt trận chống chủ nghĩa khủng bố trên quy mô toàn cầu. Trong bối cảnh trên, Trung Quốc tiếp tục ẩn mình né tránh đối đầu với Mỹ, tranh thủ nắm bắt thời cơ, tận

dụng cơ hội hiếm có khi Mỹ lơ là Đông Á, sa lầy tại Iraq và Afghanistan³⁴. Trung Quốc đưa ra sách lược lý luận mới từ “trỗi dậy hòa bình” tới “phát triển hài hòa” đánh dấu từ mốc Đại hội XVI 2002 với nội dung: Nội trị tiếp tục giữ ổn định, tăng tốc kinh tế. Về ngoại trị mở rộng không ngừng thế và lực trên vũ đài quốc tế, thúc đẩy bang giao, tăng cường các cơ chế song-đa phương, lấy ngoại giao năng lượng làm then chốt, tăng cường hợp tác kinh tế-thương mại làm động lực. Giai đoạn chuyên giao quyền lực tại Trung Quốc diễn ra thuận lợi, ê kíp mới Hồ Cẩm Đào-Ôn Gia Bảo lên nắm quyền. Chính sách Myanmar của Trung Quốc về cơ bản vẫn tuân theo dòng chảy chính sách chung qua các thời kỳ Đại hội ĐCSTQ, tuy nhiên vẫn có sự điều chỉnh tinh tế, linh hoạt tùy theo diễn biến, hoàn cảnh chính trị riêng tại Myanmar. Trong giai đoạn này, chính sách của Trung Quốc đạt ở mức can dự sâu nhất trên phương diện ngoại giao-chính trị đối với Myanmar. Mặc dù vậy, những áp lực quốc tế đòi hỏi vai trò và trách nhiệm nước lớn của Trung Quốc, buộc Trung Quốc ít nhiều phải có những động thái gây sức ép lên đối tác.

Chính trường Myanmar liên tiếp xảy ra những sóng gió dữ dội từ khủng hoảng Depeyin, Sagaing 2003-2004, cho tới cuộc lật đổ và bắt giữ Thủ tướng đương nhiệm Khin Nyunt 2004, cuộc tuần hành Vàng 2007 (Saffron) của giới sinh viên, tăng lữ dẫn tới bạo động đường phố và việc siết quân luật của quân đội, khiến tình hình xã hội Myanmar chìm sâu trong khủng hoảng³⁵. Giai đoạn này, chứng kiến ngoại giao con thoi đa dạng từ các phái đoàn nguyên thủ Myanmar tới Trung Quốc nhằm thắt chặt quan hệ hai nước và tiếp tục tìm kiếm sự hậu thuẫn của Trung Quốc. Tuy nhiên, trước sức ép từ phương Tây, phía Trung Quốc ban đầu ở thế khá bị động và tỏ ra không có một đối sách cụ thể.

³⁴ Theo tác giả Sở Thụ Long, Kim Uy trong Chiến lược và Chính sách Ngoại giao Trung Quốc: Đứng lúc những nghi ngờ về sự đoàn kết và tin cậy lẫn nhau giữa các nước ASEAN bắt đầu nảy sinh cuối thập niên 1990, Trung Quốc quyết định khởi động cỗ xe hợp tác với ASEAN trên quy mô lớn. Trong khi Nhật Bản đang bận rộn với công cuộc hồi phục kinh tế trong nước, Mỹ đang không biết xoay sở thế nào trong hai cuộc chiến tranh tại Afghanistan và Iraq, Trung Quốc đã không bỏ lỡ cơ hội phát triển này [28; tr.322-323].

³⁵ Điểm sáng hiếm hoi trong nỗ lực của chính quyền quân sự là sự ra mắt của "Lộ trình Dân chủ Bảy bước", năm 2003 và tới năm 2008 là Bản Hiến pháp mới, được đánh giá là bước thứ 2 của lộ trình trên.

Nhưng, Trung Quốc ngay sau đó đã nhanh chóng xử lý, một mặt vận dụng tuyên bố về nguyên tắc không can thiệp công việc nội bộ Myanmar trên phương diện truyền thông quốc tế nhằm thể hiện tính nhất quán trong đối ngoại. Mặt khác, Trung Quốc đưa ra các động thái gây sức ép yêu cầu chính quyền quân sự phải lắng nghe ý kiến từ nhân dân và tiến hành cải cách. Đây chính là cách thức vận dụng vị thế và vai trò nước lớn để Trung Quốc gây ảnh hưởng sâu hơn trong vấn đề nội bộ của Myanmar. Trung Quốc còn đứng ra làm trung gian kết nối các cuộc gặp giữa đại diện Mỹ với Myanmar và đại diện giữa các phe phái quyền lực trong nội bộ Myanmar tại Bắc Kinh. Nắm bắt được nhu cầu của đối phương và vai trò của bản thân, Trung Quốc tận dụng tối đa cơ hội nhằm can dự sâu nhất có thể tới nội tình Myanmar, trong khi vẫn lớn tiếng hô hào chính sách không can dự.

Không chỉ trên phương diện ngoại giao-chính trị, trên phương diện chuyển giao khí giới trong thập niên 1990, Trung Quốc luôn duy trì vị trí độc tôn trong vai trò nhà cung cấp vũ khí và hỗ trợ hậu cần số 1 cho chính quyền quân sự Myanmar. Trong thập niên 2000, Trung Quốc tăng cường mạnh mẽ quy mô hợp tác thương mại biên mậu chủ yếu qua các cửa khẩu chính giữa bang Shan, Kachin với tỉnh Vân Nam, các hợp đồng khai thác tài nguyên thô, năng lượng và những dự án hạ tầng lớn của tổng thầu quốc doanh và tư nhân Trung Quốc cũng dần chiếm vị trí áp đảo trong danh mục các nhà đầu tư nước ngoài của Myanmar. Trên phương diện văn hóa-xã hội, Trung Quốc cũng thúc đẩy những chuyến giao lưu nhân dân và giữa các đoàn thể xã hội hai nước nhằm tăng cường sức ảnh hưởng mềm của nền văn hóa Trung Quốc trước đối tác.

Như vậy, trong khoảng thời gian từ 1991 đến 2002 (năm trong giai đoạn 1), chính sách Myanmar của Trung Quốc đạt được những mục tiêu cụ thể trong tính toán của Trung Quốc, đó là: *i)* Nhanh chóng mở ra thời kỳ hòa bình toàn diện với tất cả các nước láng giềng lớn nhỏ trong đó Myanmar là mắt xích có ý nghĩa “phá khẩu” chiến lược. *ii)* Myanmar trên cả mức độ một đối tác thông thường, với việc Trung Quốc nắm bắt cơ hội tạo ra đồng minh chống lại áp lực trong

nước và quốc tế. Giai đoạn 2 từ 2003-2010, chính sách của Trung Quốc cơ bản vẫn kế thừa tính xuyên suốt trong mục tiêu duy trì láng giềng hữu hảo, đặt ra tính ưu tiên cao trong chính sách đối với Myanmar, lấy Myanmar là đồng minh chiến lược. Tuy nhiên, điểm khác biệt trong giai đoạn này ở chỗ, sự can dự chính sách trên phương diện ngoại giao-chính trị của Trung Quốc với Myanmar ở mức cao nhất. Trung Quốc hậu thuẫn cá nhân lãnh đạo (trường hợp Thủ tướng Khin Nyunt) và thể chế chính trị Myanmar nhằm thao túng nội bộ Myanmar, kết hợp vị thế chính trị nước lớn cùng sức mạnh quân sự trong vai trò nhà cung cấp khí giới, Trung Quốc tạo ra “ô bảo trợ” an ninh, liên tiếp cứu nguy cho chính quyền quân sự trước các sự kiện khủng hoảng 2002, 2003, 2004, 2007. Ngoài những tuyên bố ngoại giao mạnh mẽ, Trung Quốc còn tiến hành phủ quyết Nghị quyết trừng phạt của HĐBA LHQ bất chấp sức ép quốc tế nhằm bảo vệ Myanmar. Trong giai đoạn này, các tướng lĩnh lãnh đạo Myanmar cũng dồn dập thăm viếng Bắc Kinh, không ngoài mục đích tìm kiếm và duy trì sự bảo trợ nước lớn từ Trung Quốc trước sức tấn công dồn dập từ các phong trào ly khai, dân chủ trong nước và sức ép chỉ trích cũng như các lệnh trừng phạt dữ dội từ phương Tây.

Giai đoạn 3: Từ 2011 đến nay: Nội dung chính sách của Trung Quốc đối với Myanmar bao gồm: *Một là, tìm cách duy trì và củng cố vai trò và ảnh hưởng chính trị của Trung Quốc tại Myanmar thông qua chính sách “cương – nhu” linh hoạt trước những diễn biến bất lợi từ cuộc Cải cách mở cửa do Tổng thống Thein Sein tiến hành.. Hai là, lấy tăng cường dung lượng hợp tác kinh tế, dòng chảy thương mại làm động lực chủ chốt thay cho xu hướng xuất khẩu vũ khí hiện không còn lợi thế.*

Myanmar đang tích cực vận động, hướng về cải cách và phát triển, nhưng khả năng lớn là Myanmar không thể xem nhẹ hay gạt bỏ ngay lập tức vai trò của Trung Quốc. Trong khi đó, Trung Quốc luôn là nước lớn với sự thấu đáo và cẩn trọng trong việc hoạch định và triển khai chính sách hướng tới Myanmar. Trung Quốc tiến hành điều chỉnh chính sách với việc nhanh chóng tăng cường các cơ

chế phối-kết hợp chính trị-ngoại giao, kết hợp cùng hỗ trợ tài chính, đầu tư, hợp tác kinh tế, tăng cường thương mại với Myanmar. Thời gian từ cuối 2010 tới 2013, Trung Quốc vươn lên trở thành đối tác số 1 về thương mại, nhà đầu tư số một về kinh tế-tài chính tại Myanmar. Trung Quốc tiến hành những bước đi đón đầu, động viên khích lệ những nỗ lực và bước tiến tại Myanmar, thuận theo xu hướng chung của dư luận quốc tế. Tuy nhiên, Trung Quốc cũng gửi rõ những tín hiệu cảnh báo, nhắc nhở không kém phần nghiêm túc về sự hiện diện các lợi ích của Trung Quốc tại Myanmar và các lợi ích thiết thực đang có giữa hai nước trên kênh ngoại giao nguyên thủ. Đặc biệt, “ô bảo trợ” chính trị trong khả năng quyền lực - lá phiếu phủ quyết tại HĐBA, luôn là công cụ bậc nhất trong việc Trung Quốc duy trì và củng cố sự can dự sâu vào nội bộ Myanmar. Donald M.Sikins ví sự cầu kết của chính quyền quân sự Myanmar với Bắc Kinh giống như việc “Myanmar đang đùa giỡn với lửa” (Playing with fire) [103]. Và như vậy, trong giai đoạn thứ ba này, chính sách của Trung Quốc vẫn thể hiện mục tiêu xuyên suốt là coi trọng Myanmar trong chính sách NGLG, lấy Myanmar là mắt xích then chốt trong tổng thể chiến lược Đại khai phá miền tây và Cường quốc biển, phục vụ sứ mệnh Trung Quốc trỗi dậy. Dù vậy, với nhiều những diễn biến bất lợi từ môi trường quốc tế, sự biến đổi mạnh mẽ trong nội tại của chính trường Myanmar và chính sách can dự sâu vào Myanmar trong chính sách xoay trục sang châu Á của Mỹ khiến các lợi ích, vai trò, vị thế và tầm ảnh hưởng của Trung Quốc suy giảm tương đối.

2.2 Quá trình triển khai chính sách Myanmar của Trung Quốc

2.2.1 Về chính trị-ngoại giao

Chính sách của Trung Quốc được hoạch định trên cơ sở chính sách nước lớn mang tính chủ động và áp đặt. Tuy nhiên, xét theo tình hình, bối cảnh tại Myanmar, chính sách Myanmar của Trung Quốc có sự điều chỉnh tương ứng.

Kênh ngoại giao được phía Trung Quốc tiên phong vận dụng, nhằm phá vỡ thế bế tắc trong quan hệ đối thoại chính trị với Myanmar.

*Từ 1991 đến 2002: Trung Quốc gia tăng ảnh hưởng bằng chính sách chủ động phá tan “tảng băng” trên phương diện ngoại giao với Myanmar, Trung Quốc tính tới việc khai thông bế tắc bằng kênh ngoại giao cấp cao. Đây là cơ sở quan trọng bởi trước đó mối quan hệ hai nước rạn nứt, chính sách của Trung Quốc không đạt được những kết quả như định hướng. Với món quà trao tặng nhà hát quốc gia gửi Myanmar, nhân chuyến thăm (1/1991) của Tổng thư ký Hội đồng Nhà nước La Cán, Trung Quốc tính tới việc ra mắt giới lãnh đạo Myanmar bằng một công trình mang tính biểu tượng dưới lăng kính hiện vật cụ thể. Thời gian ngắn sau đó, Thống tướng Saw Maung dẫn đầu phái đoàn 53 thành viên tới Trung Quốc (8/1991) nhằm hiệp thương chính trị và tăng cường hợp tác với Trung Quốc. Trong tính toán nhằm lôi kéo đồng minh, ngăn chặn khả năng chính quyền quân sự ngã theo một thế lực khác, Thủ tướng Lý Bằng lên tiếng trấn an rằng “*Chính sách của Trung Quốc là ngăn chặn sự can thiệp vào các vấn đề nội bộ của quốc gia khác. Mỗi quốc gia phải tự mình giải quyết chính công việc trong nước*” [2; Tr.21]. Sau khủng hoảng, việc thắt chặt hợp tác, hậu thuẫn chính trị là mong muốn, cũng như mục đích chính từ cả hai phía.*

Trong bối cảnh chính trường Myanmar có biến động quyền lực, khi Thống tướng Saw Maung từ nhiệm (4/1992), thay thế ông là Đại tướng Than Shwe (nhân vật quyền lực mới nổi, và Trung tướng Khin Nyunt, Thư ký thứ nhất của SLORC trở thành trợ tá đắc lực). Ngoại trưởng Tiền Kỳ Tham tới thủ đô Yangon (2/1993), được đánh giá như sự ra mắt trước ê kíp lãnh đạo mới của chính quyền quân sự này [46]. Gần hai năm sau đó, Thủ tướng Lý Bằng cùng khoảng 100 quan chức cao cấp Trung Quốc thăm Myanmar (12/1994). Thông cáo nêu rõ: *“Hai bên mong muốn thúc đẩy hợp tác trong các lĩnh vực kinh tế, nông nghiệp, môi trường, du lịch, lâm nghiệp, giáo dục và khoa học cũng như chống buôn bán ma túy”* [104; Tr.32]. Chuyến thăm trên diễn ra với mục tiêu bước đầu thiết lập các hợp tác song phương đi vào thực chất và trên từng lĩnh vực cụ thể mà hai bên có khả năng triển khai hiệu quả. Sau đó 2 và 3 năm, nhân chuyến thăm của

Thống tướng Than Shwe tới Bắc Kinh (1/1996) và Phó Thủ tướng Ngô Bang Quốc tới Yangon (1997), hai bên đều nhất quán tăng cường tình hữu nghị anh em hai nước và phía Trung Quốc đặt Myanmar trong ưu tiên chính sách của mình [52; tr.159-160]. Thời gian hai năm trên với việc ký hàng loạt các hiệp định hợp tác, kèm với những ngôn từ đánh giá rất cao về vai trò Myanmar, Trung Quốc nhấn mạnh sự xích lại gần hơn tới Myanmar và Myanmar trở thành một ưu tiên trong đối ngoại láng giềng của Trung Quốc.

Năm 2000, nhân chuyến thăm Myanmar, Phó Chủ tịch Hồ Cẩm Đào nhấn mạnh sự tôn trọng và đánh giá cao vai trò của Myanmar trong ưu tiên đối ngoại của Trung Quốc: *“Tăng cường quan hệ Trung Quốc-Myanmar là một phần quan trọng của ngoại giao Trung Quốc liên quan đến các khu vực xung quanh”* [169]. Thập niên mới khởi đầu, ngoại giao cấp cao một lần nữa trở thành công cụ then chốt giúp chính quyền hai bên tăng một bước trên lộ trình thắt chặt hợp tác toàn diện các mối quan hệ và lĩnh vực. Trung Quốc một lần nữa đề cao vai trò kết nối địa-chính trị có tính quan trọng của Myanmar trong chính sách NGLG của mình.

Giai đoạn cuối nhiệm kỳ lãnh đạo, Chủ tịch Giang Trạch Dân tới Myanmar (12/2001). Hai bên nhất trí thúc đẩy mối quan hợp tác kinh tế lên tầm cao mới bên cạnh các hợp tác an ninh - chính trị vẫn được tiếp tục. Cả hai bên đưa ra những phương châm hướng tới một *“Mối quan hệ hợp tác lâu dài, ổn định, láng giềng hữu nghị và cùng tin cậy”*. Phía Myanmar đưa ra tuyên bố Trung Quốc là *“chân thành nhất”* và *“đáng tin cậy nhất”* [61; tr.122]. Lãnh đạo Trung Quốc cho rằng: *“Phát triển mối quan hệ tốt đẹp giữa hai nước là một thành phần quan trọng trong chính sách đối ngoại của Trung Quốc, và nguyên tắc được thiết lập này sẽ không thay đổi”* [170]. Đây là chuyến thăm chính thức đầu tiên của nguyên thủ cao cấp nhất Trung Quốc³⁶ tới Myanmar, thể hiện sự chuyển biến mạnh mẽ, mang tính bước ngoặt trong mối quan tâm đặc biệt của Trung Quốc

³⁶ Giang Trạch Dân là Nguyên thủ quốc gia có vị trí quyền lực hạt nhân trung tâm số 1 trong Bộ chính trị Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, trong vai trò Tổng bí thư ĐCS, Chủ tịch nước, Chủ tịch Quân ủy Trung ương.

hướng tới đối tác. Còn theo nhận định của Giáo sư chính trị học Maung Aung Myoe, chuyến thăm của Chủ tịch Giang Trạch Dân được hiểu theo một số nhà quan sát như là nỗ lực làm hài lòng lãnh đạo Yangon. Trước đó, giới lãnh đạo Myanmar theo cách nào đó đã không hài lòng với hành trình thăm năm nước của Thủ tướng Chu Dung Cơ³⁷ (5/2001), chuyến thăm bao gồm Pakistan, Nepal, Maldives, Sri Lanka và Thái Lan. Tuy nhiên, Chu Dung Cơ đã loại Myanmar ra khỏi lịch trình, dường như không có ấn tượng tốt với giới lãnh đạo Myanmar và chưa từng tới thăm nước này. Trong khoảng thời gian trên, đã có những báo cáo không chính thức cho biết Thủ tướng Chu Dung Cơ đã từ chối một số kiến nghị của Myanmar về hỗ trợ phát triển của Trung Quốc cho nước này chủ yếu vì những lý do kinh tế, trong khi Thủ tướng Lý Bằng có thiện ý nghiêng về hỗ trợ chính trị³⁸. Myanmar cũng bắt đầu hướng tới cả Ấn Độ và Nga. Bởi thế, chuyến thăm của Chủ tịch Giang Trạch Dân có thể được xem là một bước dịch chuyển nhằm duy trì những lợi ích chiến lược và vai trò ảnh hưởng của Trung Quốc tại Myanmar [73; Tr.110-113]. Nhiệm kỳ của Chủ tịch Giang Trạch Dân khép lại với dấu ấn lớn nhất trong chính sách hướng tới Myanmar chính là việc Trung Quốc nổi lại các quan hệ chính thức, từng bước gia tăng ảnh hưởng, thiết lập vai trò bảo trợ trên phương diện chính trị nước lớn và nhà cung cấp khí giới duy nhất cho chính quyền quân sự Myanmar ngay sau cuộc đảo chính quân sự 1988 và sự kiện tiếm quyền dân sự trong bầu cử 1990 của lực lượng này.

Từ 2003 đến 2010: Chính sách của Trung Quốc là can dự sâu vào nội tình Myanmar thông qua việc liên tiếp lên tiếng bảo vệ chính quyền quân sự, chống lại các chỉ trích và các lệnh trừng phạt của cộng đồng quốc tế.

³⁷ Đương nhiệm trong thời gian từ 3/1998-3/2003 (tiền nhiệm và kế nhiệm là Thủ tướng Lý Bằng và Ôn Gia Bảo). Theo Mã Linh, Lý Minh, sự hấp dẫn cá nhân của Chu Dung Cơ (CDC) một phần tương đối lớn bắt nguồn từ sự không hề biết sợ sệt, phá bỏ truyền thống quan trường, ông bình dị dễ gần và ngay thẳng [20; tr. 206-207]. Có lẽ với tính cách trên, Thủ tướng CDC không hợp với phong cách của giới quân sự cầm quyền Myanmar, do đó tác động tới các quyết sách hướng tới Myanmar từ Trung Quốc.

³⁸ Giai đoạn tại nhiệm của Thủ tướng Lý Bằng diễn ra chủ yếu trong thập niên 1990, nhận định trên tương đối chính xác vì hợp tác kinh tế hai nước ở giai đoạn này tương đối thấp, chủ yếu chính trị ngoại giao và các hợp đồng cung cấp vũ khí từ Trung Quốc cho chính quyền quân sự Myanmar. (tham khảo thêm phụ lục 1)

Sau hơn một năm từ chuyến thăm Myanmar của người đồng cấp Giang Trạch Dân, Thống tướng Than Shwe thực hiện chuyến công du thứ hai tới Trung Quốc (7/1/2003) nhằm tìm kiếm những hậu thuẫn chính trị mới. Phía Trung Quốc trấn an đối tác rằng: “*Chính sách đã định của Trung Quốc nhằm duy trì mối quan hệ láng giềng hữu nghị hợp tác với Myanmar và luôn đặt trong mối quan hệ láng giềng hữu hảo, một người bạn tốt và cũng là một đối tác tốt của Myanmar*” [156]. Đáp lại, ông Than Shwe cảm ơn người đồng cấp vì những “*Sự giúp sức không vụ lợi và chân thành từ Trung Quốc*”, sự giúp đỡ này có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế của Myanmar và đánh giá Trung Quốc là “*Người bạn chân thành nhất của Myanmar*” [141]. Sau những ngôn từ hoa mỹ bề ngoài trên, sự thật trong chuyến công du của ông Than Shwe được giới quan sát quốc tế nhìn nhận với mục tiêu vượt qua cả ý nghĩa hợp tác truyền thống giữa hai nước. Trong những quan tâm về chính trị, Trung Quốc đã bảo vệ chính quyền quân sự Myanmar chống lại sức ép từ Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) liên quan tới việc Myanmar sử dụng lao động bị cưỡng bức. Mặt khác, Trung Quốc cũng khuyến Myanmar hướng tới thể chế dân chủ hơn [61; tr.12]. Nhận định này dù đúng, sai đều chỉ ra mức phụ thuộc lớn từ phía chính quyền quân sự Myanmar trước khả năng bảo trợ chính trị của Bắc Kinh.

Sự kiện Hiệp hội Đoàn kết và Phát triển Liên bang (USDA) đàn áp những người biểu tình tại khu vực Depeyin, Sagaing năm 2003³⁹. Trước áp lực quốc tế tại phiên điều trần HĐBA LHQ về Myanmar, Trung Quốc bắt đầu gây sức ép lên lãnh đạo Myanmar để thực hiện cam kết và trách nhiệm quốc tế của mình. ASEAN bắt đầu bày tỏ quan tâm trong sáng kiến “Tiến trình Băng Cốc”, mong có những thay đổi chính trị tại Myanmar⁴⁰. Ngày 25/8/2003 Đại tướng Khin Nyunt được chỉ định trở thành Thủ tướng⁴¹ Myanmar. Trong thời gian tại vị của

³⁹ Trong đó có bà Aung San Suu Kyi, Trung tướng Tin Oo bị bắt, vài chục người bị giết chết [73].

⁴⁰ Khi một cuộc gặp được tổ chức nhằm thảo luận “Tiến trình Băng Cốc” giữa tháng 12/2003, các nhà ngoại giao từ 12 nước, bao gồm Trung Quốc, Nhật Bản, và Ấn Độ đã tham dự.

⁴¹ Ngày 30/8/2003, Khin Nyunt vạch ra lộ trình 7 điểm nhằm chuyển biến chính trị tại Myanmar, bao gồm việc tập hợp Hội nghị Quốc gia vốn bị đình trệ từ 1996.

ông Khin Nyunt, Trung Quốc cũng nghiên cứu và tính toán kỹ trước khả năng kế vị lớn của ông với Thống tướng Than Shwe. Theo Giáo sư Myoe, dường như chính phủ Trung Quốc đã trợ giúp phía sau Khin Nyunt, khả năng xem ông như nhà lãnh đạo tiếp theo của Myanmar. *“Một chỉ dẫn có thể của điều này chính là trong giai đoạn tại vị chức Thủ tướng của Khin Nyunt, đã chứng kiến sự tăng mạnh hỗ trợ phát triển của Trung Quốc”* [73; tr.113]. So với thời kỳ Thủ tướng Chu Dung Cơ, Lý Bằng, những hỗ trợ kinh tế của Trung Quốc với Myanmar thời kỳ Thủ tướng Ôn Gia Bảo rất lớn, thiết thực và có trọng điểm.

Sau liên tiếp hai cuộc khủng hoảng trong nước, Thủ tướng Khin Nyunt tiến hành chuyến thăm tới Bắc Kinh theo mô típ tìm kiếm sự hậu thuẫn (13/7/2004). Nước chủ nhà một lần nữa đưa ra thông điệp: *“Vấn đề nội bộ Myanmar do Myanmar giải quyết... Cộng đồng quốc tế nên tạo môi trường hòa dịu cho tiến trình dân chủ Myanmar trên cơ sở tôn trọng chủ quyền nước này mà không can thiệp vào nội bộ của Yangon”* [142]. Hơn hai năm từ khủng hoảng Depeyin, Sagaing 2003-2004, giới quan sát quốc tế chứng kiến sự chủ động xích lại gần Trung Quốc hơn trước của chính quyền quân sự Myanmar⁴² bởi áp lực quốc tế tăng lên, đồng nghĩa với việc ngoại giao con thoi cấp nguyên thủ của Yangon hướng tới Bắc Kinh cũng diễn ra với mật độ cao hơn. Myanmar cũng tăng cường các cơ chế song phương nhằm thúc đẩy các hợp tác kinh tế, đầu tư, thương mại với Trung Quốc. Trên phương diện truyền thông, Trung Quốc vẫn ra mặt vỗ về đối tác bằng khẩu hiệu quen thuộc là không can thiệp vào công việc nội bộ của quốc gia khác. Tuy nhiên, tới thời điểm cần đưa ra một vài sức ép mang tính hình thức, phía Bộ Ngoại giao Trung Quốc phát ngôn bằng một số lời lẽ cứng rắn nhằm gây áp lực, yêu cầu chính quyền Myanmar tôn trọng ý kiến của dân, thực hiện các bước dân chủ hóa. Cuối năm 2004, chính trường Myanmar bất ngờ xảy ra biến động lớn, khi Thủ tướng đương nhiệm Khin Nyunt buộc phải rời bỏ

⁴² Thống tướng Than Shwe dẫn đầu phái đoàn cấp cao tới Bắc Kinh 1/2003, theo giới quan sát là tìm kiếm sự ra mặt ủng hộ của Trung Nam Hải trước áp lực khủng hoảng đang diễn ra tại Myanmar. Và giai đoạn này chứng kiến sự năng nổ của Thủ tướng Khin Nyunt trong vai trò dẫn dắt các diễn đàn kinh tế hai nước v.v.

chức vị Thủ tướng (18/10/2004) và bị đặt dưới lệnh quản thúc tại gia. Sau đó ông thậm chí còn bị bỏ tù trong dài hạn. Có một số lý do cho màn kịch này, bao gồm sự căng thẳng thể chế không thể hòa giải và sự ganh đua giữa cơ quan Tình báo và Lục quân, sự chệch hướng ngày càng tăng của Khin Nyunt trong nguyên tắc lãnh đạo tập thể và trách nhiệm tập thể, và sự thất bại của ông trong chia sẻ lợi ích để đạt được những chính sách tiến bộ hơn của chính phủ. Thủ tướng Khin Nyunt bị lật đổ dẫn tới cơ quan tình báo quân sự do ông thiết lập bị hủy bỏ và tất cả những người ủng hộ và nhân viên cấp dưới hoặc bị tù tội, hoặc buộc phải nghỉ hưu [74; tr.64-70]. Tất cả đều khẳng định, chỉ thực sự Thống tướng Than Shwe mới là người có tiếng nói cuối cùng trong những quyết định chính sách quan trọng [83], [60; tr.120-121], [5; tr.110]. Thống tướng Than Shwe sau đó sang Nga, Ấn Độ nhằm tìm kiếm sự cân bằng mới. Trung tướng Soe Win trở thành Thủ tướng. Sau chưa đầy một tháng tại vị, Thủ tướng Soe Win tới Trung Quốc tham dự Hội nghị thượng đỉnh đầu tư và kinh doanh Trung Quốc - ASEAN tại Nam Ninh. Trung Quốc thực thi chính sách hậu thuẫn mạnh mẽ cho nhân vật quyền lực Khin Nyunt, nhưng kết quả ông này mới bị hạ bệ, nên việc hướng tới hậu thuẫn cho ông Soe Win là điều Trung Quốc mong muốn nhất. Phía Trung Quốc, Phó Thủ tướng Ngô Nghi cho rằng: *“Những vấn đề nội bộ của Myanmar chỉ có thể được giải quyết bởi chính phủ và nhân dân Myanmar, những áp lực bên ngoài là vô ích”* [83], [73; tr.120-121]. Bước đi trên của Trung Quốc một lần nữa khẳng định bên cạnh mặt hậu thuẫn cho cá nhân lãnh đạo cao cấp, Trung Quốc cũng hướng nhiều hơn tới việc hậu thuẫn toàn bộ thể chế chính trị tại Myanmar, tránh tình trạng Myanmar phân hóa và ngã theo nhiều mục tiêu khác nhau.

Bốn năm sau sự kiện Sự kiện Depeyin, Sagaing, chính trường Myanmar lại trở nên khủng hoảng trầm trọng bởi cuộc tuần hành Vàng⁴³ nổ ra trong năm 2007. Phía Trung Quốc, Ủy viên Bộ chính trị Đường Gia Triền tuyên bố trước

⁴³ Trong tiếng Miến là Saffron, phong trào trên được phát động và tham gia chủ yếu bởi giới sinh viên, sư sãi chống lại những bất công về giáo dục, các điều kiện sống cơ bản, giá năng lượng, lương thực vốn gây những hệ lụy xấu trong xã hội v.v.

đur luận quốc tế rằng: “*Vấn đề nội bộ Myanmar vẫn phải do chính Myanmar quyết định, không thể có sự can thiệp từ bên ngoài vào công việc nội bộ của nước khác*”. Tuyên bố trên, một mặt biểu lộ chính sách không bỏ rơi Myanmar từ phía đồng minh Trung Quốc, nhưng cũng một lần nữa cho thấy sự nhạy cảm quá mức của “vấn đề Myanmar” khiến giới lãnh đạo cấp cao như Hồ Cẩm Đào, Ôn Gia Bảo khó lòng lên tiếng ủng hộ [153]. Một phần vì áp lực quốc tế, một phần nhằm tăng thêm sức mạnh nước lớn trong bối cảnh đồng minh Myanmar đang gặp nhiều thách thức. Trung Quốc quyết định đứng giữa, đóng vai trò là nhà trung gian, với nỗ lực nỗ lực trợ giúp cố vấn của Tổng thư ký LHQ Ibrahim Gambari tới thăm Myanmar, tổ chức cuộc gặp giữa Thống tướng Than Shwe và bà Daw Aung San Suu Kyi [73; tr.128]. Năm 2007, Trung Quốc phủ quyết lệnh trừng phạt của HĐBA LHQ, mặc dù Trung Quốc chịu sức ép rất lớn từ dư luận quốc tế, song việc này cho phép chính quyền Myanmar tránh được nguy cơ bị quốc tế hóa vấn đề nội bộ từ bên ngoài, do đó chính quyền quân sự vẫn tiếp tục trụ vững [105; tr.10-11]. Mặt khác, Trung Quốc cử Phái đoàn đặc biệt dẫn đầu là Thứ trưởng Ngoại giao Vương Nghị tới Myanmar (14-16/11/2007) nhằm tháo gỡ những căng thẳng. Đáp lại, phía Naypyitaw, Đại tướng Thein Sein (Nhân vật trở thành Thủ tướng 24/10/2007 sau cái chết của ông Soe Win (12/10/2007) đã cử đặc phái viên là Thứ trưởng Ngoại giao Maung Myint tới Bắc Kinh (1/2008) để hiệp thương chính trị, gặp và báo cáo vấn đề tình hình Myanmar với ông Đường Gia Triền (21/1/2008).

Trong cùng thời gian, Hội đồng Hòa bình và Phát triển Quốc gia (SPDC) đã thúc đẩy tiến trình của Hội nghị Quốc gia, và ngày 9/2/2008, chính phủ thông báo lịch trình cho tiến hành “Lộ trình Dân chủ 7 bước”, với việc trưng cầu dân ý rộng khắp cho bản dự thảo Hiến pháp được diễn ra vào tháng năm và sau đó là cuộc Tổng tuyển cử đa đảng năm 2010. Trung Quốc đã hoan nghênh tuyên bố và xem bước chuyển đó như phương pháp khả thi làm xoa dịu những áp lực quốc tế về viễn cảnh thay đổi chính trị tại Myanmar [73; tr.129].

Sau khi nhận được sự ủng hộ của Trung Quốc về bản Hiến pháp 2008, Phó Thống tướng Maung Aung Aye thăm Trung Quốc (6/2009). Phía Trung Quốc, ông Tập trong vai trò Phó Chủ tịch nước lại lên tiếng bênh vực Myanmar trước truyền thông quốc tế, vẫn với thông điệp không can thiệp vào Myanmar[88]. Quan trọng hơn, Ông Tập cam kết với đối tác: “*Trung Quốc sẽ duy trì hòa bình và ổn định biên giới hai nước bằng việc không can thiệp vào nội bộ Myanmar*” [89]. Và hơn thế nữa, “*Trung Quốc luôn là bạn hữu của Myanmar và sẽ duy trì những lợi ích chính đáng của Myanmar*” [90]. Trong khi đó, Thủ tướng Ôn Gia Bảo khẳng định: “*Trung Quốc xem mối quan hệ với Myanmar quan trọng trong chính sách đối ngoại và Trung Quốc sẽ bảo vệ những lợi ích chính đáng của Myanmar trong cộng đồng quốc tế*” [157]. Từ tuyên bố của ông Tập Cận Bình và Ôn Gia Bảo, Trung Quốc luôn nhất quán việc bảo vệ Myanmar và đề cao vai trò của nước này trong ưu tiên chính sách của mình. Những khả năng can thiệp và tác động từ các đối thủ khác đều được Trung Quốc trên kênh ngoại giao nguyên thủ ngăn chặn và hóa giải.

Hơn một năm sau chuyến công du của Đại tướng Maung Aye, Thống tướng Than Shwe tới Trung Quốc nhằm tìm kiếm sự ủng hộ trong việc chuyển biến các nhóm ngừng bắn thành Lực lượng Bảo vệ Biên phòng và cho Tổng tuyển cử diễn ra (7/11/2010). Trong cuộc hội đàm với ông Ngô Bang Quốc (9/9/2010), ông Than Shwe tái khẳng định quan điểm của Myanmar về Trung Quốc: “*Myanmar vẫn sẽ luôn cam kết phát triển mối quan hệ chiến lược với Trung Quốc*”. Myanmar cam kết duy trì các dự án như đường sắt Shweli- Kyaukphyu với phía đối tác [92]. Chuyến thăm lần này của ông Than Shwe diễn ra khi ngày càng có nhiều các chính phủ tán thành hỗ trợ việc LHQ điều tra vi phạm ngược đãi và cưỡng bức lao động tại Myanmar. Đặc biệt, Hoa Kỳ, Anh, Australia, Canada, Cộng hòa Séc, và Slovakia đã bày tỏ sự ủng hộ cho đề nghị báo cáo viên đặc biệt của LHQ về tình hình nhân quyền ở Myanmar, hai tổ chức có uy tín là: Tomas Ojea Quintana và Human Rights Watch đã kêu gọi Liên minh châu

Âu và các chính phủ hỗ trợ cho một cuộc điều tra quốc tế nhằm vào Myanmar [147]. Chuyên công du trên cho thấy khả năng Myanmar hướng đến Trung Quốc nhằm tiếp tục tìm kiếm sự trợ giúp chính trị chống lại áp lực quốc tế, nhưng quan trọng hơn cả là sự đồng thuận của Trung Quốc cho cuộc Tổng tuyển cử Quốc hội trong thời điểm này.

Sau quá trình chuẩn bị công phu từ Lộ trình dân chủ 7 bước năm 2003, tới Hiến pháp 2008 và cuối cùng là cuộc tổng tuyển cử bầu Quốc hội 2010. Tất cả đều diễn ra tương đối thuận lợi, mặc dù phái quân sự vẫn nắm giữ đa phần những vị trí chủ chốt trong lưỡng viện, các vùng/bang, song cuộc bầu cử đã cho thấy sự tham gia đông đảo của 37 chính đảng đứng ra tranh cử. Phương Tây có những phản nản về bầu cử, song trên cơ bản không phản đối kết quả bầu cử.

Giai đoạn từ năm 2011 đến nay

Tới đầu năm 2011, sự chuyển biến rõ nét nhất trên chính trường Myanmar diễn ra khi Đại tướng, Thủ tướng đương nhiệm trong chính quyền quân sự Myanmar từ nhiệm, rời bỏ quân hàm và chức vụ trong quân đội để đứng ra làm đại diện Đảng Liên đoàn Đoàn kết và Phát triển (USDP) tranh cử chức Tổng thống. Sau kết quả bỏ phiếu (3/2011), ông U Thein Sein chính thức được Quốc hội chỉ định trở thành Tổng thống đầu tiên đặt dưới chế độ Cộng hòa Liên bang Myanmar. Sau gần 5 thập kỷ kể từ mốc đảo chính quân sự 1962, lần đầu tiên trong lịch sử, Myanmar chuyển sang một giai đoạn mới với thể chế chính trị bán dân sự, hướng tới tiến trình hòa giải dân tộc, dân chủ và phát triển. Tiếp đó, Myanmar tiếp tục thay đổi nhanh chóng bằng kết quả của cuộc bầu cử bổ sung trong thượng/hạ viện, nghị sĩ các vùng/ bang (năm 2012), với kết quả dành thắng lợi áp đảo của bà Aung San Suu kyi và NLD (53/55 ghế trong lưỡng viện, và tại các bang/ vùng). Tất cả đều tuân thủ theo đúng Lộ trình Dân chủ 7 bước và quy định Hiến pháp mới 2008. Về đối ngoại, Myanmar tích cực chủ động xích gần tới khu vực, mở rộng cánh cửa ra thế giới, bao gồm, những điều chỉnh mạnh mẽ trong quan hệ với các nước lớn. Trong giai đoạn này, chính sách của Trung Quốc

hướng tới Myanmar có sự điều chỉnh sát sao, nhạy bén, đáp ứng với hoàn cảnh và diễn biến đang thay đổi không ngừng tại quốc gia Phật giáo.

Sau những chuyến công du cấp nguyên thủ từ phía chính quyền quân sự Myanmar tới Bắc Kinh, Trung Quốc cũng đưa ra những cân nhắc khi cử một thành viên cao cấp trong Bộ chính trị, ông Giả Khánh Lâm, Chủ tịch Ủy ban Quốc gia lần thứ 11 của Hội nghị Chính trị Hiệp thương Nhân dân Trung Quốc thăm đáp lại lời mời từ Chủ tịch Hạ viện Myanmar Thura Shwe Mann (2-5/4/2011). Ông Giả Khánh Lâm đánh giá cao vai trò của Myanmar và nhấn mạnh: *“Sự phát triển của mối quan hệ Trung Quốc-Myanmar trên cơ sở láng giềng thân thiện và phù hợp với lợi ích căn bản của nhân dân hai nước, cũng là chính sách không thể lay chuyển của Trung Quốc”* [136].

Sau khi nhậm chức Tổng thống Cộng hòa Liên bang Myanmar, ông U Thein Sein dành sự ưu tiên đối ngoại số một trong chuyến thăm Bắc Kinh (26-28/5/2011) theo lời mời của Chủ tịch nước Trung Quốc Hồ Cẩm Đào. Với việc nhất trí ra tuyên bố chung thiết lập: *“Đối tác Hợp tác Chiến lược Toàn diện Trung Quốc-Myanmar”*, ngày 27/5/2011, tại Bắc Kinh⁴⁴ [94; tr.10], [173]. Đây là hình thức hợp tác rất cao (chỉ đứng sau quan hệ đồng minh) trên phương diện chính trị trong quan hệ quốc tế giữa hai nước Trung Quốc-Myanmar. Nó đồng thời biểu thị tầm quan trọng và sự coi trọng đặc biệt của cả hai bên trong việc tìm kiếm, định vị và thừa nhận chung các tiêu chuẩn giá trị và lợi ích, đồng thời tạo ra tính ưu tiên trong chính sách giữa hai nước.

Hơn một năm sau chuyến thăm ra tuyên bố chung với phía đồng cấp Trung Quốc về quan hệ đối tác chiến lược hai nước, Tổng thống Thein Sein thực hiện chuyến thăm kéo dài năm ngày thông qua bốn tỉnh của Trung Quốc (9/2012), nhằm tập trung vào việc khuyến khích đầu tư ở Myanmar. Tại Nam Ninh, ông Thein Sein gặp Phó Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình. Tân Hoa Xã trích dẫn lời ông Tập kêu gọi *“Cả hai bên tập trung vào bảo đảm thực hiện trọn vẹn của các*

⁴⁴ Nội dung Văn bản, tham khảo trong Phụ lục 5.

dự án hợp tác lớn”. Bên cạnh đó, ông Thein Sein tham gia triển lãm thương mại ASEAN-Trung Quốc tại Nam Ninh, trong đó tập trung vào nông nghiệp, ngọc bích và sản phẩm gỗ [163]. Từ thực tế hai chuyến thăm và làm việc kế tiếp trong khoảng một năm rưỡi của Tổng thống U Thein Sein tới Trung Quốc sau khi nhậm chức, ông đã chứng tỏ sự linh hoạt và chủ động trong chính sách hướng tới chính quyền Trung Quốc trên cả hai phương diện: (i) dành sự ưu tiên số một trong chính sách của Myanmar đối với Trung Quốc, thể hiện sự tôn trọng và đặt ưu tiên đối ngoại cao nhất với nước này; (ii) tăng cường tìm kiếm các cơ chế hợp tác, thúc đẩy đầu tư tài chính, xây dựng hạ tầng cơ sở từ phía các doanh nghiệp Trung Quốc tại Myanmar, cũng như tìm đầu ra cho thị trường đá quý, nông và lâm sản của Myanmar trong thị trường rộng lớn của Trung Quốc. Trung Quốc đáp lại bằng thiện chí với việc tạo ra những cơ hội mang tính xúc tiến nhằm thúc đẩy việc trao đổi hàng hóa, thương mại giữa doanh nghiệp hai nước.

Bên lề Hội nghị châu Á Bắc Ngao, Hải Nam (5/4/2013), Ông Tập gặp Tổng thống Thein Sein, một lần nữa nhấn mạnh sự coi trọng quan hệ với Myanmar, kêu gọi rằng: *“Quan hệ song phương sẽ không bị ảnh hưởng bởi những thăng trầm trong chính trị quốc tế hoặc bị phân tâm bởi các lực lượng bên ngoài và hai bên nên kiên định thúc đẩy tình hữu nghị”* [158]. Từ chuyến công du của Ủy viên Bộ chính trị Giả Khánh Lâm, tới lời kêu gọi của Phó Chủ tịch nước Tập Cận Bình 2012, sau là Chủ tịch nước 2013, tất cả những diễn biến trên biểu thị sự tập trung, theo sát bối cảnh, tình hình, diễn biến chính trị tại Myanmar từ phía giới chức cao cấp Trung Quốc. Với khoản hỗ trợ thiên tai, cung cấp tín dụng ưu đãi, cho tới lời thúc giục phía Myanmar tập trung trong hợp tác, tránh sao nhãng bởi các nhân tố bên ngoài, là những bước điều chỉnh chính sách hết sức linh hoạt, phù hợp của Trung Quốc trong bối cảnh Myanmar đang dần thay đổi.

Trước các động thái gia tăng áp lực chính trị từ phía lãnh đạo Trung Quốc đối với phía đồng cấp Myanmar. Giữa năm 2014, trong chuyến thăm kỷ niệm 60

năm Năm nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình⁴⁵ tại Bắc Kinh, Tổng thống Thein Sein ra thông điệp thể hiện quyết tâm coi trọng chính sách hướng tới Trung Quốc với tuyên bố: *“Myanmar đánh giá cao vai trò hỗ trợ lâu dài của Trung Quốc và cam kết đảm bảo các lợi ích cốt lõi của Trung Quốc”*. *“Doanh nghiệp Trung Quốc được chào đón đầu tư vào Myanmar”* [166].

Tuy xuất hiện một số thông tin cho rằng các doanh nghiệp Trung Quốc không được chào đón tại Myanmar như trước, một số dự án lớn đã bị gián đoạn do sự phản đối của dân chúng và vấn đề nguy cơ ô nhiễm môi trường, đầu tư Trung Quốc giảm mạnh trong năm 2013. Nhưng, chính quyền Myanmar đã phủ nhận bất kỳ sự thay đổi nào về chính sách đầu tư của Trung Quốc tại Myanmar [137]. Trong cương vị chủ nhà, lãnh đạo Tập Cận Bình bày tỏ rằng *“Trung Quốc hy vọng thấy sự ổn định lâu dài và phát triển ở Myanmar”*, *“Quan hệ hữu nghị hai nước sẽ duy trì lâu dài, quan hệ này sẽ không thay đổi theo thời gian hoặc thay đổi vì bất cứ biến cố nào”*. Không chỉ trong những lời nói ngoại giao hoa mỹ mà nguyên thủ các nước dành cho nhau. Trong ấn bản tại Bắc Kinh, tạp chí Châu Á và Châu Phi cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của Myanmar đối với Trung Quốc: *“Myanmar là một quốc gia có tầm quan trọng đặc biệt đối với lịch sử ngoại giao trên phương diện địa-chính trị của Trung Quốc”* [137].

Xuyên suốt khoảng thời gian hơn hai thập niên từ khi Trung Quốc và Myanmar xích lại gần nhau, dân chúng Myanmar, cũng như cộng đồng quốc tế luôn có quan điểm ái ngại và ngờ vực về bản chất thực sự trong chính sách Myanmar của Trung Quốc. Do đó, nổi lên nhiều ý kiến cho rằng Myanmar đã trở thành “Nhà nước vệ tinh” của Trung Quốc, hay “Trục kinh tế” bị xoáy sâu vào quỹ đạo ảnh hưởng của Trung Quốc. Đáp lại những luồng quan điểm trên, nhà bình luận quốc tế Vĩ Kiến Phong (Wei Jianfeng) cho rằng “Myanmar đã điều chỉnh toàn cầu hóa, nhưng điều này không có nghĩa đó là một mối quan hệ yếu với

⁴⁵ Ngày 28/6/2014, tại Đại lễ đường Nhân dân ở Bắc Kinh, Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình đọc bài phát biểu tại Hội nghị đánh dấu kỷ niệm 60 năm ‘Năm Nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình’, tham dự có Tổng thống Myanmar U Thein Sein, Phó Tổng thống Ấn Độ Hamid Ansari Mohammad.

Trung Quốc”. Trong khi Giáo Hứa Lý Bình (Xu Liping), một nhà nghiên cứu DNA tại Học viện Khoa học Xã hội Trung Quốc cho biết: “không cần phải lo lắng về mối quan hệ giữa hai nước. Nhân dân hai nước trân trọng những liên kết này và Myanmar từ lâu đã duy trì tính trung lập chính sách và tìm ra một vị trí cân bằng giữa các quốc gia lớn” [137]. Dù nhìn nhận chính sách Myanmar của Trung Quốc dưới bất kỳ lăng kính nào, với nhiều luồng quan điểm trái ngược nhau, nhưng những bài học lịch sử và thực tế luôn là tấm gương chiếu rọi, phản ánh rõ bản chất chính sách đối ngoại nước lớn của Trung Quốc. Trung Quốc luôn nhất quán trong tuyên bố đường lối đối ngoại vô cùng tốt đẹp và hài hòa với các tiêu chí hòa bình, tự chủ, hợp tác, cùng thắng lợi, không can thiệp vào công việc nội bộ của quốc gia khác. Tuy nhiên, đó chỉ là công cụ ngoại giao mang tính bề nổi, phục vụ cho công tác tuyên truyền, đánh lạc hướng dư luận xã hội và không phản ánh đúng thực chất các mục tiêu đối ngoại của nước này. Trong trường hợp Myanmar, Trung Quốc có sự can dự rõ ràng vào nội bộ Myanmar trên ba khía cạnh, nhưng mức độ hiệu quả còn gây nhiều tranh cãi. *Thứ nhất*, tìm mọi cách hậu thuẫn chính trị, vật lực cho một số nhân vật nắm giữ quyền lực hoặc có khả năng chi phối quyền lực tại Myanmar, những người có đường lối thân Trung Quốc. *Thứ hai*, Trung Quốc có khả năng cài cắm gián điệp vào sâu trong nội bộ Myanmar, tạo ra các mâu thuẫn nhằm gây chia rẽ giữa các phe phái tướng lĩnh lãnh đạo, nhằm mục đích dễ bề thao túng. *Thứ ba*, sự mập mờ tay đôi trong các chính sách vừa kết thân với chính quyền trung ương Myanmar, nhưng vẫn có sự can dự tới các lực lượng nổi dậy thiểu số người Kachin, Shan, Arkher, Kokang.. dọc biên giới hai nước nằm trong tính toán của Trung Quốc, buộc các bên tại Myanmar phải phụ thuộc vào thái độ và chính sách nước lớn của Trung Quốc. Trung Quốc với truyền thống lịch sử nước lớn, đã tâm nước lớn luôn gây áp lực và hành xử theo quan điểm áp đặt, tối đa hóa lợi ích, chèn ép nước nhỏ. Hướng tới chính quyền Myanmar, Trung Quốc sẵn sàng sử dụng chiêu thức “cây gậy” và “củ cà rốt” tùy theo diễn biến và từng hoàn cảnh cụ thể.

2.2.2 Về an ninh-quân sự

Lý do hợp tác của Myanmar: Với chính quyền quân sự Myanmar, hướng tới hợp tác, mua sắm thiết bị, khí tài quân sự từ Trung Quốc là giải pháp và lối thoát tối ưu giai đoạn cuối thập niên 1980, đầu thập niên 1990 nhằm tăng cường sức mạnh, mở rộng các chiến dịch chống lại các nhóm ly khai nổi dậy dọc các vùng biên giới trong bối cảnh gặp phải lệnh trừng phạt và cấm vận chặt chẽ từ phương Tây. Và hơn bao giờ hết, mục tiêu ưu tiên cao nhất là duy trì sự bền vững của chế độ trước nguy cơ can thiệp, lật đổ từ cả trong lẫn ngoài.

Lý do Trung Quốc chuyển giao vũ khí cho chính quyền quân sự Myanmar:

Hợp tác an ninh-quân sự trở thành một trong những trọng điểm tiên phong của Trung Quốc không chỉ đơn thuần là tìm kiếm lợi ích kinh tế, mà quan trọng nhất là mục tiêu tạo sự can dự vào “vấn đề Myanmar”. *Thứ nhất*, các hạng mục vũ khí hàng năm Trung Quốc sản xuất trong nội địa ngoài phục vụ nhu cầu an ninh quốc phòng, việc xuất khẩu nằm trong chiến lược tăng thu ngân sách quốc gia. Myanmar có 2185 km biên giới tiếp giáp Trung Quốc với nhiều cửa khẩu quan trọng, do đó việc cung ứng và chuyển giao vũ khí trở nên rất dễ dàng, thuận tiện. *Thứ hai*, trang thiết bị vũ khí của Trung Quốc là mặt hàng mang tính độc quyền, có tính cần kíp cho chính quyền quân sự Myanmar trong bối cảnh nguồn cung vũ khí từ bên ngoài của Myanmar bị phương Tây phong tỏa. *Thứ ba*, về mặt chiến lược, Trung Quốc vũ trang cho quân đội Myanmar tạo ra tính phụ thuộc của Lực lượng vũ trang Myanmar (Tatmadaw) vào PLA. Trong dài hạn, Trung Quốc tìm kiếm sự đồn trú của các lực lượng quân cảnh, các đơn vị chuyên biệt của PLAN xuống Ấn Độ Dương phục vụ sứ mệnh bảo hộ hành lang vận tải năng lượng và tàu hàng trên hải trình từ Đông Phi qua Nam Á trở về đại lục Trung Quốc. *Thứ tư*, việc bán vũ khí cho Myanmar, giống như cung cấp cho Pakistan, PLA muốn gián tiếp làm phức tạp môi trường an ninh của Ấn Độ. Tuy nhiên, để làm giảm làn sóng nghi ngại của Ấn Độ và các quốc gia trong Nam Á, Trung Quốc có sự cân nhắc với các nước xung quanh như: Thái Lan, Bangladesh khi quyết định bán vũ khí

cho Myanmar, theo một quan chức Trung Quốc “*Chúng tôi không cung cấp cho họ bất cứ thứ gì mà họ muốn*” [54; tr.12], [50; tr.21].

Chuyến thăm Trung Quốc đầu tiên là của Tướng Than Shwe, tháng 10/1989, trong vai trò Tổng tư lệnh, mở ra kỷ nguyên hợp tác quân sự giữa hai nước. Đây dường như là chuyến thăm đầu tiên của Lực lượng quân sự Myanmar-Tatmadaw tới Trung Quốc kể từ năm 1978, gồm 24 thành viên kéo dài 12 ngày. Phái đoàn được tiếp đón bởi Ủy viên Nhà nước và Bộ trưởng Bộ quốc phòng Tần Cơ Vĩ, Tổng tham mưu trưởng Trì Hạo Điền, Phó Tổng tham mưu trưởng Từ Tín, Thủ tướng Lý Bằng. Phái đoàn trên tới thăm Thập Gia Trang thuộc tỉnh Hà Bắc, Nam Ninh, Thương Hải và Quảng Đông, cũng như tới thăm Học viện Quân sự, đài phát thanh Nam Ninh và căn cứ hải quân Thượng Hải [77].

Tháng 12/1989, Thiếu tướng Tin Oo dẫn đầu phái đoàn quân sự tới thăm Trung Quốc. Phái đoàn này được chứng minh là một mốc son trong quan hệ giữa hai nước nói chung và lực lượng quân sự hai nước nói riêng. Từ đó trở đi, giới quan sát bắt đầu chứng kiến sự hiện diện của máy bay, tàu vận tải, xe tăng, xe tải quân sự của Trung Quốc tại Myanmar. Theo đó có lẽ hợp đồng tương đối chính xác thời gian này có giá trị trong khoảng 1,4 tỷ US\$ được ký kết [115; tr.174]. Trung Quốc cũng đồng ý đào tạo lực lượng không quân và lục quân giúp Myanmar. Động lực trong việc mua sắm vũ trang của Myanmar là nhằm nâng cấp khả năng quân sự và sử dụng chúng để đàn áp các lực lượng ly khai thiểu số.

Năm 1994, Myanmar thực hiện mua thêm gói vũ khí trị giá 400 triệu US\$ với nhiều hạng mục mới từ Trung Quốc. Tháng 10/1996, Tổng tư lệnh Maung Aye thăm Bắc kinh nhằm tăng cường hợp tác quân sự và tình báo giữa hai nước. Trung Quốc đồng ý đào tạo 300 người trong lực lượng không quân, hải quân cho Myanmar, cung cấp nơi ăn ở cho họ tại các học viện của Trung Quốc [102; tr. 5].

Ngoài các hợp đồng bán và chuyển giao vũ khí trực tiếp cho quân đội Myanmar, thì các dự án đầu tư của Trung Quốc vào ngành năng lượng của Myanmar cũng góp phần gián tiếp cung cấp hàng tỷ đô la Mỹ hỗ trợ tài chính cho

chính quyền quân sự, trong đó ít nhất 40% ngân sách để chi tiêu quân sự, chỉ có khoảng hơn 1% về y tế, và khoảng 5% cho giáo dục công cộng [164; tr.22-23].

Theo Giáo sư Myoe, tổng các hợp đồng quân sự được ký kết theo ước tính lên tới gần 4 tỷ US\$ trong khoảng hai thập niên đã qua, bao gồm máy bay chiến đấu, tàu chiến, các xe tăng, xe bọc thép, vũ khí loại nhỏ, súng phòng không v.v. Hơn thế, Trung Quốc cung cấp xe vận tải các loại cho phía đối tác. Các gói đào tạo cũng đi kèm các chương trình mua sắm vũ khí từ Trung Quốc của Myanmar. Trung Quốc cung cấp học bổng cho các sĩ quan Myanmar tại các trường đào tạo sỹ quan của PLA. Cung cấp vũ khí trở thành một trong những chiến lược can dự Myanmar của Trung Quốc [73; tr.144]. Các hạng mục bao gồm thiết giáp, tàu chiến đấu, xe tăng, máy bay chiến đấu, các hệ thống radar, đạn dược, tên lửa đất đối không và tên lửa tầm ngắn. Phần lớn các loại vũ khí, như một lô tháng 8/2008 gồm 200 xe vận tải quân sự, đã được quan sát qua vào Myanmar qua cửa khẩu Ruili ở biên giới Trung Quốc-Myanmar [53; tr.38].

Tuy nhiên, chính quyền Myanmar cũng tỏ ra không hài lòng với chất lượng và dịch vụ hậu cần từ nguồn cung vũ khí của Trung Quốc. Ví dụ, Y-8 nằm kho hơn một năm do không có thiết bị thay thế. Thậm chí các khóa đào tạo kỹ thuật của Quân giải phóng Nhân dân Trung Quốc không cung cấp đầy đủ cho phía Myanmar. Từ đầu năm 2000, Myanmar tìm tới thị trường Nga và gửi các học viên sang Nga đào tạo. Trong tổng 198 máy bay mua sắm giữa 1990 và 2000, 74 % hoặc 146 chiếc từ Trung Quốc. Tuy nhiên, giữa 2000 và 2010, chỉ có 50K-8 loại Karakorum huấn luyện mua sắm từ Trung Quốc, phần còn lại từ Nga. Không lực Myanmar mua 12 MiG -29B chống máy bay 2001, hơn 20 chiếc MiG-29D và 10 Mil Mi-24/35 máy bay trực thăng có súng máy năm 2009 và hơn 50 Mil Mi-34/35 và 12 Mil Mi-2 trực thăng vận tải trong 2010 từ Nga. Những liên lạc quốc phòng giữa Myanmar-Trung Quốc duy trì gần như ở cấp độ các chuyến thăm trao đổi giữa lực lượng quân sự và các phương tiện đào tạo cho sỹ quan Myanmar [73; tr.151].

Để giảm thiểu sự phụ thuộc quá lớn vào nguồn cung vũ khí từ Trung Quốc, vào tháng 8/2001, Myanmar quyết định mua lô 12 chiếc MIG-29 từ Nga với mức giá trong khoảng 130-150 triệu US\$. Myanmar cũng gửi 300 sỹ quan không quân tới đào tạo tại Mátxcova để học lái MIG và tiếp cận công nghệ tên lửa [133]. Ý nghĩa chiến lược của việc mua bán này là Nga có trở thành nhà cung cấp thay thế trong tương lai cho Myanmar, nhằm cân bằng với Trung Quốc và Ấn Độ. Trong các điều khoản mua sắm vũ khí từ Trung Quốc, các lực lượng quân sự Myanmar đã mua số lượng lớn các thiết bị phần cứng. Các học viên cũng được gửi tới đào tạo trong các học viện của PLA, bao gồm, Học viện Quốc phòng, Học viện Sĩ quan và các trường khác như Cối và Pháo binh và Chiến tranh điện tử. Giữa 1990 và 1999, 389 quân nhân, 98 quân nhân hải quân và 455 quân nhân không lực được gửi ra nước ngoài đào tạo. Trong tổng số 942 học viên, 615 người được cử tới Trung Quốc: 330 cho không lực, 79 cho hải quân và 206 cho lục quân [56]. Trong khoảng thời gian từ 1990 tới 2005, Tatmadaw cử 665 sỹ quan và 249 cá nhân có cấp bậc tới Trung Quốc trong 163 khóa học khác nhau. Nhiều sỹ quan Myanmar được đào tạo bởi PLA hiện tại nắm giữ những chức vụ quan trọng trong Tatmadaw. Tuy nhiên từ đầu 2000, Tatmadaw đã gửi thêm học viên sang Nga⁴⁶ [139].

Hợp tác quân sự là một lĩnh vực trọng yếu mà Trung Quốc có ưu thế trong việc thúc đẩy chính sách hướng tới chính quyền quân sự Myanmar. Thập niên đầu tiên đánh dấu sự hợp tác khăng khít dựa trên khối lượng giá trị hợp đồng rất lớn mà Trung Quốc chuyển giao, thập niên 2000 trở lại đây quy mô và giá trị giảm xuống, chủ yếu Trung Quốc cung cấp các trang thiết bị vận tải và đạn dược thay vì những gói lớn như trước. Việc chuyển giao vũ khí từ Trung Quốc cho chính quyền quân sự, giúp thể chế cầm quyền Myanmar tồn tại, vượt qua sức ép bị cô lập, cấm vận của phương Tây, và quan trọng hơn cả là khả năng chính quyền này có đủ sức mạnh để đương đầu với các nhóm vũ trang ly khai nổi dậy.

⁴⁶ Từ năm 2001, Tatmadaw gửi chừng từ 400 tới 600 học viên sang đào tạo các chuyên ngành đa dạng tại Nga, bao gồm Khoa học hạt nhân và Công nghệ, khoa học máy tính, khoa học y, kỹ sư hàng không. Lần thứ 9 cử sang Nga năm 2009 tổng cộng 639 sỹ quan và 5 học viên dân sự [73].

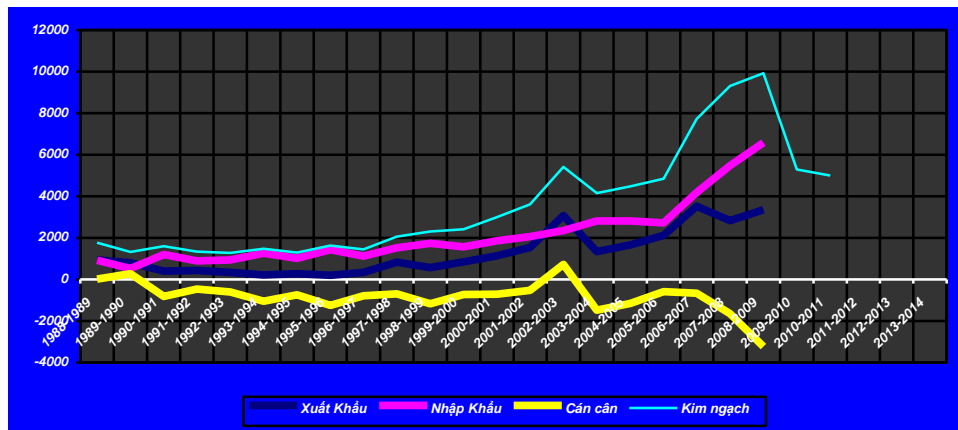
2.2.3 Về kinh tế-thương mại

Mục tiêu của Trung Quốc: Tìm kiếm đầu ra cho thị trường hàng hóa trong đại lục và tăng cường thu mua tài nguyên thô tại Myanmar, thúc đẩy đầu tư tài chính, gắn với các kênh hỗ trợ, viện trợ nhằm tối ưu hóa việc triển khai các dự án hợp tác với phía chính quyền Myanmar kể từ sau CTL.

Sau khoảng thời gian gián đoạn gần hai thập kỷ, tới năm 1988, Hiệp định Biên mậu giữa hai bên mới chính thức được ký kết, thông qua đàm phán, trên cơ sở kế thừa và phù hợp với Hiệp định Thương mại Myanmar-Trung Quốc đã ký trước đó tại Bắc Kinh (19/11/1970). Để tiến hành hiệp định mới ký kết, Phái đoàn Trung Quốc dẫn đầu bởi Phó Tỉnh trưởng Vân Nam đã tới Yangon trong tháng 7/1988. Tại bàn đàm phán, hiệp định buôn bán hàng hóa giữa công ty xuất nhập khẩu Myanmar (MEIC) và công ty xuất nhập khẩu tỉnh Vân Nam (YPIEC) cuối cùng được ký kết ngày 5/8/1988. Bên cạnh đó, thỏa thuận Ngân hàng giữa Ngân hàng Trung Quốc (chi nhánh Côn Minh) và Ngân hàng Thương mại Myanmar (MFTB) được ký kết cùng ngày. Theo kế hoạch được vạch ra trong hiệp định, các văn phòng thương mại biên giới được mở ra tại Lashio và Muse trong tháng 8/1988 và bắt giao dịch vào ngày 1/10/1988. Tuy nhiên, do khủng hoảng chính trị sau đó nổ ra, việc tiến hành hiệp định đã tạm thời bị trì hoãn. Ngày 2/12/1988, MEIC đã mở các văn phòng thương mại tại Muse, Kyukok, Namkham, Lashio và Kunlone [73; tr.154-155]. Việc chính thức ký kết và triển khai các hiệp định Thương mại hai nước, nhất là Hiệp định thương mại biên mậu góp phần khơi thông, thúc đẩy dòng chảy thương mại chính thức giữa hai bên từ những năm đầu thập niên 1990.

Bảng 2.1. Thương mại Myanmar-Trung Quốc (triệu US\$)

Thời gian	Xuất khẩu của Myanmar sang Trung Quốc	Nhập khẩu của Myanmar từ Trung Quốc	Kim ngạch thương mại Myanmar-Trung Quốc	Cán cân thương mại Myanmar-Trung Quốc
1988-89	942.56	929.18	1871.74	+ 13.38
1989-90	800.85	517.97	1318.82	+ 282.88
1990-91	396.29	1205.39	1601.68	- 809.10
1991-92	438.34	894.97	1333.31	- 456.63
1992-93	338.60	945.96	1284.56	-607.36
1993-94	209.82	1261.43	1471.25	-1051.61
1994-95	277.48	1019.38	1296.86	- 741.90
1995-96	195.14	1433.82	1628.96	- 1238.68
1996-97	336.14	1116.29	1452.43	- 780.15
1997-98	836.98	1524.42	2061.40	- 687.44
1998-99	570.62	1744.34	2314.96	- 1173.72
1999-00	846.99	1568.17	2415.16	- 721.18
2000-01	1143.00	1855.20	2998.20	- 712.2
2001-02	1545.17	2068.14	3613.31	- 522.97
2002-03	3070.48	2349.99	5420.47	+ 720.49
2003-04	1343	2816.74	4159.98	- 1473.50
2004-05	1658.80	2818.95	4477.75	- 1160.15
2005-06	2125.19	2716.01	4841.20	- 590.82
2006-07	3530.37	4185.75	7716.12	- 655.38
2007-08	2832.52	5472.54	9305.06	- 1640.02
2008-09	3352.27	6578.14	9930.41	- 3225.87
2009-2010	x	x	5300.00	x
2010-2011	2214.00	2786.00	50000.00	-572
2011-2012	x	x	x	x
2012-2013	x	x	x	x
2013-2014	2900.00	4000.00	6900.00	-1100.00



Biểu đồ 2.1. Thương mại Myanmar-Trung Quốc

Nguồn: Statistical Yearbook of Myanmar (1988-2009). Từ (2009-2011). Shihong Bi, The Economic Relations of Myanmar-China, Chapter7; 2013-2014. Elevenmyanmar.com

Từ biểu đồ cho thấy kim ngạch thương mại hai nước trong giai đoạn từ 1988 tới 1997 gần như không có sự gia tăng mà duy trì mức đều trong khoảng 1,2 tới 1,4 tỷ US\$. Ngoại trừ đoạn từ 1988-1990, Myanmar xuất khẩu nhiều hơn nhập khẩu, đạt mức thặng dư thương mại từ 13,38 triệu US\$ lên 282,88 triệu US\$. Các năm tiếp theo từ 1991 tới 1997 Myanmar nhập siêu, dẫn tới mức âm 1238,68 triệu US\$ năm 1996, trong khi mức nhập siêu thấp nhất là năm 1992 với mức âm 456,63 triệu US\$.

Giai đoạn hơn một thập niên từ tài khóa 1997-1998 tới 2008-2009, kim ngạch hai nước tăng đều đặn, ở mức thấp nhất năm 1998 là 2061,4 triệu US\$ lên tới mức 9930,41 triệu US\$ năm 2009 (trong khoảng 11 năm mức tăng 4,8 lần). Tuy nhiên giai đoạn này, biểu đồ cũng chỉ rõ đường tăng không ngừng của nhập khẩu, và sự tăng thấp của xuất khẩu. Đường cận biên của nhập khẩu luôn nằm dưới ngưỡng của đường xuất khẩu, chỉ ra liên tiếp các năm trên Myanmar rơi vào trạng thái thâm hụt thương mại. Tuy nhiên, trong giai đoạn này chia làm hai giai đoạn nhỏ hơn, giai đoạn từ 1998 tới 2002 mức thâm hụt dao động ở mức thấp nhất là âm 712 triệu US\$ năm 2000, và cao nhất là âm 1173,72 triệu US\$ năm 1999. Chỉ duy nhất năm 2003 điều kỳ diệu xảy ra khi xuất khẩu đạt mức

3070,48 triệu US\$ trong khi nhập khẩu chỉ ở mức 2349,99 triệu US\$, đạt thặng dư 720,49 triệu US\$.

Nửa giai đoạn sau từ năm 2004 tới 2009, chứng kiến tổng kim ngạch thương mại tiếp tục tăng nhưng cán cân xuất-nhập khẩu của Myanmar mất cân đối, ở mức thặng dư âm 1473,5 triệu US\$ năm 2004 tới âm 3225,87 triệu US\$ năm 2009. Giai đoạn từ 2010 tới 2014, chứng kiến thương mại hai nước sau khi lên tới đỉnh trong giai đoạn 2008-2009 thì sụt giảm dần rồi lại tăng nhẹ từ mức 5000 triệu US\$ trong năm 2011 lên 6900 triệu US\$ trong năm 2014 (mức tăng 1900 triệu US\$). Tuy nhiên, tình trạng thâm hụt vẫn diễn ra tương ứng từ con số âm 572 triệu US\$ năm 2011 lên gần gấp đôi là âm 1100 triệu US\$ năm 2014.

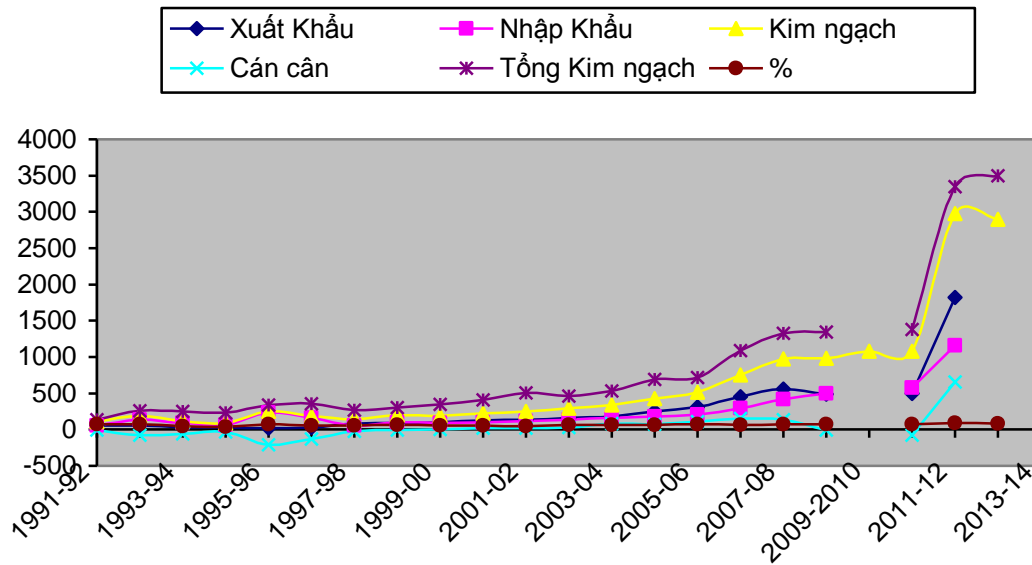
Việc so sánh và đối chiếu các con số trong bảng thống kê thương mại hai nước và việc biểu đồ hóa chúng dưới dạng các đường hiển thị, cho thấy cán cân thương mại Myanmar-Trung Quốc luôn ở mức âm, ngoại trừ hai đỉnh sáng các năm 1990 và 2003. Tổng kim ngạch hai nước tăng không ngừng và đạt đỉnh là 9930,41 triệu US\$ năm 2009 rồi sau đó sụt giảm rồi lại tăng nhẹ trở lại. Đường biểu đồ hiển thị cho nhập khẩu luôn cao hơn xuất khẩu. Như vậy, diễn tiến thương mại hai nước có sự phát triển ngày một tăng lên, tuy nhiên Trung Quốc đa phần trong các năm là nước xuất siêu, Myanmar rơi vào tình trạng nhập siêu. Xuất phát từ nguyên nhân, Myanmar xuất các mặt hàng nông sản, các sản phẩm vật liệu thô như tài nguyên thiên nhiên sang Trung Quốc, trong khi Trung Quốc chủ yếu cung cấp máy móc xây dựng thủy điện, hạ tầng đường sá, máy móc công nghiệp cho Myanmar. Sự chênh lệch cơ cấu hàng hóa dẫn tới cán cân xuất-nhập khẩu có sự bất đối xứng và thâm hụt thương mại diễn ra thường xuyên với Myanmar là điều tất yếu.

Thương mại biên giới: Với hệ thống mới, thương mại biên mậu được tiến hành theo các thủ tục hải quan thông thường lẫn thủ tục thương mại đường biên. Các cửa khẩu được mở ra tại Muse-105 Mile, Laizar, Lweje và Chinshwehaw. Theo thống kê của Myanmar, thương mại biên mậu tại những trung tâm này chiếm trên 60% tổng thương mại của Myanmar và xấp xỉ 50 % tổng thương mại hai chiều Trung Quốc-Myanmar. Để thúc đẩy thương mại biên mậu hai nước,

Ngoại trưởng Ohn Gyaw, trong chuyến thăm Trung Quốc trong tháng 5/1991, đã đàm phán việc xây dựng hai cây cầu ngang qua sông Shweli biên giới hai bên, kết nối Muse, Wantin và Ruili. Cây cầu đầu tiên được hoàn tất và hoạt động ngày 30/5/1993. Thương mại Vân Nam – Myanmar chiếm khoảng 55 % tổng giá trị thương mại Trung Quốc-Myanmar [73; tr.155-156].

Bảng 2.2. Thương mại Biên mậu Myanmar-Trung Quốc (triệu US\$)

Thời gian	Xuất khẩu qua biên giới của Myanmar sang Trung Quốc	Nhập khẩu qua biên giới của Myanmar từ Trung Quốc	Kim ngạch thương mại biên giới Myanmar-Trung Quốc	Cán cân thương mại biên giới Myanmar-Trung Quốc	Tổng thương mại biên giới của Myanmar (với các nước láng giềng)	Tỷ lệ % thương mại biên giới Myanmar-Trung Quốc so với tổng thương mại biên giới của Myanmar
1991-92	52.52	54.47	106.99	- 1.95	139.27	76.82
1992-93	58.5	131.24	189.74	-72.74	257.93	73.56
1993-94	27.04	90.23	117.27	-63.19	248.04	47.28
1995-96	22.03	229.31	251.34	-207.28	335.95	74.81
1996-97	29.82	158.68	188.50	-128.86	357.13	52.78
1997-98	86.44	59.37	145.81	-27.07	267.06	56.72
1998-99	94.88	99.41	194.29	-4.53	300.27	64.71
1999-00	96.39	94.90	191.29	+1.49	344.39	55.54
2000-01	124.38	100.11	224.48	+24.28	411.74	54.52
2001-02	133.12	115.85	248.96	+17.27	505.83	49.22
2002-03	158.17	132.57	290.74	+25.60	460.57	63.13
2003-04	177.26	163.84	341.10	+83.42	531.80	64.14
2004-05	246.46	176.37	422.83	+70.09	687.88	61.47
2005-06	315.02	203.63	518.66	+111.39	716.73	72.36
2006-07	455.12	296.64	749.76	+156.48	1092.61	68.62
2007-08	555.48	421.95	977.43	+133.53	1329.53	73.52
2008-09	490.85	495.75	986.60	-4.9	1348.48	73.16
2009-2010	x	x	x	x	x	x
2010-2011	500.16	576.65	1076.81	-76.49	1383.68	77.82
2011-2012	1820.00	1160.00	2980.00	+660	3348.31	89.00
2012-2013	x	x	2900.00	x	3493.96	83.00
2013-2014	2700.0	1760.0	5460.0	x	x	x



Biểu đồ 2.2. Thương mại Biên mậu Myanmar-Trung Quốc

Nguồn: (Từ 1991-2009) Ministry of Commerce (Myanmar); Từ (2011-2013).
 Shihong Bi, *The Economic Relations of Myanmar-China, Chapter 7 and
 Commerce Gov of Myanmar.*

Số liệu bảng thống kê và biểu đồ chỉ ra tổng kim ngạch thương mại biên giới nói chung của Myanmar hiển thị mức tăng nhỏ và đều trong giai đoạn 1992-2006, sau đó từ năm 2006 tăng nhanh đạt mức cao nhất vào niên khóa 2012-2013. Trong khi đường hiển thị kim ngạch thương mại Biên mậu Myanmar - Trung Quốc nằm ngay sát dưới cũng ở mức lên xuống tương ứng. Như vậy, Tổng kim ngạch thương mại biên giới của Myanmar, gần như phụ thuộc vào đối tác Trung Quốc, các cửa khẩu kết nối Myanmar với Ấn Độ, Bangladesh, Nepal.. gần như trong suốt hơn hai thập niên qua không có các giao dịch thương mại đáng kể. Các đường xuất- nhập khẩu hiển thị trên biểu đồ với biên độ lên xuống khá tương ứng. Song, về cơ bản giai đoạn từ 1991-1999, thương mại biên giới Myanmar-Trung Quốc vẫn nằm dưới 0. Giai đoạn từ 2000 - 2008, chứng kiến mức thặng dư tăng dần đều từ con số 1,49 triệu US\$ năm 1999 lên tới 133,53 triệu US\$ năm 2008, tức mức tăng 89,6 lần (tương ứng 132,04 triệu US\$). Các năm tiếp theo biểu đồ hiển thị sự lên xuống bất thường của cán cân thương mại

biên giới hai nước. Trên thực tế, do chính quyền hai nước không thể kiểm soát chặt chẽ tình trạng buôn lậu qua 2185 km đường biên giữa chủ yếu tỉnh Vân Nam Trung Quốc với các bang Kachin, Shan của Myanmar, nên số liệu trên chỉ mang tính mô phỏng một phần tương ứng của tổng kim ngạch thương mại hai nước, cũng như tổng kim ngạch thương mại biên mậu hai nước, con số thực không thể có số liệu chính xác.

Dòng chảy thương mại hai nước cũng như thương mại biên mậu giữa Myanmar và Vân Nam Trung Quốc trở thành một hợp phần quan trọng trong việc mở rộng bang giao, tăng cường thúc đẩy hợp tác kinh tế-thương mại trong chính sách hai nước hướng tới nhau. Về phía Trung Quốc, tận dụng tốt ưu thế hàng hóa giá rẻ trong nước với các chủng loại đa dạng từ quần áo, thực phẩm tới các sản phẩm gia dụng, đồ điện tử, cho tới các mặt hàng có giá trị giao dịch lớn như hệ thống máy móc công nghiệp, máy thủy điện, phương tiện vận tải như xe khách, xe tải, các máy móc nông nghiệp như máy cày, bừa, gặt đập liên hợp, tạo ra dòng chảy của hàng hóa xuất khẩu từ đại lục Trung Quốc xâm nhập mạnh vào Myanmar. Trong khi đó, do xuất khẩu một số hàng nông sản truyền thống, các nguồn tài nguyên quặng, năng lượng thô chưa qua tinh chế nên giá trị xuất khẩu của Myanmar ở mức khiêm tốn và tình trạng thâm hụt thương mại với nước này diễn ra khá thường xuyên. Trong cơ cấu hàng hóa, Myanmar đáp ứng phần nào nhu cầu tiêu thụ năng lượng nóng của Trung Quốc trong công cuộc Bốn hiện đại hóa tiếp diễn. Mặt khác, các mặt hàng như gỗ tếch, đá quý tại Myanmar có sức tiêu thụ mang tính giải trí, thẩm mỹ và tâm linh rất sâu sắc trong đời sống xã hội Trung Quốc.

Về lĩnh vực năng lượng: Trong báo cáo tổng quan thế giới của Cơ quan năng lượng nguyên tử quốc tế (IAEA) năm 2004 đã dự báo lượng dầu mỏ nhập khẩu của Trung Quốc sẽ tăng mức 11 triệu thùng dầu mỗi ngày vào năm 2030. Điều đó đồng nghĩa Trung Quốc sẽ phải nhập khẩu 80% lượng dầu mỏ tiêu dùng trong nước. Theo một dự đoán khác thì tới năm 2025 Trung Quốc sẽ nhập $\frac{3}{4}$

lượng dầu mỏ cho nhu cầu tiêu thụ trong nước [69; tr.8-25]. Myanmar là nguồn cung tài nguyên với trữ lượng lớn, ngay sát Trung Quốc, tạo ra việc thúc đẩy mạnh mẽ chính sách thu mua tài nguyên và năng lượng thô của các tập đoàn quốc doanh và tư nhân Trung Quốc vào sâu trong lãnh thổ Myanmar. Trung Quốc đầu tư và khai thác tại Myanmar các lĩnh vực đa dạng từ mỏ quặng, dầu khí và thủy điện. Để đảm bảo an ninh cho những nguồn tài nguyên trên, Trung Quốc thực thi chính sách trả giá cao hơn các nhà thầu khác, xây dựng hạ tầng với chi phí thấp, cung cấp tín dụng ưu đãi hoặc không hoàn lại. Với việc tính toán lâu dài rằng năng lượng sẽ sớm cạn kiệt trong tương lai, vì vậy doanh nghiệp Trung Quốc sẵn sàng trả thầu cao hơn đối thủ để nhận được những hợp đồng bảo đảm cho an ninh năng lượng trong lâu dài. Theo ông Christopher H. Stephens, đối tác cao cấp của Coudert Brothers: *“Trung Quốc đảm bảo triển vọng chiến lược lâu dài thay vì những lợi ích ngắn hạn”* [47].

Các công ty Trung Quốc đầu tư ồ ạt vào Myanmar từ sau 1988 và gần như chủ yếu đầu tư vào năng lượng và khai mỏ. Tập đoàn dầu khí quốc gia ngoài khơi Trung Quốc (CNOOC) đã ký 6 hợp đồng sản xuất thiết bị sản xuất với công ty Dầu và ga Myanmar (MOGE) của Bộ năng lượng nước này từ tháng 10/2004 tới tháng 1/2005. Công ty Dầu khí và hóa chất Trung Quốc (SINOPEC) và công ty phụ trợ khai thác dầu lửa Dian Quiangui cũng đã tiến hành khai thác các mỏ dầu trong đất liền. Hơn thế nữa, công ty dầu lửa quốc gia Trung Quốc (CNPC) và công ty thiết bị máy phụ trợ của CNPC đã giành được các hợp đồng nâng cấp 4 mỏ dầu ở trung tâm Myanmar [71; tr.186]. Năm 2005-2006, Trung Quốc ký một hợp đồng khí ga với bộ năng lượng Myanmar với trữ lượng 6,25 tỷ m³ từ lô A-1 tới A-3 (bờ biển Rakhine) thông qua một hệ thống ống dẫn dầu kết nối Côn Minh của Vân Nam với cảng KyaukPhyu thuộc bang miền tây Rakhine Myanmar trong vòng 30 năm khai thác [61; tr.122].

Năm 2003, trong chuyến thăm của Thống tướng Than Shwe tới Trung Quốc, chính quyền Trung Quốc cấp 50 triệu nhân dân tệ và khoản 200 triệu US\$

như là tín dụng ưu đãi với người mua. Việc cấp vốn nhằm hướng tới xây dựng một nhà máy gặt đập liên hợp tại Ingone và 3 nhà máy thủy điện nhỏ. Theo xóa nợ một phần, Trung Quốc cung cấp các mặt hàng trong các lĩnh vực văn hóa, giáo dục và thể thao. Cũng trong năm này, Trung Quốc cho vay 200 triệu US\$ cho việc xây dựng thủy điện Yeywa. Việc chính phủ thiếu đầu tư vào hạ tầng cơ sở, thì hỗ trợ kinh tế của Trung Quốc là một phần quan trọng cho Myanmar. Các công ty Trung Quốc đang xây dựng các con đường, đập nước, cảng bằng các khoản tín dụng cho vay và tín dụng xuất khẩu. Trung Quốc xây đập Tasang trên sông Salween tích hợp trong dự án Tiểu vùng sông Mekong mở rộng [105; tr.10].

Ngày 31/12/2006, Bộ Điện lực Myanmar I và Liên đoàn Phát triển Điện lực Vân Nam đã ký Biên bản ghi nhớ việc xây dựng nhà máy thủy điện trên sông Shweli trên cơ sở hợp đồng BOT (Xây dựng- Hoạt động- Chuyển giao). Đây là nhà máy thủy điện đầu tiên dạng BOT của Trung Quốc với một quốc gia láng giềng, với Myanmar thì đây là nhà máy đầu tiên. Công ty sẽ điều hành nhà máy trong 40 năm sau khi hoàn thành, và sau đó sẽ chuyển giao cho chính phủ Myanmar. Nhà máy có công suất 600 megawatt nhưng nguồn cung cấp thực tế sẽ là 174,8 megawatt và sản lượng điện đầu ra hàng năm sẽ là 4022 Gwh [84].

Trong suốt chuyến thăm của Phó Thống tướng Maung Aye tới Trung Quốc trong tháng 6/2009, chính phủ Myanmar đã ký một Biên bản ghi nhớ chung với Tập đoàn Đầu tư Điện lực Trung Quốc với các điều khoản liên quan: Hợp tác, Hoạt động và Chuyển giao các dự án Thủy điện, tại Maykha, Malikha và thượng nguồn bồn địa sông Ayeyawady – Myitsone, với khả năng kết nối 5,6 gigawatt. Hơn thế, theo Ủy ban Hành chính và Giám sát Tài sản Quốc gia Trung Quốc, một tập đoàn gồm 3 công ty Trung Quốc sẽ đầu tư 9 tỷ US\$ dự án thủy điện trên sông Thanlwin có thể vận hành mức 7,1 gigawatt [73; tr.162].

Theo chỉ số FDI chính thức, trong khoảng 30 tháng từ tháng 11/2005, Trung Quốc đã đầu tư khoảng 194,221 triệu US\$ trong 26 dự án tại Myanmar. Chủ yếu trong một số lĩnh vực chiến lược như năng lượng và mỏ. Năm 2006

Trung Quốc đầu tư 281,22 triệu US\$ cho nhà máy phát điện. Tháng 7/2008, Trung Quốc đầu tư 855,996 triệu US\$ trong lĩnh vực khai mỏ và tiếp tục đầu tư thêm 15 triệu US\$ trong tháng 12/2009. Cuối năm 2009, đầu tư chính thức của Trung Quốc tại Myanmar đạt 1347,437 triệu US\$, trong 29 dự án. Doanh nghiệp Trung Quốc đầu tư mạnh mẽ vào các mỏ nicken, đồng. Cuối năm 2010, theo số liệu của chính phủ Myanmar, Trung Quốc đầu tư 6415,058 tỷ US\$ trong 32 dự án, đứng thứ hai trong tổng số các nhà đầu tư nước ngoài⁴⁷ [73; tr.158-159].

Cảng Kyaukphyu cũng được sử dụng như là một cảng nước sâu. Những dự án này nằm trong một phần cái được gọi là Hành lang Kaukphyu-Côn Minh. Việc nối kết đường ống dẫn khí và dầu, Trung Quốc tính mua 6,5 tỷ feet khối khí ga tự nhiên của Myanmar cho khoảng thời gian trên 30 năm bắt đầu từ 2009 [109; tr.1-4], [113; tr.3]. Tuyến ống dẫn khí đốt bước đầu sẽ cung cấp 600 triệu feet khối khí ga và thậm chí sau đó tăng lên 1 tỷ feet khối một năm. Dự án vận tải Ayerwaddy đang trong tiến trình đàm phán từ thập niên 1990, sẽ tạo ra tuyến vận tải liên kết giữa Yangon và Côn Minh, chủ yếu trên sông Ayerwaddy.

Ngày 26/3/2009 Lý Trường Xuân, Ủy viên ban Thường trực Bộ chính trị Trung Quốc, thăm chính thức Myanmar, hai bên đã ký 3 hiệp định và 1 biên bản ghi nhớ chung về hợp tác song phương, bao gồm một hiệp định xây dựng tuyến đường ống dẫn dầu và khí đốt từ Kyaukphyu tới Côn Minh [73]. Trong một diễn biến sau đó, Thống tướng Than Shwe tới Trung Quốc trong tháng 9/2010, lãnh đạo Trung Quốc đã đưa vấn đề hành lang Kyaukphyu-Côn Minh, bao gồm việc xây hành lang Shweli-Kyaukphyu. Với kết quả đạt được, Trung Quốc phái Thứ trưởng Bộ giao thông Feng Zhenglin tới Naypyitaw nhằm thúc đẩy tiến trình. Hội nghị dự án hành lang Shweli-Kyaukphyu lần thứ nhất được tổ chức tại Naypyitaw ngày 13/9/2010. Trung Quốc thống nhất vạch ra quy hoạch tổng thể để tiến hành một nghiên cứu tiền khả thi. Thực tế từ ngày 1/7/2013 đường ống

⁴⁷ Tuy nhiên, theo Số liệu khác, Trung Quốc đầu tư lên tới 9,6 tỷ US\$, trở thành nhà đầu tư số 1 tại Myanmar [5; tr.167].

dẫn khí đốt dài 771 km từ bờ biển phía Tây Myanmar, bên vịnh Bengal, tới Côn Minh bắt đầu đi vào hoạt động. CNPC đầu tư xây dựng với tư cách là cổ đông chính. Hệ thống bắt đầu lần lượt từ đảo Madaya và đặc khu kinh tế rộng 120 km² ở Kyaukpadaung. Đặc khu trị giá 2,4 tỷ US\$ này có một cảng biển nước sâu và được Ngân hàng Phát triển Trung Quốc cấp vốn [115]. Đường ống này có khả năng vận chuyển 400.000 thùng/ngày vào lãnh thổ Trung Quốc (nguồn dầu này từ Trung Đông về trạm trung chuyển Kyaupadaung, Myanmar). Đồng thời, đường ống dẫn khí đốt được Công ty dầu khí quốc gia Trung Quốc (CNPC) đầu tư hơn 1 tỷ US\$, dùng để vận chuyển 25 tỷ mét khối khí trong 30 năm từ mỏ Shwe ở ngoài khơi Myanmar, cách Sittoung (thủ phủ bang Arakan) khoảng 30 km. Ký với PetroChina vào mùa Xuân năm 2005 và được bổ sung năm 2008 bằng một bản ghi nhớ giữa các công ty khai thác và CNPC, về mua và vận chuyển khí đốt tự nhiên từ các mỏ A-1 và A-3 về Trung Quốc. Các đường ống này có tổng chiều dài 1200 km, cộng với 45 km thuộc đường ống Yadana chạy trên đất liền được một tổ hợp do Total làm chủ thực hiện [130].

Về xây dựng hạ tầng giao thông: Song hành với tuyến ống khí đốt và dầu mỏ, một dự án rất lớn khác là tuyến đường sắt Kyaukpadaung - Côn Minh nằm trong dự án đường sắt Kyaukpadaung (Myanmar) - Ruili (Trung Quốc) được khởi công từ tháng 1/2011, dự kiến hoàn thành vào năm 2015 (tuy nhiên đến nay dự án này vẫn đang bị đình trệ do nhiều yếu tố như thiếu vốn, khả năng hủy hoại môi trường.v.v). Myanmar và Trung Quốc cũng có kế hoạch xây dựng tuyến đường sắt nối cảng nước sâu Kyaukpadaung, nằm ở phía Tây bang Rakhine, Myanmar, kết nối với Côn Minh, Trung Quốc. Tuyến đường này sẽ chạy qua các bang Rakhine, Shan và các vùng Magway, Mandalay của Myanmar [122]. Myanmar cũng lên kế hoạch xây dựng cảng nước sâu Dawei. Dự án này có chi phí đầu tư 13 tỷ US\$, bao gồm cả hạng mục xây dựng đường sắt, nhà máy điện, nhà máy thép và một đường cao tốc dài 160 km nối thành phố Dawei (Myanmar) với tỉnh Kanchanaburi (Thái Lan). Một tuyến đường ray khác dài 1920 km cũng

đang được xây dựng nối tỉnh Vân Nam với cảng Yangon của Myanmar. Tuyến đường này cũng sẽ kết nối với các đường ray khác, từ đó vận chuyển hàng hóa tới cảng Dawei, miền Nam Myanmar. Ngoài ra, Trung Quốc cũng có kế hoạch xây dựng tuyến đường ray chạy qua khu vực tự trị Shan (Myanmar), nối Côn Minh với tỉnh Chiang Rai của Thái Lan, sau đó hòa vào mạng lưới đường ray của Thái Lan. Tuyến đường này sẽ cùng với một tuyến đường đang được khảo sát xây dựng ở Lào cho phép các tàu hỏa vận chuyển hàng hóa giữa Trung Quốc, Cămpuchia, Thái Lan, Singapore [117].

Để vận chuyển hàng hóa và năng lượng, Trung Quốc còn thiết lập mạng lưới đường sắt phức hợp. Giới phân tích đánh giá, Myanmar giữ vị trí quan trọng trong các kế hoạch đầy tham vọng, đó là xây dựng một mạng lưới đường ray xe lửa tốc độ cao của Trung Quốc nối nước này với các nền kinh tế DNA, Nam Á, Trung Đông và châu Âu. Giới quan sát nhận định, các tuyến đường ray xe lửa Trung Quốc sẽ đi theo ba hướng cơ bản: i) *Tuyến đường phía Bắc* sẽ mở rộng tới Mông Cổ, Kazakhstan, Nga, Ucraina và sau đó sẽ nối với mạng lưới xe lửa châu Âu. ii) *Tuyến đường miền Trung* sẽ đi qua Myanmar, Bangladesh, Ấn Độ, Pakistan, Iran tới Thổ Nhĩ Kỳ. iii) *Tuyến đường phía Nam* sẽ nối Trung Quốc với Myanmar, Lào, Việt Nam và Thái Lan. Ngoài việc mở cửa cho hàng hóa Trung Quốc tại khu vực miền Tây Nam hẻo lánh, các hệ thống đường ray xe lửa sẽ giúp Trung Quốc vận chuyển nguồn năng lượng nhập khẩu từ Trung Đông và châu Phi hiệu quả hơn. Các cảng nước sâu ở Cox's Bazaar (Bangladesh) và Kyaukphyu, Dawei (Myanmar) nối với các tuyến đường sắt sẽ giúp Trung Quốc giảm một nửa quãng đường vận chuyển dầu từ Trung Đông và châu Phi so với đường biển [117].

Từ 2008-2011, đầu tư Trung Quốc nhảy vọt từ 1 lên 13 tỷ US US\$ [155], trong đó gần như 7,5 tỷ US US\$ cam kết đầu tư. Tuy nhiên, do những cải cách chính trị tại Myanmar, đầu tư Trung Quốc vào nước này giảm mạnh, xuống còn mức 407 triệu US\$ năm tài chính 2012-2013 [167]. Trong lĩnh vực viễn thông, Các công ty Trung Quốc cũng đóng vai trò quan trọng ngày càng tăng trong viễn

thông không dây và hệ thống mạng. Các công ty Trung Quốc cung cấp các thiết bị tự động ngắt nối, hệ thống viễn thông di động, cáp quang cho các bưu điện quốc doanh và viễn thông nhà nước.

Có thể thấy, đầu tư và thương mại của Trung Quốc đối với Myanmar là một phần trọng điểm trong chính sách của Trung Quốc hướng tới đối tác. Trung Quốc tiến hành đầu tư mạnh mẽ vào các dự án khai quặng, năng lượng (thủy điện, dầu khí..), các dự án hạ tầng cơ sở (đường, trường học, đô thị) .., tạo ra sự hiện diện đầu tư rất lớn của các doanh nghiệp quốc doanh và tư nhân Trung Quốc trên lãnh thổ Myanmar. Trong thương mại, những ông chủ lớn từ đại lục Trung Quốc với tài chính dồi dào, kinh nghiệm buôn bán siêu việt trên thương trường, luôn biết cách tìm đến Myanmar và biến thị trường lâm sản, đá quý tại đây gần như trở thành sân chơi riêng cho doanh nhân người Hoa. Bên cạnh những tính toán chính trị và an ninh, các lợi ích kinh tế thực sự là chìa khóa sống còn trong chính sách Myanmar của Trung Quốc từ sau CTL.

2.2.4 Về tôn giáo-văn hóa-xã hội

Mục tiêu của Trung Quốc: Là quảng bá các giá trị tư tưởng, văn hóa, truyền thống, ngôn ngữ Hán tại Myanmar, làm nổi bật đặc trưng và sự hiện diện sức mạnh mềm của Trung Quốc tại Myanmar. Tạo ra sức cuốn hút và đánh bóng vị thế chính trị nước lớn đang lên của Trung Quốc luôn gắn với chiều sâu bản sắc văn hóa, truyền thống năm ngàn năm đặc sắc trước đối tác và trên bình diện toàn cầu. Thông qua kênh giao lưu trao đổi các hoạt động văn hóa, các phái đoàn tôn giáo, cả hai nước tìm kiếm những hợp tác và trao đổi mang tính chia sẻ. Tạo ra sự gắn kết nhiều hơn nữa trong chính sách từ vĩ mô tới vi mô, tức là thông qua các khung khổ hợp tác chính trị, để các bước tiếp theo triển khai trên từng lĩnh vực nhỏ hơn tới đời sống xã hội tại mỗi nước.

Tại Myanmar, Phật giáo là tôn giáo chính thống, số lượng tín đồ đông đảo được quy định là quốc giáo dưới thời Thủ tướng U Nu. Tại Trung Quốc, tuy không có quốc giáo song đạo Phật trở nên rất gần gũi, có nhiều nét tương đồng

với tín ngưỡng và văn hóa Hán. Hướng tới Myanmar không gì gần gũi hơn bằng việc Trung Quốc cử những phái đoàn Phật giáo viếng thăm Myanmar, nơi mà Phật giáo trở thành quốc giáo kể từ khoảng thời gian lãnh đạo của Thủ tướng U Nu. Giáo đoàn Buddha's Tooth Relic với The Dethasari (Cuộc hành trình thiêng liêng) tới Myanmar trở thành trọng điểm mang tính sự kiện nhà nước. Phái đoàn trên của Trung Quốc đã đến Myanmar 3 lần, năm 1955, 1994 và 1996. Lần đầu trùng hợp với phái đoàn Phật giáo Thượng hội đồng (Sixth Buddhist Synod) diễn ra trong lễ tưởng niệm 2500 năm Phật giáo. Lần thứ hai và ba diễn ra trong suốt khoảng thời gian SLORC và lần thứ tư này diễn ra trong bối cảnh việc hợp tác toàn diện giữa hai bên đang được tăng cường nhanh chóng. Trao đổi các phái đoàn Phật giáo giữa Trung Quốc và Myanmar theo đó được tiến hành đều đặn. Một phái đoàn Phật giáo Myanmar dẫn đầu bởi Phó Chủ tịch Sayadaw- Ủy ban Nhà nước Sangha Maha Nayaka tới Trung Quốc trong tháng 11/1993. Đáp lại là chuyến thăm của phái đoàn Phật giáo Trung Quốc đứng đầu là Phó Chủ tịch Hiệp hội Phật giáo Toàn quốc Trung Quốc tháng 12/1993 [73; tr.122-123]. Năm 2009, ông Nhất Thành, Chủ tịch danh dự của Hiệp hội Phật giáo của Trung Quốc, được Thống tướng Than Shwe trao tặng bằng khen tại Naypyitaw. Myanmar cũng đã gửi một phái đoàn đến Trung Quốc để tham dự Diễn đàn Phật giáo thế giới thứ hai [168]. Tới năm 2011, phái đoàn Phật giáo Trung Quốc một lần nữa tiến hành thăm, giao lưu tại Myanmar trong không khí chào đón nồng nhiệt của phái đoàn nước chủ nhà.

Về mặt văn hóa, giữa năm 1991 và 1994, Myanmar đã cử phái đoàn 4 nhà văn và nhà báo và phái đoàn văn hóa 8 người tới Trung Quốc trong khi Trung Quốc cử phái đoàn 5 nhà văn và nhà báo và phái đoàn văn hóa 9 người tới Myanmar. Trong cùng khoảng thời gian trên, Myanmar và Trung Quốc đã trao đổi hai phái đoàn giáo dục tới thăm và làm việc lẫn nhau [78; tr.47]. Các năm sau đó việc trao đổi các nhà hoạt động văn hóa nghệ thuật trở thành kênh không chính thức diễn ra thường xuyên giữa hai nước. Điển hình là năm 2004, phái

đoàn 5 thành viên do Chủ tịch Hội nhà văn Trung Quốc do Vương Trùng Lỗ tới thăm Myanmar trong 12 ngày [154]. Trong chuyến thăm trên, phái đoàn Trung Quốc được Bộ trưởng Thông tin Brig-Gen Kyaw San của Myanmar tiếp đón. Đoàn cũng đã đến thăm Bagan và Mandalay và để lại nhiều dấu ấn trong chính sách giao lưu văn hóa của Trung Quốc. Với Trung Quốc việc truyền bá dễ dàng nhờ các chương trình thúc đẩy văn hóa được đầu tư nguồn lực tài chính, sự chuẩn bị kỹ lưỡng và nằm trong trọng điểm chính sách của chính phủ Trung Quốc [154]. Năm 1996 hai nước ký “Nghị định thư hợp tác văn hóa”, năm 1997, Thứ trưởng Bộ văn hóa Trung Quốc Pan Zhenzhou dẫn đầu phái đoàn văn hóa Trung Quốc thăm Myanmar. Năm 1999, 2000, 2001, 2004 các đoàn nghệ thuật tỉnh Cát Lâm, Quảng Tây, Hắc Long Giang, Nội Mông Cổ lần lượt sang thăm biểu diễn tại Myanmar. Bên cạnh đó, trong năm 2004, nhóm công tác thuộc Vụ hợp tác và giao lưu quốc tế của Bộ giáo dục Trung Quốc thăm làm việc tại Myanmar nhằm tăng cường hợp tác giáo dục giữa hai bên [154].

Để tăng cường truyền bá hình ảnh Trung Quốc và giao lưu hợp tác văn hóa hai nước, trong năm 2004, nhận lời mời của Bộ Thông tin của Liên bang Myanmar, một phái đoàn 5 thành viên nhà báo Trung Quốc do biên tập viên Liu Zhanmian của tạp chí “Nông dân ngày nay” tới thăm và làm việc tại Myanmar. Trong cùng năm 2004, phái đoàn 34 thành viên trong đoàn nghệ thuật Xi Xoang Bản Nạp tỉnh Vân Nam đã tiến hành chuyến thăm biểu diễn 8 ngày nhân dịp tết năm mới tại Myanmar. Trong khoảng thời gian trên, nhóm 4 thành viên tổ công tác hình ảnh tại đài Trung ương Trung Quốc CCTV theo lời mời của bộ Thông tin Myanmar cũng tới thăm Yangon trong 5 ngày [154]. Trong thời gian viếng thăm, phái đoàn quay phim, ghi lại những hình ảnh ấn tượng về tết năm mới của Myanmar, đồng thời phỏng vấn Thư ký thứ 1, Trung tướng Soe Win, Bộ trưởng Ngoại giao U Win Aung về mối quan hệ hai nước. Trong năm 2004, phái đoàn 8 thành viên nhà báo tỉnh Vân Nam, dẫn đầu bởi giám đốc Trương Đức Văn cũng sang thăm và làm việc tại Myanmar. Phái đoàn làm phim 4 người dẫn đầu bởi

Tổng thư ký Lưu Tiểu Văn cũng tiến hành thăm, đặt vấn đề giao lưu, trao đổi và hợp tác các chương trình truyền hình giữa hai nước và làm các chương trình truyền hình tại ba thành phố lớn là Yangon, Bagan và Mandalay [154].

Về công tác hỗ trợ thiên tai cũng được phía lãnh đạo cao cấp Trung Quốc quan tâm đặc biệt. Thảm họa bão Nagis xảy ra gây thiệt hại rất lớn về người và của cho Myanmar. Giới lãnh đạo cao cấp của Trung Quốc đã gọi điện chia buồn và cứu trợ gấp 500 nghìn US\$, cử 3 chuyên cơ chở lương thực, thuốc men và đội ngũ bác sỹ gồm 50 người sang trợ giúp nhân dân Myanmar trước nạn đói và dịch bệnh. Ngoại trưởng Dương Khiết Trì đứng ra trụ trì buổi quyên góp từ thiện quốc tế ĐDNA nhằm ủng hộ nhân dân Myanmar (25/5/2008). Đoàn đại biểu Trung Quốc đóng góp 10 triệu US\$ [154; tr.59-160]. Khủng hoảng thiên tai trên, Trung Quốc chủ động, tích cực góp phần giúp Myanmar ứng phó và giải quyết thảm họa, trong bối cảnh chính quyền quân sự bị cộng đồng quốc tế chỉ trích dữ dội vì phản ứng chậm chạp và có phần thờ ờ trước tính mạng hàng trăm nghìn nạn nhân trong nước, do lo sợ kích bản bị phương Tây mượn cớ can thiệp. Ngoài ra, tại Myanmar, các nhóm hoạt động xã hội của Trung Quốc liên quan tới y tế, sức khỏe, giáo dục, chẳng hạn như tổ chức phi chính phủ: “China Medical Board of NY” [162], cũng góp phần vào các hoạt động nâng cao đời sống, nhận thức giáo dục cho người dân, giúp phòng tránh và chữa trị bệnh tật cho họ, do đó cũng để lại phần nào đó những hình ảnh ấn tượng và cảm tình của người dân Myanmar với Trung Quốc.

Hợp tác và hỗ trợ trên các lĩnh vực văn hóa, tôn giáo, xã hội dù không phải là điểm nhấn chính sách thực sự, nhưng nó góp phần tạo ra các mối giao lưu giữa nhân dân hai nước, giữa các lực lượng tôn giáo hai bên và quan trọng hơn cả là tạo ra tình hữu nghị giữa hai dân tộc. Các phái đoàn đa dạng từ những lĩnh vực nghệ thuật, văn học, thể thao, võ nghệ, báo chí, truyền thông.. đều được chính quyền trung ương hoặc các địa phương tại Trung Quốc cất cử sang giao lưu, biểu diễn, truyền bá các mục tiêu văn hóa, nghệ thuật, lịch sử, tư tưởng và ảnh hưởng của Trung Quốc tại các địa phương Myanmar. Từ thập niên 2000 trở lại đây, khi

chính sách tổng thể của Trung Quốc muốn phát huy vai trò và sức hấp dẫn nước lớn ra thế giới bằng sức mạnh mềm, thể hiện trong việc truyền bá Hán ngữ, hệ tư tưởng Khổng giáo, và nền văn minh 5 ngàn năm Trung Hoa. Trung Quốc đã tiến hành mở rộng các học viện Khổng Tử, các lớp học Hán ngữ ra các nước, trong đó, Myanmar là một điểm nhấn với lợi thế khoảng 3% cộng đồng Hoa kiều sinh sống, làm việc. Chính sự hiện diện về văn hóa, xã hội với những đặc trưng của Hoa kiều, tạo ra sự hiện diện mạnh mẽ về mặt biểu tượng của Trung Quốc. (ví dụ, Mandalay – trung tâm thương mại sầm uất nằm giữa Myanmar, được mệnh danh là “China’s town” bởi số lượng đông đảo người, tài sản của Hoa kiều tại trung tâm đô thị bậc nhất này).

Tiểu kết chương 2

Nội dung và việc triển khai chính sách Myanmar của Trung Quốc từ sau khi CTL kết thúc, được cụ thể hóa bởi những lợi ích kinh tế, đầu tư, thương mại, an ninh biên giới, ảnh hưởng chiến lược, thông qua kênh chính trị-ngoại giao và các cơ chế hợp tác an ninh-quân sự, kinh tế-thương mại, văn hóa-xã hội của Trung Quốc với đối tác.

Trong giai đoạn một từ sau CTL đến 2010, Trung Quốc hoàn toàn chiếm ưu thế so với các nước lớn khác trong chính sách đối với Myanmar. Những lợi thế của Trung Quốc thể hiện ở: *i) Phá vỡ thế bế tắc trong quan hệ ngoại giao vốn bị “đóng băng” với chính quyền Myanmar.* Với việc tăng cường các cơ chế hợp tác chính trị cấp cao được triển khai mạnh mẽ ngay từ sau khi CTL kết thúc, được cụ thể hóa bằng những chuyến công du nguyên thủ từ phía Trung Quốc tới Myanmar và ngược lại, đã tạo ra một liên minh chính trị khăng khít giữa chính quyền Bắc Kinh và Yangon. Khi một liên minh chính trị được thiết lập, tất yếu dẫn tới việc tăng cường những cơ chế hợp tác và thúc đẩy trao đổi quân sự, kinh tế, thương mại.. diễn ra với quy mô ngày càng trở nên mạnh mẽ giữa hai bên. *ii) Sức mạnh quân sự với nguồn cung khí tài đóng vai trò không thể thay thế của Trung Quốc.* Kể từ những năm đầu thập niên 1990, việc chuyển giao các hợp đồng quân sự khổng lồ của Trung Quốc cho lực lượng vũ trang Myanmar-

Tatmandaw đạt được dung lượng và hiệu quả to lớn, Trung Quốc gần như là thị trường phân phối độc quyền các sản phẩm quân sự cho Myanmar bởi lệnh cấm vận bán vũ khí cho Myanmar phát ra từ Mỹ và phương Tây khiến khả năng mua vũ khí từ nước ngoài của chính quyền Myanmar trở nên rất hạn chế. *iii) Trung Quốc thực thi sứ mệnh “ô bảo trợ” an ninh-chính trị.* Từ lợi thế láng giềng nước lớn nắm giữ lá phiếu phủ quyết trong HĐBA LHQ, Trung Quốc thể hiện vai trò nhà bảo trợ an ninh cho sự sống còn của chính quyền quân sự Myanmar liên tiếp qua các mốc sự kiện khủng hoảng tại Myanmar diễn ra trong những năm 1990, 2003, 2004, 2007. *iv) Trung Quốc từng bước tăng cường sự hiện diện kinh tế tại Myanmar và nâng cao dòng chảy thương mại song phương với đối tác.* Sự phụ thuộc về an ninh-chính trị kéo theo sự mở rộng quy mô hợp tác kinh tế-thương mại, đầu tư trên các hạng mục: cầu đường, thủy điện, khai khoáng và năng lượng của Trung Quốc tăng không ngừng tại Myanmar hơn hai thập kỷ qua. Có thể nói, mặt thành công trong chính sách của Trung Quốc đạt được khá toàn diện trên tổng thể những lĩnh vực then chốt tính từ sau khi CTL kết thúc tới mốc thời gian 2010. Nếu xét một cách tương đối, trong hai thập niên đầu sau CTL, Trung Quốc khẳng định vị thế số một trong vai trò bảo trợ an ninh quân sự và chính trị cho chính quyền Myanmar, tuy nhiên về mặt hiệu quả của hợp tác kinh tế-thương mại, Trung Quốc vẫn còn đứng ở vị trí khiêm tốn sau cả Thái Lan, Singapore.

Từ 2011 tới nay, Myanmar thực hiện Cải cách mở cửa mạnh mẽ, tác động không nhỏ tới lợi ích và những tính toán chiến lược của Trung Quốc. So với hai thập niên trước đó, vai trò và ảnh hưởng của Trung Quốc có phần suy yếu tương đối. *Một là, ảnh hưởng chính trị của Trung Quốc dần suy giảm* do chính quyền của Tổng thống Thein Sein kiên quyết hành động theo Lộ trình dân chủ 7 bước đã khởi động từ năm 2003. Chính quyền Myanmar kiên quyết thực hiện Cải cách mở cửa, tăng cường kiểm soát tập quyền trung ương với vị trí quyền lực trung tâm thuộc về Tổng thống theo chế định của Hiến pháp. Kiên quyết loại bỏ những cá nhân, bè phái thân Trung Quốc (trước đó năm 2003, Thủ tướng đương nhiệm Khin Nyunt đã từng bị phế truất và tù tội với nhiều cáo buộc khác nhau, trong đó khả năng do ông này có chính sách quá thân với Trung Quốc) và chống đối lại tiến

trình cải cách đang diễn ra (Tổng thống Thein Sein đã cắt chức và luân chuyển công tác của trên dưới 4 bộ trưởng và khoảng 20 thành viên trong chính phủ). Ngoài ra Myanmar đa dạng hóa việc hợp tác với các thể chế chính trị khác nhau và tăng cường mời gọi các tập đoàn kinh tế lớn trên thế giới đầu tư vào nước này bằng các chính sách thực sự hấp dẫn. Hai là, “ô bảo trợ an ninh” của Trung Quốc dần mất hiệu lực, buộc Trung Quốc phải linh hoạt xử lý trong chính sách với Myanmar. Với chính quyền Myanmar, ngoài việc thể hiện mối quan tâm đặc biệt, vẫn tiếp tục đặt Trung Quốc ở vị trí ưu tiên số một, Tổng thống Thein Sein tiến hành đồng thời những chuyến thăm làm việc tới Ấn Độ, Mỹ và việc tiếp đón thành công Ngoại trưởng Mỹ, sau đó là Tổng thống Obama và nguyên thủ nhiều nước trong EU, Nhật Bản, Úc, đã thể hiện chính sách linh hoạt trong việc lôi kéo sự hiện diện của các nước lớn và chứng tỏ chính sách cân bằng nước lớn của Myanmar đi đúng hướng. Không chỉ đơn thuần từ sự thay đổi trong chính sách của Myanmar, với việc lấy Myanmar là điểm nhấn trong chính sách xoay trục sang châu Á của chính quyền Tổng thống Obama, đã tạo ra những bước chuyển quyền lực của Mỹ tại ĐNA và Đông Á. Trung Quốc khó có thể sử dụng chiêu bài bảo trợ an ninh và hậu thuẫn chính trị như giai đoạn trước, bởi thế việc điều chỉnh linh hoạt trong chính sách hướng tới Myanmar trong giai đoạn này là sự lựa chọn hợp lý nhất của Trung Quốc. Trung Quốc vừa cổ vũ tiến trình cải cách, vừa gây sức ép lên giới tinh hoa Myanmar về vai trò, ảnh hưởng và lợi ích của Trung Quốc cần được quan tâm thấu đáo. Ba là, Trung Quốc đánh mất vai trò nhà cung cấp khí giới độc quyền và chịu sự cạnh tranh khốc liệt trong kinh tế-thương mại. Không chỉ bị suy giảm ảnh hưởng chính trị, từ những năm 2010 trở lại đây, gần như Myanmar không ký những gói hợp đồng vũ khí lớn với các nhà thầu Trung Quốc và việc có rất nhiều các tập đoàn đa dạng từ khắp nơi trên thế giới đang ồ ạt đầu tư vào những lĩnh vực trọng điểm như bất động sản, công nghiệp, hạ tầng, khai khoáng, năng lượng thì vị trí độc tôn của các doanh nghiệp Trung Quốc tại Myanmar cũng đang dần bị thu hẹp lợi thế so với các đối thủ.

CHƯƠNG 3

ĐÁNH GIÁ CHÍNH SÁCH MYANMAR CỦA TRUNG QUỐC VÀ KHẢ NĂNG ĐIỀU CHỈNH CHÍNH SÁCH ĐẾN 2020

3.1 Đánh giá chính sách Myanmar của Trung Quốc

3.1.1 Tác động chính sách Myanmar đối với Trung Quốc

Xác lập vị thế nước lớn của Trung Quốc (chính trị-an ninh-quân sự)

Về chính trị - ngoại giao: Sau CTL, liên tiếp các chuyến thăm của giới lãnh đạo cao cấp hai bên⁴⁸, những tuyên bố ủng hộ lẫn nhau trên truyền thông, trên các diễn đàn quốc tế đã tạo ra một liên minh chính trị chưa từng có tiền lệ giữa hai nước. Sự xích lại gần nhau này, mang lại lợi ích cho cả Trung Quốc lẫn chính quyền quân sự Myanmar. Theo lập luận của Giáo sư Poon Kim Shee⁴⁹ và Maung Aung Myoe, Myanmar đã biến đổi linh hoạt từ chính sách “trung lập truyền thống” giai đoạn trước 1988, sang chính sách thực dụng “ngả theo” Trung Quốc, nhằm tạo dựng một liên minh chính trị tạm thời, hai bên lợi dụng lẫn nhau cho những tính toán riêng của mình⁵⁰. Diễn biến và việc điều chỉnh chính sách của Trung Quốc với Myanmar bao gồm: Giai đoạn thứ nhất từ sau CTL tới 2010, mang tính “phá khẩu”, nối lại bang giao và thiết lập đồng minh chiến lược, đây là giai đoạn thành công to lớn của Trung Quốc. Vai trò của Trung Quốc trong sứ mệnh “ô an ninh”, bảo trợ chính quyền quân sự Myanmar trước sức ép quốc tế tại các mốc khủng hoảng 1990, 2003, 2007, 2008 khiến sự phụ

⁴⁸ Phía Trung Quốc: Ngoại trưởng, các bộ trưởng Quốc phòng, An ninh, tới Thủ tướng (Lý Bằng 12/1994), Chủ tịch Nước (Giang Trạch Dân 12/2001), Phó Chủ tịch Nước (Tập Cận Bình 12/2009), Thủ tướng (Ôn Gia Bảo 7/2010) tới Myanmar. Phía Myanmar bao gồm các Bộ trưởng, các đời lãnh đạo cấp cao: Thống tướng (Saw Maung 8/1991, Than Shwe: 1/1996, 1/2003, 9/2010), phó Thống tướng (Maung Aye 6/2009), Đại tướng Maung Aye- Phó Chủ tịch SPDC, Thủ tướng: (Khin Nyunt 7/2004, Soe Win: 7 và 10/2005), Tổng thống (U Thein Sein: 5/2011, 9/2012, 4/2013, 6/2014) tới thăm là làm việc tại Trung Quốc v.v. Theo thống kê tần xuất hai bên khá đều đặn, tuy nhiên số lần lãnh đạo cao cấp nhất Myanmar sang Bắc Kinh nhiều hơn hẳn từ phía đồng cấp Trung Quốc tới Yangon (Naypyitaw sau này).

⁴⁹ Do sự biệt lập và cần thiết, Rangun đã quyết định xích tới gần Trung Quốc cả về hỗ trợ quân sự lẫn kinh tế. Trong bối cảnh này không ai có thể phủ nhận rằng Myanmar không phải là một người chơi trong trò chơi chiến lược đối với Trung Quốc [98; tr.7]. (xem thêm phụ lục 1 và 2)

⁵⁰ Nhằm giảm sức ép trong nước và quốc tế, tránh bị cô lập toàn diện. Với Bắc Kinh, tận dụng tốt khoảng không chính trị bị bỏ lại tại Myanmar do chính sách cô lập, cấm vận, trừng phạt từ phương Tây, nhanh chóng tìm kiếm lợi ích, khẳng định vị thế và ảnh hưởng. Với Myanmar thiết yếu là sự tồn tại của thể chế quân sự, các hợp đồng vũ khí chỉ có thể có được từ Trung Quốc, và hơn nữa là các hợp đồng bán tài nguyên năng lượng, tới tăng cường biên mậu.

thuộc của Myanmar vào Trung Quốc là tất yếu. Giai đoạn thứ hai từ mốc 2011 tới nay, do những thay đổi nhanh chóng từ quá trình Cải cách mở cửa tại Myanmar khiến cho sức nặng trong ảnh hưởng chính trị của Trung Quốc ít nhiều bị suy giảm. Tuy nhiên, với việc Tổng thống Thein Sein trước và ngay sau khi trúng cử đã chọn Trung Quốc là đối tác số 1 trong công du nước ngoài, đã thể hiện rằng Trung Quốc vẫn nằm ở vị trí ưu tiên tối cao trong chính sách của Myanmar giai đoạn hiện nay.

Quan hệ chính trị - ngoại giao của Myanmar với Trung Quốc là quan hệ phụ thuộc, Trung Quốc phát huy được vai trò ảnh hưởng chính trị nước lớn truyền thống, giúp mở ra các điều kiện thuận lợi cho các mảng hợp tác khác.

Các nguyên nhân dẫn tới sự xích lại gần nhau tạo dựng liên minh chính trị giữa hai nước, về cơ bản, bao gồm các nguyên nhân như sau: *Một là*, năm 1988, BCP sụp đổ (phần nhiều do CCP không hậu thuẫn), góp phần hàn gắn mối quan hệ bị rạn nứt trước đó giữa hai nước. Gạt qua vai trò ý thức hệ và yếu tố đảng phái, Trung Quốc sẵn sàng bắt tay với chính quyền Myanmar mà không đi kèm với bất cứ điều kiện nào khác. *Hai là*, việc hai nước xích lại gần nhau, chính là bước ngoặt then chốt khi cả hai nước liên tiếp lâm vào khủng hoảng trầm trọng về chính trị-xã hội, dẫn tới nguy cơ sụp đổ thể chế chính trị. Hai nước Trung Quốc, Myanmar cần tới sự tương trợ của nhau để giảm đi những áp lực cả bên trong lẫn bên ngoài, đồng thời hướng tới những lợi ích tính toán từ hai phía.

Về an ninh - quân sự: Trong bối cảnh chính quyền quân sự Myanmar bị cô lập hoàn toàn trước các lệnh trừng phạt quốc tế. Trung Quốc trong thập niên 1990, chủ động nắm thế thượng phong trong vai trò nhà cung cấp khí giới số 1, nhờ lợi thế chuyên giao qua biên giới, giá vũ khí rẻ hơn nhiều lần so với các đối thủ khác. Chính sách cung cấp vũ khí với các mức giá ưu đãi, giá thấp hơn hẳn thị trường quốc tế khiến từ đầu những năm 1990, Trung Quốc trở thành nhà cung cấp chính và lớn nhất cho Myanmar. Các khoản hợp đồng cung cấp này giúp Trung Quốc thu về khoản tiền (Theo Maung Aung Myoe, tổng giá trị chuyển

giao vũ khí PLA cho Tatmadaw qua hai thập kỷ ước chừng gần 4 tỷ US\$) mặt khác nguyên tắc trao đổi hàng lấy hàng theo kiểu chiết khấu dần qua việc Trung Quốc thu mua tài nguyên khoáng sản và năng lượng, giúp các nhà đầu tư Trung Quốc có được những hợp đồng hấp dẫn và chắc chắn. Các chuyển giao trang thiết bị quân sự với các hạng mục vũ khí giúp Trung Quốc duy trì được sự hiện diện của các chuyên gia hỗ trợ đào tạo và tình báo của nước này tại Myanmar. Cụ thể nhất là trường hợp hai bên phối hợp lắp đặt hệ thống ra đa phức tạp trên một loạt các đảo và hải cảng như Coco, Sittwe.

Thành công của Trung Quốc với Myanmar còn thể hiện ở chỗ: Trung Quốc mở rộng địa bàn hoạt động xuống vùng biển Andaman, liên tiếp có các hợp tác quốc phòng trên biển tạo lập ra sự an toàn cho các công ty Trung Quốc làm ăn tại Myanmar và thể hiện sự hiện diện hải quân tại vùng biển Ấn Độ Dương, có khả năng cạnh tranh gây tác động tới lợi ích truyền thống của Ấn Độ. Có thể nói quan hệ an ninh và quân sự của Myanmar với Trung Quốc là quan hệ phụ thuộc và tất yếu. Trung Quốc chuyển giao các trang thiết bị quân sự vừa nhằm can dự tới nội tình Myanmar, mặt khác thu được những lợi nhuận kinh tế trực tiếp hoặc gián tiếp.

Thành công đạt được bao gồm các nguyên nhân sau: *Một là*, Trung Quốc có lực lượng khí tài quân sự hiện đại và dễ cung ứng. *Hai là*, chính quyền quân sự Myanmar bị cấm vận không thể mua được vũ khí từ phương Tây trong khi nhu cầu cần có lực lượng lớn mạnh để đối phó với các phong trào biểu tình và các phe phái nổi dậy trong nước. *Ba là*, phía Trung Quốc bật “đèn xanh” mời chào với nhiều chính sách ưu đãi dành cho Myanmar.

Phát triển và bành trướng kinh tế của Trung Quốc tại Myanmar

Ảnh hưởng mạnh mẽ và sâu sắc nhất trong chính sách của Trung Quốc tại Myanmar chính là lĩnh vực kinh tế-thương mại. Trung Quốc đang là bạn hàng

thương mại lớn nhất, trên lĩnh vực đầu tư Trung Quốc đang là đối tác số một⁵¹ tại Myanmar [36], [137]. Trung Quốc xuất siêu các chủng loại hàng hóa từ quần áo, đồ ăn cho tới các dây chuyền máy móc, các đồ tiêu dùng cao cấp. Trong khi Myanmar là nước cung cấp lớn các nguồn tài nguyên, nhiên liệu thô từ các quặng kim loại, cho tới khí ga, dầu lửa – các nguồn tài nguyên năng lượng mà Trung Quốc vẫn đang ráo riết thu mua từ khắp Nam Mỹ, châu Phi, Tây Á, Trung Á.

Tăng cường ảnh hưởng trong đầu tư kinh tế và bành trướng sức mạnh trong quy mô thương mại đang lĩnh vực sáng nhất trong chính sách của Myanmar của Trung Quốc. Có thể nói ví như Myanmar là nước nghèo về tài nguyên thì chắc chắn chính sách hợp tác từ 1988 tới nay của Trung Quốc hướng với Myanmar cũng sẽ khác. Có thể Trung Quốc sẽ không đẩy mạnh hỗ trợ quân sự và chính trị quá lớn như giai đoạn vừa qua với Myanmar. Nhưng, vì Myanmar sở hữu nguồn tài nguyên trù phú, góp phần dẫn tới những cân nhắc và tính toán thực dụng của Trung Quốc đối với nước này.

Thành công của các công ty tư nhân cũng như các tập đoàn kinh tế nhà nước như CNOOC, CNOPEC, tập đoàn khoáng sản Trung Quốc do các yếu tố: *Thứ nhất*, chính sách ngân hàng trung ương Trung Quốc (ngân hàng xuất khẩu, ngân hàng đầu tư..) luôn sẵn sàng đứng ra bảo lãnh hợp đồng, đứng ra cho vay vốn và cấp tín dụng cho phía nhà đầu tư Trung Quốc cũng như các dự án cần vốn từ phía Myanmar, điển hình là các dự án thủy điện, dự án khai khoáng. *Thứ hai*, phía nhà thầu Trung Quốc có thể cung cấp hệ thống máy móc hiện đại song giá thành rẻ hơn rất nhiều từ phía đối tác từ Nhật, Hàn, phương Tây. *Thứ ba*, nhà thầu Trung Quốc sẵn sàng trả giá cao vượt trội các nhà thầu khác để có được dự án khai thác tài nguyên và trả giá thấp nhất có thể cho các dự án đầu tư, xây dựng tại Myanmar. Kèm theo đó là kỹ năng thương lượng và dùng thủ đoạn tạo ra sự cạnh tranh không bình đẳng (ví dụ: mua chuộc, hối lộ bởi hệ thống luật

⁵¹ Năm 2010, đầu tư trực tiếp từ Đại lục vào Myanmar lên tới 9,6 tỷ US\$, chiếm 50% tổng số vốn đầu tư nước ngoài, trở thành nhà đầu tư lớn nhất tại nước này. Năm 2010, Trung Quốc vượt Thái Lan, trở thành đối tác thương mại số 1 [15; tr.145].

pháp Myanmar lỏng lẻo và tệ nạn tham nhũng phổ biến). *Thứ tư*, ảnh hưởng chính trị và ngoại giao từ trên ép xuống, mối quan hệ quốc tế ngày nay thực chất là quan hệ kinh tế - chính trị và do đó ảnh hưởng của sức ép chính trị lên hợp tác thương mại là không tránh khỏi, việc chính quyền quân sự phụ thuộc vào Bắc Kinh cũng tất yếu dẫn tới những ràng buộc về lợi ích kinh tế đối với nước này.

Những hạn chế, thách thức trong chính sách Myanmar của Trung Quốc

Thứ nhất, Trung Quốc gặp phải các rủi ro kinh doanh tại Myanmar

- Chính sách thâm nhập thị trường, chiếm lĩnh thị phần Myanmar từ các doanh nghiệp Trung Quốc, được sự bảo trợ của chính phủ Trung Quốc bởi các ngân hàng như: Công thương, Phát triển, Chính sách và các tổ chức tín dụng lớn. Những thể chế trên thường là những đơn vị đứng ra bảo lãnh tín dụng, cho vay tín dụng, thậm chí tài trợ dự án với lãi suất thấp hoặc không lãi suất. Bên cạnh đó, các nhà thầu Trung Quốc đưa ra mức thầu dự án rẻ mạt, dẫn tới tỷ suất lợi nhuận kinh doanh thấp kỷ lục và chất lượng thi công yếu kém. Chiến thuật kinh doanh trên, dẫn tới uy tín không cao, khả năng cạnh tranh suy giảm khi Myanmar ngày càng có thêm nhiều sự lựa chọn hợp lý từ chính sách mở cửa, rải thảm mời gọi các đối tác bên ngoài.

- Tâm lý nghi kỵ, các hành vi chống đối của dân chúng Myanmar trước các hoạt động đầu tư, kinh doanh, khai thác tài nguyên, năng lượng của Trung Quốc. Với việc kinh doanh không mang tính bền vững⁵², không gắn với việc bảo vệ môi trường và đặc biệt dân chúng Myanmar không nhận được nhiều những lợi ích thiết thực trong chính sách hợp tác của chính phủ với Trung Quốc. Đó là lý do sự hiện diện của các nhà thầu, những doanh nghiệp Trung Quốc tại Myanmar thường không nhận được sự chào đón, các hoạt động phá hoại, hủy hoại tài sản của Trung Quốc,

⁵² Thậm chí mang tính chớp dật, thời vụ từ các lái buôn Trung Quốc không chỉ với Myanmar mà các nước ĐNA, trong đó có Việt Nam, đang tạo ra dư luận và những hậu quả xấu cho phía Trung Quốc. Chẳng hạn, việc tận thu bất hợp pháp các loài cây thuốc quý, động vật hoang dã ồ ạt, sau đó bất ngờ dừng lại, gây thiệt hại kinh tế và tâm lý cảnh giác, thù địch từ nhân dân cho tới chính phủ các nước trước các thủ đoạn phía doanh nhân Trung Quốc.

thậm chí những hành vi khủng bố nhắm tới các lợi ích của Trung Quốc thời gian gần đây tại Myanmar đang trở thành vấn nạn lớn mà Trung Quốc phải đối mặt⁵³.

Thứ hai, tác động tới uy tín quốc tế của Trung Quốc: Cộng đồng quốc tế luôn đặt ra những nghi ngại về thực chất vai trò can dự của Trung Quốc đối với Myanmar, bởi Trung Quốc luôn là nước phủ quyết các nghị quyết của LHQ nhằm can thiệp vào công việc nội bộ của Myanmar trên quan điểm nhất quán: “không can thiệp vào công việc nội bộ của quốc gia khác” và do đó “không tán thành bất cứ hình thức can thiệp nào từ bên ngoài”. Dẫn đến, những chỉ trích gay gắt và những cáo buộc của cộng đồng quốc tế cho rằng Trung Quốc góp phần dung túng thể chế độc tài quân sự Myanmar⁵⁴, làm cản trở tiến trình phát triển của Myanmar.

3.1.2 Tác động của chính sách Trung Quốc đối với Myanmar

Góp phần thúc đẩy việc phát triển cơ sở hạ tầng và quá trình công nghiệp hóa tại Myanmar

- Chưa xét tới yếu tố chất lượng, việc các doanh nghiệp Trung Quốc đầu tư các dự án cầu, đường bộ, đường sắt, các nhà máy thủy điện, các nhà máy công nghiệp, giúp tăng cường và cải thiện đáng kể hạ tầng, góp phần công nghiệp hóa và phát triển tại Myanmar. Thời gian tới, cơ hội đầu tư và hợp tác của các tập đoàn tư bản bên ngoài vào Myanmar do hiệu ứng kích thích từ Cải cách mở cửa sâu rộng của nước này, sẽ góp phần tăng cường tính cạnh tranh với hàng hóa, nhà thầu của Trung Quốc, giúp nâng cao yếu tố uy tín, chất lượng cho các dự án, các sản phẩm hàng hóa và dịch vụ tại Myanmar.

⁵³ Trong tháng 4/2012, nhiều vụ tấn công vũ trang vào các dự án xây dựng thủy điện trên sông Irawaddy để cung cấp điện cho tỉnh Vân Nam. Tiếp đến tháng 5 và 6 /2012 đã xảy ra một loạt vụ đánh bom nhắm vào các công trường và cơ sở khí đốt, dầu mỏ có vốn đầu tư của Trung Quốc tại Myanmar [15; tr.140].

⁵⁴ Nếu xét trên mức độ hành vi chính sách, những tuyên bố, nguyên tắc đối ngoại của Trung Quốc thường mang tính ngoại giao bề nổi. Bản chất sâu xa trong các chính sách đó vẫn là những tính toán lợi ích thực dụng của Trung Quốc. Trung Quốc can dự vào nội tình Myanmar thông qua những hình thức tinh vi, vô cùng phức tạp khác nhau và Nguyên tắc “không can thiệp vào công việc nội bộ của Myanmar” được Trung Quốc sử dụng thực chất như là lá chắn chống lại sự can dự của các nước lớn khác vào trong nội tình Myanmar, nhằm duy trì vị trí độc tôn của mình. Để bác bỏ các cáo buộc về vai trò can thiệp, Trung Quốc luôn lớn tiếng tuyên truyền rằng Trung Quốc là nước lớn có trách nhiệm trong việc tôn trọng chủ quyền và quyền tự quyết của quốc gia khác.

- Chính sách đóng cửa nền kinh tế thời Thủ tướng Ne Win, cho tới sau cuộc đảo chính quân sự 1988, cùng lệnh trừng phạt và cấm vận khắc nghiệt của phương Tây, hàng hóa trở nên khan hiếm và thiếu thốn trầm trọng. Hàng hóa Trung Quốc có thể chất lượng không được bảo đảm, nhưng với lợi thế lớn nhất là giá rẻ, chủng loại phong phú, đa dạng, dễ dàng tiếp cận, và trên thực tế nó đã góp phần đáp ứng nhu cầu tiêu dùng cơ bản tại Myanmar trong nhiều thập kỷ.

- Sự tham gia ngày càng sâu và rộng trong các lĩnh vực hợp tác, khai thác các nguồn tài nguyên trù phú từ phía các tập đoàn, doanh nghiệp Trung Quốc tại Myanmar, tạo ra hiệu ứng kích thích sự quan tâm chú ý, tăng cường thăm dò và đầu tư cạnh tranh từ các đối thủ khác⁵⁵. Chính sách thu hút đầu tư mới sẽ giúp Myanmar có thêm nguồn tài chính, kỹ năng quản lý và công nghệ nhằm phát triển các ngành kinh tế công nghiệp-dịch vụ cần thiết cho Myanmar tiến bước, hội nhập ra thế giới.

Tăng cường tính phụ thuộc của Myanmar vào Trung Quốc

Một là, vấn đề Hán hóa và sự “xâm lấn mềm” của Trung Quốc

Ngoài những nhóm thiểu số gốc Hoa tại các bang miền bắc như Kachin, Shan, tại Myanmar, tồn tại một cộng đồng người Hoa đông đảo với con số tăng lên nhanh chóng⁵⁶, gây ra những vấn đề nghiêm trọng cho các cộng đồng địa phương tại Myanmar như sau: *i) Cơ hội việc làm bị cạnh tranh và chia sẻ bởi nguồn lao động đông đảo từ lao động phổ thông Trung Quốc.* Tính theo tỷ lệ tính trung bình, lao động Trung Quốc chiếm ưu thế trong các lĩnh vực khai mỏ, cầu đường với lợi thế từ các doanh nghiệp nước này đầu tư tại Myanmar. *ii) Những vấn đề bất ổn về xung đột văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng, một số tệ nạn xã hội gây ra bởi những người nhập cư Trung Quốc vào Myanmar.* Người Trung

⁵⁵ Theo Báo điện tử Vietnamnet.vn, Giai đoạn thập niên 1990, gần như chỉ có các doanh nghiệp Thái Lan, Singapore, Trung Quốc đầu tư, khai thác và hợp tác tại Myanmar. Từ thập niên 2000 trở lại, Myanmar thu hút trên 20 nước có dự án hợp tác, ngay cả Việt Nam cũng có một số dự án hợp tác lớn (ví dụ, Dự án “Khu phức hợp Hoàng Anh Gia Lai Myanmar Center” tọa lạc tại khu vực đặc địa nhất Yangon, tổng mức đầu tư 440 triệu US\$).

⁵⁶ Số liệu Myanmar đưa ra năm 2010 là 4,5 triệu người. Số liệu Đại sứ quán Trung Quốc tại Myanmar đưa ra là hơn 3 triệu người [26; tr.184]. Nếu so với các con số trên với số người Hoa sinh sống tại Myanmar năm 1983 là 234.000, thì quả là tỷ lệ tăng kỷ lục, gấp hàng chục lần chỉ chưa đầy 30 năm (xem thêm [107;tr.140].)

Quốc có thói quen ăn to nói lớn chỗ đông người, xả rác thải bừa bãi, hay cãi lộn và tranh chấp lẫn nhau từ những điều nhỏ nhất nhất, đặc biệt nhiều người trong số họ có những hành vi, thái độ kiêu ngạo, khinh miệt với cộng đồng bản xứ do xuất phát từ quan điểm quá đề cao cái tôi của người Trung Quốc trước các dân tộc theo họ là kém văn minh hơn (bản sắc văn hóa, ngôn ngữ, thành tựu). *iii) Khả năng thương trường của người Hoa làm suy giảm những cơ hội kinh doanh của người dân các địa phương tại Myanmar.* Với những kỹ năng và kỹ xảo trong buôn bán, cộng đồng người Hoa tại hải ngoại và tại Myanmar luôn biết cách phát huy tối đa những cơ hội và lĩnh vực kinh doanh, mặt tích cực là góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội tại các vùng miền, nhất là mặt thương mại. Song, về tiêu cực, các lái buôn người Hoa thường tập hợp thành các hương hội, hiệp hội mang tính chất khép kín, buôn tận gốc bán tận ngọn, đưa các chính sách ép giá hoặc làm khan hiếm hoặc ế thừa các nguồn cung-cầu thị trường để từ đó dễ dàng thao túng các ngành nghề lĩnh vực buôn bán. Từ 1988, sự di dân Trung Quốc tới Myanmar, nhìn chung từ Vân Nam, gia tăng một cách nhanh chóng từ 1 triệu tới 2 triệu người. Khoảng 250.000 tới 300.000 người Trung Quốc thuộc tỉnh Vân Nam đã di cư tới Mandalay và một nửa dân số tại Lashio là người Trung Quốc [80; tr.447-459].

Nguyên nhân dẫn tới dòng người nhập cư lớn từ Trung Quốc, theo Giáo sư Mya Maung, sự đổ xô những người di cư Trung Quốc tại Mandalay đã gây sốc cho người dân địa phương. Các hiệp định ngừng bắn với các nhóm vũ trang trong nước và việc mở ra thương mại biên mậu, cũng như việc bãi bỏ các lệnh cấm kinh doanh, đã tạo ra làn sóng di cư lớn người và vốn từ khu vực biên giới vào thượng và trung tâm Myanmar. Hình thức hợp pháp hóa việc nhập cư thường bằng biện pháp nhờ thân nhân bảo lãnh, bỏ tiền mua thẻ căn cước hoặc thẻ công dân giả, rồi nhanh chóng trà trộn vào các vùng mà họ mới di cư tới. Cuộc sống và thương mại tại Mandalay, từ xa xưa thống trị bởi người bản địa

Myanmar, thì nay ngập tràn các sắc tộc Trung Quốc, một tiến trình mà theo đó Mya Maung đã gọi là (Sinonization) Trung Quốc hóa [80; tr.447-459].

Tuyến ống dẫn khí ga và dầu lửa ngoài khơi Kyaukphyu xuyên qua Myanmar tới biên giới Trung Quốc, hiện đang gây ra những mối lo ngại an ninh lớn cho người dân Myanmar. Tầm quan trọng của tuyến đường vận chuyển năng lượng này có tính chiến lược đối với Trung Quốc đến mức khiến người ta đặt câu hỏi liệu có phải từ hai chục năm nay, nước này đang tiến hành thực dân hóa dần dần vùng đất mà hai đường ống này chạy qua không [109; tr.2]. Hiện người Trung Quốc chiếm khoảng 30-40% số dân ở thành phố Mandalay, tức gần bằng số người Myanmar, hơn nữa thành phố này còn có một cộng đồng lớn người Ấn Độ-Myanmar. Tiếng Myanmar vẫn là ngôn ngữ chính ở Mandalay, nhưng tiếng Quan thỏ ngày càng được sử dụng nhiều, cụ thể là tại các khu thương mại như chợ Zegyo [109; tr.2-3]. Số liệu ước tính có khoảng 60 % nền kinh tế của khu vực trung tâm Mandalay thuộc sở hữu của người Hoa “khu phố Tàu”. Theo khảo sát của tác giả Billy Tea trong ấn phẩm (China and Myanmar: Strategic interests, Strategies and the road ahead, trên tạp chí ICPS), “*Sau 100 năm bị thực dân Anh đô hộ, chúng tôi còn có nhiều thứ, nhưng sau 20 năm trải qua sự lũng đoạn của Trung Quốc, chúng tôi chẳng có gì*” [105; tr.15-25]. Quan điểm trên có phần thái quá, nhưng thực tế tại các khu phố Tàu, người bản xứ do yếu về vốn và kỹ năng kinh doanh, nên thường lép vế trên thương trường so với cộng đồng Hoa kiều. Vấn đề trên dẫn tới mâu thuẫn lợi ích, có thể hình thành tâm lý, hành vi và thái độ chống lại các lợi ích của cộng đồng người Hoa tại nước này.

Hai là, hủy hoại môi trường, nguy cơ cạn kiệt tài nguyên tại Myanmar

Các doanh nghiệp nước ngoài trong đó phần lớn là doanh nghiệp Trung Quốc, hoặc các doanh nghiệp gốc Hoa từ Thái lan, Đài Loan, Hongkong, Singapore (theo ước tính chiếm tới 80%) đang tiến hành khai thác gỗ, chủ yếu là gỗ tẻch xuất khẩu, các nguồn tài nguyên khoáng sản quý hiếm như vàng, bạc, cô ban, Niken.. và các loại đá quý hiếm như rubi, hồng ngọc, kim cương, ngọc bích..

tại các vùng miền của Myanmar, nhưng không thực hiện quy trình xử lý chất thải nghiêm ngặt, dẫn tới thực trạng tài nguyên thiên nhiên của Myanmar đang bị khai thác cạn kiệt, môi trường hủy hoại trầm trọng. Theo Tổ chức Nông lâm LHQ, tới 2009, Myanmar có diện tích rừng có thể khai thác được là 79,5 triệu mẫu Anh. Bình quân hàng năm gần đây có tới 1,3% diện tích rừng bị khai thác. Việc khai thác quá mức, tài nguyên quặng và năng lượng tại Myanmar (và nhiều nước có doanh nghiệp Trung Quốc đang khai thác như Việt nam, Lào, Campuchia, các nước châu Phi, Mỹ La tinh..) có thể dẫn tới tình trạng môi trường sinh thái bị hủy hoại không thể khắc phục. Trước sức ép và áp lực của dân chúng trong nước liên quan việc chính phủ ưu ái cho các dự án xây đập thủy điện tại Myanmar. Ngày 30/9/2011, Tổng thống Thein Sein bất ngờ ra thông báo tạm ngừng dự án thủy điện lớn nhất hợp tác với Trung Quốc ký kết vào tháng 5/2007 là Myitsone do Trung Quốc đầu tư, số vốn lên tới 3,6 tỷ US\$⁵⁷. Dự án trên bị hoãn vô thời hạn, khiến giới lãnh đạo cao cấp tại Bắc Kinh thực sự không hài lòng, biểu hiện rõ nét là trong thời gian sau sự kiện, Trung Quốc đáp lại bằng những liên lạc không chính thức, cấp thấp, khiến quan hệ hai bên có phần căng thẳng.

Ba là, hàng giá rẻ nhưng kém chất lượng từ Trung Quốc

i) Các mặt hàng bình dân của Trung Quốc đáp ứng tốt nhu cầu sinh hoạt hằng ngày tại Myanmar nhưng mặt trái là kém chất lượng, chứa nhiều hóa chất độc hại có thể tác động lâu dài tới sức khỏe con người. *ii)* Các mặt hàng trôi nổi có xuất xứ từ Trung Quốc như các hóa chất kích thích tăng trưởng với rau củ quả, tạo nạc trong chăn nuôi, mỹ phẩm làm đẹp, thực phẩm chức năng.. đang là những mối đe dọa không chỉ Myanmar mà các nước như Việt nam đang phải đối mặt. *iii)* Các mặt hàng cao cấp của Trung Quốc đa phần là những sản phẩm nhái, sao chép thương hiệu, công nghệ từ ngoài như đồ điện tử, máy tính, điện thoại thông minh, xe hơi dẫn tới cạnh tranh kém lành mạnh, sản phẩm kém chất lượng.

Bốn là, vấn đề lao động Trung Quốc và chính sách không thỏa đáng trong khai thác tài nguyên tại Myanmar

i) Các doanh nghiệp Trung Quốc trong khai khoáng, xây dựng cầu đường, thủy điện, xây dựng các trung tâm thương mại lớn từ Yangon, Mandalay tới các bang vùng hẻo lánh tại Myanmar (tại Việt nam các dự án đường sắt trên cao Hà Đông-Giang Võ, nhiệt điện Phả Lại, bô xít Tây Nguyên là những minh chứng điển hình cho làn sóng lao động Trung Quốc đang hiện diện) thay vì sử dụng lao động tại các địa phương, phía Trung Quốc tận dụng luôn công nhân Trung Quốc với mục đích tạo công ăn việc làm cho lao động nước này và dễ dàng kiểm soát các bí mật làm ăn của họ, dẫn tới tình trạng gây tâm lý nghi kỵ và bài ngoại tại các địa phương này. ii) Do chế định luật pháp sơ hờ hoặc có sự tiếp tay của những thế lực thân Trung Quốc, tình trạng tham nhũng tràn lan, dẫn tới các dự án đầu tư-hợp tác-khai thác tài nguyên, năng lượng tại Myanmar chỉ có lợi cho phía Trung Quốc. Myanmar thất thu nguồn thuế, cạn kiệt tài nguyên và hứng chịu tâm lý chống Trung Quốc lên cao tại nhiều bang vùng.

3.1.3 Tác động đến quan hệ hai nước

Tác động tích cực lên mối quan hệ Trung Quốc – Myanmar

- Sau việc Trung Quốc phủ quyết (1/2007) Bản dự thảo LHQ⁵⁸ nhằm trừng phạt Myanmar, việc phủ quyết trên là lần đầu tiên Trung Quốc phủ quyết không liên quan tới vấn đề Đài Loan, Trung Quốc cảm thấy không dễ dàng trước áp lực từ phương Tây. Tuy nhiên, khi đề cập tới “Những kiến nghị mang tính xây dựng” đưa ra bởi ASEAN, Đại sứ Trung Quốc tại LHQ, Vương Quang Á tuyên bố, “*Trung Quốc chân thành hi vọng và mong muốn chính phủ Myanmar sẽ đưa*

⁵⁸ Trong suốt thời kỳ Tổng thống Bush, Đại sứ Mỹ tại LHQ, John Bolton, nhất quán nỗ lực đưa vấn đề Myanmar ra trước LHQ. Ngày 1/9/2006, Đại sứ Bolton đệ trình giải pháp về Myanmar lên chương trình nghị sự của HĐBA thúc giục rằng bối cảnh trong Myanmar đã gây ra mối đe dọa tới hòa bình và an ninh khu vực, tuy nhiên bị nhiều nước trong HĐBA phản đối. Đại sứ Trung Quốc tại LHQ, Vương Quang Á, phát biểu tại cuộc gặp thủ tục rằng: ‘*các quốc gia láng giềng Myanmar lẫn tất cả các nước châu Á đều không coi hoàn cảnh tại Myanmar là mối đe dọa tới hòa bình và an ninh của khu vực*’. Với kết quả bỏ phiếu, một giải pháp đã được thông qua đặt Myanmar trước chương trình nghị sự của HĐBA (S/PV.5919, 12 January 2007) có tựa đề “Hoàn cảnh tại Myanmar”. Tuy nhiên, Trung Quốc cùng với Nga trước sau đều bỏ phiếu chống lại [73; tr.126-127].

ra sự cân nhắc phù hợp trước những kiến nghị, lắng nghe lời kêu gọi của chính nhân dân của mình, học từ thực tế tốt đẹp của những quốc gia khác và thúc đẩy tiến trình đối thoại và cải cách, để đạt được thành tựu đất nước, mang lại lợi ích cho nhân dân và đóng góp tới hòa bình, ổn định và phát triển tại ĐNA” [112].

Nhà phân tích chính trị, Ian Holiday cho rằng, đã có một sự chuyển dịch trong chính sách của Trung Quốc hướng tới Myanmar vì đây là lần đầu tiên kể từ 1988 Trung Quốc công khai chỉ trích chính phủ Myanmar [62; tr.489]. Chính quyền Myanmar sau đó đã cảm ơn Trung Quốc trước HĐBA LHQ. Với việc phủ quyết của Trung Quốc giúp chính quyền quân sự Myanmar đứng vững trước áp lực quốc tế. Nhưng, nó cũng đẩy Trung Quốc vào thế khó xử, dẫn tới việc Trung Quốc phải gây sức ép lên chính quyền Myanmar về việc thúc đẩy tiến trình dân chủ và Cải cách mở cửa tại nước này. Ít nhiều những nỗ lực gây sức ép của Trung Quốc đã tạo ra hiệu ứng tích cực đối với Myanmar và giúp khôi phục ít nhiều hình ảnh và vị thế nước lớn của Trung Quốc trong cộng đồng quốc tế.

- Những hoạt động của các tổ chức phi chính phủ hoặc các cơ quan của LHQ luôn bị đặt dưới sự giám sát và quản lý chặt chẽ của chính quyền quân sự Myanmar. Điển hình là Tổ chức Lao động Quốc Tế (ILO) với những chương trình tiếp xúc trực tiếp và đưa ra những báo cáo về thực trạng các quyền cơ bản của người dân Myanmar bị vi phạm thô bạo, chính quyền Myanmar hết sức giận dữ và ra thông cáo trục xuất tổ chức này. Tuy nhiên, dưới sức ép của LHQ lên Trung Quốc, yêu cầu vai trò can dự của nước này, Trung Quốc đã có những tác động lên chính quyền quân sự và kết quả là ILO tiếp tục được phép hoạt động trong lãnh thổ Myanmar. Bên cạnh đó, Trung Quốc cũng lên tiếng tán thành ý tưởng đàm phán trực tiếp giữa ông Than Shwe và bà Aung San Suu Kyi, ủng hộ tiến trình dân chủ hóa, hòa giải dân tộc tại Myanmar. Trung Quốc chủ động đứng ra tổ chức các cuộc gặp giữa Mỹ và Myanmar, cũng như đại diện NLD và USDP tại Trung Quốc.

Tác động tiêu cực tới quan hệ Trung Quốc-Myanmar

Myanmar suy giảm niềm tin do chính sách “hai mặt” của Trung Quốc chủ yếu liên quan tới vấn đề các nhóm ngừng bắn dọc biên giới

Năm 1989, Hội đồng Khôi phục trật tự và Pháp luật Quốc gia (SLORC) tiến hành những hoạt động truy quét các nhóm sắc tộc như Kokang, Wa, Akher, Shan, và những phiến quân trong ĐCSMD, đã dẫn tới sự thỏa hiệp nhất định, ở đây là lệnh ngừng bắn và hiệp định giữa hai bên. Một phần trong hiệp định, những Nhóm ngừng bắn được cho phép nhận lại vũ khí và có thẩm quyền quản lý hành chính đầy đủ đối với những khu vực đặc biệt, được định ra bởi chính phủ. Có 5 khu vực nổi bật dọc biên giới Trung Quốc - Myanmar⁵⁹. Tuy nhiên, tình trạng căng thẳng, phức tạp và không thể quản lý nổi của chính phủ Myanmar do các cơ chế ngừng bắn hay khiếu nại trị mạt mòi giữa chính phủ và quân nổi dậy. Myanmar buộc phải tìm kiếm sự hợp tác từ phía Trung Quốc trong việc quản lý những nhóm ngừng bắn này, nhất là trường hợp của các dân tộc thiểu số Wa, Kokang và Akher vốn chịu ảnh hưởng rất lớn từ Trung Quốc. Trên thực tế, Trung Quốc có sự dính líu và can dự tới sự bất ổn trong vấn đề nội bộ Myanmar. Quan chức Trung Quốc và các lực lượng tình báo nước này từ lâu dù duy trì những quan hệ không chính thức nhưng vẫn có sự liên lạc đều đặn với những nhóm ngừng bắn [65; tr.10].

Báo cáo Khủng hoảng Quốc tế (ICG) có tiêu đề “Tình thế tiến thoái lưỡng nan Myanmar của Trung Quốc” đã khẳng định rằng đa phần các nguồn tài nguyên tự nhiên tại Myanmar nằm tại khu vực do những nhóm thiểu số kiểm soát. Bởi vậy, Trung Quốc duy trì các quan hệ với những nhóm thiểu số này

⁵⁹ Đặc khu Bang Bắc Shan (1) có sự định cư lâu dài bởi người Kokang [Quân đội Liên minh Dân chủ Nhà nước Myanmar – MNDA, trụ sở chính ở Laukai]. Đặc khu bang Bắc Shan (2) với sự đồn trú của người Wa [Quân đội Bang Wa Thống nhất UWSA, trụ sở tại Panghsaung], Đặc khu Bang Đông Shan (4) dưới sự cai quản của người Akhar và Shan [Quân đội Liên minh Dân chủ Quốc gia – NDAA, trụ sở tại Mongla], Đặc khu Kachin (1) dưới sự cai quản của người Kachin [Quân đội Dân chủ Mới - NDA, trụ sở tại Pangwa], và Đặc khu Bang Kachin (2), cùng nằm dưới dự quản trị của người Kachin [Tổ chức Độc lập Kachin – KIO, trụ sở tại Laizar]: bốn nhóm đầu kể trên bao gồm những cựu thành viên BCP. Trong 5 nhóm trên, nhóm Quân đội Bang Wa Thống nhất (UWSA) và Tổ chức Độc lập Kachin (KIO) đặc biệt mạnh mẽ [73; tr.136].

nhằm đảm bảo việc tiếp cận tài nguyên. “*Trung Quốc muốn duy trì sức mạnh cân bằng giữa các nhóm thiểu số và chính quyền quân sự nhằm đảm bảo duy trì sự ổn định có lợi cho việc khai thác tài nguyên của Trung Quốc. Mặt khác Trung Quốc không muốn các nhóm thiểu số dành quyền tự trị quá cao có thể gây bất ổn dọc khu vực biên giới tỉnh Vân Nam nơi có 25/55 dân tộc thiểu số của nước này*” [132]. Dẫn tới việc “*Trung quốc duy trì sự cân bằng quyền lực giữa những nhóm sắc tộc này với chính phủ của Hội đồng Hòa bình và Phát triển SPDC nhằm không để bên nào đạt được thế thượng phong*” [65; tr.10]. Nhận định của ICG, hoàn toàn có cơ sở dựa trên thực tế chính sách của Trung Quốc với các nhóm sắc tộc và với chính quyền quân sự Myanmar. Nếu có một sự lựa chọn rõ ràng, có lẽ vai trò của Trung Quốc không còn được đảm bảo cả trên khía cạnh chính trị và hậu thuẫn chính trị, lẫn các quyền lợi kinh tế tại Myanmar.

Khoảng thời gian từ đầu năm 2008, quan hệ song phương hai nước bắt đầu bước vào giai đoạn khó khăn. Myanmar không hài lòng với những mối liên lạc ngày càng tăng của Trung Quốc với các nhà hoạt động và các tổ chức chống chính quyền quân sự. Myanmar nhận thức rằng chính quyền Trung Quốc, gần như từ Vân Nam đã có hàng loạt các cuộc gặp với lực lượng bất đồng chính kiến Myanmar tại Maesot và Chiềng Mai (Thái Lan) và Ruili (Vân Nam), một vài người bất đồng chính kiến đã được mời tới Côn Minh và Bắc Kinh. Chính quyền quân sự đã không còn thể hiện sự nhiệt tình cho sáng kiến xây dựng hệ thống đường ống dẫn dầu và khí đốt từ cảng Kyaukphyu tới Côn Minh (nơi Trung Quốc dự kiến xây nhà máy tinh lọc). Các đường ống có tầm quan trọng chiến lược tới cơn khát năng lượng của Trung Quốc. Hệ thống đường ống theo kế hoạch sẽ chuyển 85% năng lượng nhập khẩu từ Trung Đông và châu Phi. Trung Quốc có kế hoạch đầu tư 2,5 tỷ US\$ cho dự án này khi nhận thức được nguy cơ bị tổn thương tại khu vực eo biển Malacca ngày càng tăng [73; Tr.131]. Bởi thế, chuyến thăm hai ngày của Ngoại trưởng Dương Khiết Trì tới Naypyitaw tháng 12/2008 có lẽ nhằm tinh chỉnh quan hệ song phương, xóa bỏ bất kỳ vướng mắc nào có thể tồn

tại giữa hai nước. Trong cuộc gặp với Ngoại trưởng Nyan Win ngày 4/12/2008, ông Dương Khiết Trì nhấn mạnh rằng chính phủ Trung Quốc coi trọng mối quan hệ với Myanmar và sẽ theo đuổi nguyên tắc “*đối xử tốt với láng giềng và cũng là đối tác*”, trong việc thúc đẩy các mối quan hệ hữu nghị và thân thiện trên cơ sở Năm Nguyên tắc Cùng tồn tại Hòa bình [129].

Tháng 8/2009, Lực lượng vũ trang Myanmar - Tatmadaw bất ngờ mở chiến dịch tấn công dữ dội vào căn cứ Kokang bắc Myanmar, khiến Trung Quốc hết sức lo lắng và bày tỏ sự quan ngại mạnh mẽ. Chiến dịch trên dẫn tới dòng người tị nạn Kokang chừng 37,000 người ồ ạt vượt biên, sang tránh nạn bên kia biên giới. Giới chức Trung Quốc đã cung cấp thức ăn và chỗ ở tạm thời cho họ, sau đó tìm cách giúp họ hồi hương. Các bình luận trái ngược về việc liệu Trung Quốc có được cảnh báo trước hay hoàn toàn bị bất ngờ vẫn đang là dấu hỏi lớn⁶⁰.

Theo Giáo sư Myoe, tuyên bố của Phó Chủ tịch Tập Cận Bình về lợi ích của Trung Quốc trong việc duy trì hòa bình và ổn định khu vực biên giới hai nước và lời hứa không can thiệp vào vấn đề nội bộ của Myanmar đã làm hài lòng lãnh đạo của Hội đồng Hòa bình và Phát triển (SPDC) và giúp họ tăng thêm phần tự tin trong chính sách hướng tới các nhóm ngừng bắn dọc biên giới nói trên. Theo đó “*Lãnh đạo Myanmar cảm thấy mãn nguyện trước sự phản ứng phù hợp của Trung Quốc trong sự vụ Kokang tháng 8/2009*” [73; tr.134]. Sự vụ trên dù đúng với kịch bản nào, cũng chỉ ra thực tế rằng: chính phủ Myanmar thể hiện sự không khoan nhượng và quyết tâm tiêu diệt chủ nghĩa ly khai, cát cứ, thống

⁶⁰ Theo tờ Bưu điện Hoa Nam Buổi sáng của Hồng Kông, được Báo điện tử Vietnamnet dẫn lại cho biết: “Tướng Hoàng Tinh (Huang Xing), cựu lãnh đạo của bộ phận nghiên cứu hướng dẫn của Học viện Khoa học Quân sự Trung Quốc. Đầu năm 2015, bị bắt với tội danh ‘vi phạm nghiêm trọng kỷ luật’ quân sự vì bị cho là đã làm lộ bí mật quốc gia cho quân nổi dậy ở vùng Kokang, bắc Myanmar trong các cuộc đụng độ ở đây vào năm 2009 [124]. Như vậy, nếu thông tin trên được xác nhận, thì rõ ràng phía Trung Quốc biết rõ về kế hoạch tấn công của quân chính phủ Myanmar trong vụ Kokang. Tuy nhiên, nó cũng cho thấy nội bộ tướng lĩnh lãnh đạo trong PLA cũng phân hóa theo nhiều nhóm lợi ích, bất chấp nguyên tắc tuyệt mật trong kỷ luật quân sự, việc bán thông tin cho phía các nhóm vũ trang có thể gây hậu quả nghiêm trọng tới lợi ích quốc gia tổng thể của Trung Quốc.

nhất lãnh thổ, tập trung quyền lực trung ương. Đó cũng chính là thông điệp Naypyitaw gửi tới những nhóm nổi dậy và ngay cả với Trung Quốc.

Chính sách lấp lửng “hai mặt” nằm trong tính toán lợi ích của Trung Quốc với tổng thể Myanmar gây ra những hệ lụy dai dẳng không những đối với chính quyền liên bang Myanmar, mà phần nào đó tác động xấu tới Trung Quốc, nhất là trên phương diện đảm bảo an ninh và duy trì ổn định khu vực biên giới giữa hai nước, đặc biệt tạo ra tâm lý nghi kỵ của giới lãnh đạo Myanmar với Bắc Kinh. Nhưng, do đây là cách thức tốt nhất Trung Quốc có thể can dự sâu vào nội bộ Myanmar với việc buộc chính quyền Myanmar phụ thuộc vào thái độ và hành vi hợp tác của Trung Quốc, nên nhiều khả năng chính sách trên vẫn sẽ được phía Trung Quốc tiếp tục vận dụng dưới hình thức tinh vi, xảo quyệt trong trò chơi quyền lực nước đôi đầy thực dụng này.

Vấn nạn ma túy, buôn người, vũ khí và bài bạc dọc biên giới

Ma túy là một vấn nạn đặc biệt nghiêm trọng gây hậu quả khôn lường cho xã hội. Chính phủ Trung Quốc luôn bày tỏ sự quan ngại sâu sắc, trên thực tế nước này đưa ra nhiều hành động và các biện pháp mạnh mẽ chống lại việc sản xuất, buôn bán, vận chuyển, tàng trữ ma túy và những hợp chất liên quan.

Mình chứng cụ thể là trong cuộc gặp với Thủ tướng Soe Win (14/2/2006), ông Ôn Gia Bảo bức xúc nhấn mạnh: *“Hiện tại sự lan tràn của các hợp chất gây nghiện trong khu vực biên giới giữa hai nước đang gây hủy hoại cho các xã hội địa phương, cũng như cuộc sống và sức khỏe của nhân dân và nó cần được xem xét với tầm quan trọng và sự kiểm soát thông qua các biện pháp nghiêm túc”*. Ông lặp lại rằng Trung Quốc hi vọng tăng cường hợp tác song phương và đa phương với Myanmar trong kiểm soát các chất gây nghiện và ký kết một Hiệp định hợp tác kiểm soát các chất gây nghiện vào dịp sớm nhất [172].

Buôn bán và lạm dụng ma túy, kéo theo đại dịch HIV/AIDS tàn phá khắp khu vực biên giới hai nước, thậm chí lây lan sâu vào trong tỉnh lỵ Vân Nam.

Theo thống kê, có khoảng 85.000 ca nhiễm HIV dương tính [73; tr.141] và do đó, Trung Quốc cần Myanmar hợp tác trong nỗ lực kiểm soát tình hình. Năm 2006, tổng cộng 73 trường hợp buôn bán người được báo cáo, 74 cô gái Myanmar được giải cứu bởi chính quyền Trung Quốc, và hơn 18 trường hợp khác được giải cứu bởi Lực lượng Hợp tác chung hai nước⁶¹ [151].

Tại khu vực biên giới Myanmar-Trung Quốc, các sông bạc mọc lên như nấm. Chẳng hạn như: Mongla, thủ phủ của Đặc khu bang Shan (4), thuộc phạm vi của nhóm ngừng bán Akher/Shan. Ngày 26/8/1998, Chính quyền Mongla hợp pháp hóa 10 loại hình bài bạc, như Mah-jong và domino. Mongla sau đó đã trở thành một thị trấn bùng nổ sông bài với khả năng điều hành lên tới 830 triệu US\$ mỗi năm. Cuối 2004, theo báo cáo, Mongla đã tích lũy tới hơn 5 tỷ US\$ trong tổng doanh thu sông bài. Năm 2009, nạn tra tấn dã man, thủ tiêu, bắt cóc các con bạc không thể trả nợ, đã đẩy lên làn sóng lo ngại trên truyền thông Trung Quốc [65; tr.16].

Chỉ với một số phân tích mang tính minh chứng ở trên, có thể nhận định: những vấn nạn dọc hai bờ biên giới vốn là những vấn đề hết sức gai góc, gây ra những hệ lụy tiêu cực cho chính quyền hai nước. Có rất nhiều nguyên nhân dẫn tới tình trạng trên, một trong số đó vẫn là sự thiếu hiệu quả trong chính sách phối kết hợp từ cả hai phía. Chừng nào biên giới chưa thực sự ổn định, chừng đó hai nước đều cần tới nhau nhiều hơn cho những tính toán của mình.

Thâm hụt thương mại triền miên của Myanmar

Thâm hụt thương mại không chỉ là vấn đề riêng Myanmar gặp phải trong quan hệ với Trung Quốc, các quốc gia trong ĐNA, ngay cả Mỹ cũng gặp phải tình trạng tương tự. Với Myanmar, việc thâm hụt diễn ra khá thường xuyên, và

⁶¹ Không chỉ riêng Myanmar, các quốc gia xung quanh cũng gặp phải tình cảnh tương tự. Ví dụ, chỉ tính từ năm 2005 đến 2008, tại Việt Nam đã xảy ra 1.100 vụ với 2.800 phụ nữ và trẻ em bị buôn bán, diễn ra mạnh nhất tại các tuyến biên giới Việt -Trung với hơn 65% tổng số vụ dọc biên giới hai nước được phát hiện và xử lý [11].

kéo dài trong nhiều niên hạn, đang gây ra tình trạng nhập siêu, mất cân đối tài khoản vãng lai và thiếu hụt nguồn tài chính công.

Năm 2008, Trung Quốc báo cáo rằng tổng kim ngạch thương mại song phương Trung Quốc-Myanmar đạt 2625,32 triệu US\$ và Trung Quốc thặng dư mức 1330 triệu US\$. Giữa 1989 và 2008, Trung Quốc tích lũy tổng thặng dư 10046,62 triệu US\$ trong thương mại với Myanmar, niên khóa 2009-2010, Trung Quốc thặng dư mức 3684 triệu US\$ [80; tr.447-459]. Một số nhà quan sát dự đoán thặng dư thương mại này có thể quay trở lại Myanmar dưới dạng đầu tư tài sản và bất động sản hoặc qua thương mại quốc cấm. Nguyên nhân có nhiều song một phần chính do nạn tham nhũng lan tràn giữa quan chức thương mại, hải quan cũng như giới chức phụ trách an ninh biên giới. Tại cuộc họp báo 24/10/2004, Đại tướng Thura Shwe Mann đề cập tới tình trạng tham nhũng lan tràn tại khu vực thương mại Muse. Số tiền liên quan hơn 3 tỷ kyat chỉ trong 3 tháng. Hành động được chính quyền Myanmar tiến hành chống lại 186 cá nhân liên quan trong vụ việc [93]. Trong khi đó, số liệu của Myanmar chỉ ra mức độ thâm hụt nhỏ hoặc thậm chí còn thặng dư.

Thâm hụt thương mại là do sự kém hiệu quả của nền kinh tế chỉ huy quân sự của Myanmar và với việc Myanmar cố nhập khẩu đối với hàng hóa sản xuất của Trung Quốc, trong khi hàng hóa xuất khẩu của Myanmar sang Trung Quốc đạt giá trị thấp. Khoảng 1/3 tổng thâm hụt thương mại, diễn biến mới này nếu không được kiểm soát, có thể dẫn tới căng thẳng sắc tộc và chính trị giữa Trung Quốc và Myanmar [80; tr.447-459]. Dường như thâm hụt thương mại không phải là vấn đề chỉ riêng Myanmar gặp phải trong trao đổi và hợp tác với Trung Quốc trong nhiều năm qua. Các quốc gia láng giềng của Trung Quốc như Việt Nam cũng gặp phải tình cảnh tương tự, xuất phát từ nhiều nguyên nhân nhưng chủ yếu do cơ cấu về nguồn hàng hóa xuất-nhập không tương xứng giữa các nước trên với Trung Quốc. Về dài hạn, việc cán cân thương mại thường xuyên

âm sẽ tạo ra nhiều hệ lụy nghiêm trọng, và có thể sẽ bùng nổ trở thành những tác nhân bất lợi cho quan hệ hai nước nói chung và sẽ tác động ở thế bất lợi đối với chính sách Trung Quốc hướng tới Myanmar nói riêng.

3.1.4 Một số điều chỉnh trong chính sách Myanmar của Trung Quốc⁶²

Trước những diễn biến khó lường tại Myanmar dẫn đến hiệu quả hợp tác và lợi ích bị suy giảm, cũng như việc triển khai chính sách gây ra nhiều tác động tiêu cực cho đối tác. Chẳng hạn như sự việc Trung Quốc bị phía Myanmar đình chỉ đại dự án là đập Myitsone và nguy cơ chịu tổn thương trong đại dự án mở đồng Letpadaung. Phía Trung Quốc ở một góc độ nhất định đã kiên trì quan sát, lắng nghe và đưa ra một số giải pháp mang tính thực tế. Trung Quốc đã tiến hành một số điều chỉnh nhanh chóng. Phía Trung Quốc đã thay đổi từ việc chỉ tập trung vào các mối quan hệ với giới tinh hoa Myanmar, bước sang các mối quan hệ tốt với các giới trong xã hội Myanmar, bao gồm: **i)** tăng cường quan hệ với các đảng đối lập dân chủ của Myanmar. Cả cựu Đại sứ Lý Quân Hoa và Đại sứ đương nhiệm Dương Hậu Lan đều nhiều lần tiếp xúc với bà Aung San Suu Kyi. Chính phủ Trung Quốc đã thiết lập một kênh liên lạc tương đối mở và thậm chí còn đón tiếp một phái đoàn NLD vào tháng 5/2013 đến Trung Quốc. **ii)** Tiếp cận các bên tham gia phi nhà nước và các nhóm xã hội dân sự của Myanmar. Các quan chức ngoại giao Trung Quốc có nhiều chuyến thăm tới các địa phương tại Myanmar, đưa ra các sáng kiến nhằm can dự vào các lĩnh vực khác nhau của xã hội nước này, gồm các phương tiện truyền thông đại chúng thuộc sở hữu của tư nhân, cũng như các NGO địa phương. Tái thiết lập Hội hữu nghị Trung Quốc-Myanmar (CMFA) kể từ năm 2011. Gặp và tiếp thu đề xuất của nhóm sinh viên thế hệ 1988 về cách thức hợp tác và quản lý phù hợp của doanh nghiệp Trung Quốc tại Myanmar – một thực thể xã hội dân sự có tiếng của Myanmar từng bị chính quyền quân sự đàn áp trong sự kiện 8888. Bên cạnh đó, Trung Quốc mở ra các diễn đàn đối thoại chia sẻ kinh nghiệm phát triển kinh tế, điều hành từ cấp

⁶² Những thông tin và tóm lược chính trích dẫn từ nguồn [37; tr.55-62].

quan chức tới dân sự. Tháng 5/2013, hội nghị bàn tròn phi chính phủ giữa hai bên được tổ chức nhằm chia sẻ sáng kiến và giải pháp phát triển. Viện Môi trường Toàn cầu – một NGO tại Bắc Kinh chuyên xúc tiến các hoạt động kinh doanh thân thiện cũng hướng tới Myanmar, ngoài ra Viện Nghiên cứu Quốc tế Trung Quốc (CIIS), Viện Nghiên cứu Quốc tế Thượng Hải (SIIS), Viện Quan hệ Quốc tế Đương đại Trung Quốc (CICIR) cũng có những cơ hội xúc tiến và hợp tác với các đối tác tại Myanmar. **iii)** Khuyến khích các hoạt động mang tính trách nhiệm xã hội giữa các công ty Trung Quốc với các địa phương có hợp tác. Bộ thương mại Trung Quốc (MOFCOM) tháng 6/2012 đã kêu gọi các công ty đào tạo ngoại ngữ cần thiết để người lao động làm việc ở nước ngoài thuận lợi, tuân thủ luật pháp, phong tục, tôn giáo và xã hội các địa phương. Ngoài ra MOFCOM và Bộ Bảo vệ Môi trường cũng ban hành các hướng dẫn trong việc hợp tác có trách nhiệm trước các vấn đề bảo vệ môi trường và phát triển bền vững tại nước nhận đầu tư. Tập đoàn dầu khí quốc gia Trung Quốc (CNPC), Công ty Giám sát mỏ đồng Letpadaung là Wanbao Mining thuộc tập đoàn quốc doanh Trung Quốc cũng đưa ra các giải pháp xây dựng hạ tầng, chăm sóc sức khỏe, giáo dục và cứu trợ thảm họa tại các địa phương, hoặc thậm chí cam kết tự sửa lại hợp đồng đã ký kết giữa hai bên, khiến lợi nhuận kinh doanh thấp đi nhằm bù đắp cho phía đối tác (theo đó phía Myanmar được hưởng 51% lợi nhuận). **iv)** Trung Quốc đứng ra làm trung gian hòa giải giữa chính quyền trung ương Myanmar và các nhóm sắc tộc có vũ trang tại nước này. Trước những nỗ lực của chính phủ Myanmar trong việc ký kết các hiệp định với các nhóm vũ trang sắc tộc dọc biên giới hai nước như: Quân đội Nhà nước Wa Thống nhất (UWSA), Quân đội Độc lập Kachin (KIA) và Quân đội Liên minh Dân chủ Quốc gia (NDAA), Quân đội Liên minh Dân chủ Quốc gia Myanmar (MNDAA) nhằm biến lực lượng này thành Lực lượng Bảo vệ Biên phòng (BFG) hoặc giải giáp vũ khí của các lực lượng này. Trung Quốc đã cam kết sẽ không cản trở Myanmar giải quyết các vấn đề về các nhóm sắc tộc trên.

3.2 Tác động chính sách Myanmar của Trung Quốc tới tình hình khu vực

3.2.1 *Cạnh tranh ảnh hưởng giữa Trung Quốc với các nước lớn*

Cạnh tranh ảnh hưởng với Mỹ

Là siêu cường thế giới, Mỹ thường vận dụng sức mạnh quân sự, kinh tế, kết hợp công cụ dân chủ và nhân quyền, nhằm can thiệp vào công việc nội bộ của nước khác. Tại Myanmar, Mỹ có cả hai lợi ích. i) chiến lược: đảm bảo lưu thông hàng hải qua Ấn Độ Dương, tăng cường kiểm soát, kiểm chế sự trỗi dậy của Trung Quốc, Ấn Độ khi vai trò địa-chiến lược của Myanmar ngày một tăng lên; ii) lợi ích kinh tế: Myanmar là quốc gia trù phú tài nguyên, năng lượng, thị trường 60 triệu dân, sẽ là nơi đầu tư, hợp tác lý tưởng cho doanh nghiệp Mỹ. Tuy nhiên, so với Trung Quốc, thời gian qua Mỹ gặp những bất lợi tương đối lớn trong quan hệ với Myanmar.

Một là, do chính sách cứng rắn trừng phạt, cấm vận chính quyền quân sự, dẫn tới việc tiếp cận thương mại và đầu tư của Mỹ (cũng như phương Tây) tại Myanmar hết sức khó khăn. Trong khi đó, Trung Quốc dễ dàng triển khai, có ảnh hưởng sâu rộng trên lĩnh vực kinh tế, quân sự, đặc biệt trong vai trò bảo trợ chính trị cho sự sống còn của thể chế quân sự cầm quyền Myanmar. Hơn thế nữa, sức mạnh kinh tế Mỹ suy giảm từ khủng hoảng tài chính-tiền tệ 2007-2008, kéo theo sự suy giảm quyền lực. Mỹ vẫn phải dồn sức cho các cuộc chiến chống khủng bố tại điểm nóng Tây Á-Trung Đông, và các vấn đề an ninh truyền thống khác tại Đông Bắc Á, dẫn tới khả năng cạnh tranh ảnh hưởng của Mỹ so với Trung Quốc tại DNA nói chung, Myanmar nói riêng gặp nhiều trở ngại.

Hai là, mục tiêu phổ quát giá trị Mỹ, thông qua thúc đẩy dân chủ, nhân quyền, ủng hộ mạnh mẽ bà Aung San Suu Kyi và đảng NLD, thực thi chính sách cô lập, cấm vận chính quyền quân sự. Chính sách trên thực tế thất bại, mục tiêu lật đổ thể chế quân sự của Mỹ không đạt được, bởi lực lượng đối lập thân phương Tây tại Myanmar chưa đủ sức tạo ra bước đột phá. Chính quyền quân sự

Myanmar tìm tới thắt chặt chính sách với Bắc Kinh, khiến khả năng kiểm chế của Mỹ với Trung Quốc tại Myanmar gặp thất bại.

Diễn hình là “nước cờ cứu trợ” sau thảm họa bão Nagis⁶³ xảy ra tại Myanmar. Cộng đồng quốc tế đã tiếp cận Trung Quốc, thúc giục nước này đóng vai trò quan trọng trong việc thuyết phục chính phủ Myanmar chấp nhận hỗ trợ quốc tế và tiếp nhận Đô đốc Timothy J. Keating, Chỉ huy Tư lệnh Hạm đội TBD của Mỹ tại Yangon, nhưng không đạt kết quả. Lực lượng Mỹ, Anh dù không được chào đón, song vẫn xuất hiện gần vùng lãnh hải của Myanmar với việc thông báo tham gia cứu trợ, vì hoạt động “can thiệp nhân đạo⁶⁴”. Trong khi đó, phía Trung Quốc cử Ngoại trưởng Dương Khiết Trì tới Yangon tham dự Hội nghị Cam kết Quốc tế ASEAN – UN về thảm họa bão Nargis, diễn ra ngày 25/5/2008. Chính phủ Myanmar luôn nghi ngờ hội nghị thượng đỉnh Âu – Mỹ được che dấu nhằm gây áp lực thay đổi thể chế tại nước này, do đó Myanmar đã từ chối cho phép bất kỳ hỗ trợ trực tiếp nào từ các tàu chiến tới các khu vực bị thảm họa, nhưng vẫn cho phép vận chuyển hàng hóa cứu trợ tới sân bay Yangon. Hơn hai tháng sau thảm họa bão Nagis, khi gặp Thủ tướng Ôn Gia Bảo (ngày 8/8/2008) trong suốt chuyến thăm tới Bắc Kinh để tham gia lễ khai mạc Olympic Bắc Kinh, Thủ tướng, Đại tướng Thein Sein đã cảm ơn Trung Quốc vì sự giúp đỡ lớn lao trong các hoạt động cứu trợ giúp nhân dân Myanmar [73; tr.130]. Từ sự kiện trên, Trung Quốc ban đầu bị động, có phần lúng túng đối phó trước áp lực mạnh mẽ và quyết liệt từ LHQ, phương Tây, sau đã bình tĩnh, linh hoạt xử lý với việc cử Ngoại trưởng Dương Khiết Trì tới Yangon làm trung gian thuyết phục Myanmar cho phép các lực lượng cứu trợ quốc tế nhanh chóng triển khai cứu hộ tại Myanmar. Sau thảm họa, Chính quyền Myanmar bày tỏ lòng chân

⁶³ Bão nhiệt đới Nagris tấn công Myanmar, ngày 2/5/2008, theo báo cáo LHQ, có hơn 100.000 người chết và 1,5 triệu người bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Chính quyền Myanmar phản ứng chậm chạp và không đầy đủ, không cho phép các hoạt động cứu hộ thảm họa từ cộng đồng quốc tế, dẫn tới làn sóng phẫn nộ trên toàn cầu.

⁶⁴ Lực lượng này xuất hiện nhanh chóng những ngày đầu sau thảm họa, gồm máy bay vận tải Essex và ba tàu đổ bộ, chở 22 máy bay trực thăng hạng nặng và một hạm đội máy bay cất cánh nhẹ, và tàu sân bay SMS Westminster từ hải quân hoàng gia Anh [73; tr.130].

thành cảm ơn Trung Quốc, trong khi nỗ lực của phương Tây, đứng đầu là Mỹ, Anh đã không mấy phát huy tác dụng, trước sự cảnh giác cao độ, có phần thái quá của chính quyền quân sự Myanmar.

Trước viễn cảnh Mỹ đánh mất nhiều lợi ích nếu tiếp tục chính sách cô lập, trừng phạt chính quyền quân sự Myanmar. Từ bầu cử Quốc hội 2010, trong “Lộ trình dân chủ 7 bước” do SPDC đề ra năm 2003, nhằm mở ra thời kỳ cải cách và mở cửa tại Myanmar. Mỹ nhanh chóng điều chỉnh chính sách Can dự tích cực với Myanmar. Trước hết, thời gian trước năm 2011, Mỹ thông qua LHQ tăng cường trợ giúp nhân đạo cho Myanmar, cho phép một số quan chức Myanmar, trong đó có Bộ trưởng Bộ Ngoại giao U Nyan Win được thăm Mỹ, đồng thời bật đèn xanh cho một số ngân hàng của Singapore thanh toán, chuyển khoản bằng đồng US\$ với Myanmar, cũng như ngầm cho phép các công ty tư nhân Mỹ đầu tư vào nước này. Tính đến tháng 10/2010, vốn đầu tư của các doanh nghiệp Mỹ vào Myanmar đã lên tới 243 triệu US\$, xếp thứ 9 trong tổng số các quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư tại Myanmar [26; tr.201-203].

Về chính trị- ngoại giao, Lần đầu tiên Ngoại trưởng Mỹ bà Hillary Clinton tới thăm Myanmar đầu tháng 12/2011. Đây là chuyến thăm mang tính bước đột phá, có ý nghĩa bật đèn xanh cho Mỹ và phương Tây nối lại bình thường hóa quan hệ, mở rộng thị trường, kêu gọi đầu tư và hợp tác với Myanmar⁶⁵. Mỹ quyết định nâng cấp quan hệ ngoại giao từ cấp Đại biện lên cấp Đại sứ vào tháng 7/2012. Vào cuối tháng 8/2012, Mỹ quyết định hủy bỏ lệnh cấm thị thực nhập cảnh vào Mỹ và các chế tài nhằm vào các quan chức cấp cao của Myanmar, gồm Tổng thống Thein Sein, Chủ tịch Hạ viện Shwe Mann và các Bộ trưởng, Thứ trưởng⁶⁶. Tới năm 2012, Tổng thống Obama tiến hành viếng thăm Myanmar, chuyến thăm đặc biệt trong thông điệp thể hiện quyết tâm thúc đẩy quan hệ với

⁶⁵ Ngoại trưởng các nước phương Tây như Anh, Pháp, Đức, Nauy, Australia, Newzealand v.v. đến Myanmar và tài trợ tài chính cho nước này, đồng thời thúc đẩy quá trình dỡ bỏ nhanh chóng hàng loạt lệnh cấm vận mà Mỹ và phương Tây áp đặt đối với nước này.

⁶⁶ Lệnh cấm này được Mỹ ban hành vào năm 2008 và được áp dụng không chỉ cho quan chức cấp cao trong chính phủ, mà các tướng lĩnh trong quân đội Myanmar.

Myanmar và hiện thực hóa chiến lược trở lại CA-TBD của Mỹ. Năm 2012, Ông Thein Sein tham dự ĐHĐ LHQ lần 67, gặp gỡ giới tinh hoa Mỹ, được tiếp đón trọng thị, Mỹ đồng thời cũng tiếp đón bà Aung San Suu Kyi. Đây là thông điệp Washington phát đi, thể hiện sự ủng hộ tiến trình hòa hợp, hòa giải dân tộc và dân chủ hóa Myanmar. Năm 2013, Tổng thống Thein Sein thăm Mỹ, là chuyến đi xích gần hơn tới Mỹ, tìm kiếm hỗ trợ, hợp tác quốc tế và cân bằng quyền lực nước lớn.

Về thương mại, đầu tư phát triển, Trong tháng 7/2012 Mỹ đã bãi bỏ phần lớn các biện pháp cấm vận đầu tư vào Myanmar, kể cả trong lĩnh vực dầu khí, đồng thời cho phép các doanh nghiệp Mỹ xuất khẩu các dịch vụ tài chính Mỹ vào nước này. Đến cuối tháng 9/2012, bà Hillary thông báo rằng, Mỹ sẽ cho phép Myanmar xuất khẩu hàng hóa sang Mỹ, có thể với số lượng nhất định được cho phép, trong khi đó cộng đồng quốc tế cũng có những bước đi tương ứng⁶⁷.

Trên bình diện quốc tế, kinh tế Mỹ suy thoái, kéo theo sức mạnh Mỹ suy giảm, trong khi Trung Quốc vẫn trên đà lớn mạnh không ngừng. Tại Myanmar, vị thế và ảnh hưởng của Mỹ mờ nhạt, thua kém xa Trung Quốc. Việc Mỹ tiến hành điều chỉnh từ năm 2010, thông qua việc dần nới lỏng chính sách, tăng cường mạnh mẽ hợp tác chính trị-kinh tế⁶⁸, cho phép giới tài phiệt Mỹ và phương Tây rót vốn, công nghệ vào thị trường nhiều tiềm năng, nhưng còn hoang sơ Myanmar là một hướng đột phá mới. Sự vào cuộc quyết liệt của Mỹ, báo hiệu sự cạnh tranh trực tiếp với Trung Quốc và các đối thủ trở nên tương

⁶⁷ Từ tháng 4/2012, EU đã chính thức mở Văn phòng Đại diện tại Myanmar. Cả Mỹ, EU và Nhật Bản đều bật đèn xanh cho IMF, WB, ADB lập các dự án hỗ trợ tiền cho tái thiết Myanmar. Theo tin bên lề Hội nghị Đại hội đồng LHQ lần thứ 67 tại Washington ngày 27/9/2012, IMF và WB sẽ họp hội nghị thường niên tại Tokyo bàn về việc cho Myanmar vay số tiền lên tới 1 tỷ USD (Xem thêm: RFI tiếng Việt, ngày 27/9/2012), dẫn lại trong [15; tr.189].

⁶⁸ Trong 6 nhóm hành động của chính sách ‘quay trở về châu Á’ của Mỹ, có đến 4 điểm quan trọng liên quan trực tiếp đến vị thế của Myanmar, buộc Mỹ phải tính đến khi thực thi chính sách của Mỹ đối với đất nước này trong những năm gần đây. Tổng thống Thein Sein thăm Mỹ 21/5/2013. Qua chuyến thăm, hai bên bàn bạc nhiều vấn đề quan trọng liên quan tới phục hưng Myanmar, cùng nhiều dự án trọng điểm khác, nhất là thảo luận về đối tác kinh tế Xuyên Thái Bình Dương (TPP). Mỹ đang tìm cách làm giảm ảnh hưởng của Trung Quốc đối với Myanmar và nắm dần vị trí then chốt ở khu vực này. Mỹ và Myanmar ký thỏa thuận khung về Đầu tư và Thương mại (21/5/2013) [12; tr. 40].

xúng và mạnh mẽ, khi nguồn tài nguyên “địa-chính trị”, “địa-kinh tế” và “địa-chiến lược” của Myanmar ngày một tăng lên với tầm quan trọng đặc biệt cho sự cạnh tranh, giành giật ảnh hưởng giữa các nước lớn trong khu vực⁶⁹.

Cạnh tranh ảnh hưởng với Ấn Độ

Giống với Trung Quốc, ảnh hưởng văn hóa, tôn giáo, sắc tộc của Ấn Độ tại Myanmar là rất đáng kể⁷⁰. Về mặt địa lý, Myanmar là vùng đệm chiến lược giữa hai nước Trung Quốc-Ấn Độ. Trung Quốc muốn hiện diện hải quân tại vùng biển Andaman, Ấn Độ Dương, tất yếu cần tới sự cho phép và hợp tác của Myanmar. Với Newdelhi, Myanmar và vùng biển này được xem như “sân nhà” của Ấn Độ. Tuy nhiên, thời gian qua không gian ảnh hưởng của Ấn Độ đang dần bị thu hẹp, do sự vào cuộc mạnh mẽ trong chính sách Tây Nam của Trung Quốc. Chính sách “Hướng Đông” của Ấn Độ gặp phải thách thức to lớn trong tham vọng đưa nước này thắt chặt hợp tác với ĐNA. Mặt khác, biên giới hai nước Myanmar-Ấn Độ với hàng nghìn km, việc phối hợp với Myanmar chống lại các nhóm phiến quân ly khai, các hệ lụy xã hội, đòi hỏi một chính sách can dự Myanmar từ Ấn Độ. Thời gian qua, chứng kiến sự thăng thế trong quan hệ kinh tế-thương mại, đầu tư-khai thác và ảnh hưởng chính trị ngày một lớn từ Trung Quốc với chính quyền quân sự Myanmar, Ấn Độ buộc phải điều chỉnh chính sách nhằm thích ứng và tối đa hóa các tính toán lợi ích với Myanmar.

Tuy nhiên, khác với Trung Quốc, Ấn Độ gặp phải tâm lý thù ghét do chính sách cai trị hà khắc, vơ vét sản nghiệp của quan lại người Ấn với dân chúng Myanmar trong thời kỳ cả hai là thuộc địa của Anh. Về phương diện chính trị, khi chính trường Myanmar xảy ra biến cố, ngay từ đầu New Delhi lên tiếng ủng hộ mạnh mẽ NLD⁷¹, có thái độ lạnh nhạt, chỉ trích chính quyền quân sự. Đây là

⁶⁹ Theo PGS. Hoàng Thị Minh Hoa, “Myanmar với vai trò địa lý trọng yếu nằm ở vị trí chiến lược ngay cạnh Trung Quốc, giữa các nước lớn của châu Á (Ấn Độ và Trung Quốc), là nước mà Mỹ không thể bỏ qua”. Còn theo quan điểm GS. Karl D. Jackson, ĐH Johns Hopkins, “Nếu Myanmar trở thành một quốc gia hoàn toàn lệ thuộc vào Trung Quốc thì điều đó sẽ làm thay đổi cán cân chiến lược trong khu vực, đặc biệt nhất là khi Mỹ muốn ‘tái hòa nhập’ vào khu vực” [12; tr.37].

⁷⁰ Khoảng 2% dân số Myanmar là người gốc Ấn, đạo Phật là quốc giáo tại Myanmar, có nguồn gốc từ Ấn Độ.

⁷¹ Từ năm 1995, Ấn Độ đã trao giải thưởng Jawaharlal Nehru cho bà Aung San Suu Kyi.

cách tiếp cận thiếu thực dụng của Ấn Độ, khiến cho sự vào cuộc của Ấn Độ, so với Trung Quốc trở nên chậm chạp, có ít bước đột phá. Tới khoảng đầu thập niên 1990 với chính sách “Hướng Đông”, Ấn Độ tiến hành điều chỉnh linh hoạt hơn với Myanmar, song các dự án hợp tác kinh tế-thương mại rất hạn chế. Từ giữa thập niên 1990 trở đi, Ấn Độ điều chỉnh mạnh mẽ hơn khi nhận thấy vai trò ảnh hưởng của Trung Quốc tăng cao không ngừng. Ấn Độ đã có những động thái khá bất phá, chủ động mở rộng quan hệ kinh tế, an ninh quốc phòng. Nhiều dự án khá lớn trong hợp tác năng lượng (như xây dựng nhà máy thủy điện, tìm kiếm và khai thác dầu khí), phát triển giao thông, công nghệ thông tin, chế tạo cơ khí và cả các cuộc tập trận chung đã và đang diễn ra⁷² và những dự án triển vọng khác⁷³. Trao đổi thương mại hai chiều Ấn Độ-Myanmar tăng đều và đạt tới 1,2 tỷ US\$ năm 2010. Tuy nhiên con số này chỉ hơn ¼ của thương mại Trung Quốc-Myanmar. Số vốn đầu tư của Ấn Độ vào Myanmar còn khá khiêm tốn, chỉ đạt mức 189 triệu US\$ vào năm 2010, trong khi phía Trung Quốc là 9,6 tỷ US\$ [15; tr.151].

Một ví dụ điển hình là thời gian 2005-2006, Trung Quốc thông qua kênh ngoại giao và kỹ năng đàm phán, đã ký một hợp đồng khí ga với bộ năng lượng Myanmar với trữ lượng 6,25 tỷ m³ từ lô A-1 tới A-3 (bờ biển Rakhine) thông qua một hệ thống ống dẫn dầu kết nối thủ phủ Côn Minh của Vân Nam với cảng KyaukPhyu thuộc bang miền tây Rakhine Myanmar trong vòng 30 năm khai

⁷² Ví dụ, từ 2004, Ấn Độ và Myanmar ký dự án đầu tư xây dựng nhà máy thủy điện Tamanthi trên sông Chindwin thuộc vùng Tây Bắc Myanmar với công suất 1.800 MW. Năm 2005, Ấn Độ cùng với Myanmar và Bangladesh ký Hiệp định ba bên xây dựng đường ống dẫn khí từ cảng Sittwe của Myanmar qua Bangladesh tới bờ Tây vịnh Bengal dài 299 km với trị giá 1 tỷ US\$. Nhưng sau đó, do các vấn đề chính trị giữa Ấn Độ và Bangladesh, Ấn Độ và Myanmar quyết định đổi hướng đường ống từ cảng Sittwe qua Assam của Ấn Độ, dài tới 1.300 km với nguồn vốn đầu tư lên tới 3 tỷ USD. Tuy nhiên dự án này đang gặp khó khăn. Vào năm 2006, Ấn Độ và Myanmar tiến hành tập trận chung dọc theo biên giới hai nước nhằm loại trừ các phiến quân nổi loạn tại các bang vùng Đông Bắc Ấn Độ ần nầu trên lãnh thổ Myanmar [15; tr.151].

⁷³ Tháng 9/2010, Thống tướng Than Shwe thăm Ấn Độ nhằm tìm kiếm sự ủng hộ cho cuộc bầu cử tháng 11/2010, đây là bước đột phá to lớn về chính trị, khi Myanmar chủ động tìm tới Ấn Độ thay vì chỉ ‘nhất biên đảo’ sang Trung Quốc như trước. Ngoại trưởng Krishna tới Myanmar 20-22/6/2011, hai bên đạt được thỏa thuận hợp tác an ninh khu vực và các sáng kiến về kết nối công nghệ thông tin, năng lượng và xây dựng cơ sở hạ tầng cho Myanmar. Dự án giao thông Kaladan Multi-Modal được hai bên nhất trí khôi phục và khởi công xây dựng vào 19/12/2010. Thỏa thuận thành lập khu công nghiệp thứ hai do Ấn Độ hỗ trợ, xây dựng tuyến đường Rhi-Tiddim nối liền bang Manipur (Ấn Độ) với Chin (Myanmar), nhằm tăng cường hơn nữa thương mại biên giới. Ấn Độ cũng đề nghị xây dựng tuyến đường cao tốc ba bên kết nối Ấn Độ-Myanmar và Thái Lan trong tuyến giao thông kết nối ASEAN lục địa với Nam Á [15; tr.152].

thác. Hợp đồng này diễn ra khiến chính quyền Ấn Độ hết sức sốc bởi họ đã theo đàm phán mấy năm với Myanmar trong dự án đường ống kết nối Myanmar, Bangladesh và Ấn Độ. Nhưng kết quả cuối cùng phía nhà thầu Trung Quốc mới là bên thắng cuộc [160]. Trong cạnh tranh ảnh hưởng với Trung Quốc tại Myanmar, Ấn Độ thua thiệt ở những điểm chính như sau.

Một là, các nguồn tài nguyên thiên nhiên dồi dào với trữ lượng lớn của Myanmar có thể đảm bảo cung cấp rất tiện lợi (khoảng cách địa lý ngắn) cho nhu cầu tiêu thụ khổng lồ của nền công nghiệp đang bùng nổ của Ấn Độ. Các hợp đồng khai thác có thể tạo ra các khoản lợi nhuận khổng lồ cho các công ty đầu tư của Ấn Độ, nhưng do chậm chân nên phần lớn các tập đoàn của Ấn Độ chịu lép vế trong các cuộc đua giành quyền kiểm soát năng lượng tại Myanmar so với Trung Quốc.

Hai là, Trung Quốc triển khai mạnh mẽ các hợp tác kinh tế, quân sự xuống khu vực biên phía Nam Myanmar, gây ra sự kiềm chế đối với chiến lược “Hướng Đông” và đe dọa tới an ninh của Ấn Độ. Trên thực địa, PLAN đã bước đầu có sự hiện diện tại các cảng biển phía nam, cho xây lắp các trạm radar trên đảo Coco, và đầu tư mạnh mẽ nâng cấp các hải cảng dọc theo vùng biển của Myanmar trong chiến lược kết nối “Chuỗi Ngọc trai” từ Đông Bắc Á, tới Tây Á-châu Phi.

Ba là, nguy cơ bị mất đi vùng đệm chiến lược Myanmar, khu vực ngăn cách và cạnh tranh ảnh hưởng của Ấn Độ với Trung Quốc sẽ khiến Ấn Độ đứng trước nguy cơ bị bao vây và kiềm chế từ hai mặt chính: (i) mặt Đông bị thất thế trước Trung Quốc, do đó không thể nào cạnh tranh và xâm nhập mạnh vào ĐNA; (ii) mặt Tây căng thẳng do vương phủ Pakistan thù địch, Ấn Độ muốn hướng sang Trung Cận Đông rất khó. Như vậy, khả năng Ấn Độ mất đi môi trường “Hai không gian ảnh hưởng” từ hai phía, khiến chiến lược trở dậy của nước này gặp

phải thách thức rất lớn. Trung Quốc bắt tay với đồng minh thân cận Pakistan tạo thế gọng kìm theo điển cố “Tứ diện Sở ca”⁷⁴ nhằm vây hãm Ấn Độ.

Bốn là, giống như Nhật Bản, Brazil, Nam Phi, Đức, Ấn Độ khao khát có được vị trí quyền lực trong HĐBA LHQ với lá phiếu phủ quyết trong tay. Tuy nhiên, tham vọng này đã sớm phải gác lại trong năm 2005 bởi Ấn Độ không huy động đủ số phiếu ủng hộ cần thiết, Trung Quốc không ra mặt ủng hộ. Tương lai, nếu Ấn Độ muốn tiếp tục chạy đua vào vị trí thường trực HĐBA LHQ thành công, cần có đủ 3 yếu tố như sau: i) LHQ chấp nhận cơ chế cải cách về việc mở rộng thành viên trong HĐBA LHQ, ii) Ấn Độ huy động đủ số phiếu cần thiết theo quy định, iii) Trung Quốc và các nước còn lại trong bộ 5 quyền lực HĐBA LHQ không phủ quyết. Trong mục tiêu đầy tham vọng trên của Ấn Độ, với Myanmar tuy chỉ là một lá phiếu nhỏ nhưng trong cạnh tranh Trung - Ấn tại ĐNA, nó trở thành một biểu tượng cho sự chiến thắng. Thời gian qua, Myanmar dù ủng hộ Ấn Độ trong việc ứng cử trở thành thành viên có quyền phủ quyết tại HĐBA LHQ, song với chính sách tổng thể có phần nghiêng sang Trung Quốc khiến lòng tự tôn của Ấn Độ bị tổn thương.

Trước thực trạng trên, giống Mỹ và phương Tây, Ấn Độ tới năm 2010, chủ động điều chỉnh chính sách xích gần hơn tới Myanmar. Trước và sau bầu cử Quốc hội Myanmar, Ấn Độ là một trong những nước ủng hộ mạnh mẽ nhất tiến trình này. Trước bầu cử hai tháng, nhân chuyến thăm chính thức tới Ấn Độ của Thống tướng Than Shwe, phía Ấn Độ đã ca ngợi tiến trình 7 bước đi đến nền dân chủ của Myanmar do Thống tướng đề ra và tỏ thái độ ủng hộ mạnh mẽ cuộc bầu cử diễn ra vào ngày 7 tháng 10/2010. Ngay sau bầu cử, Ấn Độ là một trong

⁷⁴ Cuộc chiến sinh tử cuối cùng giữa Luru Bang và Hạng Vũ tại Cai Hạ. Luru Bang tuy bao vây được 100 nghìn quân sỹ của Hạng Vũ, nhưng không thể tiêu diệt Hạng Vũ trong thời gian ngắn. Buổi tối hôm đó, Hạng Vũ và binh sỹ bị bao vây còn sót lại, bỗng dung nghe thấy tiếng hát quen thuộc vang dội từ phía, đến từ doanh trại của Luru Bang. Nghe kỹ, hóa ra là bài ca nước Sở quê Hạng Vũ. Quân lính Hạng vũ không bị đánh mà tan hoang nhuệ khí. Trong cạnh tranh Trung-Ấn, Ấn Độ gặp phải thế bao vây, kiềm chế bởi liên minh Trung Quốc – Pakistan, nếu để mất thêm ‘vùng đệm chiến lược’ Myanmar và khu vực ‘ao nhà’ Ấn Độ Dương, Ấn Độ sẽ rơi vào thảm cảnh giống với điển cố “Tứ diện Sở ca” vậy!

những nước đầu tiên chúc mừng kết quả đó và cử Ngoại trưởng S.M. Krishna thăm Myanmar. Đến tháng 10/2011, Ấn Độ đã trải thảm đón tiếp Tổng thống Thein Sein cùng với 13 Bộ trưởng trong chính phủ mới thăm chính thức nước này. Đặc biệt chuyến thăm này diễn ra ngay sau khi Myanmar quyết định đình chỉ công trình đập thủy điện Myitsone mà Trung Quốc đã ký từ 2007 với số vốn đầu tư lên tới 3,6 tỷ US\$. Động thái trên báo hiệu thời kỳ cạnh tranh mới đầy khốc liệt Trung-Ấn tại Myanmar trong thời gian tới.

Cạnh tranh ảnh hưởng với Nhật Bản

Sau cuộc đảo chính quân sự tại Myanmar, dưới áp lực của phương Tây, chính phủ Nhật Bản tiến hành cắt giảm ODA cùng những hỗ trợ xã hội khác cho Myanmar. Chính sách trên làm suy yếu lợi ích và tầm ảnh hưởng của Nhật Bản, trong khi đó Trung Quốc chủ động và linh hoạt tăng cường toàn diện các mối quan hệ hợp tác với chính quyền quân sự. Ưu tiên chính sách thấp với Myanmar khiến Nhật Bản gặp phải một số mặt bất lợi như sau:

(i) Lợi thế về vốn, trình độ công nghệ cao, đi kèm với uy tín chất lượng của hàng hóa, dự án của Nhật khó cạnh tranh do Myanmar thuộc nhóm quốc gia nghèo, khó đáp ứng được nhu cầu tiêu thụ sản phẩm chi phí cao của Nhật, các dự án giải ngân của chính phủ Nhật thường đi kèm với các điều kiện chặt chẽ khiến sức hấp dẫn với chính quyền Myanmar không lớn. Trong khi đó, hợp tác với Trung Quốc thường dễ dàng, không kèm điều kiện, hàng hóa giá rẻ, thuận tiện mua bán.

(ii) Lợi ích chiến lược: thương mại hàng hải của Nhật theo ước tính lên tới 80-90% lưu thông qua vùng biển Ấn Độ Dương, qua eo Mallaca. Trong trường hợp Trung Quốc triển khai thành công sức mạnh hải quân xuống vùng biển Andaman và gây ra sự kiểm chế vũ trang đối với eo biển chiến lược này, sẽ dẫn tới xung đột và nguy cơ chiến tranh trong khu vực. Nền kinh tế phụ thuộc xuất nhập khẩu của Đông Á, trong đó có Nhật sẽ bị tác động nghiêm trọng.

(iii) Tương tự Ấn Độ, Brazil và Đức, Nhật Bản muốn trở thành thành viên đầy quyền lực trong HĐBA LHQ sẽ phải hội tụ đủ 3 yếu tố như đã phân tích trong trường hợp của Ấn Độ. Trong đó, việc huy động được sự ủng hộ của Myanmar có ý nghĩa biểu tượng trong thế cạnh tranh ảnh hưởng Nhật - Trung tại Myanmar. Thậm chí đôi khi lá phiếu của một quốc gia thành viên trong LHQ có thể mang tính quyết định thắng hay bại trong trường hợp tỷ lệ phiếu bầu sát sao ở mức quy chuẩn theo luật bầu cử (thường là trường hợp quá bán hoặc đa số phiếu bầu).

Trước viễn cảnh thất thế trong cạnh tranh ảnh hưởng và lợi ích trước Trung Quốc, cộng thêm tiến trình Cải cách mở cửa tích cực và mạnh mẽ thời gian qua tại Myanmar, Tokyo đã điều chỉnh chính sách hướng tới Naypyitaw. Tháng 4/2012, Nhật tuyên bố xóa nợ gần 3 tỷ US\$, tới chuyến thăm 3 ngày (từ 24-26/5/2013⁷⁵), Thủ tướng Shinzo Abe, tuyên bố xóa luôn món nợ 1,5 tỷ US\$ cho Myanmar, kèm theo khoản viện trợ 1 tỷ US\$ [12; tr.40]. Thương mại Nhật Bản-Myanmar trong năm 2012 đạt hơn 1,4 tỷ US\$, trong đó Myanmar nhập khẩu từ Nhật Bản 1,053 tỷ US\$ và xuất khẩu 360,79 triệu US\$. Đầu tư của Nhật Bản vào Myanmar kể từ khi nước này mở cửa cho đầu tư (từ cuối năm 1988 đến tháng 3/2013) lên đến 270,283 triệu US\$, đứng thứ 11 trong số các nước đầu tư vào Myanmar [128]. Tháng 8/2012, chính quyền Myanmar nhất trí thảo luận với các tập đoàn lớn của Nhật như Mitsubishi Corp, Marubeni Corp và Sumitomo Corp xây dựng một đặc khu kinh tế ở Thilawa ven thành phố tài chính Yangon. Ba tập đoàn trên theo đó sẽ có 49% trong tổng diện tích 5.900 ha của khu kinh tế này [5; tr.117]. Tuy nhiên, quy mô thương mại và đầu tư của Nhật Bản vẫn còn là con số khiêm tốn so với đầu tư của Trung Quốc, tiềm năng thị trường Myanmar với doanh nghiệp Nhật còn vô cùng rộng lớn và tràn đầy triển vọng.

⁷⁵ Ông là Thủ tướng đầu tiên của Nhật Bản thăm Myanmar kể từ năm 1977, sau khi chứng kiến những cải cách ngoạn mục tại nước này.

Có thể thấy cuộc đua chiến lược trong cạnh tranh ảnh hưởng và tìm kiếm lợi ích của Mỹ-Ấn Độ-Nhật Bản với Trung Quốc hơn hai thập kỷ từ sau CTL, đang tạo ra cuộc rượt đuổi ngoạn mục. Mỗi nước có sự tính toán và can dự khác nhau trong ưu tiên chính sách hướng tới Myanmar. Trung Quốc tạo ra lợi thế so các đối thủ khác khi chủ động can dự vào Myanmar ngay từ đầu với chính sách linh hoạt và quyết liệt, tạo ra mối quan hệ mật thiết với chính quyền Yangon, nhờ đó, hợp tác chuyển giao quân sự, dòng chảy kinh tế-thương mại không ngừng tăng lên. Địa vị chính trị của Trung Quốc cũng được khẳng định trong vai trò bảo trợ, hậu thuẫn chính quyền quân sự Myanmar và với những tính toán mang tầm chiến lược hướng tới thế kỷ XXI. Trung Quốc đã và đang thiết lập dần vành đai ảnh hưởng ra khu vực ngoại biên bao quát xung quanh, trong đó Myanmar là một mắt xích then chốt trong chiến lược kết nối biển Đông-TBD và vùng vịnh Bengal-Ấn Độ Dương của Hải quân Trung Quốc. Trong khi đó, Ấn Độ với những tính toán có phần do dự, kém nhạy cảm và thiếu thực tế trong “vấn đề Myanmar” so với Trung Quốc. Sự vào cuộc của Ấn Độ diễn ra chậm, vai trò và tầm ảnh hưởng của Ấn Độ tại Myanmar so với Trung Quốc chưa nhiều, được thể hiện toàn diện trên các cấp độ ảnh hưởng chính trị, vai trò can dự nước lớn với Myanmar, cho tới dòng chảy thương mại, đầu tư, hợp tác của phía doanh nghiệp quốc doanh và tư nhân Ấn Độ tại Myanmar đều ở mức rất khiêm tốn. Với Mỹ, phương Tây (và phần nào đó là Nhật Bản chịu sức ép từ Mỹ), sau hơn hai thập niên với chính sách bao vây, cấm vận toàn diện chính quyền quân sự Myanmar nhưng đạt được rất ít hiệu quả, chính quyền quân sự Myanmar không những không sụp đổ, mà tiếp tục tồn tại nhờ vào sự tương trợ rất lớn từ Trung Quốc. Trước thực tế thua thiệt và kém hiệu quả trong việc cô lập chính quyền quân sự Myanmar. Nhật, Mỹ và phương Tây từ năm 2010 trở lại đây đã chủ động điều chỉnh chính sách từ cứng rắn, áp đặt tới cách tiếp cận mới hết sức mềm dẻo, linh hoạt. Tổng tuyển cử bầu Quốc hội 2010 tại Myanmar, phương

Tây có một số phần nản nhất định, song đã không chối bỏ kết quả bầu cử. Sau đó, Ngoại trưởng Mỹ bà Hillary Clinton mở màn chuyến thăm ngoại giao chưa có tiền lệ tới Myanmar năm 2011, mở đường cho chuyến công du của Tổng thống Obama (Tổng thống đầu tiên của Mỹ tiến hành viếng thăm nước này) và nguyên thủ các nước Anh, Úc, Nhật tới Myanmar thời gian sau đó. Với việc dỡ bỏ dần rào cản ngoại giao, nói lỏng chính sách tài chính-tiền tệ, đầu tư, phương Tây và Nhật Bản đang nhanh chóng hàn gắn mối quan hệ với Myanmar nhằm giành giật lại thị phần và ảnh hưởng tại Myanmar trước Trung Quốc. Tuy nhiên, xét về tổng thể, Trung Quốc vẫn là nhân tố và sự lựa chọn số một trong ưu tiên đối ngoại của Myanmar và do đó lợi thế, tầm ảnh hưởng và những lợi ích trực tiếp, chiến lược của Trung Quốc tuy bị cạnh tranh mạnh mẽ, thậm chí suy giảm, song cơ bản sẽ vẫn duy trì ở vị trí chính yếu.

3.2.2 Tác động chính sách Myanmar của Trung Quốc tới ASEAN

Myanmar trở thành thành viên chính thức của ASEAN từ năm 1997, đóng góp của Myanmar đối với ASEAN còn ít, chưa tương xứng với tiềm năng của nước này. Thực tế từ trước và sau CTL tới 2010, Myanmar luôn trong khủng hoảng và bế tắc, LHQ xếp Myanmar là một trong 10 quốc gia nghèo và bí ẩn nhất thế giới⁷⁶. Với công cuộc cải cách mở cửa đang diễn ra mạnh mẽ từ mốc 2010 tới nay, đạt được những kết quả thực chất, cộng với các nguồn tài nguyên ngày càng có vai trò quan trọng trong cuộc đua giành giật ảnh hưởng và vị thế giữa các nước lớn trong khu vực. Hiện tại và tương lai phía trước, Myanmar sẽ là thành viên quan trọng trong mục tiêu thúc đẩy an ninh, hội nhập và phát triển của ASEAN, cũng như tác động tới chiều hướng quan hệ ASEAN- Trung Quốc và với các nước lớn khác. Đề cập tới “vấn đề Myanmar”, trên thực tế là tổng hợp

⁷⁶ Chương trình phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP) xếp Thái Lan ở vị trí 76, Hàn Quốc ở vị trí 28 về chỉ số phát triển con người trong khi Myanmar là một trong những nước nghèo và kém phát triển nhất, 25 % dân số năm 2000 sống dưới mức nghèo khổ [63 ; tr.603-621].

của tất cả các vấn đề lớn, nhỏ liên quan tới nội bộ trong Myanmar và những vấn đề liên quan tới bên ngoài⁷⁷.

Trên thực tế, những tác động tích cực trong chính sách Myanmar của Trung Quốc tới ASEAN không đáng kể. Mục này sẽ phân tích các nguy cơ chính tác động tới ASEAN. i) *An ninh khu vực*; ii) *vấn đề nội khối*; iii) *vị thế ASEAN*.

Mốc sự kiện khủng hoảng 1988-1989 tại mỗi nước, khiến Yangon-Bắc Kinh xích lại gần nhau, mối quan hệ hai chính quyền trở nên khăng khít, chặt chẽ từ sau CTL, đặt ra những quan ngại quốc tế và những thách thức an ninh cho khu vực. Không chỉ phương Tây, Ấn Độ, mà ASEAN và các bên liên quan đều lo sợ kịch bản Myanmar có nguy cơ rơi sâu quỹ đạo ảnh hưởng của Trung Quốc, hoặc trở thành một thực thể phụ thuộc, thiếu tính độc lập về chính sách và quyết sách trong đối nội-đối ngoại. Mỹ (và cả phương Tây), Ấn Độ, Nhật Bản sẽ tìm cách kiềm chế và ngăn chặn ảnh hưởng của Trung Quốc tại Myanmar và tại ĐNA, dẫn tới môi trường an ninh khu vực trở nên căng thẳng, thậm chí các nước trên thổi phồng mối đe dọa của nhân tố Trung Quốc nhằm gây áp lực, lôi kéo ASEAN, chia rẽ quan hệ ASEAN-Trung Quốc và cũng để kiềm chế sự mở rộng sức mạnh và ảnh hưởng Trung Quốc xuống ĐNA và Nam Á. Trên thực tế quá trình Trung Quốc triển khai chính sách đã và đang gây ra nhiều hệ lụy, cụ thể là sự phụ thuộc rất lớn của chính quyền Myanmar vào Trung Quốc giai đoạn trước 2010, dẫn tới sự can dự mạnh mẽ thời gian qua của các nước lớn và ASEAN trước “vấn đề Myanmar”, khiến môi trường an ninh trong khu vực gặp nhiều thách thức.

⁷⁷ Chẳng hạn như các vấn đề về: sự đa dạng, phức tạp các thành phần sắc tộc, tôn giáo và tín ngưỡng; sự lỏng lẻo và dễ đổ vỡ của các hiệp định đình chiến; hệ lụy từ nền kinh tế quá phụ thuộc vào thuốc phiện tại các bang Kokang, Shan, Kachin...; bất bình đẳng, đói nghèo, dịch bệnh... tranh giành và xâm xé quyền lực giữa các đảng phái; áp lực mạnh mẽ từ cộng đồng quốc tế liên quan tới các cáo buộc về: dân chủ, nhân quyền... cạnh tranh ảnh hưởng giữa các nước lớn (vấn đề nhân tố Trung Quốc, Mỹ, Ấn Độ hay Nhật Bản v.v.); áp lực thành viên từ ASEAN v.v. Tóm lại, là một mớ hỗn độn, phức tạp...vv, khiến nói tới “Vấn đề Myanmar”, người nghe chỉ hình dung tới một khái niệm mơ hồ, khái lược và thậm chí mang tính tổng quan, không cụ thể và khó xác định chính xác đó là cái gì, tại sao và như thế nào.

Myanmar là một trường hợp cá biệt, do sự đa dạng 135 sắc tộc, cùng mâu thuẫn giữa những người Phật giáo, Thiên Chúa giáo và Hồi giáo, cùng với chính sách vẫn chưa rõ ràng của Bắc Kinh với các sắc tộc dọc biên giới hai nước Trung Quốc-Myanmar.. và rộng hơn là cộng đồng người Hoa chiếm ưu thế trong nền kinh tế Myanmar, cũng như nắm giữ những thành phần kinh tế chủ chốt trong các nước ĐNA khác. Lực lượng này có thể lặp lại nguy cơ trở thành “tiền đồn” xung kích cho những tính toán và mặc cả của Trung Quốc⁷⁸ với từng quốc gia riêng rẽ bên trong ASEAN hoặc với ASEAN trên phương diện một tổ chức Hiệp hội. Với bất kỳ những khả năng và diễn tiến không thuận nào trong Myanmar hoặc những vấn đề có liên quan tới Trung Quốc (hoặc các nước thành viên khác), đều dẫn tới nguy cơ bất ổn định cho an ninh khu vực, kéo theo tính tương tác giảm trong tiến trình hội nhập, hợp tác và phát triển của chính Myanmar và ASEAN. Hiệp hội sẽ khó hoàn thành được mục tiêu xây dựng thành công Cộng đồng ASEAN 2015⁷⁹ bởi sự thiếu lòng tin, quyết tâm và hành động.

Một phần từ áp lực quốc tế, nhu cầu phải có sự tương tác lớn hơn trong nội bộ khối và bởi phần nào đó do chính sách Myanmar của Trung Quốc gây ra những ảnh hưởng nhất định, ASEAN đã có những phản ứng mang tính linh hoạt, tương ứng.

Một là, trước sức ép của phương Tây cho rằng ASEAN không có phản ứng gì với Myanmar, trong khi phía Trung Quốc và chính quyền quân sự Myanmar xích lại rất gần nhau trong nửa đầu thập niên 1990. ASEAN đã thực hiện điều chỉnh chính sách với Myanmar (1991-1997), bằng chính sách “Can dự tích cực” (Constructive Engagement) do Thủ tướng Thái Lan là Anand Panyarachun đưa

⁷⁸ Đại Cách mạng Văn hóa 1966-1976, Trung Quốc tìm mọi cách “xuất khẩu cách mạng” ra ĐNA, chủ nghĩa Mao-it và làn sóng này tạo ra sự phức tạp và căng thẳng, dẫn tới học thuyết Domino can dự mạnh mẽ của Mỹ.

⁷⁹ Mục tiêu tầm nhìn 2020 rút xuống còn 2015 với 3 trụ cột: Cộng đồng An ninh (ASC), Cộng đồng Kinh tế (AEC), Cộng đồng Văn hóa-Xã hội (ASCC). Trong đó, hợp phần quan trọng là thực hiện Sáng kiến Liên kết ASEAN (IAI), giúp thu hẹp khoảng cách phát triển trong ASEAN với kế hoạch hành động và các dự án cụ thể.

ra năm 1991 [48; tr.118-135] và được chính thức thông qua năm 1992⁸⁰, chính sách trên thể hiện phương cách ASEAN, trong đó nhấn mạnh tới sự đồng thuận không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau. Sau đó, vượt qua chỉ trích của Mỹ, EU và để lôi kéo Myanmar ra khỏi tầm ảnh hưởng của Trung Quốc, ASEAN đã kết nạp Myanmar làm thành viên năm 1997⁸¹, ASEAN đã chứng tỏ được sự độc lập của mình với chính sách “Can dự Tích cực”. Nhưng, sau cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ ở ĐNA (1997-1998), Hiệp hội đã gặp phải những thách thức mới, buộc phải thỏa hiệp hơn với Mỹ và EU thông qua điều chỉnh chính sách về Myanmar từ “Can dự Tích cực” sang “Tiếp xúc tăng cường” (Enhanced Interaction) nhằm điều chỉnh hợp lý hơn chính sách trong giai đoạn khủng hoảng kinh tế trầm trọng này.

Trong tháng 6/1998, cựu ngoại trưởng Thái Lan, Surin Pitsuwan kêu gọi các nước ASEAN chấp nhận quan niệm về “Can dự linh hoạt”⁸² [59; tr.170]. Theo đó, can dự linh hoạt cho phép các nước ASEAN bình luận công khai và thảo luận chung về chính sách bên trong của các nước thành viên trong trường hợp các chính sách trên có tác động xuyên quốc gia. Tuy vậy, nó đặt ra thách thức đối với phương cách ngoại giao và an ninh ASEAN trên hai phương diện: nguyên tắc không can thiệp và ngoại giao thăm lặng [59; tr.171]. “Can dự linh hoạt” sẽ tạo đà cho các nước dính líu đến tình hình nội bộ của quốc gia thành viên khác, hoặc có thể công khai thảo luận và chỉ trích. Do đó, hầu hết các nước đều phản đối đề nghị này, lo ngại nó sẽ gây ảnh hưởng đến an ninh trong nước và trong một vài trường hợp làm phương hại đến an ninh của khu vực. Nhưng

⁸⁰ Chính sách “**Can dự tích cực**” (Constructive Engagement) được thông qua tại Hội nghị sau Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN (PMC) năm 1992 tại Manila, Philippines [55; tr.121].

⁸¹ Từ quan điểm chiến lược, Myanmar gia nhập ASEAN, thúc đẩy hợp tác kinh tế giữa Bangladesh, Ấn Độ, Myanmar, Sri Lanka, Thái Lan (BIMSTEC), là một mạng lưới kết nối chiến lược nhằm thúc đẩy hợp tác khu vực giữa Nam Á, ĐNA và Trung Quốc và cũng nhằm để cân bằng đối trọng với sự phụ thuộc quá mức của Myanmar vào Trung Quốc [98; tr.10-11].

⁸² Lúc đầu ông Surin Pitsuwan kêu gọi áp dụng chính sách “**Can thiệp tích cực**” (Constructive intervention), nhưng các nước thành viên ASEAN còn lại đều phản đối thuật ngữ “can thiệp”, nên sau đó, ông đưa ra “**Can dự linh hoạt**” (Flexible Engagement).

trên phương diện nào đó, các nước ASEAN một cách không chính thức đã đồng ý với chủ trương “Tiếp xúc tăng cường”.

Hai là, trong thời gian diễn ra Phong trào biểu tình Vàng (Saffron) 2007, ASEAN đã không có phản ứng nào cho tới khi chính quyền quân sự quyết định tấn công người biểu tình bằng vũ lực. Tuy nhiên, một mặt, khi sức ép từ cộng đồng quốc tế yêu cầu vai trò ASEAN, mặt khác phía Trung Quốc có phản ứng hối thúc chính quyền quân sự hợp tác với cộng đồng quốc tế và lắng nghe tiếng nói của nhân dân, khi đó ASEAN mới có phản ứng⁸³. Mấu chốt nằm ở chỗ ASEAN có phần do dự và chờ đợi động thái rõ ràng từ bên ngoài mới quyết định lên tiếng trước vấn đề nội bộ của Myanmar. Trên thực tế, thông điệp từ Trung Quốc luôn là một dấu mốc có ảnh hưởng tới việc cân nhắc các quyết định của ASEAN. Vai trò của Trung Quốc trong “vấn đề Myanmar” luôn là một yếu tố quan trọng, động thái và nước đi của Bắc Kinh luôn được cộng đồng và dư luận quốc tế theo sát, trong đó có ASEAN.

Ba là, ASEAN kẹt giữa tình thế tiến thoái lưỡng nan trong việc đề Myanmar đảm nhiệm chức Chủ tịch luân phiên ASEAN hay gánh chịu sức ép từ phía Mỹ, EU (phương Tây đe dọa tẩy chay hợp tác với ASEAN nếu Myanmar làm chủ tịch), bên cạnh đó, với một mối quan hệ thân Trung Quốc của Myanmar có thể sẽ tác động tới những quyết định quan trọng trong nội bộ ASEAN. Trong tình thế trên, ASEAN đã nỗ lực vận động thành công Myanmar tự nguyện từ chức nhằm duy trì tình đoàn kết và vì lợi ích chung của khu vực bởi theo thực tiễn hoạt động của ASEAN, chỉ khi nước đến lượt nhận chức chủ tịch ASEAN đệ đơn xin đảm nhận, đồng thời được tất cả các thành viên tán thành thì mới có thể nhậm chức [99; tr.159-177].

Bốn là, năm 2008, bão Nagis tấn công Myanmar gây thiệt hại 12 tỷ US\$, khiến trên 100.000 người thiệt mạng. Trong bối cảnh thảm họa, Myanmar từ

⁸³ Ông Lý Hiền Long, BNG Singapore tuyên bố: “Tình hình tại Myanmar ảnh hưởng tới tất cả các nước ASEAN. Chúng tôi hy vọng rằng chính quyền Myanmar và các bên liên quan hiểu rõ những tác động rộng lớn hơn của vấn đề này đối với khu vực và cần có hành động phù hợp” [48; tr.131-158].

chối sự giúp sức của phương Tây, nhưng nhận cứu trợ từ Trung Quốc. Trước tình hình trên Ngoại trưởng các nước ASEAN đã họp hội nghị đột xuất (19/5/2008) tại Singapore nhằm đưa ra sáng kiến cơ chế ba bên (TCG), gồm ASEAN, LHQ và Myanmar để phối hợp các hoạt động cứu trợ quốc tế và nâng cao vai trò can dự của ASEAN với quốc gia thành viên trong hiệp hội, đây cũng là cách thức cho thấy sự đoàn kết và tương trợ của các thành viên trong ASEAN với nhau, thay vì Myanmar phụ thuộc quá nhiều vào sự giúp sức của Trung Quốc. Kết quả sau hơn hai năm hoạt động (5/2008-7/2010), cơ chế TCG đã phát huy tác dụng trong việc giúp Myanmar khắc phục hậu quả cơn bão, là cầu nối giúp chính phủ Myanmar cải thiện quan hệ quốc tế [1; tr.17-22].

Năm là, trong cuộc bầu cử tháng 11/2010, ngày 8/11/2011, Phó Thủ tướng, Bộ trưởng Ngoại giao Việt Nam, Phạm Gia Khiêm, với tư cách Chủ tịch ASEAN, đã ra Tuyên bố đánh giá cao Tổng tuyển cử 2010⁸⁴. Tuyên bố trên một lần nữa khẳng định sự quan tâm sâu sắc và gắn kết của ASEAN với Myanmar.

Sáu là, trước cuộc bầu cử bổ sung ngày 1/4/2012, những phản ứng của ASEAN với Myanmar phần nhiều dựa trên việc quan sát động thái của các nước lớn, đặc biệt là từ Trung Quốc. Tuy nhiên, kể từ cuộc bầu cử trên, ASEAN đã chủ động cử 3 quan sát viên giám sát bầu cử và cả ba đều đánh giá mọi thứ diễn ra suôn sẻ, Tổng thư ký ASEAN, Surin Pitsuwan nhấn mạnh “đây là điềm lành đối với Myanmar”. ASEAN ủng hộ và tin tưởng Myanmar tổ chức thành công Sea Game 14, giao phó Myanmar tổ chức Hội nghị ASEAN. Ngay từ đầu năm 2012, tập đoàn Italian-Thai Development Cooperation của Thái Lan khởi động xây dựng cảng nước sâu trị giá 50 tỷ US\$ và một khu công nghiệp tại làng Dawei của Myanmar. Cũng đầu năm này, 30 doanh nghiệp hàng đầu ASEAN đã

⁸⁴ ASEAN hoan nghênh cuộc tổng tuyển cử ngày 7/11/2010 tại Myanmar, coi đây là một bước tiến có ý nghĩa trong việc thực hiện Lộ trình dân chủ 7 điểm. ASEAN khuyến khích Myanmar tiếp tục đẩy mạnh tiến trình hòa giải dân tộc và dân chủ hóa, vì ổn định và phát triển của đất nước. ASEAN cũng nhấn mạnh Myanmar cần tiếp tục hợp tác chặt chẽ với ASEAN và LHQ trong tiến trình này. ASEAN sẵn sàng hỗ trợ Myanmar khi có yêu cầu và phù hợp với Hiến chương ASEAN" [116].

đến Yangon để đàm phán đầu tư. Đầu tư của Singapore 2010-2011 đã tăng lên tới 2,07 tỷ US\$ [1; tr.21].

Myanmar suy yếu và phụ thuộc nhiều vào Trung Quốc trong hơn hai thập niên qua, khiến ASEAN phải đối mặt với một số thách thức như sau:

(i) Làm thế nào để ASEAN can dự khéo léo, lôi kéo Myanmar hội nhập sâu trong Hiệp hội, giảm đi những ảnh hưởng của Trung Quốc với nước này, tránh tình trạng Myanmar trở thành nhân tố khiến Mỹ, EU luôn gây sức ép lên ASEAN nhằm kiềm chế và ngăn chặn sự gia tăng ảnh hưởng của Trung Quốc. Tuy phải đối mặt với các áp lực trên, nhưng Hiệp hội đã có những bước đi phù hợp, khéo léo, đạt được mục đích của mình là lôi kéo thành công Myanmar gia nhập vào Hiệp hội (năm 1997). Mặt khác, ASEAN cũng giữ vững và nâng cao vai trò trung tâm dẫn dắt của Hiệp hội trong các cơ chế an ninh và hợp tác của khu vực Đông Á (ví dụ như trong vai trò của ARF, ASEAN + 1 v.v.)

(ii) Xuất hiện những nguy cơ lớn về xu hướng ly tâm trong chính nội bộ khối. ASEAN lo sợ Trung Quốc lấy Myanmar làm công cụ can thiệp vào nội bộ ASEAN cũng như ép ASEAN phải có những nhượng bộ cần thiết trong một số lĩnh vực nhất định⁸⁵ có thể dẫn tới xu thế ly tâm, mất đoàn kết và không thể đi tới thống nhất trong Hiệp hội. Tuy nhiên, diễn biến mới nhất, Hội nghị Ngoại trưởng ASEAN lần thứ 47 diễn ra tại Naypyitaw, toàn thể 10 nước ASEAN đã nhất trí ra tuyên bố chung về các sứ mệnh của ASEAN và vấn đề biển Đông⁸⁶. Việc ra Tuyên bố chung, ASEAN cho thấy sự thống nhất và quyết tâm theo đuổi mục tiêu, nguyên tắc vì lợi ích chung của Hiệp hội, cũng như của mỗi nước

⁸⁵ Hội nghị Ngoại trưởng ASEAN lần thứ 45 diễn ra tại Phnom Penh kết thúc ngày 13/7 đã không ra được Thông cáo chung do bất đồng về việc tranh chấp ở biển Đông, trong đó nước chủ nhà Campuchia không đồng ý thể hiện trong Thông cáo chung việc Philippines và Việt Nam đã nêu vấn đề này tại hội nghị [126].

⁸⁶ Đó là các vấn đề như Cộng đồng ASEAN với ba trụ cột chính; tầm nhìn Cộng đồng ASEAN sau năm 2015; thúc đẩy các nguyên tắc, quy định và giá trị của ASEAN; vai trò trung tâm của ASEAN; thu hẹp khoảng cách phát triển và thúc đẩy hội nhập khu vực; cải cách hiệu quả các thể chế ASEAN; quan hệ giữa ASEAN với các đối tác bên ngoài; cũng như các vấn đề khu vực và quốc tế cùng quan tâm, trong đó vấn đề Biển Đông tiếp tục được nêu bật [129].

thành viên. Nhân tố ngoại cảnh đã không còn gây tác động giống như những tranh cãi xoay quanh Hội nghị AMM lần thứ 45 tại Phnom Penh 2012.

(iii) Nguy cơ ASEAN trở thành “thuộc địa kiểu mới” do chính sách khai thác cạn kiệt tài nguyên thô trong hợp tác của Trung Quốc. Môi trường sống bị ô nhiễm, hệ sinh thái bị phá vỡ là những nguy cơ đặt các nước trong GMS trước vô vàn thách thức. Dù có nhiều nghiên cứu, hội thảo khoa học và các dự án hợp tác, các cơ chế song và đa phương giữa các nước liên quan với Trung Quốc. Song, do nhiều nguyên nhân khác nhau, các kết quả thu được còn hạn chế và thiếu tính ràng buộc.

3.3 Khả năng điều chỉnh chính sách Myanmar của Trung Quốc đến 2020

3.3.1 Dự báo về tình hình thế giới, khu vực Đông Á đến 2020

Hơn hai thập niên sau CTL, hòa bình, phát triển vẫn là xu hướng chủ đạo trong quan hệ quốc tế. Liên kết, hợp tác kinh tế-thương mại vẫn là động lực chủ chốt, thúc đẩy tất cả các thực thể tham gia sâu sắc trong tiến trình toàn cầu hóa.

Đông Á đứng trước sự vươn lên mạnh mẽ của nền kinh tế Trung Quốc, GDP quý II/2010 của nước này đột phá, đạt 1336 tỷ US\$ (vượt Nhật Bản 1288 tỷ US\$), trở thành nền kinh tế lớn thứ 2 thế giới⁸⁷ (Theo IMF GDP Trung Quốc 2014 đạt 7,4% và 2015 đạt mức 6,9%, tuy sụt giảm nhiều song vẫn ở mức rất cao trên thế giới), đẩy Nhật Bản xuống vị trí thứ 3 [50]. Đánh giá về sự phát triển của Trung Quốc, Giáo sư John Ikenberry, Đại học Princeton cho rằng sự trỗi dậy của Trung Quốc đang tạo ra một sự dịch chuyển to lớn trong sự phân bổ sức mạnh toàn cầu, trong đó trật tự thế giới do phương Đông thống trị đang dần thay thế trật tự thế giới mang định hướng phương Tây [67].

Không thua kém gì Trung Quốc, GDP của Ấn Độ tăng trưởng 8,9% trong quý III/2010 đạt mức gấp 4 lần khu vực đồng tiền chung châu Âu. [10] Theo báo cáo “Triển vọng kinh tế toàn cầu” của WB, GDP Ấn Độ sẽ đạt 6% niên khóa tài

⁸⁷ Tăng trưởng của Trung Quốc dự báo gấp ít nhất 4 lần tăng trưởng của Mỹ và Tây Âu trong nhiều năm tới. Với lượng dự trữ vàng và ngoại tệ 5.000 tỷ US\$ trừ khoản nợ nước ngoài 274 tỷ US \$, Trung Quốc vẫn còn 4.600 tỷ US\$ [50].

chính 2014-2015 và 7,1% niên khóa tài chính 2015-2016. [131] Như vậy, tại châu Á, đang nổi lên cuộc đua song mã đầy quyết liệt Trung-Ấn. Sự khởi sắc và cạnh tranh kinh tế của hai cường quốc này, đang góp phần định hình sức mạnh châu Á và tạo ra những cơ chế hợp tác, liên kết kinh tế - chính trị mới.

Nước Mỹ, vị trí siêu cường với sức mạnh tổng lực và toàn diện, tuy có phần suy yếu nhiều sau khủng hoảng kinh tế-tài chính 2007-2008, nhưng thực tế Mỹ vẫn là đầu tàu của kinh tế thế giới và là cường quốc số 1 thế giới⁸⁸. Sức mạnh siêu cường Mỹ thể hiện toàn diện trên lĩnh vực kinh tế, khoa học kỹ thuật, quân sự và “sức mạnh mềm” (sức hấp dẫn giá trị Mỹ) ra toàn thế giới, vẫn là ưu thế lớn của Mỹ.

Tại ĐNA, ASEAN tăng cường nỗ lực liên kết trong Hiệp hội, tiếp tục chủ động trong vai trò cầm trịch các cơ chế hợp tác do ASEAN dẫn dắt. Điều đặc biệt với ASEAN, thời gian qua, Myanmar đang trên đường cải cách, gặt hái những thành quả nổi bật, góp phần tạo ra một ASEAN đoàn kết, uy tín và tràn đầy triển vọng hướng tới Cộng đồng ASEAN với ba trụ cột trong năm 2015.

Tuy nhiên, an ninh truyền thống, phi truyền thống và những vấn đề toàn cầu, vẫn đang đặt ra thách thức to lớn cho nhân loại. Những điểm nóng cố hữu tại Trung Đông⁸⁹, những tranh chấp và xung đột về lãnh hải tại Đông Á⁹⁰, đang tạo ra những thách thức to lớn, có thể dẫn tới sự thay đổi nguyên trạng cấu trúc an ninh khu vực CA-TBD. Trong khi đó các loại dịch bệnh, vấn đề đói nghèo, ô

⁸⁸ Theo Joseph Nye, đánh giá sức mạnh cả cứng và mềm của Trung Quốc còn lâu mới theo kịp Mỹ [53]. Tuy nhiên, Báo cáo về các xu thế toàn cầu tới năm 2025 (Global Trends 2025) của Cục Tình báo Trung ương (NIC) công bố tháng 11/2008 cho rằng, Mỹ sẽ có ảnh hưởng lớn nhất trong hệ thống quốc tế trong vòng 15-20 năm tới nhưng quyền lực sẽ giảm xuống so với nhiều thập niên trước [95; tr.93].

⁸⁹ Nước Mỹ trong năm 2010 rút quân khỏi Iraq sau 7 năm tham chiến. Tuy nhiên khủng hoảng Syria hơn hai năm qua xảy ra và đang tiếp diễn, khiến ‘chảo lửa’ Trung Đông với sự cạnh tranh giằng xé Mỹ-Nga trở nên nóng bỏng và nghiêm trọng hơn bao giờ hết. Hiện tại với sự nổi lên của Nhà nước Hồi giáo tự xưng IS, đặt ra thách thức vai trò can dự, chống khủng bố của Mỹ và liên quân tại Iraq và Syria.

⁹⁰ Thời gian gần đây Trung Quốc liên tiếp có các hành vi quyết liệt với quần đảo Điếu Ngư/Senkaku, vốn là quần đảo tranh chấp Trung-Nhật. Năm 2014, Trung Quốc liều lĩnh đưa giàn khoan HD981 vào vùng lãnh hải Việt Nam, cho xây dựng các căn cứ nổi trên quần đảo Hoàng Sa... với sự táo tợn, bứt phá mạnh mẽ cả mặt chính trị, lẫn quân sự nhằm ‘hợp pháp hóa’ những tham vọng chủ quyền trên biển Đông của nước này.

niêm môi trường, thiên tai thảm họa⁹¹.. đang đẩy nhân loại đứng trước những rủi ro lớn, đòi hỏi sự bắt tay chung sức hợp tác cùng giải quyết.

Thực vậy, 5-10 năm tới là khoảng thời gian tương đối ngắn để có thể tiên liệu chính xác các khả năng xảy ra. Tuy nhiên, “*hòa bình, hợp tác, phát triển*” vẫn là trào lưu chủ đạo và “*cạnh tranh, kiểm chế, xung đột*” vẫn là mặt song hành và tất yếu trên bình diện khu vực, quốc tế. Tại Đông Á, sự nổi lên mạnh mẽ của Trung Quốc và Ấn Độ trong cuộc đua song mã Trung - Ấn và tại CA-TBD, cũng như trên thế giới là cuộc đua gay gắt Mỹ - Trung, theo như nhiều học giả là có tính chất định hình thế giới. Trong thời gian tới, mục tiêu của Trung Quốc là tiếp tục phá thế bao vây của Mỹ, mở rộng không gian chiến lược, vươn lên thành siêu cường thế giới, có ảnh hưởng và vai trò to lớn trong khu vực. Trước mắt, Trung Quốc thực hiện chủ trương “giữ vững Đông Bắc, tiến xuống Tây Nam”, tức là xử lý các mối quan hệ với Mỹ, Nga, Nhật, đồng thời tiến mạnh xuống ĐNA, Nam Á và Trung Á... Trung Quốc coi đây là “vành đai sinh trường” của thế giới đa cực trong tương lai [14; tr.243-244]. Với mục tiêu trên, Trung Quốc cần làm sâu sắc thêm chính sách NGLG, hướng tới Myanmar và ĐNA là một trong những ưu tiên đặc biệt, nhằm tăng cường thiết lập các cơ chế hợp tác song và đa phương, đảm bảo những lợi ích và chiến lược lâu dài của Trung Quốc tại đây.

3.3.2 Tập Cận Bình với thuyết “bốn toàn diện”

Trong vai trò là nguyên thủ tối cao của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa trong giai đoạn hiện nay, chính sách tổng thể đối nội và đối ngoại của Tổng bí thư Tập Cận Bình được triển khai sâu rộng trên nhiều mặt trận và lĩnh vực. Với việc đưa ra học thuyết mang tính chỉ đạo lý luận chiến lược “bốn toàn diện⁹²”, đang tạo ra những uy quyền to lớn cho phép công cuộc điều hành và cải cách đất

⁹¹ Thảm họa núi lửa phun trào tại Iceland 2010 khiến hàng không châu Âu đình trệ, các thảm họa động đất tại Haiti, Ngọc Thụ (Trung Quốc), thảm họa bão Nagris tại Myanmar, dịch bệnh Ebola tại Tây Phi, đang là những vấn đề có tính thách thức toàn cầu, đòi hỏi nỗ lực chung của cộng đồng quốc tế.

⁹² (四个全面战略布局 – Tứ cá toàn diện chiến lược bố cục), tức “Xây dựng một xã hội thịnh vượng hài hòa toàn diện, Cải tổ sâu sắc toàn diện, Thực hiện nhà nước pháp quyền toàn diện, Thực hiện kỷ cương Đảng toàn diện” Tham khảo thêm trong [119].

nước của ông Tập được triển khai mạnh mẽ. Thuyết “bốn toàn diện” với nội hàm thiên về những vấn đề xây dựng, quản trị và cải cách sâu rộng trong Trung Quốc mang tính toàn diện từ nhu cầu xây dựng xã hội thịnh vượng, cải cách thể chế chính trị và xác lập nền kinh tế mang đặc trưng Trung Quốc, lấy kỷ cương pháp luật làm cơ sở và nền tảng vững chắc cho sự ổn định và phát triển lành mạnh của đất nước và cuối cùng là siết chặt kỷ cương trong Đảng trước vấn nạn tha hóa, tham nhũng tràn lan trong tầng lớp lãnh đạo trung ương, địa phương, mà đặc biệt là trong giới tướng lĩnh quân đội nước này. Thuyết “bốn toàn diện” là sự cụ thể hóa mục tiêu tối cao trong tham vọng của giới tinh hoa nhằm biến “Trung Quốc mộng” (Giấc mơ Trung Hoa) trở thành hiện thực. Để đạt được những thành quả và bước tiến trong lộ trình chiến lược đã đề ra, tất yếu thuyết “bốn toàn diện” không chỉ dừng lại trong khuôn khổ một học thuyết đơn thuần về lý luận, mà nó sẽ được lãnh đạo tối cao của Trung Quốc vận dụng thành nguồn sức mạnh toàn diện cho cải cách trong nước và nâng cao hơn nữa vị thế và vai trò của Trung Quốc trên trường quốc tế. Hướng tới Myanmar, chính sách của Trung Quốc cơ bản vẫn là những mục tiêu, nguyên tắc truyền thống, song sẽ bao hàm những nước đi mang tính táo bạo, thực dụng nhiều hơn trước.

3.3.3 Những chuyển biến của Myanmar đến 2020

Tiến trình cải cách trong nước và hội nhập với bên ngoài của Myanmar như thế nào, được quyết định bởi nhiều các nhân tố đa dạng khác nhau. Có ba nhóm vấn đề mang tính quyết định tới tương lai của Myanmar đó là: (1) những thuận lợi và cơ hội; (2) những thách thức và rào cản; (3) những lực lượng quyết định tương lai phát triển của Myanmar.

Những thuận lợi và cơ hội: 1) ***Được thừa hưởng những di sản tích cực:*** Myanmar cho tới nay vẫn thừa hưởng hệ thống giáo dục và hành chính theo mô hình Anh quốc, tiếng Anh là ngôn ngữ chính thức đứng thứ 2 sau tiếng Miến, là mặt thuận lợi cho Myanmar tiến hành cải cách và hội nhập. 2) ***Nguồn tài nguyên tự nhiên:*** Myanmar được mệnh danh là “kho vàng” tài nguyên trù phú bậc nhất

thế giới. Năm nhóm chính: i) *Tài nguyên năng lượng, dầu hỏa và khí đốt.* ii) *Tài nguyên khoáng sản và đá quý.* iii) *Tài nguyên gỗ rừng.* iv) *Tiềm năng thủy điện khổng lồ, khả năng chăn nuôi và cung cấp nông sản lớn ra thế giới.* v) *Tài nguyên du lịch*⁹³. 3) **Vị trí “địa-chiến lược” ngày càng có vai trò quan trọng:** Myanmar có vai trò quan trọng trong chiến lược mở rộng ảnh hưởng và mở ra con đường thương mại xuống Ấn Độ Dương cho Trung Quốc. Trong thời gian gần đây nguồn tài nguyên “địa-chiến lược” của Myanmar cũng ngày càng tăng lên, với sự vào cuộc giành giật ảnh hưởng của các nước lớn⁹⁴. 4) **Sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế,** với những thành quả thực chất từ cải cách trong hơn 5 năm qua, Myanmar được cộng đồng quốc tế nhiệt liệt hoan nghênh, ủng hộ và có những bước đi tương ứng nhằm giúp nước này hòa nhập trở lại với cộng đồng quốc tế. Việc phương Tây đứng đầu là Mỹ đang dần tháo bỏ bao vây cấm vận, tạo ra cánh cửa giúp Myanmar hội nhập mạnh mẽ ra bên ngoài. Nếu tiếp đà thành công, đạt kết quả thực chất, Myanmar sẽ sớm thoát khủng hoảng, thúc đẩy thu hút đầu tư, hợp tác ngày càng lớn. Tuy nhiên, Myanmar vẫn phải đối mặt với vô vàn những khó khăn, thách thức đặc biệt trong nhiệm kỳ của tân Tổng thống Htin Kyaw và ê kíp lãnh đạo của bà Aung San Suu Kyi giai đoạn hiện nay.

Những thách thức và rào cản

Trong nước: Một là, sự phức tạp về các thành phần sắc tộc, tôn giáo và tín ngưỡng: Ít quốc gia nào có thành phần 135 sắc tộc như Myanmar. Thời gian qua Myanmar xảy ra một số mâu thuẫn sắc tộc, tôn giáo, tín ngưỡng⁹⁵, gây tác động tiêu cực tới sự ổn định, phát triển của nước này. Sẽ không dễ dàng cho

⁹³ Myanmar sở hữu thiên nhiên tươi đẹp, danh lam thắng cảnh nổi bật. Đây vẫn là nguồn tài nguyên rất tiềm năng⁹³, chưa được khai thác tốt⁹³. Thời gian tới du lịch sẽ là cánh cửa lớn kết nối Myanmar với thế giới, góp phần thúc đẩy các ngành dịch vụ, tạo ra tăng trưởng và phồn thịnh. Nếu tận dụng tốt lợi thế hiếm có trên, Myanmar sẽ vươn lên trở thành quốc gia giàu có, phát triển.

⁹⁴ Nói cách khác, theo nhận định của PGS.TSKH Trần Khánh: “Myanmar đang nằm ở điểm chốt quan trọng của những biến đổi ở châu Á hiện nay, trước hết là giữa Trung Quốc, Ấn Độ và ASEAN” [15; tr.137].

⁹⁵ Các xung đột quyết liệt giữa các giáo phái với nhau thường xuyên xảy ra, đặc biệt là giữa tín đồ Hồi giáo dòng Rohingya với tín đồ Thiên chúa giáo và Phật giáo. Tính đến 22/8/2012, bạo lực cướp đi sinh mạng của 57 người Hồi giáo và 31 người Phật giáo, khoảng 90.000 phải di tản do bạo động, 2528 ngôi nhà bị đốt cháy [79], [165].

chính quyền quân sự hay dân sự tại Myanmar đạt được sự đoàn kết, hòa giải và hàn gắn dân tộc trong thời gian ngắn sắp tới. *Hai là, tâm lý dân tộc và sự lạc quan hạn chế*: Do Myanmar trải qua nhiều những biến đổi thăng trầm trong quá khứ. Người dân mất niềm tin về vai trò và khả năng lãnh đạo, thống nhất, hòa hợp dân tộc của giới chức quân sự. *Ba là, dấu ấn lịch sử*: Xã hội Myanmar vốn bị chia rẽ và phân hóa sâu sắc trong các thành phần và tầng lớp dân cư xã hội, cho tới nay sự lỏng lẻo và dễ đổ vỡ của các hiệp định đình chiến vẫn là vấn đề nhức nhối. Hiện tại các Hiệp định đình chiến⁹⁶ giữa Tatmadaw và các nhóm ngừng bắn vẫn chưa hoàn toàn có giá trị hiệu lực, tình trạng treo, dễ đổ vỡ là khả năng có thể tác động tới tiến trình thống nhất, hòa hợp và hòa giải dân tộc tại Myanmar. *Bốn là, những hệ lụy từ Tam giác vàng*: Dẫn theo báo cáo của Văn phòng LHQ về Thuộc phiện và Tội phạm (UNODC), Myanmar hiện đang là nguồn cung thuốc phiện lớn thứ 2 thế giới⁹⁷. Dù nỗ lực lớn từ chính phủ Myanmar cùng các cơ quan của LHQ, song kết quả còn hạn chế. Nó vẫn là tác nhân tiếp tục gây ra bất ổn tại Myanmar, và các nước xung quanh. *Năm là, mâu thuẫn xã hội*: Thể hiện ở sự phân phối không thỏa đáng quyền và lợi ích trong xã hội. Tatmadaw đang được xếp hạng thứ 2 tại ĐNA, chi tiêu chiếm tới ¼ tổng ngân sách tài chính quốc gia [105; tr.4]. Phân phối lợi ích không đều, đói nghèo, bất công.. đang là vấn đề hóc búa, đặt ra cho sứ mệnh cải cách hiện nay.

⁹⁶ Tổng thống Thein Sein phác thảo: i) kết thúc chiến tranh bằng một thỏa thuận đình chiến; ii) xúc tiến các dự án tài trợ và phát triển trong các bang thiểu số; iii) tiến hành đối thoại chính trị và đạt đến một hòa giải chính trị trong khuôn khổ hiến pháp do quân đội soạn thảo năm 2008. Hiện tại, Myanmar vẫn tồn tại 11 nhóm vũ trang ly khai cát cứ tại vùng biên giới tiếp giáp Thái Lan, Trung Quốc, Ấn Độ. Thông tin cập nhật mới nhất, Tháng 3/2015, chính phủ Myanmar và 16 nhóm vũ trang sắc tộc thiểu số ký thành công dự thảo Thỏa thuận ngừng bắn toàn quốc (NCA) dài 7 chương. Tuy nhiên, Lực lượng Quân đội Giải phóng Quốc gia Ta'ang (TNLA), nhóm vũ trang sắc tộc Arakan hay Quân đội Liên minh Quốc gia vì Dân tộc Myanmar (MNDAA) không tham gia đàm phán và từ chối ký vào dự thảo [115].

⁹⁷ Theo Văn phòng UNODC: Myanmar chiếm 28.500ha trong năm 2008, chủ yếu tại bang Shan (chiếm hơn 89% sản lượng tại Myanmar). Afghanistan hiện là quốc gia số 1 về nguồn cung thuốc phiện ra thế giới với diện tích năm 1996 khoảng 157.000ha, trong khi đó Myanmar là 163.000ha trong cùng năm này.

Bên ngoài: i) Áp lực mạnh mẽ từ phương Tây⁹⁸: Nhiều chính quyền phương Tây hoặc các tổ chức quốc tế liên quan tới phương Tây trong thời gian qua luôn gây áp lực rất lớn lên chính quyền Myanmar bằng cáo buộc rằng chế độ quân sự cũ tại Myanmar là một trong những chế độ áp bức và lạm dụng nhân quyền lớn nhất trên thế giới [145; tr.vii-7]. ĐHĐ LHQ đã nhiều lần kêu gọi chính quyền quân sự Myanmar phải tôn trọng nhân quyền⁹⁹. Human Rights Watch, Tổ chức Ân xá Quốc tế và Hiệp hội Mỹ vì sự tiến bộ của khoa học đã nhiều lần ghi nhận và lên án vi phạm nhân quyền phổ biến ở Myanmar. Đây vẫn là những áp lực dữ dội Myanmar phải đối mặt, tiến trình cải cách thành công tới đâu phụ thuộc rất lớn vào những kết quả thực chất về nhân quyền, hòa giải dân tộc của nước này, sự công nhận quốc tế với chính phủ hiện tại và chính phủ sau Tổng tuyển cử 8/11/2015 sắp tới là điều có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. **ii) Cạnh tranh ảnh hưởng giữa các nước lớn:** Các bên có những lợi thế khác nhau, tham vọng và mục tiêu cũng khác nhau khi hướng tới Myanmar. Nhưng, tựu chung lại, cuộc đua giữa các nước lớn, đang tạo ra thực trạng cạnh tranh giằng xé quyết liệt, những tính toán thực dụng và cả những tác động thuận-nghịch tới Myanmar và khu vực. **iii) Áp lực thành viên từ ASEAN:** Thời gian qua, tác động từ “vấn đề Myanmar”, ASEAN ít nhiều bị suy giảm uy tín và vai trò của Hiệp hội. Áp lực này tác động tổng thể lên ASEAN, cũng như tác động riêng rẽ tới mỗi thành viên trong khối. Việc cân nhắc kỹ lưỡng những đóng góp, giải pháp hay của ASEAN sẽ chính là một sự lắng nghe cần thiết cho tiến trình cải cách hiện tại và sắp tới của Myanmar. ASEAN tuy đã lôi kéo được sự can dự của các nước lớn nhằm đối trọng với sự gia tăng ảnh hưởng mạnh mẽ của Trung Quốc trong khu

⁹⁸ Liên quan tới các cáo buộc về: i) Dân chủ, nhân quyền; ii) Lính trẻ em, iii) Lao động trẻ em, lao động cưỡng bức và lao động nô lệ, bạo hành tình dục và buôn bán người; iv) Diệt chủng và tội ác với các nhóm sắc tộc thiểu số; v) Kiểm duyệt báo chí.

⁹⁹ Trong tháng 11 năm 2009, ĐHĐ LHQ đã thông qua một nghị quyết “mạnh mẽ lên án các hành vi vi phạm có hệ thống liên tục về nhân quyền và các quyền tự do cơ bản” và kêu gọi quân đội nước này có các biện pháp khẩn cấp để chấm dứt hành vi vi phạm nhân quyền quốc tế và tuân theo luật nhân đạo [149].

vực và trong “vấn đề Myanmar”, phần nào đó thể hiện được sức mạnh đoàn kết, uy tín và sự ưu tiên cao cho lợi ích chung của tập thể.

Tuy nhiên, thời gian đầu năm 2015, cuộc khủng hoảng người tị nạn Rohingya¹⁰⁰ theo Hồi giáo rời bỏ Myanmar tràn vào ĐNA, đã và đang gây ra những thách thức an ninh lớn tới các nước trong khu vực này. Phản ứng một cách chậm chạp và cứng rắn, chính quyền các nước Indonesia, Thái Lan, Malaysia không hỗ trợ lương thực, không cho phép nhập cảnh, buộc Cao ủy LHQ về người tị nạn phải gây sức ép can thiệp. Nạn “thuyền nhân Rohingya” xuất phát từ vấn đề chính sách nội bộ Myanmar, nhưng nó đang đẩy ASEAN trước hoàn cảnh tiến thoái lưỡng nan. Lợi ích riêng của từng nước trong ASEAN khó lòng thỏa hiệp trước những vấn đề tưởng chừng mang tính cục bộ của riêng Myanmar, thực chất lại chính là phép thử thực thụ cho sự đoàn kết, chia sẻ khó khăn cũng như lợi ích từ phía mỗi nước thành viên và giữa các nước thành viên trong ASEAN với nhau.

Những lực lượng quyết định tương lai phát triển của Myanmar: *Đảng Liên đoàn Quốc gia vì Dân chủ - NLD*: Hiện đang là đảng cầm quyền, thành lập ngày 27/8/1988. Từ 1990, bà Aung San Suu Kyi trở thành lãnh tụ NLD¹⁰¹. NLD hiện có khoảng 5000 đảng viên, sau thắng lợi trong bầu cử 11/2015, trong Quốc hội lưỡng viện và tại các bang vùng nhiệm kỳ 3/2016-3/2020, NLD có số lượng nghị sỹ và các bộ trưởng đông đảo lãnh đạo Myanmar [5; tr.144-146].

***Đảng Đoàn kết và Phát triển Liên bang (USDP)*:** Sau bầu cử 11/2015, USDP thất bại, song đây vẫn là chính đảng lớn mạnh được quân đội hậu thuẫn, có khả năng tác động rất lớn tới tình hình Myanmar. USDP có hơn 10 triệu đảng viên

¹⁰⁰ Chủ yếu người tị nạn từ bang Rakhine phía Tây Myanmar, những người vốn không được công nhận quốc tịch tại Myanmar, và một phần từ Bangladesh đã vượt biên trên biển qua eo Malacca để tìm cơ hội định cư tại Indonesia, Malaysia và Thái Lan. Theo Cao ủy LHQ về người tị nạn, có khoảng 140 nghìn người trong số khoảng 8 trăm nghìn tới 1,1 triệu người Rohingya đã buộc phải tìm nơi ẩn náu tại các trại di dời sau cuộc bạo loạn tại bang Rakhine năm 2012. Trong số đó, có khoảng 100 nghìn người trốn khỏi Myanmar bằng đường biển vì tình trạng không hộ tịch và lo sợ bị đàn áp, thiếu các quyền sống cơ bản tại Myanmar.

¹⁰¹ Trong bầu cử ngày 27/5/1990, giành thắng lợi áp đảo với 392/491, chiếm 79,8% tổng số ghế Quốc hội, nhưng chính quyền quân sự Saw Maung không công nhận và phớt lờ kết quả bầu cử [5; tr.144-146].

với mạng lưới rộng rãi từ trung ương đến địa phương. Hầu hết các chức vụ quan trọng đều do người của lực lượng này nắm giữ [5; tr.143-144]. **Vai trò của Quân đội:** Quân đội Myanmar có khoảng 500.000 người, đa phần thành phần quân đội có trong USDP. Theo Hiến pháp 2008, 25% ghế Quốc hội thuộc về quân đội. Quân đội có quyền quản lý sự tham gia toàn dân vào quốc phòng, an ninh, chịu trách nhiệm chính đảm bảo không để tan vỡ Liên bang, không để chia rẽ đoàn kết dân tộc và bảo vệ chủ quyền quốc gia, và có trách nhiệm chính trong bảo vệ Hiến pháp. Hiện tại quân đội vẫn điều hành ba bộ quyền lực nhất là Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ, Bộ Biên giới [5; tr.146-148]. Theo Hiến pháp 2008, Quân đội có quyền kiểm soát chính phủ khi nào họ xét thấy cần thiết [32]. **Vai trò các lãnh tụ:** Bà Aung San Suu Kyi 70 tuổi, không thể trở thành Tổng thống Myanmar do quy định của Hiến pháp 2008, tuy nhiên, việc bà đứng sau “sân khấu” trong chính phủ của tân Tổng thống Htin Kyaw, từng tuyên bố “điều hành Myanmar trên cả tổng thống”. Bà nắm giữ chức Bộ trưởng Ngoại giao, Bộ trưởng Văn phòng Tổng thống và khả năng được bầu làm ủy viên quốc vụ, một chức vụ đặc biệt sẽ cho phép bà giữ liên lạc giữa tổng thống và quốc hội, nhiều khả năng các quyết sách quan trọng trong chính phủ đều do bà quyết định. Ông Htin Kyaw đương kim Tổng thống Myanmar, để chứng minh năng lực và sự độc lập tương đối của mình với bà Aung San Suu Kyi, ông sẽ phải có sự sáng suốt và đưa ra được nhiều quyết sách riêng. Sau thất bại trong bầu cử 2015 của đảng USDP, cựu Tổng thống Thein Sein vẫn là nhân vật thực sự được nhiều người ủng hộ bởi tính cách dám nói dám làm trong, giúp Myanmar gặt hái rất nhiều bước tiến và thành quả quan trọng nên ảnh hưởng của ông tại Myanmar vẫn rất lớn. Ngoài ra, các nhân vật quyền lực khác như đó là ông Thura U Shwe Mann và Tư lệnh các lực lượng vũ trang Myanmar Đại tướng Min Aung Hlaing đều là những người có khả năng tác động và chi phối lớn tới tương lai chính trị của Myanmar.

Cuộc tổng tuyển cử ngày 8/11/2015 đã diễn ra với kết quả vô cùng kịch tính và bất ngờ với việc đảng đối lập Liên đoàn Quốc gia vì Dân chủ (NLD) của bà Aung San Suu Kyi dành thắng lợi vang dội, gần như tuyệt đối tại tất cả các điểm bầu cử trong cả nước¹⁰². Ngày 15/3/2016, Quốc hội lưỡng viện Myanmar chính thức bỏ phiếu bầu ông Htin Kyaw (ứng cử viên của NLD do Hạ viện đề cử, ông được đánh giá là trợ lý uy tín, trung thành nhất trong số những nhân vật trọng yếu trong NLD, được bà Aung San Suu Kyi tin tưởng), đạt được số phiếu bầu cao nhất là 360/652, trở thành Tổng thống dân sự Myanmar, nhậm chức vào ngày 31/3/2016. Nhân vật về nhì trong cuộc đua Tổng thống là Myint Swe (do quân đội đề cử, thuộc đảng USDP), đạt số phiếu 213, được bầu đảm nhận chức Phó Tổng thống thứ nhất. Vị trí thứ ba thuộc về ông Henry Van Htee Yu (thuộc đảng NLD, người dân tộc Chin, do Thượng viện đề cử), được bầu làm Phó Tổng thống thứ 2 [121], [134]. Tổng thống giữ toàn quyền hành pháp, trừ việc quản lý các bộ biên giới, nội vụ, quốc phòng và thông qua các thay đổi của hiến pháp thì phải có sự ủng hộ của quân đội. Không chỉ có vậy, các nhà phân tích chính trị cũng coi các chính đảng sắc tộc khác là thế lực thứ ba ngoài USDP và NLD có thể tác động không nhỏ tới chính trường Myanmar. Hàng chục đảng sắc tộc lớn nhỏ tại nhiều khu vực của Myanmar tuy chưa đủ sức gây ảnh hưởng trên toàn quốc, nhưng lại có ưu thế nhất định tại các khu vực dân tộc của mình. Những thách thức và rào cản còn rất lớn trên bước đường tiến tới hòa hợp, hòa giải dân tộc và dân chủ hóa, mở cửa hội nhập của Myanmar. Bài toán đặt ra cho NLD và Tổng thống Htin Kyaw chính là làm thế nào để lựa chọn, sắp xếp, thỏa hiệp và dung hòa các vị trí quyền lực trong chính phủ một cách phù hợp và thấu đáo để người trong NLD, USDP lẫn các đảng phái sắc tộc khác đều có những chỗ đứng nhất định mà không gây ra những cản trở hay chống đối lại tính hợp hiến của

¹⁰² Theo kết quả bầu cử, NLD dành chiến thắng với 196/243 ghế tại Hạ viện (hơn 80%), trong khi đảng USDP cầm quyền được 23 ghế, và 24 ghế còn lại thuộc về các đảng khác. Tại Thượng viện, NLD giành được 95/116 ghế (tương đương gần 82%), USDP được 10 ghế, trong khi các đảng khác chia nhau 11 ghế. Tại nghị viện cấp bang và vùng, NLD cũng giành nhiều ghế nhất với 314 ghế, USDP được 39 ghế và các đảng khác được 27 ghế [125].

chính phủ. Thách thức to lớn của NLD, cũng như Myanmar nói chung là phải thành lập được chính phủ mới phục vụ cho lợi ích của nhân dân, đạt được nhiều kết quả hơn nữa từ tiến trình cải cách, mở cửa và dân chủ hóa đời sống chính trị-xã hội.

3.3.4 Triển vọng chính sách của Trung Quốc đối với Myanmar đến 2020

Chính sách Trung Quốc với Myanmar quãng thời gian qua là cơ sở để chính sách này tiếp tục triển khai trong 5-10 năm tới. Luận án đưa ra một số phân tích dựa trên những cơ sở đã có, kết hợp lồng ghép những khả năng mới, nhằm phân tích chính sách Myanmar của Trung Quốc.

Trung Quốc tiếp tục triển khai chính sách tại Myanmar dựa trên những cơ sở sau: Chính sách “Phát triển hài hòa”, “Láng giềng thân thiện, hữu nghị, hợp tác cùng phát triển” luôn là nguyên tắc ưu tiên trong chính sách NGLG của Trung Quốc, tạo ra tính chính thống trong hợp tác của nước này. Chính sách Trung Quốc với Myanmar về cơ bản vẫn nằm trong dòng chảy chính sách trên. Ngoài ra, Trung Quốc tiếp tục thực hiện chiến lược “Thu hút vào”¹⁰³ và “Đi ra ngoài”¹⁰⁴ trong công cuộc Cải cải mở cửa đang tiếp tục diễn ra. Mục tiêu phát triển kinh tế của Trung Quốc không dừng lại, đồng nghĩa với nhu cầu tìm kiếm tài nguyên, năng lượng tại Myanmar sẽ ngày một tăng lên. Trung Quốc cũng sẽ đẩy mạnh hơn nữa việc tìm đầu ra cho hàng hóa tại thị trường 60 triệu dân nước này.

Những lợi thế vốn có của Trung Quốc tại Myanmar: i) Về hậu thuẫn chính trị tuy đã suy giảm nhiều do Myanmar tiến hành đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, lôi kéo các nước lớn làm đối trọng với Trung Quốc. Nhưng, trong một số trường hợp, tiếng nói và lá phiếu phủ quyết của Bắc Kinh vẫn sẽ là công cụ

¹⁰³ Bước vào những năm 1990 thế kỷ XX, Chủ tịch Giang Trạch Dân đưa ra chủ trương: nắm chắc xu thế đẩy nhanh toàn cầu hóa kinh tế, nhân mạnh Trung Quốc muốn phát triển, muốn tiến bộ, muốn giàu mạnh thì phải mở rộng mở cửa đối ngoại, tiếp thu và học tập mọi cái tiến bộ. Phải không ngừng làm hình thức và nội dung mở cửa đối ngoại, không ngừng nâng cao chất lượng và mức độ mở cửa đối ngoại, tích cực thúc đẩy mở cửa đối ngoại toàn phương vị, nhiều tầng nấc, lĩnh vực rộng...

¹⁰⁴ Thực thi chiến lược đi ra ngoài là sáng kiến quan trọng của giai đoạn mới mở cửa đối ngoại. Thực hiện mở cửa đối ngoại, vừa mở cửa thị trường Trung Quốc ra nước ngoài, đồng thời lại phải khai thác thị trường nước ngoài, chỉ nhập không có xuất hoặc chỉ xuất không có nhập đều không phải là mở cửa hoàn toàn.

đặc biệt. ii) Quy mô và số lượng các dự án đa dạng, tổng lượng thương mại không ngừng tăng lên do lợi thế về chính sách tài chính của chính phủ Trung Quốc, sự thông thoáng trong kiểm duyệt hàng hoá qua cửa khẩu của Trung Quốc. Thời gian tới, Trung Quốc vẫn sẽ là đối tác số 1 trên các lĩnh vực thương mại, đầu tư, khai thác tại Myanmar. iii) Myanmar và Trung Quốc vẫn tiếp tục cần tới nhau trong việc giải quyết vấn đề các nhóm ngừng bắn, cũng như những hệ lụy nghiêm trọng đang tồn tại dọc biên giới hai nước.

Những thách thức có khả năng tác động tới chính sách Myanmar của Trung Quốc: *Tâm lý chống Trung Quốc tại Myanmar*, diễn ra với mức độ khá căng thẳng tại nhiều thành phố, khu vực tại Myanmar do những chính sách đầu tư, hợp tác, khai thác chưa phù hợp của phía các doanh nghiệp Trung Quốc tại nước này. Làn sóng phản đối và những hành động chống phá có thể sẽ là thách thức rất lớn cho chính sách Myanmar của Trung Quốc hiện nay và thời gian tới. **Môi trường đầu tư tại Myanmar:** Tình hình nội bộ của Myanmar chưa ổn định và nếu Trung Quốc tiếp tục duy trì chính sách “hai mặt” khi vẫn ủng hộ chính quyền quân sự, nhưng mặt khác có những liên lạc không chính thức với các lực lượng đối lập tại Myanmar, sẽ dẫn đến việc Myanmar mất niềm tin và kéo theo sự suy giảm hợp tác với Trung Quốc¹⁰⁵. Mặt khác, tình hình xung đột, thậm chí nếu nội chiến bùng nổ tại Myanmar sẽ tạo ra rủi ro lớn cho các dự án đầu tư tốn kém của Trung Quốc. **Cạnh tranh gay gắt giữa các đối thủ:** Sự vào cuộc của Mỹ, Ấn Độ, Nhật Bản, ASEAN..sẽ tạo ra sự ganh đua gay gắt mới, chính sách Trung Quốc sẽ không dễ dàng thực hiện, bởi sự điều chỉnh và cân nhắc từ phía Naypyitaw. **Những vấn đề bên trong Trung Quốc:** Một là, trong 2-3 năm trở lại

¹⁰⁵ Đầu 2008, SPDC nhận thức rằng chính quyền Trung Quốc, gần như từ Vân Nam, đã có hàng loạt các cuộc gặp với lực lượng bất chính kiến Myanmar tại Maesot và Chiêng Mai (Thái Lan) và Ruili (Vân Nam), một vài người bất đồng chính kiến đã được mời tới Côn Minh và Bắc Kinh. Naypyitaw đã không còn thể hiện sự nhiệt tình cho sáng kiến xây dựng hệ thống đường ống dẫn dầu và khí đốt từ cảng Kyaukphyu tới Côn Minh (nơi Trung Quốc dự kiến xây dựng nhà máy tinh lọc khí đốt). Dẫn tới chuyến thăm Naypyitaw của Dương Khiết Trì tới Myanmar có lẽ nhằm xoa dịu căng thẳng trên [73]. Mặt khác, Trung Quốc là nước láng giềng chưa ký Hiệp định phòng chống ma túy với Myanmar. Nhóm vũ trang lý khai dân tộc Wa mỗi khi bị quân chính phủ Myanmar truy quét đều chạy sang tỉnh Vân Nam tị nạn [5; tr.81-83].

đây, nền kinh tế Trung Quốc đang chững lại, kéo theo sự bất ổn của thị trường chứng khoán và sức hút đầu tư nước ngoài.. Hai là, tiến trình cải cách trong ĐCSTQ đang diễn ra rất mạnh, cuộc chiến chống tham nhũng trong quân đội đang là ưu tiên hàng đầu, đặt ĐCSTQ trước nhiều áp lực chính trị to lớn. Mặt khác, khoảng cách giàu nghèo, trình độ phát triển, công bằng xã hội cũng là những vấn đề khiến giới lãnh đạo cao cấp Trung Quốc phải tập trung nguồn lực nhiều hơn trong nước, có thể dẫn tới việc suy giảm mức độ tập trung chính sách đối với Myanmar. **Áp lực quốc tế:** Ảnh hưởng và tác động chính sách của Bắc Kinh quá lớn tại Myanmar khiến cộng đồng quốc tế, nhất là từ Mỹ, EU, các tổ chức nhân quyền, phi chính phủ vẫn gia tăng chỉ trích và sức ép rất lớn lên Trung Quốc trong “vấn đề Myanmar”. Thời gian tới, nhân tố này sẽ tiếp tục tác động tới sự điều chỉnh chính sách của Trung Quốc.

Theo GS. Lý Chấn Dương¹⁰⁶, trong dài hạn, dù bất kể đảng phái chính trị nào lãnh đạo quyền lực, Myanmar vẫn sẽ phát triển các mối quan hệ hữu nghị với Trung Quốc, bởi Trung Quốc là nước láng giềng lớn nhất của Myanmar, và những người bạn láng giềng thì không bao giờ có thể xóa bỏ [72; tr.18]. Trong khi đó, PGS. Nguyễn Duy Dũng, Viện trưởng Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, Việt Nam nhận định rằng: “Mặc dầu, cải cách ở Myanmar tự bản thân nó là nhằm mục đích thoát khỏi bao vây, cấm vận, phụ thuộc bên ngoài (nhất là Trung Quốc) và giảm đói nghèo, song cũng cần phải công nhận rằng ảnh hưởng của Trung Quốc và cộng đồng người Hoa ở đây vẫn còn rất lớn và mối quan hệ hai nước vẫn còn được duy trì lâu dài. Các lực lượng Mỹ, phương Tây, ASEAN và các bên khác có thể đóng vai trò cân bằng lực lượng với Trung Quốc tại Myanmar hay không vẫn còn là một câu hỏi bỏ ngỏ” [5; tr177-179].

Như vậy, chiều hướng chính sách Myanmar của Trung Quốc không chỉ phụ thuộc vào quyết tâm và mong muốn của bộ máy hoạch định Trung Nam Hải, mà

¹⁰⁶ Giáo Sư Lý Chấn Dương (Li Chenyang), năm 2012 là Phó Hiệu trưởng trường Nhân văn, Giám đốc Trung tâm nghiên cứu Myanmar, Đại học Văn Nam, Côn Minh, Trung Quốc.

trên thực tế, những diễn biến nội tại trong Myanmar và khuynh hướng điều tiết đối ngoại của Naypyitaw, sẽ là hợp phần quan trọng, tác động chủ yếu tới tương lai chính sách Myanmar của Trung Quốc thời gian tới.

Tiểu kết chương 3

Đánh giá sự thành công trong chính sách Myanmar của Trung Quốc dựa trên các tiêu chí về tận dụng thời cơ, cơ hội, những kết quả đạt được, chiều hướng thuận lợi và triển vọng. Về thời cơ, sau CTL, Trung Quốc đã nhanh chóng nắm lấy cơ hội đặc biệt khi sự sống còn đóng vai trò cấp thiết đẩy chính quyền quân sự Myanmar tìm tới Bắc Kinh. Trải qua quá trình hơn hai thập kỷ, cho tới hiện nay Trung Quốc vươn lên nhóm 3 nước đầu tư lớn nhất tại Myanmar, tỷ trọng thương mại đứng số 1 trong nền kinh tế Myanmar, những lợi ích của Trung Quốc trải dài trên các lĩnh vực, từ các hợp đồng lớn như cung ứng vũ khí, các dự án khai thác mỏ quặng, khí ga, dầu lửa, thủy điện, nhà máy công nghiệp.. phần lớn thuộc các tập đoàn quốc doanh hoặc tư nhân Trung Quốc trúng thầu. Trên phương diện chiến lược, chỉ có Trung Quốc là đối tác duy nhất có được sự chấp thuận của Myanmar trong phối hợp an ninh, đặt các trạm tình báo điện tử trên chuỗi đảo Coco, việc triển khai các đại dự án đường ống dầu khí từ cảng Kyaukphyu xuyên Myanmar, kết nối với Côn Minh, Đại lý. Tất cả những thành công trên có được do thời cơ, sự chủ động chính sách và ở vào thế nước lớn với những tính toán thực dụng và chiến lược, giúp đem lại những thành tựu chính sách của Trung Quốc.

Tuy nhiên, mặt ngược lại, tiêu chí để đánh giá thất bại trong chính sách của Trung Quốc với Myanmar, chính là những mục tiêu Trung Quốc mong muốn và tính toán nhưng chưa đạt được. Để đảm bảo tránh phụ thuộc hoàn toàn vào những nguồn cung vũ khí có phần kém chất lượng của Trung Quốc, Myanmar đã tìm tới các đối tác lớn khác như Nga, Ấn Độ. Biểu tượng lớn nhất cho sự thất bại của Trung Quốc đó là dự án thủy điện Myitsone với tổng đầu tư 3,6 tỷ USD của Trung Quốc bị chính quyền Tổng thống Thein Sein đình chỉ vô thời hạn (ngoài ra Trung Quốc cũng đang gặp khó khăn rất lớn trong dự án mở đồng

Letpadaung, dự án đường sắt Kyaukphyu-Côn Minh, dự án thủy điện Tarpein, dự án mỏ nickel Tagaung). Không chỉ vậy, hiện tại quy mô hợp tác Trung Quốc-Myanmar so với các cặp quan hệ thương mại khác, ví dụ như: Trung Quốc-Việt Nam, thì quy mô thương mại Trung Quốc-Myanmar vẫn còn ở mức khiêm tốn. Bên cạnh đó, Trung Quốc gặp phải những thách thức do tâm lý bài ngoại, bài Hoa của dân chúng Myanmar, tâm lý tự tôn dân tộc của giới tinh hoa Myanmar, tất cả tạo ra những rào cản không nhỏ cho Trung Quốc tiến hành chính sách. Việc khai thác ô ạt tài nguyên quặng, lâm sản, năng lượng, đá quý..với quy mô rất lớn nhưng không kèm các biện pháp bảo vệ môi trường, không đem lại nhiều những cơ hội việc làm và lợi ích cho các địa phương tại Myanmar, cũng khiến việc triển khai của Trung Quốc không diễn ra thuận lợi. Hơn thế nữa, Trung Quốc luôn kiên quyết lên tiếng bảo vệ chính quyền quân sự trong các sự kiện bị cộng đồng quốc tế lên án, trừng phạt, dẫn tới uy tín nước lớn của Trung Quốc bị suy giảm. Dù giai đoạn sau, Trung Quốc ít nhiều có gây áp lực và tham vấn với chính quyền Myanmar nhằm thúc đẩy Cải cách mở cửa, song, bản chất chính sách của Trung Quốc luôn diễn biến khó lường, khó đoán định, thực dụng, tinh vi, xảo quyệt khiến cho sự cảnh giác đề phòng, đối phó, dẫn tới các xu hướng chống lại lợi ích của Trung Quốc tại Myanmar là điều khó tránh khỏi.

Ở góc nhìn xa hơn, chính sách Myanmar của Trung Quốc tạo ra cuộc cạnh tranh, giành giật ảnh hưởng chiến lược giữa các nước lớn với Trung Quốc. Đó là sự cạnh tranh khốc liệt không chỉ trên phương diện tài nguyên, năng lượng, thị trường, mà sâu xa hơn là việc các nước tập hợp lực lượng, kiềm chế sự trỗi dậy của Trung Quốc trên phạm vi khu vực Đông Á kéo xuống ĐNA, Nam Á. Từ khi Myanmar tiến hành cải cách, hội nhập 2-3 năm lại đây, vị thế của Trung Quốc có phần suy giảm do Mỹ (có cả EU, Úc), Ấn Độ, Nhật Bản đang từng bước vào cuộc, tạo ra một thế trận yếu hơn tương đối so với Trung Quốc tại Myanmar. Với ASEAN, chính sách của Trung Quốc với Myanmar đặt ra thách thức trên các lĩnh vực an ninh, hội nhập và phát triển của Hiệp hội. Myanmar xích gần, hay dẫn ra

mạnh hơn với Trung Quốc, vẫn sẽ là nhân tố tác động tương ứng tới mục tiêu hòa bình, ổn định, phát triển của ASEAN.

Chính sách Myanmar của Trung Quốc phụ thuộc vào việc hoạch định chính sách nước lớn của Trung Quốc, song Myanmar mang những đặc thù riêng về yếu tố lịch sử, truyền thống tự tôn dân tộc, sự phức tạp của bối cảnh chính trị-xã hội và sự vào cuộc của các nước lớn, khiến chính sách của Trung Quốc giai đoạn đã qua, cũng như trong thời sắp tới sẽ được điều chỉnh và biến đổi tùy theo những diễn biến kịch bản thay đổi tại Myanmar. Một sự điều chỉnh lớn nhất mà Trung Quốc đã và đang tiến hành, đó là việc tiếp xúc hoặc kết thân với các phe phái, đảng phái, lực lượng có khả năng nắm quyền tại Myanmar nhằm hướng tới khả năng: dù bất kỳ đảng phái nào lên nắm quyền tại Myanmar thì Trung Quốc vẫn đương nhiên trở thành “một người bạn tốt”, một đối tác không thể nào thay thế. Tại Myanmar, kết quả cuộc Tổng tuyển cử đã diễn ra trong tháng 11/2015, với sự thắng thế áp đảo của đảng NLD, và dấu mốc từ kết quả bầu Tổng thống 15/3/2016, ông Htin Kyaw được bầu làm Tổng thống, hứa hẹn mang tới những thay đổi mạnh mẽ cho công cuộc Cải cách mở cửa đang tiếp diễn tại nước này. Và nhiều khả năng nó cũng kéo theo những điều chỉnh đối ngoại mạnh mẽ trong chính sách của Myanmar hướng tới Trung Quốc. Dù thế nào đi chăng nữa, khả năng đảng NLD và lãnh tụ Aung San Suu Kyi vẫn sẽ thúc đẩy một mối quan hệ đối ngoại hài hòa, việc tiếp tục duy trì chính sách coi trọng Trung Quốc và việc đảm bảo tương đối các lợi ích của Trung Quốc tại Myanmar trong khoảng thời gian 5 năm nắm quyền lãnh đạo và điều hành đất nước sắp tới của NLD.

KẾT LUẬN

Đề tài nghiên cứu về chính sách của Trung Quốc với Myanmar từ sau CTL đến 2015, xin khép lại với các kết luận như sau:

Thứ nhất, các cơ chế song phương quan trọng Trung Quốc-Myanmar được ký kết từ thập niên 1960 tới nay, trở thành khuôn khổ định hình quan hệ và chính sách hai nước hướng tới nhau¹⁰⁷. Đặc biệt với việc thiết lập “Đối tác Hợp tác Chiến lược Toàn diện Trung Quốc-Myanmar” (Bắc Kinh, 2011), là một hiệp định chính trị song phương cao nhất, tạo ra cơ sở pháp lý, tiền đề vững chắc cho phép chính sách Myanmar của Trung Quốc được triển khai thuận lợi.

Thứ hai, Trung Quốc và Myanmar là một cặp quan hệ điển hình về một nước lớn đang trên đà trỗi dậy với một nước láng giềng nhỏ trong quan hệ quốc tế từ sau CTL. Với những tính toán lợi ích khác nhau, cả Trung Quốc, Myanmar đều đề cao mối quan hệ song phương, cũng như đặt ra những ưu tiên chính sách đặc biệt hướng tới nhau. Với Trung Quốc, trên quan điểm lợi ích chiến lược đánh giá Myanmar có vai trò quan trọng đặc biệt. Trong khi chính quyền Myanmar luôn duy trì Trung Quốc ở vị trí trung tâm trong hoạch định đối ngoại, nhưng vẫn tìm cách đảm bảo những lợi cốt lõi của mình.

Thứ ba, thành công của Trung Quốc trong chiến lược tổng thể hướng tới Myanmar có thể tóm lại ở các mục tiêu chính: (i) Ảnh hưởng chính trị to lớn, với vai trò bảo trợ an ninh, quân sự cho sự sống còn của thể chế quân sự. (ii) Các lợi ích to lớn trên phương diện: kinh tế-đầu tư-thương mại, tài nguyên, năng lượng, với sự len lỏi và tầm ảnh hưởng không thể loại trừ của Trung Quốc. (iii) Các lợi ích chiến lược thông qua Myanmar, Trung Quốc không ngừng mở rộng “không gian sinh tồn” và “vành đai ảnh hưởng” ra Nam Á, ĐNA.

¹⁰⁷ Năm 1960, “Hiệp định Giải quyết trên Nguyên tắc Những vấn đề Biên giới” và “Hiệp định Thúc đẩy Hòa bình và Hữu nghị giữa hai nước Miến Điện - Trung Quốc”; Năm 1994, “Bản Nghị nhớ về mậu dịch biên giới”; Năm 1997, “Hiệp định về việc thành lập Ủy ban công tác liên hợp về hợp tác kinh tế mậu dịch và kỹ thuật”; Năm 2001, “Hiệp định về Khuyến khích Xúc tiến và Bảo hộ Đầu tư”; Năm 2011, hai nước ra Tuyên bố chung về thiết lập: “Quan hệ Hợp tác Đối tác Chiến lược Toàn diện”. (Xem thêm phụ lục 4, 5 và 6)

Thứ tư, sự xích lại gần nhau giữa hai nước Trung Quốc-Myanmar, tạo ra một liên minh chính trị- kinh tế-quân sự chặt chẽ sau CTL, nhưng không gắn liền với tuyên bố hay ràng buộc hiệp định. Myanmar thực thi chính sách thân Trung Quốc và do đó có phần ngã vào quỹ đạo ảnh hưởng của Trung Quốc. Tuy nhiên, trên thực tế Myanmar dù dưới bất kỳ thể chế chính trị nào lãnh đạo vẫn luôn là quốc gia độc lập và không phải là “nhà nước vệ tinh”, “con bài chiến lược” hay “trục kinh tế” của Trung Quốc. Bởi xét theo bề dày lịch sử, Myanmar luôn là quốc gia có lòng tự tôn dân tộc, chủ nghĩa bài ngoại (bài Hoa) sâu sắc và những kinh nghiệm dài lâu trong chính sách “trung lập truyền thống”. Giai đoạn hiện nay tiến trình Cải cách mở cửa là tất yếu, khó có khả năng đảo ngược. Xét theo những tính toán lợi ích, chính quyền quân sự Myanmar giai đoạn 1988-2010 đã lựa chọn chiến lược “ngã theo” Trung Quốc, nhưng giai đoạn 2011 tới nay, chiến lược mới “cân bằng nước lớn” đang từng bước phát huy hiệu quả và hứa hẹn đem đến những đổi thay và cơ hội to lớn cho Myanmar.

Thứ năm, tương lai chính sách Myanmar của Trung Quốc thời gian 5-10 năm tới không dễ đoán định. Ngoài sự chủ động hoạch định chính sách từ các cơ quan chuyên trách, cũng như quyết sách của giới lãnh đạo tối cao Trung Nam Hải, chính sách Trung Quốc hướng tới Myanmar tất yếu còn phụ thuộc vào tiến trình Cải cách mở cửa của Myanmar và chính sách Myanmar hướng tới Trung Quốc. Các nhân tố bối cảnh quốc tế và khu vực, sự can dự và kiềm chế Trung Quốc tại Myanmar của các nước lớn, hay vai trò Hiệp hội của ASEAN với Myanmar, chỉ có thể đóng vai trò làm đối trọng tương đối, không mang tính quyết định. Dù Myanmar có biến đổi đến đâu, 5-10 năm tới là khoảng thời gian không đủ dài để những ảnh hưởng vốn dĩ Trung Quốc dày công gây dựng, có thể tan biến. Myanmar vẫn phụ thuộc rất nhiều vào đầu tư, thương mại của Trung Quốc và do đó vị thế ảnh hưởng của Trung Quốc dù có phần suy giảm song vẫn hết sức lớn mạnh.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU ĐÃ CÔNG BỐ

1. Nguyễn Văn Hợi (9/2011), “Cách hành xử của phương Tây trước vấn đề dân chủ và nhân quyền tại Libi và Mianma”, *Tạp chí Nghiên cứu quốc tế*, số 3(86).
2. Nguyễn Văn Hợi (6/2013), “Mianma: Điềm đến hấp dẫn của các nhà đầu tư”, *Tạp chí Đối ngoại*, ISSN 1859-2899, Số 6(44).
3. Nguyễn Văn Hợi (12/2013), “Mianma: Những điều chỉnh chính sách qua các thời kỳ lãnh đạo của Saw Maung, Than Shwe và Thein Sein”, *Tạp chí Nghiên cứu quốc tế*, số 4(95).
4. Nguyễn Văn Hợi (2014), “Vấn đề An ninh biên giới giữa Trung Quốc và Myanmar từ sau Chiến tranh lạnh”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, ISSN 0868-2739, Số 4 (169).
5. Nguyễn Văn Hợi (2014), “Myanmar’s Future and Forecast of China’s Myanmar Policies 5-10 years to come”, *Southeast Asian Studies*, Vietnamese Academy of Social Sciences, ISSN-0868-2793.
6. Nguyễn Văn Hợi (2015), “Myanmar in China’s Target of Rising in the 21st century”, *Southeast Asian Studies*, Vietnamese Academic of Social Sciences – Institute for Southeast Asian Studies, ISSN-0868-2793.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

TÀI LIỆU SÁCH, BÁO CÁO, TẠP CHÍ

TIẾNG VIỆT

1. Lê Văn Anh, Trần Hữu Trung (2012), “ASEAN với tiến trình Cải cách dân chủ ở Myanmar”, *Tạp chí nghiên cứu Đông Nam Á*, số 10 (151).
2. Bộ Thông tin (1991), *Những chuyến thăm thiện chí Trung Quốc - Myanmar của tầm quan trọng lịch sử vĩ đại* (Yangon: tin tức và Các doanh nghiệp định kỳ.)
3. Dương Thành (chủ biên, 2003), *Phân tích môi trường an ninh biên giới Trung Quốc*, Nhà xuất bản Thanh niên Trung Quốc, trang 1. Dẫn lại trong: Sở Thụ Long – Kim Uy (chủ biên, 2013), *Chiến lược và Chính sách Ngoại giao của Trung Quốc*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, (Hoàng Như Lý biên tập), Hà Nội).
4. Du Tân Thiên (1996), *Đi theo con đường của chính mình*, Tủ sách nghiên cứu lý luận và thực tiễn của Đặng Tiểu Bình, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Hà Nội (Phạm Đình Cầu dịch).
5. Nguyễn Duy Dũng (chủ biên, 2013), Myanmar: *Cuộc cải cách vẫn đang tiếp diễn*, Nhà xuất bản Từ Điển bách khoa.
6. Đặng Tiểu Bình (1993), *Tuyển tập*, Nxb Nhân dân, tập 3, trang 330. Dẫn lại trong: Sở Thụ Long – Kim Uy (chủ biên, 2013), *Chiến lược và Chính sách Ngoại giao của Trung Quốc*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, (Hoàng Như Lý biên tập).
7. Giang Trạch Dân, Lý Bằng (1992), *Chủ nghĩa xã hội mang màu sắc Trung Quốc*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, (Nguyễn Huy Quý biên dịch).
8. Nguyễn Hoàng Giáp, Mai Hoài Anh (11/2008), “Quan điểm và Chính sách của Việt Nam đối với hành lang kinh tế Đông – Tây”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 8.

9. Lương Đình Hải (chủ biên, 2008), *Vấn đề sở hữu và phát triển bền vững*, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội.
10. Nguyễn Minh Hằng (Chủ biên, 1996), *Quan hệ kinh tế đối ngoại Trung Quốc thời kỳ mở cửa*, Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia, Trung Tâm Nghiên cứu Trung Quốc, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội.
11. Đoàn Hiền (2009), “Phòng chống buôn bán phụ nữ và trẻ em”, *Tạp chí Cộng sản điện tử*, số 20 (188).
12. Hoàng Thị Minh Hoa, Nguyễn Tuấn Bình (2014), “Myanmar trong chính sách tái cân bằng của Mỹ ở châu Á-Thái Bình Dương”, *Tạp chí nghiên cứu Đông Nam Á*, số 2(167).
13. Hồ Diệu Bang (1982), *Mở rộng toàn diện cục diện mới xây dựng hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa, phần 5: Chính sách đối ngoại kiên trì độc lập tự chủ*, Báo cáo tại Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ XII.
14. Nguyễn Thái Yên Hương (chủ biên, 2011), *Quan hệ Mỹ-Trung : Hợp tác và Cạnh tranh – Luận giải dưới góc độ Cân bằng Quyền lực*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.
15. Trần Khánh (12/2012), “Cạnh tranh chiến lược của Trung Quốc, Mỹ và Ấn Độ ở Myanmar: thực trạng và triển vọng”, *Tạp chí Nghiên cứu quốc tế*, số 4(91).
16. Trần Khánh (2014), “ Tư duy và quan niệm truyền thống của Trung Quốc về quan hệ đối ngoại trong lịch sử cổ trung đại”, *Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc*, Viện Khoa học xã hội Việt Nam, số 3(151).
17. Robert Lawrence Kuhn (2010), *Giang Trạch Dân: Người đã thay đổi đất nước Trung Quốc*, Nhà xuất bản Lao Động, (Lê Duyên Hải biên dịch).
18. Nguyễn Văn Lục (10/2004), *Trung Quốc thay đổi nguyên trạng*, Chuyên đề Khảo cứu các vấn đề quan hệ quốc tế, Học viện Quan hệ Quốc tế, Hà Nội.

19. Lưu Minh Phúc (2010), *Trung Quốc Mộng: Tư duy nước lớn và định vị chiến lược thời đại hậu Hoa Kỳ*, Ban Lịch sử - Truyền thông Ngoại giao (273 trang, Hoàng Như Lý biên tập).
20. Mã Linh-Lý Minh (6/2004), *Ôn Gia Bảo, Nhà quản lý tài ba*, Nhà xuất bản Lao Động, (Hồng Phượng biên dịch).
21. Nguyễn Ngọc Mão, Lê Trung Dũng (đồng cb, 2002), *Thế giới những sự kiện lịch sử thế kỷ XX (1946 – 2000)*, Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia – Viện Sử học Nhà xuất bản Giáo dục.
22. Nguyễn Công Minh (9/2008), “Một số nét về chính sách Ngoại giao Láng giềng của Trung Quốc”, *TCNC QT*, số 3(74).
23. Nghiêm Sinh Nghị (Yan Shengyi, 5/2004), *Ngoại giao đương đại Trung Quốc*, Nhà xuất bản Đại học Phúc Đán, Trung Quốc (Ban Lịch sử Ngoại giao Việt Nam biên tập).
24. Nhân Dân nhật báo (2005), *Ôn Gia Bảo: Báo cáo công tác chính phủ tại Hội nghị lần thứ 3, Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc khóa X ngày 5/3/2005*, số 15/3.
25. Nguyễn Xuân Phách (chủ biên, 1999), *Chính sách đối ngoại của một số nước sau chiến tranh lạnh*, Tủ sách thư viện Học viện Ngoại giao Việt Nam.
26. Chu Công Phùng (chủ biên, 2012), *Myanmar: Lịch sử và Hiện tại*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
27. Nguyễn Huy Quý (2008), “Quan hệ đối ngoại của CHND Trung Hoa qua 30 năm Cải cách mở cửa (1978 - 2008): Thành tựu và kinh nghiệm”, *Tạp chí nghiên cứu Trung Quốc*, Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Nghiên cứu Trung Quốc, số 9(88).
28. Sở Thụ Long - Kim Uy (chủ biên, 2010), *Chiến lược và Chính sách Ngoại giao của Trung Quốc*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội (Hoàng Như Lý biên tập).

29. Tạ Ích Hiển (11/2006), *Lịch sử ngoại giao Trung Quốc đương đại (1949-2001)*, Nhà xuất bản Thanh Niên Trung Quốc, Bắc Kinh.
30. Đào Tuấn Thành (2013), “Lộ trình dân chủ bảy bước và quá trình dân chủ hóa ở Myanmar”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 11 (164).
31. Tin A Bộ Ngoại giao Việt Nam (4/3/2011), RFA (3/3/2011).
32. Tin A Bộ Ngoại giao (19/9/2012), RFI, VOA (18/9/2012).
33. Tin A Bộ Ngoại giao Việt Nam (11/9/2012), RFI (10/9/2012).
34. Hoàng Anh Tuấn (8/2000), “Hợp tác An ninh đa phương trong khu vực châu Á – Thái Bình Dương và triển vọng”, *Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc* (số 3).
35. Thông tấn xã Việt Nam (Thứ sáu, ngày 16/12/2011), “Cuộc chơi lớn giữa Mỹ và Trung Quốc tại Myanmar?”, *Tài liệu tham khảo đặc biệt*.
36. Thông tấn xã Việt Nam (Thứ 2, ngày 14/5/2012), “Quan hệ Trung Quốc-Myanmar sau bầu cử bổ sung tại Myanmar”, *Tài liệu tham khảo đặc biệt*.
37. Thông tấn xã Việt Nam (12-2015), “Quan hệ Trung Quốc – Myanmar kể từ sự chuyển giao chính trị của Naypyidaw”, (*RSIS Working paper*) *Các vấn đề quốc tế (Tài liệu tham khảo đặc biệt)*.
38. Văn kiện Đại hội Đại biểu lần thứ XIII Đảng Cộng sản Trung Quốc (1987), Nxb Nhân dân Trung Quốc.
39. Văn kiện Đảng Cộng sản Trung Quốc các khóa XII tới XVIII (tổng hợp), Nxb Nhân dân Trung Quốc.
40. Văn kiện trung ương (1992), *Trích luận giải của đồng chí Đặng Tiểu Bình về xây dựng Chủ nghĩa xã hội mang màu sắc Trung Quốc*, Nxb Văn kiện Trung ương.
41. Văn kiện Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ VIII (1996), Nxb Nhân Trung Quốc.
42. Văn tuyển Đặng Tiểu Bình (1993), *Phát biểu tại Hội nghị Quân ủy mở rộng*, Nhà xuất bản Nhân Dân Trung Quốc, tiếng Trung, quyển 3.

43. Nhuận Vũ (1983), *Chính sách bành trướng bá quyền của Trung Quốc ở Đông Nam Á*, Nhà xuất bản Sự thật.
44. Vương Tây (2008), *Thực tiễn đương đại Trung Quốc và quan niệm phát triển của Đặng Tiểu Bình*, Nhà xuất bản Nhân dân Trung Quốc.

TÀI LIỆU TIẾNG ANH

45. Asia Yearbook (1994).
46. Bangkok Post (27 December 1994).
47. K. Bradsher and J. Mouawa (9 July 2005), “China Oil giants Crave Respectability and Power”, *New York Times*.
48. Mann (Mac) Bunyanunda (2002) , “Burma, ASEAN and Human rights: The decade of constructive engagement, 1991-2001”, *Standford Journal of East Asian Affairs*, vol.2.
49. Martin Smith's Burm (1991), *Insurgency and the Politics of Ethnicity*, London: ZedBooks. See also Bertil Lintner's (1990), *The Rise and Fall of the Communist Party of Burma (BCP)*, Ithaca: Cornell University Southeast Asia Program, Vol.72, N041.
50. Daniel Byman and Roger Cliff (2003), *Explaining China's Arms Transfers: China's Arms Sales Motivations and Implications*, RAND.
51. David Brown (2002), *Palmerston and the Politics of Foreign Policy, 1846-1855*, (Manchester: Manchester University Press).
52. China's Foreign Affairs (2009), *China's Foreign Affairs - year of 2009: Strategic Policies*, Beijing publisher.
53. Crisis Group interview (30 January 2009), *They threaten and suppress the people*, Humanright Report (N0 2), Chiang Mai.
54. Crisis Group interview, Yangon (March 2009), *Burmese situation on duties & rights*, Crisis Report (N6).
55. Capie David H.& Evans, Paul M (2002), “The Asia-Pacific Security Lexicon”, *Institute of Southeast Asian Studies*, Singapore.

56. Directorate of Military Training showroom (2010), Defence Services Museum.
57. Renaud Egreteau (2003), "Wooing the Generals: India's New Burma policy", *Authorspress* (New Delhi).
58. Forss and Alec (2008), "Myanmar/Burma in focus: moving beyond intractability", *Institute for Security and Development Policy, Sweden*, (No9).
59. Haacke and Jurgen (2005), "Enhanced interaction with Myanmar and the project of a security community: is ASEAN refining or breaking with its diplomatic and security culture?", *Contemporary Southeast Asia*, Vol.27, No.21.
60. He Xuemei (2005), "Regionalism: The new Concept of China's Neighboring Diplomacy after the End of the Cold War", *He Nan Review*, university.
61. Ho Khai Leong and Samuel C.Y.Ku (2005), "China and Southeast Asia Global Changes and Regional Challenges", (*ISAS*), Singapore, Vol53, N021.
62. Ian Holliday (September 2009), "Beijing and Myanmar Problem", *The Pacific Review* (Vol.22, No.4).
63. Ian Holliday (2005), "Rethinking the United States's Myanmar Policy", *Asian Survey*, Vol.45, No.4.
64. IDEA (2001), *Challenges to Democratization in Burma: Perspectives on multilateral and bilateral responses*, International Institute for Democracy and Electoral Assistance.
65. International Crisis Group (ICG, 9/2009), working to prevent Conflict Worldwide, *China's Myanmar Dilemma*, Asia Report.
66. Jiang Zemmin (3/1995), "China's policy toward East Asia", *Heping (Peace) Review*, No.36-7.

67. Ikenberry G. John (January 2008), “The Rise of China and the Future of the West”, *Foreign Affairs*.
68. Tran Khanh (2014), “Strengthening cooperative partnership between Vietnam and Myanmar in the new context”, *Southeast Asian Studies*, Vietnamese Academy of Social Sciences, ISSN-0868-2793.
69. A Kolas and Tonnesson S (2006), “Energy Security in Asia: China, India, Oil and Peace”, *International Peace Research Institute*, PRIO Report.
70. Toshihiro Kudo (7/2006), “Myanmar’s Economic Relations with China: China can support Myanmar’s economy?”, *IDES*.
71. Kyaw Min Htun (2008), *ASEAN – China trade relations: Myanmar perspectives in book ASEAN – China trade relations: 15 years of development and prospects*, Vietnam Academy of social sciences centre for ASEAN and China studies, The Gioi Publishers, Ha noi.
72. Li Chenyang (1/2012), “China–Myanmar Comprehensive Strategic Cooperative Partnership: A Regional Threat?”, *Journal of Current Southeast Asian Affairs*, Yunnan University, Kunming, China.
73. Maung Aung Myoe (2011), *In the Name of Pauk-Phaw: Myanmar’s China Policy Since 1948*, Institute of Southeast Asian Studies, Singapore.
74. Maung Aung Myoe (2010), “Building the Tatmadaw: Myanmar Armed Forces since 1948”, *ISEAS*, Singapore.
75. Kenneth A. Mackay (6/1995), “China in Burma: A Shadow over Asian Security?”, *Burmese Relief Center-Japan*, Vol.45, N0.7.
76. J. Mohan Malik (1997), “Myanmar’s Role in Regional Security: Pawn or Pivot?”, *Contemporary Southeast Asia*, A Journal of International & Strate; Jun97, Vol. 19 Issue 1.
77. MOFA (Myanmar), Press conference 62nd, held on 27 October 1989.
78. MOFA(China), *Sino – Myanmar Bilateral Relations*, unpublished report, (December 1994).

79. MOFA of Myanmar, Press Release (21/8/2012). (Original restored 27/10/2012, updated 27/10/2012).
80. Mya Maung (May 1994), *On the Road to Mandalay: A case Study of the Sinonization of Upper Burma*, Asian Survey (Vol.34, No.5).
81. Hoai Nam (2008), “China và the East-West Economic Corridor”, *Southeast Asian Studies*, Vol.11, cited in: Tran Khanh (2014), “Strengthening cooperative partnership between Vietnam and Myanmar in the new context”, *Southeast Asian Studies*, Vietnamese Academy of Social Sciences, ISSN-0868-2793.
82. New Light of Myanmar (27 July 2004).
83. New Light of Myanmar (6 November 2004).
84. New Light of Myanmar (1 January 2007); Xinhua Net – Yunnan Channel (31 December 2006).
85. New Light of Myanmar (16 February 2008).
86. New Light of Myanmar (27 March 2008).
87. New Light of Myanmar (21 June 2009).
88. New Light of Myanmar (21 June 2009).
89. New Light of Myanmar (21 June 2009).
90. New Light of Myanmar (21 June 2009).
91. New Light of Myanmar (22 June 2009).
92. New Light of Myanmar (12 September 2010).
93. New Light of Myanmar, Special Pamphlet (31 October 2004).
94. New Light of Myanmar (29 May 2011), “Joint Statement Between The Republic of the Union of Myanmar and The People’s Republic of China on Establishing a Comprehensive Strategic Cooperative Partnership, Beijing, 27 May 2011”.
95. NIC (November 2008), *The Global Trends 2025: A Transformed World*.
96. J. Nye (15-2-2007), “The long view on China, Political Islam and American Power”, *Financial Times*.

97. Christopher J. Pehrson (July/ 2006), *string of Pearls:meeting the challenge of china's rising power across the Asian littoral*, Strategic Studies Institute, ISBN 1-58487-250-0.
98. Poon Kim Shee (2002), "The Political Economy of China-Myanmar Relations: "Strategic and Economic Dimensions", *The International Studies Association of Ritsumeikan University: Ritsumeikan Annual Review of International Studies*, ISSN 1347-8214. Vol.1.
99. Qu Jianwen (2008), "ASEAN's policy to Myanmar/Burma: Challenges, Reasons, and Tendencies", *Myanmar/Burma: Challenges and Perspective*, Vol.3.
100. Renmin Ribao (People's Daily, November 1, 1977), "Chairman Mao's Theory of the Differentiation of the Three Worlds is a Major Contribution to Marxism-Leninism".
101. Peter W. Rodman (30 May 1997), "China Woos Burma", *International Herald Tribune*.
102. Peter W. Rodman (30 May 1997), "China Woos Burma", *International Herald Tribune*, , op. cit Poon Kim Shee (2002), "The political Economy of China-Myanmar relations: Strategic and Economic Dimensions", *The International Studies Association of Ritsumeikan University: Rusmeikan annual Review of International studies*, ISSN 1347-8214. Vol.1.
103. Donald M. Seekins (1983), "Historical Background", *In Bunge, F. M. ed. Burma: A Country Study*. Washington: the American University, Vol.33.
104. South China Morning Post (12/1994), "Urgent problems", *Daily Review*.
105. Billy Tea (2001), "China and Myanmar: Strategic interests, Strategies and the Road ahead", *Institute of peace and conflict studies (IPCS)*, New Delhi, India.
106. Thawngmung; Ardeth Maung (2003) & Myoe, Maung Aung (2008), "Myanmar in 2007 – A Turning Point in the Roadmap?", *Asian Survey*, Vol.48, No.1.

107. The Encyclopedia of the Chinese Overseas, (1998), Singapore, Chinese Heritage Center.
108. The Myanmar Time, (24-30 January 2005), Vol.13, No.251.
109. The Myanmar Times, (31 January – 6 February 2005), Vol.13, No.252.
110. The Myanmar Times, (16 January 2006), Vol.15, No.300.
111. Tian Xiaowen (28 /9/ 2000), “China’s Drive to Develop Its Western Region (I): Why Turn To This Region Now?” *EAI Background*, Brief No.71, (Singapore: East Asian Institute, National University of Singapore).
112. UNSC, Security Council Meeting 5619 minute (dated 12 January 2007)
113. Weekly Eleven News Journal, (18 January 2006), Vol.1, No15.
114. Zhang Yongjin (2001) “System, empire and state in Chinese international relations”, *Review of International Studies*.

TÀI LIỆU TRÊN CÁC WEBSITE

TIẾNG VIỆT

115. An Bình (tổng hợp), “Tiến trình dân chủ Myanmar đối mặt nhiều thách thức” (cập nhật: 18/7/2015), trên website: Báo điện tử của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, tại địa chỉ: Toquoc.gov.vn
116. CAND, “ASEAN ra tuyên bố về tổng tuyển cử tại Myanmar”, (cập nhật: 10/11/2010), tại địa chỉ: <http://www.cand.com.vn/vi-VN/khcn/2008/11/139703.cand>
117. Báo điện tử Doanh nhân Việt Nam toàn cầu, “Myanmar xây đường sắt nối cảng nước sâu với Trung Quốc”, (Cập nhật: 17/10/2010), tại địa chỉ: <http://www.abs.vn/News.aspx?newsid=112454&group=Stock>
118. Bonnie Glaser, “Sáng kiến ngoại giao láng giềng của Trung Quốc: Những tác động đối với láng giềng và Mỹ”, (Cập nhật 28/11/2013), tại địa chỉ: <http://nghiencuubiendong.vn/nghien-cuu-trung-quoc/3822-sang-kien-ngoai-giao-lang-gieng-cua-trung-quoc-nhung-tac-dong-doi-voi-lang-gieng-va-my>
119. Willy Lam, “Tệ sùng bái cá nhân tân thời, Tập Cận Bình mở ngang cơ Mao, Đặng”, (cập nhật: 04/10/2015) tại địa chỉ:

- <http://nghiencuuquocte.net/forums/topic/te-sung-bai-ca-nhan-tan-thoi-tap-can-binh-mo-ngang-co-mao-dang/>
120. Nhật Nam, “Một thắng lợi chiến lược của Trung Quốc tại Myanmar”, (cập nhật: 25/06/2013), tại địa chỉ: <http://www.baomoi.com/Mot-thang-loi-chien-luoc-cua-Trung-Quoc-tai-Myanmar/119/11319069.epi>
121. Chu Nguyễn, “Myanmar có Tổng thống dân sự đầu tiên”, (cập nhật: 16/3/2016), tại địa chỉ: <http://cand.com.vn/The-gioi-24h/Myanmar-co-Tong-thong-dan-su-dau-tien-385686/>
122. Thế Phương, “Những tuyến đường sắt nổi Trung Quốc với thế giới”, trên website: Tổ Quốc (Báo Điện tử của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) tại địa chỉ: (cập nhật: 25/01/2011), <http://toquoc.vn/Sites/vi-vn/details/7/ho-so-quoc-te/94578/nhung-tuyen-duong-sat-noi-trung-quoc-voi-the-gioi.aspx>
123. Trần Quang (biên dịch), “Sáu cuộc chiến tranh trong 50 năm tới của Trung Quốc” tại địa chỉ: <http://nghiencuubiendong.vn/nghien-cuu-trung-quoc/1902-sau-cuoc-chien-tranh-trong-50-nam-toi-cua-trung-quoc>, từ nguồn: 未来 50 年中国的六场战争：彻底打破世界格局”
124. Lê Thu, “Quan chức quân đội Trung Quốc bị nghi làm lộ bí mật quốc gia”, (cập nhật: 07/03/2015), tại địa chỉ: <HTTP://VIETNAMNET.VN/VN/QUOC-TE/224385/QUAN-CHUC-QUAN-DOI-TQ-BI-NGHI-LAM-LO-BI-MAT-QUOC-GIA.HTML>
125. Phương Trà (tổng hợp từ TTXVN), “Dấu mốc lịch sử trên chính trường Myanmar”, (cập nhật: 13/11/2015), tại địa chỉ: <http://www.tapchiconsan.org.vn/Home/The-gioi-van-de-su-kien/2015/36118/Dau-moc-lich-su-tren-chinh-truong-Myanmar.aspx>
126. Thông tấn xã Việt Nam, “ASEAN công bố nguyên tắc 6 điểm về biển Đông” (20/7/2012), (cập nhật 22/7/2012), tại địa chỉ: <http://123.30.50.199/sites/vi/PrintNews.aspx?gid=&nid=19102a92>
127. Thông tấn xã Việt Nam, “về chính sách ngoại giao láng giềng của Trung Quốc”, Tài liệu tham khảo đặc biệt, (24/12/2013), tại địa chỉ: <http://vongal.wordpress.com/2013/12/30/ve-chinh-sach-ngoai-giao-lang-gieng-cua-trung-quoc/>

128. Thông tấn xã Việt Nam, “Nhật Bản xóa nợ, viện trợ 91 tỷ yen cho Myanmar”, (cập nhật: 26/5/2013), tại địa chỉ: <http://www.vietnamplus.vn/nhat-ban-xoa-no-vien-tro-91-ty-yen-cho-myanmar/203605.vnp>
129. Thông tấn xã Việt Nam, “Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN 47 ra Thông cáo chung” (9/8/2014), (cập nhật: 10/8/2014) tại địa chỉ: <http://beta.vietnamplus.vn/hoi-nghi-bo-truong-ngoai-giao-asean-47-ra-thong-cao-chung/275428.vnp>
130. Thông tấn xã Việt Nam (Tài liệu tham khảo đặc biệt), “Myanmar - canh bạc nguy hiểm dành cho Trung Quốc”, (cập nhật: 27.05.2014), tại địa chỉ: <http://treonline.com/myanma-can-bac-nguy-hiem-danh-cho-trung-quoc.htm>
131. Thông tấn xã Việt Nam, “Kinh tế Ấn Độ sẽ tăng trưởng 6% năm 2014-2015” (cập nhật: 17/1/2014) tại địa chỉ: <http://www.vietnamplus.vn/kinh-te-an-do-se-tang-truong-6-trong-nam-20142015/240313.vnp>

TIẾNG ANH

132. Associatedcontent.com, “The Yunan’s home of ethnic 25 in China”, available at http://www.associatedcontent.com/article/1593284yunnan_home_of_25_ethnic_minorities.html?cat=47 Accessed on 2 May 2010
133. Burmaproject.org, “The issue of Stratford Global Intelligence” (Update, 22 August, 2001), available at <http://www.burmaproject.org/082201>
134. Channelnewsasia, “Htin Kyaw voted new president in historic parliament vote”, available at: <http://www.channelnewsasia.com/news/asiapacific/htin-kyaw-voted-new/2602760.html>
135. Chinaview.cn, “Chinese, Myanmar premiers meet on bilateral ties (14 April 2009), available at http://news.xinhuanet.com/english/2009-06/16/content_11553126.htm

136. China's Embassy in Myanmar, 'Press Release: H.E. Mr. Jia Qinglin's Goodwill Visit to the Republic of the Union of Myanmar', (May/17th/2011), available at:
<http://mm.china-embassy.org/eng/xwdt/t823153.htm>
137. Chinadaily.com, 'Myanmar leader hails ties' (2014-06-28 04:38), available at http://www.chinadaily.com.cn/world/2014-06/28/content_17621163.htm
138. CNN.com, "The Burma-China's relations: Playing with fire", available at <http://www.cnn.com/ALANOW/asiaweek/99/0528/nat4html>;
[International Herald Tribune, 3/June 1997](#)
139. Earthtimes.org, "Nuclear Officers say", available at <http://www.earthtimes.org/articles/news/338306,nuclear-officers-academic-says.html>
140. FMPRC.gov.cn, "Premier Wen Jiabao Holds talks with Prime Minister Khin Nyunt of the Union of Myanmar" – 2004/07/12 - (accessed on 24 August 2007), available at <http://fmprc.gov.cn/eng/zxxx/t143049.htm>
141. FMRC.gov.cn, "President Jiang Zheming held Talks with Chairman Than Shwe", (accessed on 24 August 2007). available at <http://.fmrc.gov.cn/ce/ceee/eng/dtxw/t111289.htm>
142. FMPRC.gov.cn, "Foreign Ministry Spokesperson's Press Conference on July 13th, 2004", (accessed on 24 August 2007), available at <http://fmprc.gov.cn/eng/xwfw/251/t143120.htm> .
143. FMPRC.Gov.cn, "Wen Jiabao Meets with Myanmar Prime Minister Soe Win", available at www.fmprc.gov.cn/eng/zxxx/t278914.htm
144. FMPRC.gov.cn, "Wen Jiabao Meets with Than Shwe, Chairman of the State Peace and Development Council of Myanmar", available at <http://www.fmprc.gov.cn/eng/zxxx/t706665.htm>
145. Freedom House, "Burma continues to be ruled by one of the world's most repressive regimes", Geneva, 2003, pp. vii–7, available at "[The World's Most Repressive Regimes 2013](#)"

146. Huang Guan Yue, “Victory’s era”, (updated 8th July/2002) available at: <http://www.chinaha.net>)
147. HRW.org, “ China: Press Visiting Burmese Leader on Elections and Accountability”, (updated 6th Sep 2010), available at <http://www.hrw.org/en/news/2010/09/07/china-press-visiting-burmese-leader-elections-and-accountability>
148. IISS.org, “China’s ambitions in Myanmar”, available at <http://www.iiss.org/publications/strategic-comments/past-issues/volume-6--2000/volume-6---issue-6/chinas-ambitions-in-myanmar/>
149. International Federation for Human Rights, (Press release), (20 November 2009, retrieved 4 January 2010), available at "[UN General Assembly Resolution: Time for Concrete Action](#)"
150. Irchina.org, “Building a wider environment conducive to the development of China”, available at: <http://www.irchina.org/news/view/asp?id=785>
151. Joshua Kurlantzick, “Raising the Stakes, Foreign policy”, (18 April 2007), online edition available at: <http://foreignpolicy.com/article>
152. Christian Liebl (transcription/markup), “Speech by Chairman of the Delegation of the People’s Republic of China, Deng Xiaoping at the Special Session of U.N General Assembly”, (spoken: April 10 1974) available at: <https://www.marxists.org/reference/archive/deng-xiaoping/1974/04/10.htm>
153. Mofa.gov.cn, “State Councilor Tang Jiaxuan Meets with Special Envoy of SPDC Chairman of Myanmar” (dated 13 september 2007), available at: <http://mfa.gov.cn/eng/wjb/zzjg/yzs/gjlb/2747/2749/t363133.htm>
154. Ministry of Foreign Affairs, “Yang Jiechi Holds Talks with His Myanmar Counterpart U Nyan Win”, available at: <http://www.chinaconsulatesf.org/eng/xw/t525038.htm> and China’s embassy in Myanmar, “China and Myanmar Cultural Exchange”, available at: <http://mm.china-embassy.org/eng/zmgx/whjl/t173092.htm>

155. Mizzima News, “China Now No.1 Investor in Burma,” (updated: Jan 18, 2012) available at: <http://www.mizzima.com/business/6436-china-now-no-1-investor-in-burma.html>
156. MOFA (China), “President Jiang Zheming held Talks with Chairman Than Shwe”, (24 August 2007) available at:
<http://.fmrc.gov.cn/ce/ceee/eng/dtxw/t111289.htm>
157. Mofa.gov.cn, “Wen Jiabao Meets with Myanmar State Peace and Development Council Vice-Chairman Maung Aye”, (MFAPRC, 16 June 2009), available at: <http://www.mofa.gov.cn/eng/wjdt/wshd/t568286.htm>
158. MOFA (China), ‘Xi Jinping Meets with Myanmar's President U Thein Sein Stressing the Importance of Steering the Bilateral Relationship in the Right Direction and Unswervingly Pushing Forward China-Myanmar Friendship’ (2013/04/06), available at:
http://www.fmprc.gov.cn/mfa_eng/topics_665678/boao_665692/t1029016.shtml
159. Myanmar factbook, available at: <http://earthtrends.wri.org>
160. Reuters.com, “India’s ambitions”, available at:
<http://www.reuters.com/article/idUSTRE6120MQ20100203>
161. Howse Robert; Jared M, “Genser, Are EU Trade Sanctions on Burma Compatible with WTO Law?” (166+. Retrieved 7 November 2010), "repressive and abusive military regime"<May 2013}}, available at "[Are EU Trade Sanctions On Burma Compatible With WTO Law?](#)"
162. Barry V Sautman, “Friends and Interests: China’s Distinctive Links with Africa, Center on China’s Transnational Relations”, Working paper, No12, 2005-2006, available at:
<http://www.cctr.ust.hk/articles/pdf/workingpaper12.pdf>
163. The Irrawaddy, ‘Thein Sein Concludes China Visit’, (Monday, September 24, 2012), available at: http://www.irrawaddy.org/z_china/thein-sein-concludes-china-visit.html

164. The U.S. State Department reports that the budget of Burma's Ministry of Health in 2007 pp. 22-23, Available at:
<http://www.earthrights.org/publications>
165. UN's release, Toronto Star, (19/june/2012, accessed 16/ 7/ 2012) available at: "Burma's ethnic clashes leave 90,000 in need of food, says UN". Toronto Star, "Burma unrest: Rakhine violence 'displaces 30,000'"

TIẾNG TRUNG (HOẶC WEBSITE CỦA TRUNG QUỐC)

166. Xinhuanet.com, 'Chinese, Indian, Myanmar leaders mark 60-yr-old peace principles' (2014-06-28 17:57:43) available at:
http://news.xinhuanet.com/english/china/2014-06/28/c_133445360.htm
167. Xinhua News Agency, 'Myanmar Attracts More than 8bl US\$ Foreign Investment in 2011' (Mar 13, 2012), available at:
http://news.xinhuanet.com/english/business/2012-03/16/c_131472176.htm
168. Beijing Review.com.cn, "China-Myanmar Relations forge ahead six decades on", (updated 31st may 2010), available at:
http://www.bjreview.com.cn/world/txt/2010-05/31/content_275460.htm
169. China's Mofa "中国同缅甸的关系" (China-Myanmar's relations, updated 11/2013) available at:
http://www.fmprc.gov.cn/chn//gxh/cgb/zcgmzysx/yz/1206_23/1206x1/t5748.htm).
170. English.People.com.cn, Jiang's Myanmar Visit Successful: Chinese FM (updated Sunday, December 16, 2001), available at:
http://english.people.com.cn/200112/16/eng20011216_86800.shtml; See more on: News.xinhua.net: 江泽民主席会见缅甸和发会第一书记钦纽
171. Newsxinhuanet.com, "温家宝会见新西兰、缅甸总理", available at:
http://news.xinhuanet.com/politics/2009-10/25/content_12319196.htm
172. Xin Hua (14/2/2006), "温家宝总理与缅甸总理梭温举行会谈" available at: http://news.xinhuanet.com/politics/2006-02/14/content_4180253.htm

173. Xin Hua (新华网), “中缅发表关于建立全面战略合作伙伴关系的联合声明”, 北京, 5月27日电, (updated 2011年05月27日), available at: http://news.xinhuanet.com/world/2011-05/27/c_121467691.htm

PHỤ LỤC 1

DANH SÁCH LÃNH ĐẠO TRUNG QUỐC

(Theo thể hệ lãnh đạo, có chính sách liên quan tới Myanmar)

5 THỂ HỆ LĐ	TÊN TIẾNG VIỆT	TÊN TIẾNG TRUNG	PHIÊN ÂM QUỐC TẾ (BÍNH ÂM)	GIAI ĐOẠN LÃNH ĐẠO	VỊ TRÍ
THỂ HỆ THỨ 1	Mao Trạch Đông	毛泽东	Mao Zedong (<i>Máo Zédōng</i>)	3/1943-9/1976	Chủ tịch ĐCSTQ, Chủ tịch CHNDTH, Chủ tịch Quân ủy TW
	Chu Ân Lai	周恩来	Chou En lai (<i>Zhōu Ēnlái</i>)	10/1949-1/1976	Thủ tướng thứ 1
	Khang Sinh	康生	Kang Sheng (<i>Kāngshēng</i>)	1966-1975	Ủy ban thường vụ BCT ĐCSTQ, chịu trách nhiệm hoạt động của Cục Liên lạc Quốc tế (ILD); Cha

					đề Cách mạng Văn hóa Trung Quốc
THẾ HỆ THỨ 2	Đặng Tiểu Bình	邓小平	Deng Xiaoping (Dèng xiǎopíng)	1978 – đầu thập niên 1990	Phó Thủ tướng (thực tế là hạt nhân thế hệ lãnh đạo thứ 2 ĐCSTQ)
	Lý Tiên Niệm	李先念	Li Xianian (Lǐ Xiānniàn)	6/1983-4/1988	Chủ tịch CHNDTH
	Triệu Tử Dương	赵紫阳	Zhao Ziyang (Zhào Ziyáng)	1980-1987 1987-1989	- Thủ tướng - Tổng Bí thư ĐCSTQ
	Dương Thượng Côn	杨尚昆	Yang Shangkun (Yángshàngkūn)	4/1988-3/1993	Chủ tịch CHNDTH
	Hồ Diệu Bang	胡耀邦	Hu Yaobang (Hú Yàobāng)	1981-1982 1980-1987	- Chủ tịch ĐCSTQ - Tổng Bí thư ĐCSTQ
THẾ HỆ THỨ 3	Giang Trạch Dân	江泽民	Jiang Zemin (Jiāng zémín)	6/1989-11/2002	Tổng Bí thư ĐCSTQ, Chủ tịch CHNDTH, Chủ tịch Quân ủy TW
	Lý Bằng	李鹏	Li Peng (Lǐ péng)	1987-1988 1988-1998	- Quyền Thủ tướng - Thủ tướng

Chu Dung Cơ	朱镕基	Zhu Rongji (Zhū róngjī)	3/1998-2/2003	Thủ tướng
Bố Hách	布赫	Bu He (Bùhè)	3/1993-3/2003	Phó Chủ tịch Ủy ban Thường trực Quốc vụ viện Nhân dân
Chu Thiết Nông	周铁农	Zhou Tienong (Zhōu tiě nóng)	3/2003-3/2008	Phó Thủ tướng , Phó Chủ tịch Ủy ban Thường trực Quốc Vụ viện Nhân dân và Chủ tịch Hiệp hội Hiểu biết Quốc tế
Đường Gia Triền	唐家璇	Tang Jiaxuan (Táng jiāxuán)	1998-2003	Ủy viên Hội đồng Nhà nước
Lý Thụy Hoàn	李瑞环	Li Ruihuan (Lǐ ruìhuán)	1993-2003	Chủ tịch Hội nghị Hiệp thương Chính trị Nhân dân Trung Quốc và thành viên Ủy ban Thường trực

					BCT
	Tiền Kỳ Tham	钱其琛	Qian Qichen (Qián qíchēn)	1988-19989	Chủ tịch Hội đồng Nhà nước và Bộ trưởng Ngoại giao
	La Cán	罗干	Luo Gan (Luōgàn)	1993-2003	Ủy viên Nhà nước và Tổng thư ký của Hội đồng Nhà nước La Cán
THẾ HỆ THỨ 4	Hồ Cẩm Đào	胡锦涛	Hu Jintao (Hú jǐntāo	11/2003-3/2013	Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Chủ tịch Quân ủy TW
	Ôn Gia Bảo	温家宝	Wen Jiabao (Wēn jiābǎo)	3/2003-3/2013	Thủ tướng
	Ngô Bang Quốc	吴邦国	Wu Bangguo (Wú bāngguó)	1995-2003 2003-2013	- Phó Thủ tướng - Chủ tịch Quốc hội
	Dương Khiết Trì	杨洁篪	Yang Jiechi (Yáng Jiéchí)	4/2007-3/2013	Phó Thủ tướng, Bộ trưởng Ngoại giao
	Già Khánh Lâm	贾庆林	Jia Qinglin (Jiǎ Qìnglín)	2003-2013	Chủ tịch Ủy ban Quốc gia lần thứ

					11 của Hội nghị Chính trị Hiệp thương Nhân dân Trung Quốc
	Lý Trường Xuân	李长春	Li Changchuan (Lǐ zhǎngchūn)	11/2002-1/2013	Thành viên Ủy ban Thường trực Bộ Chính trị Trung ương ĐCSTQ
	Ngô Nghi	吴仪	Wu Yi (Wúyí)	3/2003-3/2008	Phó Thủ tướng
	Lý Triệu Tinh	李肇星	Li Zhaoxing (Lǐ zhào xīng)	2003-2007	Bộ trưởng Ngoại giao
THẾ HỆ THỨ 5	Tập Cận Bình	习近平	Xi Jinping (Xí jìnpíng)	3/2013- nay	Tổng Bí thư ĐCSTQ, Chủ tịch nước, Chủ tịch Quân ủy TW
	Lý Khắc Cường	李克强	Li Keqiang (Lǐ Kèqiáng)	3/2013 - nay	Thủ tướng
	Vương Nghị	王毅	Wang Yi (Wáng Yì)	3/2013 - nay	Bộ trưởng Ngoại giao

PHỤ LỤC 2
DANH SÁCH CÁC CHUYỂN THĂM CẤP CAO HAI NƯỚC

PHÍA TRUNG QUỐC			PHÍA MYANMAR		
T.GIAN	TÊN	VỊ TRÍ	T.GIAN	TÊN	VỊ TRÍ
1/1991	La Cán	Tổng thư ký Hội đồng Nhà nước	8/1991	Saw Maung	Thống tướng, danh nghĩa Chủ tịch SLORC
2/1993	Tiền kỳ Tham	Ngoại trưởng	1/1996	Than Shwe	Thống tướng, danh nghĩa chủ tịch SPDC
12/1994	Lý Bằng	Thủ tướng	7/2000	Maung Aye	Đại tướng, phó Chủ tịch SPDC
1997	Ngô Bang Quốc	Phó Thủ tướng	1/2003	Than Shwe	Thống tướng, trên cương vị Chủ tịch SPDC
6/2000	Ismail Amat	Ủy viên Hội đồng Nhà nước	7/2004	Khin Nyunt	Thủ tướng
12/2001	Giang Trạch Dân	Chủ tịch nước	7 và 10/2005	Soe Win	Thủ tướng
2/2004	Ngô Nghi	Phó Thủ tướng	6/2009	Maung Aye	Phó Thống tướng
7/2005	Lý Triệu Tinh	Ngoại trưởng	9/2010	Than Shwe	Thống tướng
12/2008	Dương Khiết Trì	Ngoại trưởng	8/2008	Thein Sein	Đại tướng, Thủ tướng
3/2009	Lý Trường Xuân	Ủy viên ban Thường trực BCT ĐCS TQ	5/2011	Thein Sein	Tổng thống
12/2009	Tập Cận	Phó Chủ tịch Nước	9/2012	Thein Sein	Tổng thống

	Bình				
7/2010	Ôn Gia Bảo	Thủ tướng, thăm kỷ niệm 60 Năm Thiết lập Ngoại giao hai nước.	4/2013	Thein Sein	Tổng thống, vai trò tham dự Hội nghị Bác Ngao
4/2011	Giã Khánh Lâm	Chủ tịch Ủy ban Quốc gia lần 11 – Hội nghị Chính trị Hiệp thương Nhân dân Trung Quốc.	6/2014	Thein Sein	Tổng thống, tham dự kỷ niệm 60 năm 'Năm nguyên tắc cùng tồn tại Hòa bình'

PHỤ LỤC 3

LỘ TRÌNH DÂN CHỦ 7 BƯỚC

Bước 1: phục hồi triệu tập Quốc dân Đại hội (National Convention);

Bước 2, từng bước tiến hành những bước đi cần thiết cho việc xây dựng một nước dân chủ và kỷ cương;

Bước 3, soạn thảo một hiến pháp dựa trên những nguyên tắc căn bản và chi tiết mà quốc dân Đại hội thông qua;

Bước 4, tổ chức cuộc trưng cầu dân ý thông qua hiến pháp mới;

Bước 5, tổ chức cuộc tổng tuyển cử tự do, dân chủ, công bằng để bầu ra Quốc hội theo quy định của hiến pháp mới;

Bước 6, triệu tập Quốc hội theo quy định của hiến pháp mới;

Bước 7, xây dựng đất nước hiện đại, phát triển và dân chủ.

(Nguồn: Pro, Dr. Chaw Chaw Sein, *Political Development in Myanmar (1988-2011)*, pp.107-108, dẫn lại trong: Đào Tuấn Thành, Lộ trình dân chủ bảy bước và quá trình dân chủ hóa ở Myanmar, T/c NCDNA, Số 11(164), 2013, tr.6)

PHỤ LỤC 4

CÁC VĂN BẢN KÝ KẾT TRUNG QUỐC-MYANMAR

1. Hiệp định Giải quyết trên: “Nguyên tắc những Vấn đề Biên giới” (năm 1960).
2. Hiệp định Thúc đẩy: “Hòa bình và Hữu nghị giữa hai nước Trung-Miến” (năm 1960)
3. “Bản Nghị nhớ về Mậu dịch Biên giới” (năm 1994);
4. Hiệp định về việc Thành lập: “Ủy ban Công tác Liên hợp về Hợp tác Kinh tế Mậu dịch và Kỹ thuật” (năm 1997)
5. Hiệp định về Khuyến khích Xúc tiến và Bảo hộ Đầu tư (năm 2001)
6. Tuyên bố chung về thiết lập quan hệ: “Đối tác Hợp tác Chiến lược Toàn diện Trung Quốc-Myanmar” (năm 2011)

PHỤ LỤC 5
TUYÊN BỐ CHUNG VỀ
ĐỐI TÁC HỢP TÁC CHIẾN LƯỢC TOÀN DIỆN TRUNG QUỐC-
MYANMAR
(BẢN TIẾNG ANH)

Joint Statement Between The Republic of the Union of Myanmar and The People's Republic of China on Establishing a Comprehensive Strategic Cooperative Partnership, Beijing, 27 May 2011

At the invitation of President Mr. Hu Jintao of the People's Republic of China, President U Thein Sein the Republic of the Union of Myanmar paid a state visit to the People's Republic of China from 26 to 28 May 2011.

During the visit, President Mr Hu Jintao held talks with President U Thein Sein. Premier Wen Jiabao of the State Council and Chairman Mr Jia Qinglin of the National Committee of the Chinese People's Political Consultative Conference met with President U Thein Sein. The two sides had in-depth exchange of views on bilateral relations and international and regional issues of common interest in a friendly atmosphere.

The two sides agreed that since the establishment of diplomatic relations on 8 June 1950, the good neighbourly friendship and cooperation between China and Myanmar have been developing smoothly. Especially since the beginning of the new century, the leaders of the two sides have maintained close contact, friendly cooperation in political, economic, cultural, scientific, and technological areas have kept expanding, and the traditional Paukphaw friendship between the two peoples has been growing from strength to strength. The two sides are satisfied with the development of the bilateral relations.

The two sides stressed that China-Myanmar relations, which are based on the Five Principles of Peaceful Co-existence jointly initiated by the two sides, have

stood the tests of the changes in the international situation and in the respective domestic situation and enjoy broad prospects for development.

The two sides agreed that the world today is undergoing great development, great changes and great adjustment, and the trend towards multipolarity and economic globalization have gained momentum. Countries have become more interdependent. Peace, development and cooperation not only represent the trend of the times, but also serve the common interests of the countries and peoples in the region. Under the new circumstances, further promoting China-Myanmar relations on the basis of the existing friendly cooperation meets the need of the two countries to realize common development, serves the fundamental interests of the two countries and their people, and is conducive to peace, stability and prosperity of the region. On the basis of the above-mentioned common political will, the two sides agree to establish China-Myanmar comprehensive strategic cooperative partnership and reached the following agreement:

1. The two sides will maintain close high-level contacts, continue to promote strategic mutual trust and further enhance friendly exchanges and cooperation between the parliaments, governments, judicial departments and political parties of the two countries.
2. The two sides will continue to carry out consultations between the foreign ministries of the two countries on an irregular basis, have timely exchange of views on bilateral relations and international and regional hot spot issues, and hold regular meetings on bilateral and multilateral occasions to strengthen strategic communication.
3. The two sides will follow the principles of equality, mutual benefit, drawing upon each other's strengths and emphasizing practical results, further enhance the size and level of the economic cooperation and trade between the two countries, work to strengthen healthy, stable and sustainable business ties, make joint efforts to create a favourable environment for trade and investment

cooperation, enhance the closer economic and trade exchanges between the two countries in accordance with their economic and trade policies.

4. The two sides will continue to conduct friendly cooperation in such areas as education, culture, science, and technology, health, agriculture and tourism on the basis of mutual benefit, strengthen people-to-people and cultural exchanges, increase mutual visits, and deepen mutual understanding and friendship between the two peoples.

5. The two sides will strengthen border management cooperation, conduct timely communication on border management affairs, and strive to maintain peace, tranquility and stability in border areas.

6. The Chinese side reaffirms its respect for Myanmar's independence, sovereignty, and territorial integrity and its support for Myanmar's pursuit of its development path suited to its national conditions. Myanmar reiterates that it adheres to one China policy, recognizes that the People's Republic of China is the sole legal government representing the whole of China and that Taiwan is unalienable part of the Chinese territory, will continue to support the peaceful development of cross-Strait relations and China's cause of peaceful reunification.

7. The two sides will further enhance coordination and cooperation in the United Nations and other multilateral areas, jointly safeguard the interests of developing countries, strengthen cooperation in such mechanisms as the ASEAN plus China, Japan and the ROK, ASEAN plus China and Greater Mekong Sub Regional Economic Cooperation, and promote common development and prosperity of the region.

[**Source:** The New Light of Myanmar, "Joint Statement Between The Republic of the Union of Myanmar and The People's Republic of China on Establishing a Comprehensive Strategic Cooperative Partnership, Beijing, 27 May 2011", (29 May 2011), p.10]

PHỤ LỤC 6
TUYÊN BỐ CHUNG VỀ
ĐỐI TÁC HỢP TÁC CHIẾN LƯỢC TOÀN DIỆN TRUNG
QUỐC-MYANMAR
(BẢN TIẾNG TRUNG)

中缅发表关于建立全面战略合作伙伴关系的联合声明

新华网北京5月27日电 中华人民共和国和缅甸联邦共和国关于建立全面战略合作伙伴关系的联合声明

应中华人民共和国主席胡锦涛邀请，缅甸联邦共和国总统吴登盛于2011年5月26日至28日对中华人民共和国进行了国事访问。

访问期间，中华人民共和国主席胡锦涛同吴登盛总统举行会谈，中国国务院总理温家宝、中国人民政治协商会议全国委员会主席贾庆林分别会见吴登盛总统。双方在亲切友好的气氛中就双边关系和共同关心的国际地区问题深入交换意见。

双方一致认为，自1950年6月8日建立外交关系以来，中缅睦邻友好合作关系顺利发展。特别是进入新世纪以来，双方领导人保持密切交往，政治、经济、文化、科技等各领域友好合作全面推进，两国人民传统“胞波”友谊不断发扬光大。双方对两国关系发展感到满意。

双方强调，中缅关系建立在双方共同倡导的和平共处五项原则基础之上，经受住了国际形势和各自国情变化的考验，展现出广阔的发展前景。

双方认为，当今世界正处于大发展大变革大调整之中，世界多极化和经济全球化深入发展，国与国相互依存更加紧密，和平、发展、合作既是时代潮流，也符合本地区国家和人民的共同利益。新形势下，在业已存在的友好合作基础上进一步提升中缅双边关系水平，是两国实现共同发展的需要，符合两国和两国人民的根本利益，也有利于本地区的和平、稳定和繁荣。基于上述共同政治意愿，双方一致同意，建立中缅全面战略合作伙伴关系，并达成以下共识：

一、保持两国高层密切交往，不断提升战略互信。进一步加强两国议会、政府、司法部门和政党之间的友好交流合作，促进双边关系全面、稳定、深入发展。

二、继续开展两国外交部门之间不定期磋商，及时就双边关系和国际、地区热点问题交换意见。利用双多边场合保持经常会晤，加强战略沟通。

三、本着平等互利、优势互补、注重实效的原则，进一步提升两国经贸合作规模和水平，逐步加强健康、稳定、可持续的经贸合作关系。共同为两国贸易、投资合作创造良好环境，依据两国经贸政策，深化彼此经贸往来。

四、在互惠互利基础上，进一步开展教育、文化、科技、卫生、农业、旅游等各领域友好合作。加强人文交流，扩大人员往来，不断增进两国人民的相互了解和友谊。

五、加强边境管理合作，及时就边境管理事务进行沟通，努力维护边境地区的和平、安宁和稳定。

六、中方重申尊重缅甸的独立、主权和领土完整，支持缅方走符合本国国情的发展道路。缅方重申继续奉行一个中国政策，承认中华人民共和国政府是代表全中国的唯一合法政府，台湾是中国领土不可分割的一部分，继续支持两岸关系和平发展和中国的和平统一大业。

七、进一步加强在联合国等多边场合中的协调配合，共同维护广大发展中国家的利益。加强在东盟与中日韩、东盟与中国及大湄公河次区域经济合作等机制中的合作，促进本地区共同发展和繁荣。

二〇一一年五月二十七日 于北京

[**Nguồn:** 新华网, “中缅发表关于建立全面战略合作伙伴关系的联合声明”, 北京, 5月27日电, (updated 2011年05月27日), on Link: http://news.xinhuanet.com/world/2011-05/27/c_121467691.htm]

PHỤ LỤC 7

CÁC LƯỢC ĐỒ DIỄN GIẢI CÁC DỰ ÁN KẾT NỐI CHIẾN LƯỢC TRONG TRUNG QUỐC VÀ GIỮA TRUNG QUỐC VỚI CÁC NƯỚC LÁNG GIỀNG BÊN NGOÀI

LƯỢC ĐỒ 1: ĐẠI KHAI PHÁ MIỀN TÂY



(**Chú thích:** Phần lãnh thổ nằm trong viền màu đỏ thuộc chiến lược Đại khai phá Miền Tây từ năm 2000 của Trung Quốc. Còn Minh thuộc Vân Nam là trung tâm kết nối các tuyến đường bộ, sắt, ống dẫn dầu lửa, khí đốt từ ngoài vào trong đại lục Trung Quốc. **Nguồn:** Nghiên cứu sinh tổng hợp và biên tập)

(LƯỢC ĐỒ 2: TUYẾN ĐƯỜNG SẮT THANH – TẠNG)



(**Chú thích:** Tuyến đường sắt Thanh – Tạng xuất phát từ Golmud thuộc Thanh Hải, kết nối với Lhasa thuộc Tây Tạng. Ngoài ra hệ thống này còn kết nối với mạng đường sắt từ Bắc Kinh tới Tây Ninh, Goldmud)

(**Nguồn:** http://www.chinatibettrain.com/map_2.gif)

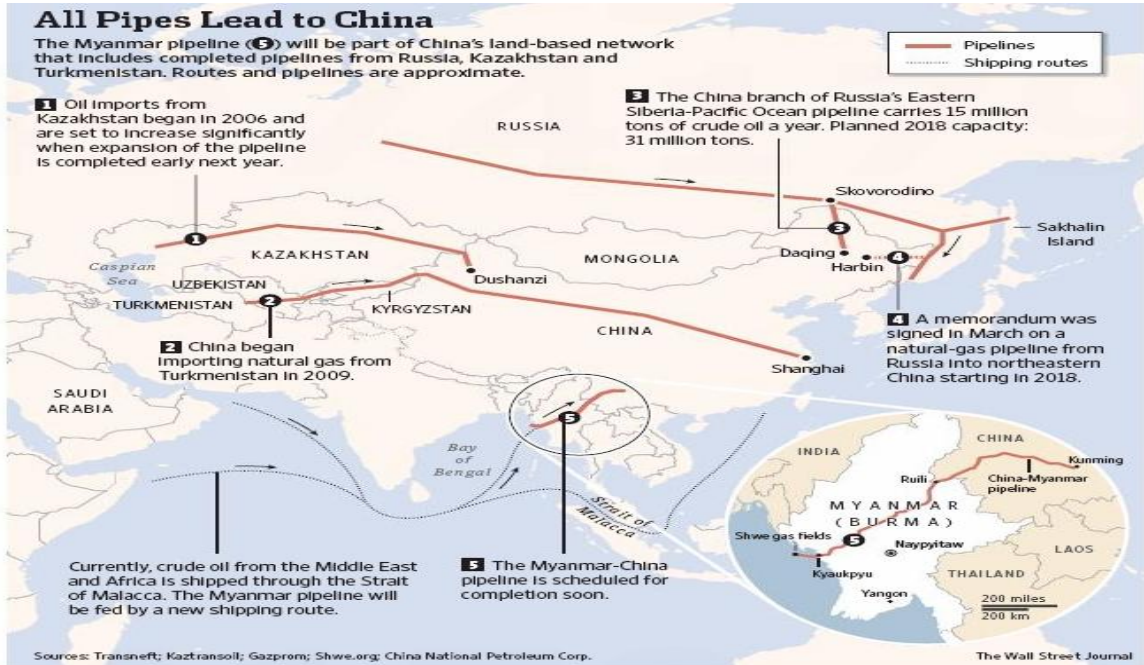
(LƯỢC ĐỒ 3: TUYẾN ĐƯỜNG SẮT THANH – TẠNG)



(**Chú thích:** Các điểm chính trong lộ trình kết nối tuyến đường sắt cao tốc Thanh – Tạng)

(**Nguồn:** <http://annason89.files.wordpress.com/2013/06/qinghai-railway.jpg>)

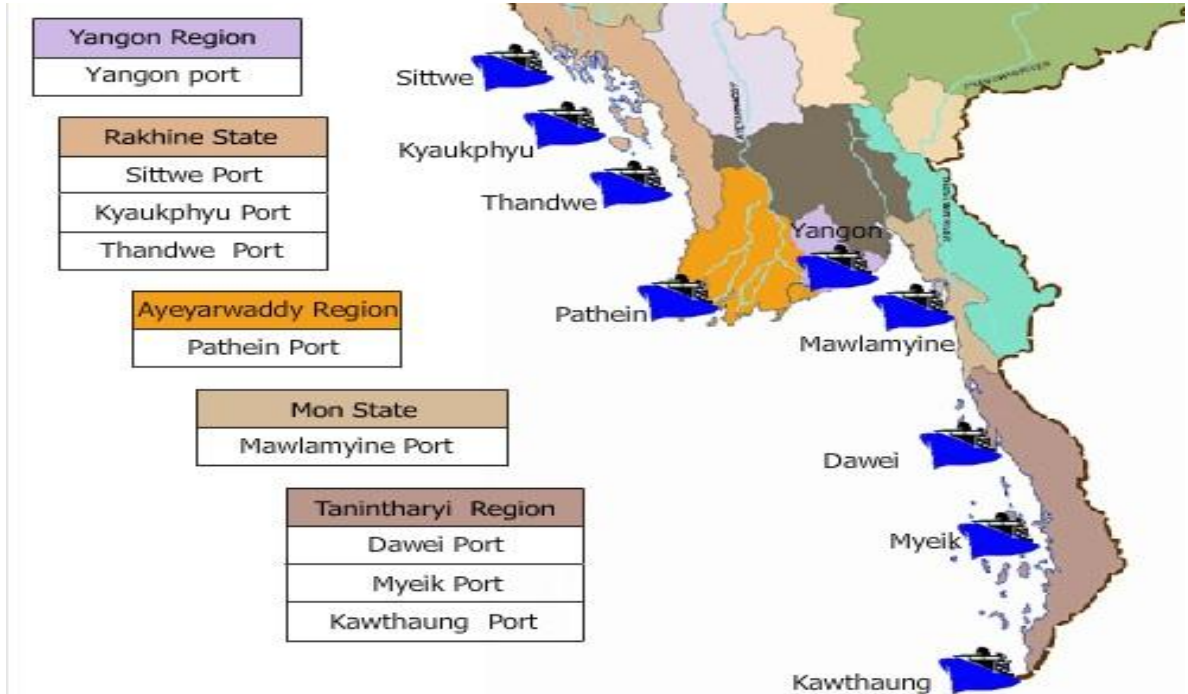
(LƯỢC ĐỒ 4: CÁC TUYẾN ĐƯỜNG VẬN TẢI VÀ NĂNG LƯỢNG CHIẾN LƯỢC TỚI TRUNG QUỐC)



(**Chú thích:** 5 tuyến đường ống dẫn năng lượng chính: 1) tuyến nhập dầu lửa từ Kazakhstan bắt đầu 2006 tới Dushanzi, Tân Cương; 2) Tuyến dẫn ga từ Turkenistan bắt đầu 2009 tới Thượng Hải; 3) Nhánh dẫn dầu từ Skovorodino – Daqing (TQ) 15 triệu tấn dầu thô / năm, kế hoạch dự kiến 2018: 31 triệu tấn dầu thô/ năm. Nằm trên tuyến đường Siberi Viễn Đông của Nga tới Skovorodi - Thái Bình Dương; 4) Một biên bản ghi nhớ dự án ống dẫn khí ga từ Nga tới Đông bắc Trung Quốc bắt đầu 2018; 5) tuyến đường từ Tây Á, châu Phi qua Ấn Độ Dương vòng vào vịnh Bengal tới cảng Kyaukphyu xuyên lãnh thổ Myanmar tới điểm nổi Đại Lý – Côn Minh, nhánh còn lại dưới ÁĐĐ tiếp tục được vận chuyển qua eo Malacca vòng qua vùng biển ĐNA lên ĐBA.

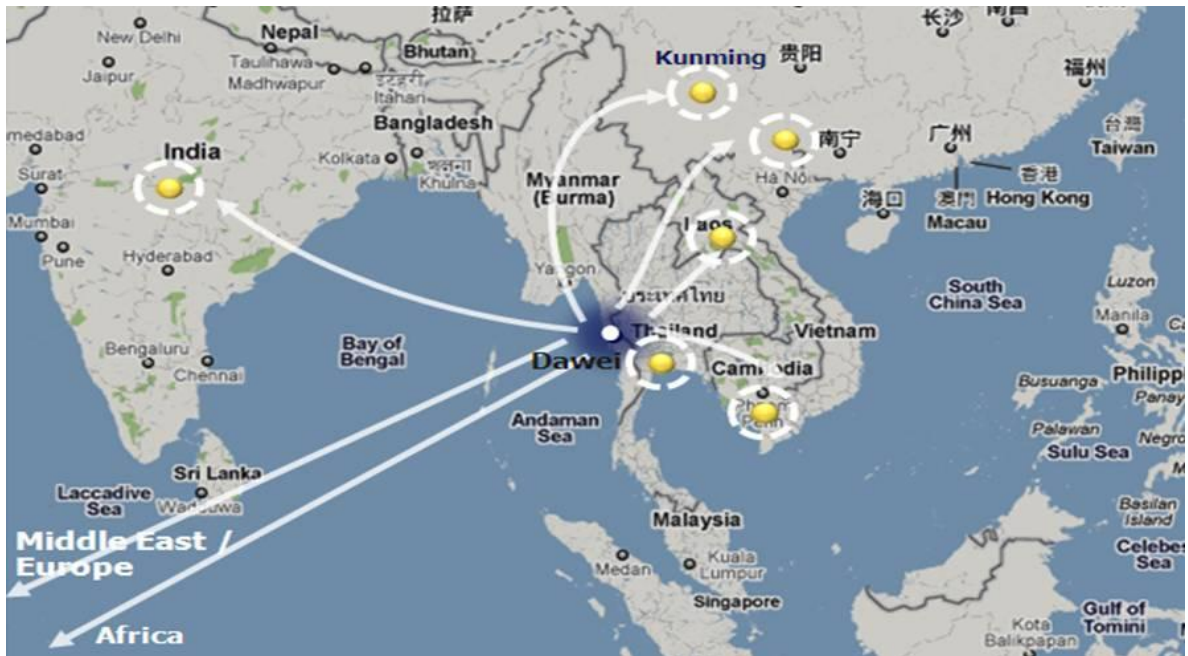
Nguồn:<http://www.baomoi.com/Mot-thang-loi-chien-luoc-cua-Trung-Quoc-tai-Myanmar/119/11319069.epi>)

(LƯỢC ĐỒ 5: CÁC CẢNG BIỂN MYANMAR)



(Chú thích: Myanmar có ranh giới toàn miền Nam thông ra ÁĐĐ, gồm 9 hải cảng. Bắt đầu từ trên xuống dưới 1) Bang Rakhine có ba cảng: Sittwe, Kyaukphyu, Thandwe; 2) Khu vực Ayeyarwaddy có cảng Pathein; 3) Khu vực Yangon có cảng: Yangon; 4) Bang Môn, có cảng: Mawlamyine; 5) Khu vực Tanintharyi có ba cảng: Dawei, Myeik, Kawthaung. Trong đó, cảng: **Kyaukphyu** là cảng chiến lược kết nối đường ống dẫn ga, khí đốt, đường sắt kết nối năng lượng từ ÁĐĐ xuyên Myanmar qua cửa khẩu Ruili vào Đại Lý, tới Côn Minh. **Nguồn:**http://www.investmyanmar.biz/re_pages/1359561705_page_MyanmarPorts.jpg)

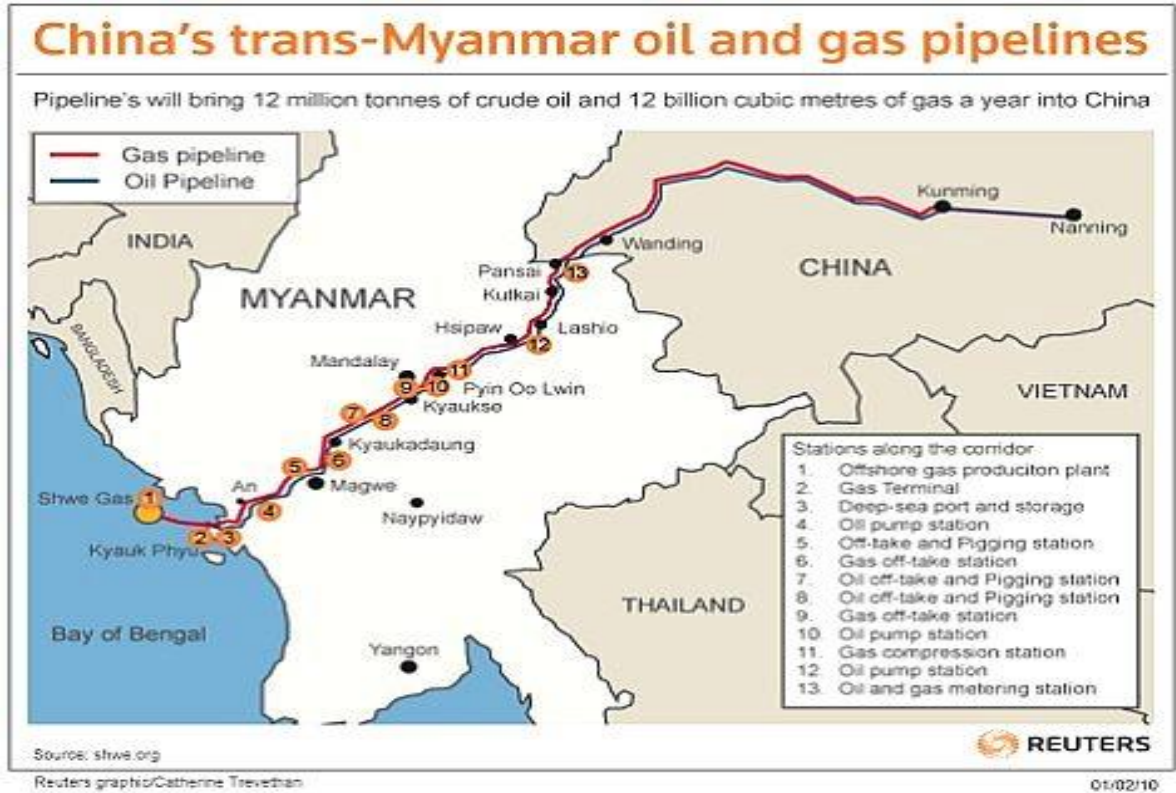
(LƯỢC ĐỒ 6: DỰ ÁN CẢNG DAWEI, MYANMAR: TRUNG TÂM KẾT NỐI MYANMAR VỚI THẾ GIỚI)



(**Chú thích:** Hải cảng Dawei thuộc vùng biển Andaman, nằm trong trọng tâm chiến lược kết nối Myanmar với châu Phi, Trung Đông, Ấn Độ, Trung Quốc (ngã xuyên Myanmar nối với Côn Minh, Vân Nam và ngã xuyên Thái Lan, Lào, kết nối với Nam Ninh, Quảng Tây), Lào, Campuchia.

Nguồn: <http://www.emergingfrontiers.com/wp-content/uploads/2013/07/dawei-strategic-location.jpg>

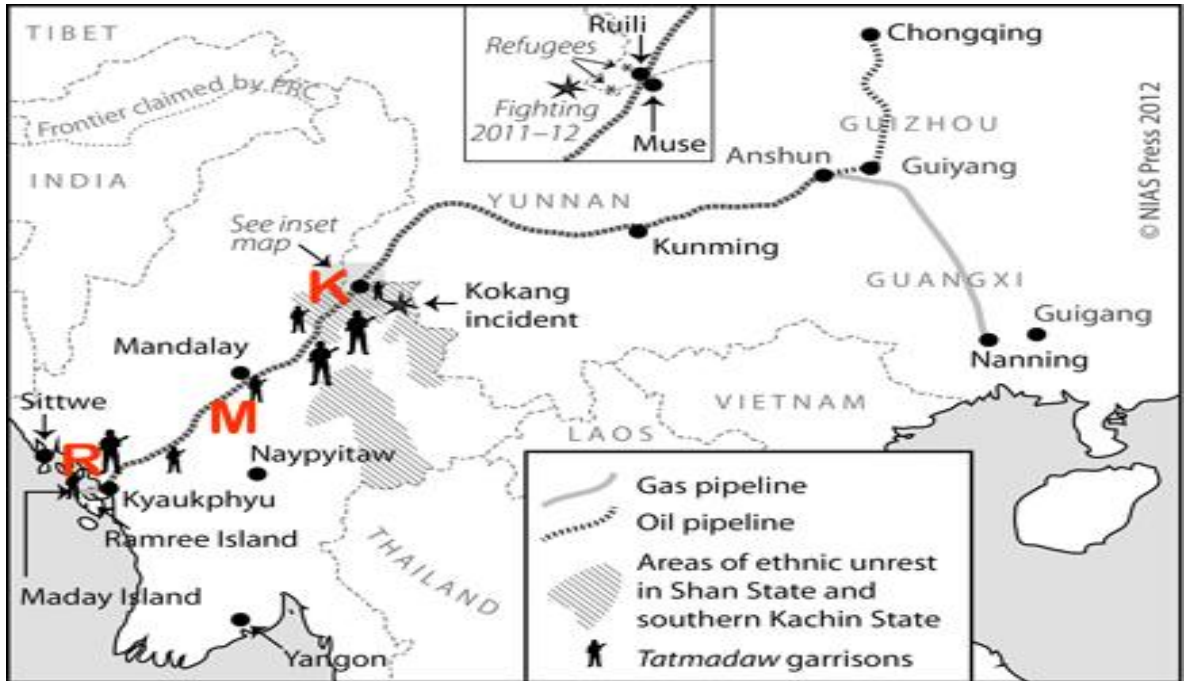
(LƯỢC ĐỒ 7: DỰ ÁN ĐƯỜNG ỐNG DẪN DẦU HỎA, KHÍ GA KẾT NỐI KYAUKPHYU – CÔN MINH)



(Chú thích: Sơ đồ chi tiết 13 tuyến điểm trong dự án kết nối năng lượng từ ADD vào TQ. 1. Nhà máy sản xuất khí ga ngoài khơi Sittwe; 2. Trạm ga Kyaukphyu; 3. Cảng nước sâu và nơi lưu trữ; 4. Trạm bơm dầu; 5. Trạm đẩy nén; 6. Trạm chuyển ga; 7. Trạm đẩy và nén dầu; 8. Trạm đẩy và nén dầu; 9. Trạm đẩy ga; 10. Trạm bơm dầu; 11. Trạm nén ga; 12. Trạm bơm dầu; 13. trạm hút dầu và ga.

Nguồn: <http://l.bp.blogspot.com/-5OJ5PD4XJdk/T9KGZsFUKwI/AAAAAAAAADE/BRsn-EKqCtg/s1600/China++Myanmar+Oil+Gas+pipeline.gif>

(LƯỢC ĐỒ 8: DỰ ÁN DẦU, KHÍ GA KẾT NỐI KYAUKPHYU
– CÔN MINH)



(**Chú thích:** Đường viền liền nhạt: tuyến dẫn ga; đường đứt đoạn đậm: tuyến dẫn dầu; Đường đứt liền dầu vân tay: những khu vực bất ổn bang Shan và Đông nam Kachin; Hình người: trạm kiểm soát Quân đội Myanmar.

Nguồn: <http://www.niaspress.dk/files/Shwe-pipelines.jpg>

(LƯỢC ĐỒ 9: CHIẾN LƯỢC CHUỖI NGỌC TRAI CỦA TRUNG QUỐC)



(**Chú thích:** Sơ đồ chuỗi Ngọc trai với các hạt ngọc được kết nối: 1. Hồng Kông; 2. Đảo Hải Nam; 3. Hoàng Sa của Việt Nam (Trung Quốc chiếm đóng và gọi là Tây Sa); 4. Trường Sa của Việt Nam (Trung Quốc gọi là Nam Sa); 5. Xihanoukville Campuchia; 6. cảng Dawei, Myanmar; 7. Đảo Coco, Myanmar; 8. Kyaukphyu; Myanmar; 9. Chitagong, Bangladesh; 10. Hambantota, Sri Lanka; 11. Marao, Maldives; 12. cảng Darwa, Pakistan; 13. Cảng Sudan, Sudan; 14. Lamu, Kenya. Ngoài ra Trung Quốc có thể còn đàm phán để thiết lập các trạm dừng chân trên quần đảo Seichelle từ lộ trình từ Đông Phi sang ÁĐĐ.

Nguồn: [http://en.wikipedia.org/wiki/String_of_Pearls_\(Indian_Ocean\)](http://en.wikipedia.org/wiki/String_of_Pearls_(Indian_Ocean))

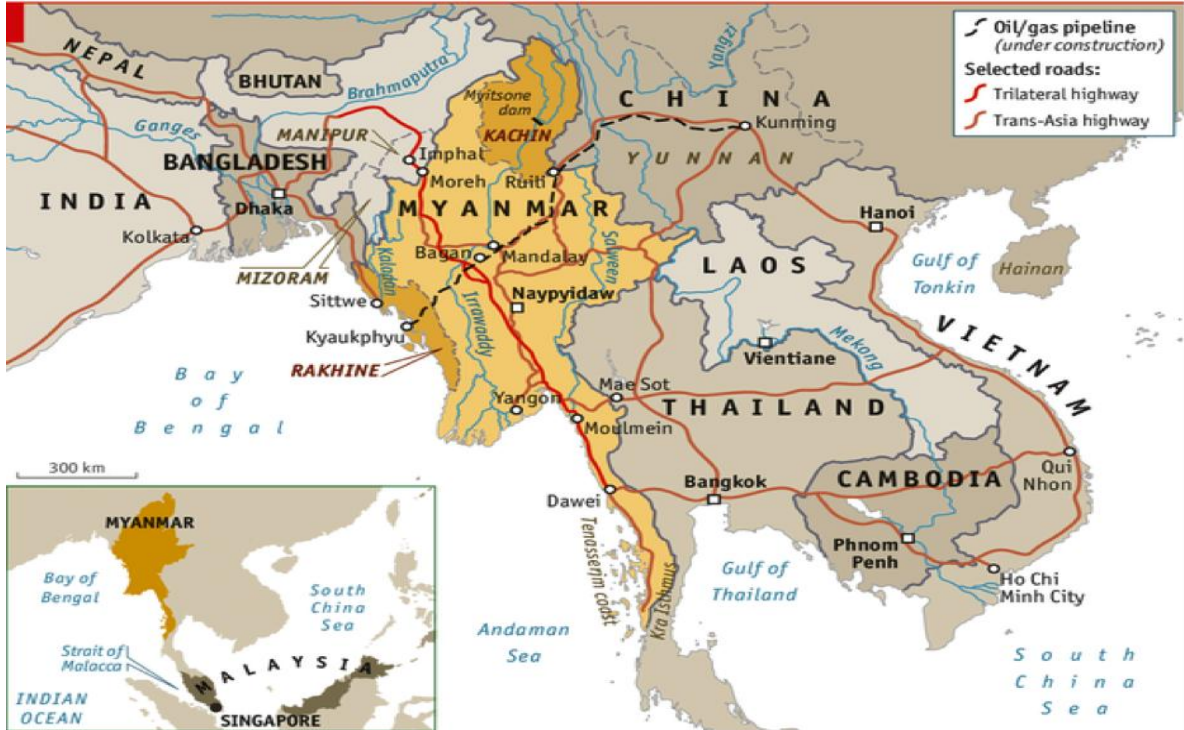
**(LƯỢC ĐỒ 10: HÀNH LANG: ĐÔNG, TÂY VÀ TRUNG TÂM
KẾT NỐI NAM TRUNG QUỐC VÀ ĐÔNG NAM Á)**



(Các tuyến đường từ ĐNA tới TQ: Hành lang : Đông (Côn Minh - Nam Ninh - Việt Nam) – Tây (Côn Minh - Đại Lý – xuyên suốt Myanmar xuống cảng Yangon) – Trung Tâm (Nam Ninh – Hà Nội – Viên Chăn - Băng Cốc – Malaysia – Singapore)

(Nguồn : <http://www.oilseedcrops.org/myanmar-the-missing-link-from-western-china-to-indias-n-e-states/>)

(LƯỢC ĐỒ 11: CÁC TUYẾN KẾT NỐI CAO TỐC ĐƯỜNG BỘ, SẮT,
NĂNG LƯỢNG Á – PHI)



(**Chú thích** : 1. đường đứt đoạn : các tuyến ống dẫn ga và dầu ; 2. đường nét đậm màu cam : các tuyến đường xuyên Á ; 3. đường nét mờ màu nâu : các tuyến đường cao tốc ba bên.

Nguồn : <http://diachinhtri.blogspot.com/2013/07/mien-ien-va-vi-tri-ia-ly-chinh-tri.html>)

(LƯỢC ĐỒ 12: TRỤC : BẮC KINH – CÔN MINH, KẾT NỐI RA THẾ GIỚI
 BAO GỒM TUYẾN NĂNG LƯỢNG VÀ VẬN TẢI HUYẾT MẠCH :
 CÔN MINH – KYAUKPHYU)



(**Chú thích** : Trục trung tâm Côn Minh – Bắc Kinh kết nối ra bên ngoài. Từ Côn Minh sang Nam Á qua Ấn Độ, qua Myanmar xuống ÁĐĐ sang Trung Đông ; tuyến Bắc Kinh sang Trung Á, ra TBD.

Nguồn : <http://www.oilseedcrops.org/myanmar-the-missing-link-from-western-china-to-indias-n-e-states/>)

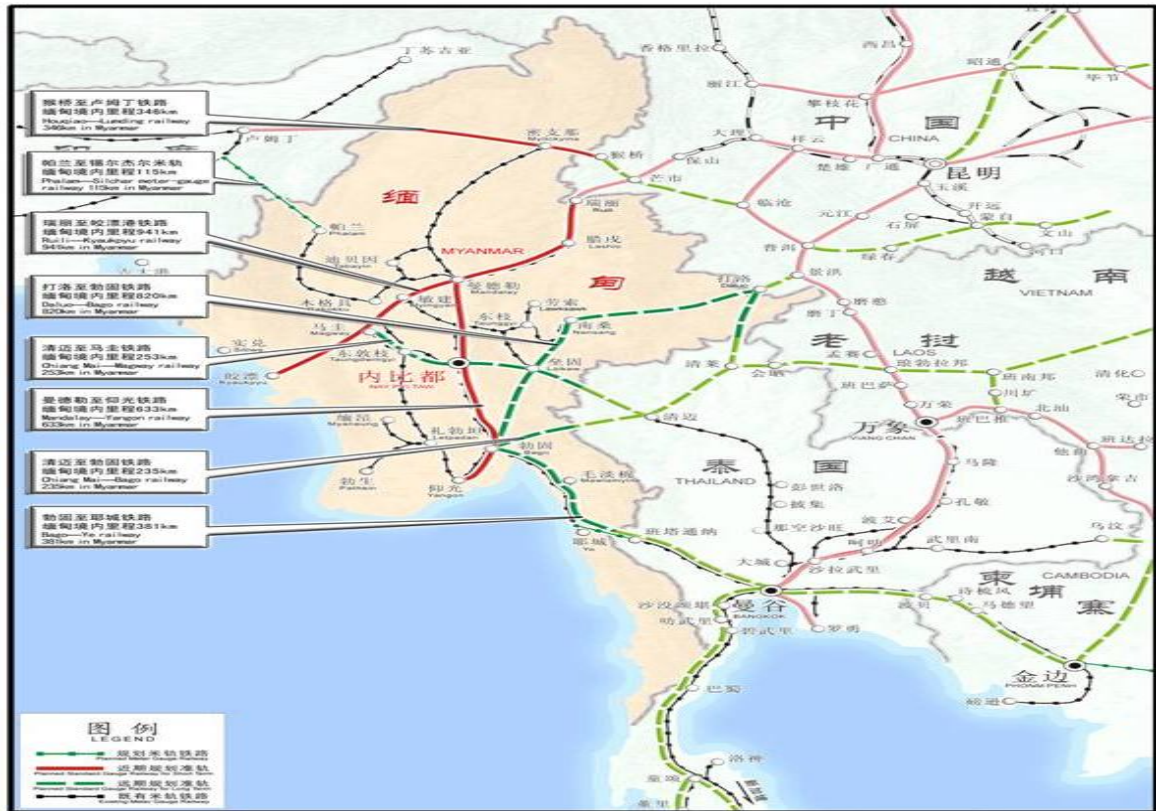
(BIỂU ĐỒ 13: ĐƯỜNG BỘ, ĐƯỜNG SẮT, ĐƯỜNG KHÔNG NỔI TRUNG QUỐC VỚI ĐNA, LẤY CÔN MINH LÀM ĐẠI TRUNG TÂM)



(Chú thích : 3 mô hình về kế hoạch hợp tác của Trung Quốc ra bên ngoài. Cao tốc đường bộ ảnh bên trái kết nối Côn Minh , Viên Chăn, Băng Cốc, xuống Singapore ; Mô hình giữa, đường sắt xuất phát từ Côn Minh kết nối với Myanmar là hành lang trái, qua Lào, Thái Lan, bán đảo Mã Lai, xuống Singapore là hành lang giữa ; Mô hình phải, đường hàng Không kết nối Côn Minh với khắp các thành phố quan trọng các nước láng giềng.
Nguồn : <http://www.oilseedcrops.org/myanmar-the-missing-link-from-western-china-to-indias-n-e-states/>)

(BIỂU ĐỒ 14: DỰ ÁN ĐƯỜNG SẮT KẾT NỐI TRUNG QUỐC – MYANMAR)

缅甸铁路网规划示意图
SCHEMATIC DRAWING FOR PLANNING OF MYANMAR RAILWAY NETWORK



Chú thích : Các mạng đường sắt chằng chịt kết nối Nam Trung Quốc với ĐNA)

Nguồn : <http://www.oilseedcrops.org/myanmar-the-missing-link-from-western-china-to-indias-n-e-states/>)

(BIỂU ĐỒ 15: CÁC TUYẾN ĐƯỜNG BIỂN CHIẾN LƯỢC QUA ĐNA)



(Chú thích : Vai trò : Địa – chiến lược đặc biệt của ĐNA (các tuyến hàng hải quan trọng kết nối Đông – Tây), các mũi tên lần lượt từ trên xuống dưới. 1. Eo Malacca qua bán đảo Mã Lai và đảo Sumatra do 3 nước Singapore, Malaysia và Indonesia quản lý; 2. Eo Sunda giữa đảo Sumatra và Java của Indonesia; 3. Eo Lombok phía đông đảo Bali; 4. Eo Ombi gần đảo Timoleste.

Nguồn : <http://img84.imageshack.us/img84/9261/plancvexitroutesintoind.jpg>